



Trần Đức Thảo - Những Lời Trăn Trối

Tri Vũ - Phan Ngọc Khuê

Lời Nhà Xuất Bản

Trong những huyền thoại về người Việt đi học ở Pháp thì hai câu chuyện nổi tiếng nhất có thể nói là hai trường hợp Nguyễn Mạnh Tường và Trần Đức Thảo. Một người thi lấy hai bằng tiến sĩ (văn chương và luật học) ở tuổi 23, còn người kia thì nổi tiếng là học giỏi, giỏi về một ngành ít ai ở Việt nam theo học, triết học phương Tây mà lại còn là triết học của Đức (Hegel, Marx, Husserl...) giỏi tới mức có lúc tranh cãi với Jean-Paul Sartre ở Pháp trên tạp chí Les Temps Modemes mà còn được xem là thắng thế.

Thế rồi hai cuộc sống lại là hai thảm kịch thuộc vào hàng lớn nhất của người trí thức Việt nam trọng thời cận hiện đại. Đi theo kháng chiến (chống Pháp), cả hai đã được mời làm giáo sư Đại học, thậm chí cả khoa trường Luật trong trường hợp ông Tường, nhưng chẳng bao lâu, sự độc lập tư tưởng của họ đã đưa họ đến chỗ đối đầu với chế độ toàn trị đang phủ trùm xuống miền Bắc. Trần Đức Thảo tham gia vào phong trào đòi dân chủ, tự do cho các văn nghệ sĩ và trí thức bằng một bài viết trên tờ Giai Phẩm mùa Đông (Tập I năm 1956) chỉ trích các “bệnh nặng nề: quan liêu, mệnh lệnh, giáo điều, bè phái, sùng bái cá nhân” và một trên báo Nhân Văn số 3 (ra ngày 15-10-1956) khẳng định: “*Người trí thức hoạt động văn hoá cần tự do như khi trời để thở*”.

Còn Nguyễn Mạnh Tường làm lịch sử bằng một bài phát biểu này lừa trước Mặt trận Tổ Quốc vào ngày 30-10-1956 mang tên “*Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo*”. Với bài này dám đòi “xây dựng” cả lãnh đạo nên bị coi là phạm thượng, ông đã bị sa thải khỏi Đại học và mất hết các chức tước, địa vị để cuối đời phải than trong sách Un Excommunié (“Kẻ bị khai trừ”) do nhà sách Quê Mẹ in ra ở Pháp năm 1992 là ông và gia đình ông đói triền miên mấy chục năm trời cho đến gần ngày chết.

Trong những lựa chọn của người miền Bắc suốt thời gian đất nước bị phân chia (1954-1975), một trong những điều bi đát nhất là do chính sách bịt bùng thông tin của chế độ người dân, và đặc biệt các trí thức và văn nghệ sĩ, đã như bị thuốc nên tin tưởng mù quáng vào chế độ, để đến khi vỡ mộng, nhìn ra sự thật thì đã hàng triệu người ngã xuống.

Người nhìn ra được cái đối trá của chế độ không nhiều. Hay có nhìn ra thì cũng không có cách vùng vẫy ra khỏi sự kiểm toà của nó. Liều mạng bơi qua sông Bến Hải như Vũ Anh Khanh thì bị bắn chết, may mắn lắm thì mới tìm được đường băng rừng đi qua Lào như cựu Dân biểu Nguyễn Văn Kim, nhà văn Song Nhị hay cựu nữ sinh viên Hà nội Tô Bạch Tuyết... Chỗ còn lại chỉ biết cắn răng mà chịu đựng! Chọn ở lại như nhà thơ Quang Dũng cũng không yên, cũng chết đói.

Hiếm có người nhìn ra được miền Nam như một lối thoát. Nguyễn Hữu Đang, sau vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, có tính đi vào Nam những bất thành. Nguyễn Chí Thiện giữ được sự cân bằng trong tư tưởng vì còn giữ được niềm tin vào miền Nam (“Miền Nam ơi, từ buổi tiêu tan / Ta sống trọn vạn ngàn cơn thác loạn”). Đâu phải vì miền Nam là một thiên đường mà chỉ vì miền Nam là một “alternative”, một hướng có thể nhìn tới khi mọi hướng khác đều bít lối. Đó chính là nỗi đau của cả một nửa dân tộc trong một thời gian dài...



Trường hợp Trần Đức Thảo khác hẳn những trường hợp nêu trên. Nếu Nguyễn Mạnh Tường đã về nước được cả 20 năm trước khi Việt Minh lên cầm quyền thì Trần Đức Thảo lại từ Pháp xin về để phục vụ “cách mạng” (1951). Ông về trong tin tưởng là cách mạng Việt nam có thể khác được các cách mạng Cộng sản đàn anh của nó. Ông về với lòng tin trong sáng là Marx đúng, chỉ những người đem chủ thuyết của Marx ra thực hiện là đã sai: những bi kịch của cách mạng Nga, cách mạng Tàu bị xem là những sai lầm khủng khiếp của Stalin, Mao.... Ông về với ảo tưởng là ông có thể đem những hiểu biết “đúng” của ông về chủ thuyết Marx góp ý cho lãnh đạo Việt Nam tránh được những sai lầm tai hại kia.

Nhưng ngay từ đầu ông đã bị gạt sang bên lề. “Ông cụ” không cần đến những đóng

góp của ông, “Ông Cụ”, chỉ dùng ông như một thứ trang trí cho chế độ, cùng lắm là một thứ bẫy để thu phục những trí thức khác ở nước ngoài về. Nhưng rồi ông vẫn bám lấy ảo ảnh là sự hiện diện của ông không phải là thừa. Nếu người ta không để cho ông đóng góp thì sự thật từ miệng ông ra vẫn không phải là vô ích. Và sự có mặt của ông ở Việt nam, ở trong kháng chiến, theo ông tự nhủ, là để trải nghiệm sự thực về đất nước. Chữ “trải nghiệm” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong những phát biểu của ông, thậm chí thành lý do biện hộ cho tất cả những nhục nhằn, đau khổ, không trừ cái đói khát mà ông đã phải hứng chịu để mài dũa sự hiểu biết của ông về Marx và chủ thuyết Marx.

Cũng như Marx nhấn mạnh vào Praxis, “*sự cần thiết phê bình xã hội không khoan nhượng*”, và cũng như trường phái Praxis của những năm 1960 ở Nam Tư kêu gọi “*trở về Marx đích thực chống lại cái Marx bị xuyên tạc như nhau bởi bọn xã hội dân chủ ở bên hữu và bọn Stalinist ở bên tả*” (Tựa Erich Fromm viết cho cuốn Từ dư dật đến Praxis của Mihailo Marković), Trần Đức Thảo tin rằng: cái Marx như ông hiểu, cộng với trải nghiệm của cách mạng Việt Nam (học chính từ những đau thương ghê gớm của đất nước), sẽ giúp cho ta tìm ra một xã hội lý tưởng, hài hoà và hoà bình, làm mẫu mực cho thế giới.

Quyển sách mà độc giả cầm trong tay là những ghi chép trung thực của tác giả Tri Vũ - Phan Ngọc Khuê từ những trao đổi gần như hàng tuần mà ông và một vài người bạn của ông đã có với triết gia Trần Đức Thảo trong sáu tháng cuối đời của ông. Trong giai đoạn này, Trần Đức Thảo như chạy đua với thời gian để mong hoàn tất một cuốn “summum opus”, một cuốn sách để đời chất lọc hết những suy nghiệm một đời của ông. Nhưng Trời đã không cho ông cái duyên may đó. Bởi vậy mà cuốn sách này phải thay chỗ cho những lời trống trắng của một triết gia hàng đầu của Việt nam trong thế kỷ 20.

Ông phải? Ông trái? Điều đó không quan trọng bằng những suy tư thật sâu sắc của một bộ óc triết gia được huấn luyện chính quy về một đất nước lắm khổ đau là Việt nam của tất cả chúng ta.

Trong quá trình biên soạn, để tái bản cuốn sách này mà tên gốc là **Nỗi Hối Hận Lúc Hoàng Hôn**, chúng tôi ở nhà xuất bản đã nhận được khá nhiều sự trợ giúp:

- Của chính tác giả Tri Vũ - Phan Ngọc Khuê đã cho phép chúng tôi đổi tên sách thành Trần Đức Thảo: Những lời trống trắng để có lẽ dễ nhận ra hơn đối với những ai quan tâm đến triết gia và đề tài.
- Của nhà văn Vũ Thu Hiền ở Pháp đã sốt sắng và mau mắn tìm cho chúng tôi một số hình và ảnh về giáo sư Trần Đức Thảo. Theo ông, khi lời kêu gọi của Tổ Hợp đưa ra thì không ít bạn đã đáp ứng và nhờ nhà văn chuyển cho chúng tôi.
- Của họa sĩ Vũ Tuấn, tác giả của một bức họa xuất sắc mà chúng tôi có in lại nơi trang 9.
- Của Luật sư Dương Hà đã chuyển cho chúng tôi thủ bút bài thơ “Nhà triết học” của Huy Cận.
- Của cả một số tác giả vô danh (chỉ vô danh đối với chúng tôi ở Tổ Hợp vì không được biết rõ) mà chúng tôi xin mạn phép dùng hình vẽ hay hình chụp nơi trang bìa và trang 8.
- Của giáo sư Shawn McHale thuộc Đại học George Washington DC, một trong những người đầu tiên nhìn ra tầm quan trọng của cuốn sách.
- Của nhà báo Nguyễn Minh Cần ở Moscow là người khuyến khích và cổ vũ cho việc chúng tôi tái bản cuốn sách để phục hồi danh dự cho một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam, bị dập vùi chỉ vì đã khẳng khái lên tiếng trong mấy bài đòi tự do tư tưởng trên Nhân Văn - Giai Phẩm cách đây gần 50 năm - tóm lại để trả lại sự thật cho lịch sử.
- Và của một số bạn rất mong mà không có dịp đọc ấn bản nguyên sơ của tác giả Tri Vũ - Phan Ngọc Khuê.

Với tất cả những vị nêu trên, chúng tôi xin được ghi nhận những lời tri ân chân tình của chúng tôi.

*Tiếng thở như lời than
bao đêm thao thức thật thà
tìm tòi chân lý, té ra tầm rỗng!*
Bùi Giáng

Đặc biệt cảm ơn giáo sư Bùi Doãn Khanh đã sắp đặt những buổi mạn đàm tâm sự của giáo sư Trần Đức Thảo, đã chịu khó đọc lại bản thảo của tập sách này.

Lời mở đầu để tái bản

Sách được xuất bản lần đầu với số lượng ít, chỉ là để thăm dò ý kiến thân hữu và bạn đọc. Nhưng đã nhận được những lời phê bình khích lệ.

Truyện kể về hành trình một nhà triết học, trong quá trình trở thành một triết gia, qua những trải nghiệm vỡ mộng đau đớn phủ phàng của thực tại. Cuối cùng triết gia nhận thấy mình đã sai, “lãnh đạo” cũng đã sai... Đây chính là Bi Kịch Thời Đại. Bởi chẳng những sai lầm ấy có tính sinh tử đối với một đời người, mà còn thâm hơn đối với cả vận mệnh dân tộc...

Tiếp cận với suy nghĩ của một bộ óc thông minh, có năng khiếu suy tư tới mức thông thái, là một kinh nghiệm hữu ích trong sinh hoạt tư tưởng, đáng được phổ biến.

Suy tư là một khả năng bẩm sinh của con người, nhưng không phải lúc nào, ở đâu... ai ai cũng biết, cũng có phương pháp suy tư để đạt tới cái nhìn nhân quả của mỗi hành động, mỗi sự kiện, mỗi hoàn cảnh, mỗi thân phận...

Bạn đọc đã chỉ ra, ở lần xuất bản đầu này, nhiều lỗi gõ, lỗi chính tả... Hơn nữa tờ bìa và tựa đề cũng bị chê là có vẻ tiểu thuyết quá, lãng mạn mơ hồ quá. Mục “đôi lời” mở đầu thực ra cũng không cần thiết vì chẳng giới thiệu rõ được tinh thần cũng như nội dung cuốn sách.

Một cuộc đời tốt, xấu, có đủ khen, chê, nếu để nó rơi vào quên lãng thì đâu có ích gì? Nhưng khi được đưa ra ánh sáng dư luận, được phân tích khách quan, như một trải nghiệm sống, thì cuộc đời ấy cũng có giá trị thử nghiệm của nó. Suy nghĩ thấu đáo về một thực tại bế tắc của cá nhân chao đảo lập trường, của dân tộc bị nhận chìm trong chia rẽ, đã phải hứng chịu bao di sản nặng nề của chiến tranh, bao hệ quả đau đớn của cách mạng... thì đây cũng là một cách đi tìm lối thoát ra khỏi bế tắc.

Ở lần tái bản này, sách đã được chỉnh sửa lại. Mong nó có thể gọi ra một cách nhìn lại thấu đáo giai đoạn lịch sử đương đại. Và biết đâu, từ cách nhìn lại ấy, mà có cơ may băng bó lại những vết thương, hàn gắn những rạn nứt, đổ vỡ của lịch sử, để anh em, dù “đỏ” hay “vàng”, vì tình thương dân tộc, mà sẽ có ngày lau nước mắt cho nhau, để rồi vui vẻ sum họp lại một nhà. Đây có thể là một kết quả quá viễn vông chăng?

Chương 1

Định kiến với thứ triết học sách vở

Hồi ấy ở Hà Nội, ông tham Tiên được thiên hạ chú ý cả nể là vì ông là công chức sở bưu điện, mà dân quen gọi là “nhà giầy thép”. Đây là một công sở chuyên môn, do giám đốc tây điều khiển. Mặc dù chỉ là một thư ký, nhưng được dân gọi là “quan tham sở giầy thép”! Vì ông tham được hưởng quy chế, ngạch trật, lương bổng của công chức tây. Thời ấy ở Hà Nội, trong giới công chức, có sự phân biệt khinh nể giữa hai chế độ lương bổng, một của “Nam triều”, một là ngạch “công chức Tây”.

Lúc đó, cậu Phương, em ruột mẹ tôi, cùng với cậu Thảo, con ông bà tham biện Trần Đức Tiên, cả hai đều học trường trung học tây Albert Sarraut ở Hà Nội, một trường nổi tiếng, rất khó xin vào học. Cuối bậc trung học, cả hai đều học chung lớp triết. Cậu Thảo nhờ giỏi môn triết, mà sau được học bổng đi Pháp tiếp tục học Đại học. Còn cậu Phương tôi, trượt tú tài triết, nên phải “đúp” lại (lưu ban) lớp ấy, nhưng rồi chỉ học thêm đến nửa năm, thì mắc bệnh tâm thần: tính tình thay đổi, ban ngày cũng thắp nến ngồi học, vì sợ ánh sáng mặt trời! Dù đã được chính đốc- tờ Tây chữa trị, nhưng không khỏi, nên chết yểu. Vì thế cả họ bên ngoại tôi đều dị ứng với triết học. Con cháu, trong đó có tôi, được khuyên can rằng lớn lên không nên học triết. Vì môn triết khó lắm, học nó rất dễ bị điên cái đầu, không điên thì cũng khùng, không gàn dở thì cũng thành lảm cẩm! Định kiến “học triết dễ điên, dễ khùng” ấy sau này cứ ám ảnh tôi.

Rồi lịch sử xoay vần, quân Nhật kéo vào Hà Nội đánh tan quân Pháp, chiếm toàn bộ Đông Dương. Rồi chiến tranh thế giới chấm dứt, quân Nhật đầu hàng. Việt Minh nổi dậy cướp chính quyền. Quân Tàu sang giải giới quân Nhật. Nhưng sau thì cụ Hồ ký hiệp ước để quân Pháp được phép trở lại... rồi chúng gây căng thẳng. Chiến tranh lộn xộn. Rồi từ đó gia đình tôi, cùng với cả dân tộc, đã sống trôi nổi triền miên trong chiến tranh và hoà bình, với hai chế độ cách mạng và Quốc gia ... Đại khái lịch sử, đối với tôi, đã diễn ra như thế.

Tôi nhớ rất rõ trường hợp tôi tiếp cận lần đầu tiên với chiến tranh. Bởi gia đình tôi lúc đó đang sống trong một căn nhà lớn có một tầng gác mà bên dưới là cửa hàng bán thực phẩm cao cấp còn mang tên Pháp là Mazoyer, vì là vừa mua lại của ông Mazoyer, toạ lạc ngay giữa phố Tràng Tiền (tên cũ là Paul Bert), số nhà 52. Đằng sau nhà là đối diện công sở bộ giáo dục, tức ngay cạnh phía sau Bắc Bộ Phủ, tức là nơi ở và làm việc lúc đầu của “cụ Hồ” và chính quyền “Việt Minh”... Và hôm ấy, đúng ra là tối ấy, khoảng gần tám giờ, cả nhà vừa ăn cơm xong thì bỗng nghe nổ cái đùng, ù tai, nhức óc! Nhà cửa rung chuyển. Chai lọ trên kệ nhảy tung lên, rơi xuống đất, vỡ loảng xoảng. Sau tiếng nổ long trời ấy, các thứ súng lớn nhỏ liên tiếp đưa nhau nổ ran như trời rung, đất chuyển, không ngưng lại được nữa.

Lúc ấy tôi mới mười tuổi, còn đang hãnh diện mặc bộ quần áo mới màu kaki vàng, trông cứ như tự vệ của khu phố Lò Đúc: Nhưng tối ấy, toàn thân tôi đã run lên, hàm răng đánh lập cập vì hoảng sợ. Bởi đây là lần đầu tiên bị sống trong muôn vàn tiếng súng chất tai, nhức óc. Tôi trách bố mẹ tôi đã mang tôi về lại Hà Nội sau nhiều đợt tản cư.

Bởi trước đó, mỗi khi có tin đồn chắc nịch “Đêm nay sẽ nổ súng!” thì cả gia đình tôi lại tản cư, tạm lánh về quê bà trẻ, em bà ngoại tôi, ở làng Xâm Dương, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, bên bờ sông Hồng... Nhưng rồi sau vài ngày nghe ngóng, thấy yên lại kéo nhau trở về lại phố Tràng Tiền, sẵn tiện nghỉ, thoải mái hơn vì “có điện, có nước máy”.

Cứ lo chạy như thế vài lần, hễ thấy yên lại trở về nhà. Chính cái đêm tưởng yên ấy, bỗng súng đã nổ thật. Vậy là chiến tranh đã chính thức bắt đầu vào cái đêm cuối năm 1946 ấy, sau này được gọi một cách kiêu hãnh là đêm “Hà Nội ròn rã nổ súng đánh Pháp”.

Trận đánh ác liệt diễn ra với những tiếng nổ rền trời suốt đêm. Đến sáng thì ngớt hẳn tiếng súng nhỏ, chỉ còn tiếng nổ lớn vọng lại từ xa. Lén ra phía kho hàng ở trên gác, sau nhà, nhìn hé qua khe cửa sổ, tôi thấy nhiều xác lính Pháp còn nằm sát cạnh hàng rào sau Bắc Bộ Phủ. Đến trưa thì rõ ràng là quân Pháp đã làm chủ khu phố tây. Bắc Bộ Phủ im tiếng súng. Như vậy là sau chỉ một đêm giao tranh dữ dội, hình như quân trong đó đã rút sang phía các phố cổ, giữa lòng Hà Nội, để rồi đã cùng các lực lượng tự vệ cố thủ trong gần hai tháng, trong một khu trung tâm từ phố Cầu Gỗ, phía bắc bên kia hồ Hoàn Kiếm, lên cho tới khu phố Hàng Đậu, sát cầu Long Biên...

Quân Pháp, ngày hôm sau, âm âm gõ cửa nhà tôi, ra lệnh phải mở cửa bán hàng như bình thường. Nhưng ngày hôm ấy, ai mà dám ra đường, nên cửa hàng mở mà không bán được gì. Đến ba hôm sau nữa, những gia đình bị kẹt lại chung quanh phố Tràng Tiền, thấy bên ngoài đã im hẳn tiếng súng, nên kéo nhau đi mua tất cả những thực phẩm gì có thể mua được để dự trữ. Cửa hàng của gia đình tôi chỉ trong vòng hai ngày là bán hết sạch hàng, nhưng vẫn phải mở cửa để cho thấy trong cửa hàng không còn gì để bán. Tôi còn nhớ rõ một chi tiết “tức cười” là trong hai tháng bị quân Pháp lạng lẽ bao vây (nhưng không tấn công), thỉnh thoảng sáng ra lại thấy trên đỉnh Tháp Rùa, một lá cờ đỏ do quân cố thủ đã lên bơi ra để cắm lên trong đêm. Cuộc bao vây kết thúc sau hai tháng, với việc điều đình qua trung gian của “Toà Lãnh sự Trung Hoa Dân quốc”, để quân Pháp mở vòng vây cho các gia đình người Hoa di tản ra khỏi khu phố Hàng Buồm... Và ban đêm hôm ấy lực lượng cố thủ đã rút đi êm thấm qua ngã bên dưới gầm cầu Long Biên, lúc đó mùa nước sông Hồng đang ở mức thấp nhất...

Như vậy là gia đình tôi đã bị kẹt lại lâu dài “trong thành” để chứng kiến “trận đánh Hà Nội”, từ đầu đến cuối, ở vị trí ngày sát cạnh Bắc Bộ Phủ!

Từ sau cái đêm nổ súng bất ngờ ấy, cho tới cả chục năm sau, cả gia đình tôi cứ vất vả liên tiếp chạy xuôi, lội ngược trong cái vòng luẩn quẩn giữa vùng chiến tranh và vùng hoà bình. Rồi với thời gian, tới phiên tôi lớn lên, bị “động viên”, phải ra cầm súng để tham dự chiến tranh. May mà tôi chưa bắn được tên quân thù nào, và cũng may là chưa bị quân thù nào bắn trúng. Tuy có phen cũng đi phục kích, rồi cũng từng bị lọt ổ phục kích. Nhưng may mắn nhất cho cả địch lẫn tôi, vì có lẽ chúng tôi đều là những tay súng dở ẹc. Nhờ vậy mà tôi sống sót sau chiến tranh, sau cách mạng, mà không mang mặc cảm tay đã nhúng vào máu của đồng bào tôi. Kể sơ sơ như vậy để giải thích thái độ thờ ơ đến vô cảm, đến dị ứng (vì mặc cảm thua thiệt?) với mấy cái công trình nghiên cứu triết học cao siêu, thuần sách vở đã được công bố trên mấy tạp chí Pháp của “cậu Thảo”. Tôi nghĩ đấy là thứ triết học của những kẻ nhàn cư, may mắn được du học nước ngoài, được sống yên ổn để được bằng cấp cao, làm được những nghiên cứu này nọ, nhưng thường toàn là những đề tài vớ vẩn, linh tinh... Vì mấy cái công trình triết học ấy hoàn toàn phi thực tế, phi thời sự, chẳng mang dấu vết gì của biết bao thống khổ mà dân tộc đã hằng ngày phải gánh chịu mà chính tôi vẫn thường thấy trước mắt quanh tôi, trong hơn ba mươi năm... Đúng vậy, phải là thứ người điên khùng, gàn bướng mới có thể an tâm ngồi giữa giông tố của xã hội, trong địa ngục của chiến tranh và cách mạng, để viết ra những thứ nghiên cứu trời ơi, đất hỡi ấy. Có điên mới có thể sống giữa những biến động đổi đời ấy, mà cứ thản nhiên suy tư, thai nghén ra mấy cái biên khảo triết học (cao siêu?), về cái thời con người lông lổ đang biến hoá, đang phát sinh ra dấu hiệu của ý thức, từ chỉ trở tới lời nói của thời kỳ biến hoá nguyên thủy như thế.

Trong thực tại cuộc sống tha hương, ngay tại Paris này, tôi đã bao phen phải chứng kiến những kích động tuyên truyền thù hận, phô trương vinh quang của bạo lực chiến tranh, của cách mạng. Nhớ lại có lúc tưởng đã phải mất xác trong trận phục kích này, hoặc bỏ mạng trong cuộc đấu tố kia. Nỗi đau ấy khó tỏ với những người ngoài cuộc. Vì là cả “ta” lẫn “thù”, nay vẫn đang phải sống chung hoà bình với nhau tại Paris, quên hẳn rằng “ta” và “thù” đều cùng chung một tổ tiên, một tiếng nói, một truyền thống văn minh, văn hoá!

Thực ra, đối với tôi, chung cuộc, thứ chiến tranh ấy, chỉ là do anh em một nhà bắn giết nhau! Bởi lúc đầu tôi thấy là đã có tuyên bố độc lập ở Huế, nhưng rồi sau lại thấy toàn dân một lòng hào hứng dưới ngọn cờ của “Việt Minh”, cùng nhau vùng dậy cướp chính quyền và rồi cũng tuyên bố độc lập với lá cờ đỏ sao vàng ở Hà Nội. Nhưng rồi quân Tàu tràn sang, nói là để tước vũ khí quân Nhật đã đầu hàng... Rồi tiếp theo là cũng chính “Việt Minh” ấy đã ký kết “hiệp định sơ bộ” để quân Pháp được quyền từ trong nam kéo ra bắc, thay thế quân Tàu... Bị kích bắt đầu khi lá cờ đỏ sao vàng rút toàn lực lượng ra bưng, để trường kỳ kháng chiến chống Pháp... Rồi ở “trong thành” xuất hiện một chính quyền với lá cờ vàng ba sọc đỏ, để chống lại “cộng sản Việt Minh”... rồi tới lúc có ký kết hiệp định hoà bình ở Geneve, thì đất nước đã, dù là tạm thời, nhưng là đã chính thức bị chia cắt ra thành hai miền, hai chế độ với hai lá cờ: Cờ đỏ sao vàng ở miền Bắc, còn lá cờ vàng ba sọc là ở miền Nam. Người dân thì phân biệt bên này với bên kia là “vùng quốc gia”, là “vùng cộng sản”. Sự phân chia lãnh thổ này, cho đến nay vẫn là một cuộc cãi vã đố lỏi, quy trách nhiệm, chưa kết thúc, về tội chia rẽ dân tộc. Nhưng trong thực tế thì rõ ràng, là đã có chia cắt, chia cách, trên văn bản, và chia rẽ trong lòng mỗi người, ở mỗi vùng, mỗi miền!

Những thực tế nhức nhối ấy đã làm cho tôi không ưa những nghiên cứu “vô tư”, thuần sách vở do Trần Đức Thảo công bố ở Pháp... Từ đó tôi có một định kiến đối với những kẻ có may mắn du học ngoại quốc, không bị ném trải thực tại phũ phàng của thời cuộc, nên không hiểu được nỗi đau của những người trong cuộc. Du học

ở Pháp, họ chịu ảnh hưởng của “trí thức cánh tả” mà chính dân Pháp cũng mỉa mai gọi họ là “cánh tả caviar”(cánh tả nhà giàu). Họ nói năng, lý luận cứ như những ông thánh ngồi ít trên trời... Bởi họ không có cơ hội gặm khoai sùng, nhai bắp già, không biết thế nào là cảnh “mặt xanh, nanh vàng” vì cả tháng trời ăn đồ rau lang, không từng liều mạng chạy giặc đến táng gia, bại sản... nên không thể hiểu nổi hoàn cảnh của nhiều người, như của chính bố mẹ đẻ ra họ, anh em ruột của họ, đã phải bỏ nhà bỏ cửa chạy tháo thân ra nước ngoài xin tỵ nạn chính trị! Họ không hiểu nổi tại sao “nước nhà đã thống nhất rồi, độc lập rồi”, mà vẫn hàng vạn, hàng triệu người liều mạng bỏ nước ra đi, mà kể cả họ nữa cũng không chịu về để xây dựng chế độ! Giữa kẻ bỏ xứ với kẻ không dám về xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa, đã không thể có sự thông cảm, Tệ hơn nữa là đã có thái độ khinh miệt, thù oán nhau. Đây là điều không xứng với danh xưng trí thức. Bởi là thiếu hiểu biết, vì không nhận ra mình cũng chỉ là thứ nạn nhân của sự chia cắt lãnh thổ, chia rẽ dân tộc... Tất cả chỉ là thảm cảnh của đám nạn nhân thời cuộc nhưng không thấy mình là nạn nhân, thường là do thái độ của những người có cái nhìn thiên cận, đứng ngoài thực tại, thiếu trải nghiệm, nên thiếu dữ kiện để suy nghĩ cho tận tường, để có thể hiểu nhau, thông cảm nhau, kính trọng nhau. Tình trạng này sẽ còn kéo dài. Vì đây là sự bế tắc. Bế tắc cho tới khi chế độ không còn coi những người bất đồng chính kiến là kẻ thù. Nghĩa là cho tới khi có tinh thần dân chủ trong chế độ và trong lòng mọi người. Vì thế mà phải tiếp tục tranh đấu cho tự do dân chủ...

Những trí thức “yêu nước từ xa” ấy, cứ vô tư ca ngợi vinh quang, cứ khơi khơi rao giảng “hận thù nên khép lại. Cái gì của quá khứ thì trả lại cho quá khứ”, để cùng nhau xây dựng tương lai... với tinh thần “hoà giải, hoà hợp dân tộc”... Họ mỉa mai, chê bai: “chẳng lẽ cứ chống cộng đến chiều?” Những lời lẽ hô hào lãng mạn đẹp đẽ và vô tư ấy đã được phát ngôn quá dễ dàng, chỉ vì người nói câu ấy đã không thấy, không hiểu thấu được những cái, tuy thuộc về quá khứ, nhưng nó vẫn còn đang tác yêu tác quái trong hiện tại. Làm sao có thể hoà giải, hoà hợp giữa bầy cừu với bầy sói? Giữa kẻ bị trị với kẻ thống trị? Giữa những kẻ vẫn gờm nhau, rình nhau như kẻ thù? Do đó, công cuộc tranh đấu tìm đòi tự do dân chủ cho quê hương không thể ngưng lại, dù là đã “đến chiều”, mà là phải tiếp tục tới hơi thở cuối cùng! Bởi công cuộc tranh đấu chống lại bạo luật của rừng rú không phải là nghĩa vụ của riêng quá khứ. Tóm lại là không “được” trải nghiệm tới từng hơi thở, từng thớ thịt của thân xác, những nỗi đau đớn của dân tộc, thì khó mà thấy, mà hiểu đủ mỗi hoàn cảnh con người đau khổ! Dĩ nhiên, cái nhìn hạn hẹp bằng lý trí, chỉ thấy những nỗi đau qua khái niệm, nên dễ bắt buộc con người phải chấp nhận để đi tới chiến thắng... Người đã sống nỗi đau, nỗi nhục bằng tất cả thân xác và tinh thần mình thì cảm xúc cũng sâu hơn, khác hẳn với lối lý luận về nỗi đau nỗi nhục bằng lý trí. Do đó cách tranh đấu của Mahatma Gandhi và cách tranh đấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì dĩ nhiên là khác nhau, rất khác nhau... Khác nhau ở cách cảm thấu nỗi đau hay cách suy tư về nỗi đau, mà khác cả về hệ quả tốn ít hay nhiều xương máu, về mức độ tha hoá, băng hoại lương tri con người qua những cách tranh đấu ấy. Do sự khác nhau này mà đã không tạo ra được sự thông cảm. Vì vậy rất khó có thể hiểu nhau, nói chi tới hoà giải! Hoà hợp thì lại càng xa vời! Cho tới nay, vì chưa thống nhất được lòng người nên nhiều vấn đề cốt lõi cần bàn bạc, tranh luận cho xuyên suốt thấu đáo, nhưng hễ đụng tới là y như đổ thêm dầu vào lửa! Do vậy sự tái xuất hiện của một Trần Đức Thảo ở Paris lúc này là rất khó gặp thông cảm, vì không ai chờ đợi, vì không hoặc chưa phải lúc mà thời gian đã cạn kiệt được hết đam mê, ngu tín, cuồng tín... Có người cay đắng nói: với trình độ dân trí của ta cứ như thế này, thì phải chờ vài trăm năm nữa.

Thế rồi một hôm, Canh, bạn tôi, một giáo sư dạy toán ở Đại học, gọi điện thoại rủ:

- Chiều nay có rảnh đi nghe ông Thảo nói chuyện ở Đại học Paris VII không?
- Thảo nào nhỉ?
- Trần Đức Thảo, giáo sư triết học ấy mà...

Bỗng cái tên Thảo quen thuộc từ góc gác xa xưa ấy làm tôi nhớ lại đôi lần đã cùng anh em bình bàn, trách móc, mỉa mai về mấy bài khảo cứu cứ như đang sống ở trên mây, đã được phổ biến hạn hẹp trong mấy tạp chí chuyên về triết học xuất bản ở Paris.

Từng nghe kể hồi đó, ông ta đã trở về xứ tham gia kháng chiến và làm cách mạng. Nhưng rồi lại được biết là ông ấy đã không được trọng dụng, mà còn bị trừ dập, đầy ải, đến nỗi bị cô lập, phải sống thiếu thốn, khốn khổ, lúc đói, lúc no, ốm đau không thuốc men... Cứ tưởng ông ta đã chết từ lâu rồi. Nay có tin ông triết gia ấy vẫn còn sống, và vừa trở lại Paris với tình trạng tâm thần bất an, sợ sệt, khiến nhiều người thắc mắc: ở tuổi gần đất xa trời, không lo chuẩn bị trở về với cát bụi, mà còn mang thân già và tâm thần bệnh hoạn như vậy qua Paris này để tính làm trò gì nữa đây?

Thế nên nghe bình bàn từ những “nghiên cứu” cao siêu, tới những hô hào “hoà giải, hoà hợp”... như thế,

chẳng khác nào, người ta đã vô tình kể chuyện “giây thừng” trong gia đình đã có người bị treo cổ. Vào một buổi chiều khá đẹp trời và mát mẻ, chúng tôi tới trường Đại học Paris 7, nằm cạnh trạm tàu điện ngầm Jussieu ở quận 5, vì đã có thông báo về một buổi nói chuyện của Trần Đức Thảo, đđ ban Việt học của Đại học Paris 7 tổ chức.

Lúc Canh lái xe đưa tôi đến trước trạm métro ấy, thì thấy lát đác vài Việt kiều, trẻ có, già có, đang hỏi đường đến chỗ của ban Việt học.

Khu Đại học khá lớn, cạnh bờ sông Seine này, có nét kiến trúc thuộc loại phản mỹ thuật bậc nhất Paris, có thể là nhất cả thế giới. Là giáo sư khoa học ở đó, Canh đã thành thạo đường đi, nước bước, nên đã tận tình đưa dẫn bà con đi loanh quanh, hết hành lang này, tới thang máy nọ, rồi leo lên cái tầng thứ mấy của một toà nhà cao vọt như ngôi tháp ngay giữa khu Đại học ấy... Khi rời thang máy bước ra là thấy ngay cửa vào phòng lớp của ban Việt học. Những người vừa tới như chúng tôi, đều phải đứng ngoài hành lang, bởi trong lớp đã hết chỗ. Hoá ra cũng có nhiều người hiếu kỳ chứ không phải chỉ có chúng tôi. Vì đã hẹn nhau sau khi “nghe diễn thuyết”, sẽ cùng nhau đi ăn phở, nên tôi kiên nhẫn đứng ngoài ngóng vào, cho nó thoáng, vì đã quá đông. Là người của trường, nên chỉ có Canh được mời vào bên trong phòng lớp.

Buổi nói chuyện bắt đầu: có tiếng nói lớn ở trong lớp, như đang giới thiệu, nhưng chỗ tôi đứng, chỉ nghe vọng ra mấy lần nêu tên “Trần Đức Thảo”, sau là những tiếng vỗ tay có vẻ nồng nhiệt.

Chừng hơn tiếng đồng hồ sau, lại vang lên một loạt vỗ tay lẹ tẹt, tôi mừng thầm vì biết buổi nói chuyện đã chấm dứt. Mọi người xô nhau ra về y như cảnh học trò tan học. Đám người cuối cùng rời lớp là ba người cùng dạy học với Canh, bao quanh một người gầy gò, tầm vóc nhỏ thó, mặt như sạm nắng, mặc một áo vét cũ kỹ, quá dài và quá rộng. Nhân vật nhỏ thó được hộ tống như vậy, khiến tôi đoán đấy là Trần Đức Thảo mà đây là lần đầu tiên tôi gặp lại tận mặt. Tôi tránh qua một bên để mấy giáo sư Đại học này đi qua. Canh vẫy tôi đi theo. Ra tới bậc thềm sân sau trường Đại học, Canh xã giao:

- Nếu bác Thảo chưa có hẹn với ai thì xin mời bác và các bạn, ta cùng nhau đi ăn phở ở quận 13, cũng gần đây thôi. Vì tôi có rủ anh bạn đây (tay chỉ về phía tôi đang bước theo phía sau) là sau khi nghe bác nói chuyện xong, sẽ đi ăn phở.

Ngoảnh, lại, thấy tôi là người lạ mặt đứng phía sau, bác Thảo nhìn tôi thật kỹ, rồi ngần ngừ tiến lại đưa tay ra bắt tay tôi với vẻ vồn vã nhưng không tự nhiên, miệng nói:

- Chào đồng chí!

Cả mấy bạn của Canh đều ngạc nhiên nhìn tôi, tôi vội đáp một cách trịnh trọng:

- Kính chào bác, chắc bác nhầm tôi với ai rồi, chứ tôi không phải là một đồng chí đâu ạ! Tôi chỉ là một thường dân thôi.

Canh phá lên cười:

- Anh bạn tôi đây không phải là một đồng chí. Mà quanh bác đây, cũng chẳng có ai là đồng chí cả! Vì ở cái đất Paris này, chúng tôi quen gọi, một cách tự nhiên, mấy người của “đảng” là các “đồng chí”.

Bác Thảo nhìn tôi, mỉm cười bẽn lễn, và giải thích:

- Từ nãy, tôi cứ tưởng anh là người của sứ quán. Vì sứ quán đã dặn tôi sau buổi nói chuyện thì phải chờ, để sẽ có người của sứ quán đưa tôi về.

Mấy anh bạn cũng cười và tiếp tục nêu thêm nhiều câu hỏi bên lề cuộc nói chuyện hồi nãy. Nhưng những câu đáp đều ấp úng, mơ hồ:

- Những điều các anh hỏi thì chưa thể nói hết, nói rõ ngay lúc này được... Cũng phải có thời gian thì mới có thể trình bày vào chi tiết các vấn đề... về thời sự ở trong nước thì ở đây cũng khó nói rõ cho sáng tỏ được... Tôi tới đây, tính là để nói về một đề tài lịch sử mang tính triết học, mà toàn bị hỏi về các vấn đề có tính thời sự chính trị nhạy cảm ở trong nước...!

Tôi nhận thấy nhà triết học già này đã không mấy chú ý nghe các câu hỏi, mà chỉ lần lượt chăm chú quan sát thật kỹ từng người đặt câu hỏi. Rồi lại lăm lét quay ra nhìn tôi. Bỗng khi nhận ra ở phía xa, người mà bác đang chờ đợi, nên vội vã nói:

- À mà thôi, đã có đồng chí Hào đến kia rồi, xin lỗi, thôi tôi phải về. Cảm ơn các bạn. Và xin hẹn gặp lại vào dịp khác nhé!

Rồi bác Thảo (tôi bắt đầu quen lối gọi “bác” theo cách gọi của Canh, bạn tôi) rảo bước về phía “đồng chí” Hào, đang chạy tới. Và cả hai cũng quay nhanh ra đi về phía khác, như muốn tránh cái đám người đã nêu quá

nhiều thắc mắc là chúng tôi. Nhìn bác Thảo bị dẫn đi, Canh lắc đầu hỏi mọi người:

- Các bạn nghe nhà triết học của chúng ta nói chuyện như vậy, thì có cảm tưởng thế nào?
- Ông ta đã có cái vẻ lảm cẩm của tuổi già rồi!
- Ông ta nói để mà nói, cứ lặp đi, lặp lại về một đề tài đã cũ rích về nội dung. Bởi cái chủ nghĩa xít- ta- lin- nít ấy thì chính ông ta cũng đã viết ra thành sách cả chục năm nay rồi. Bây giờ lại mang ra nhai lại, nên nó nhàm chán. Còn trong phần trao đổi, ông nói loanh quanh rằng ông sang đây là để vận động quốc tế ủng hộ Việt Nam. Nhưng rồi ông không chịu trả lời rõ là vận động những ai, vận động về những vấn đề gì, vận động như thế nào... Ông bảo chừng nào xong nhiệm vụ thì sẽ về. Biết thế nào là xong nhiệm vụ? Thời gian thi hành nhiệm vụ ấy là trong bao lâu? Một tuần? Một tháng? Một năm? Hay vài năm như một nhiệm kỳ của nhân viên ngoại giao? Thật là mơ hồ, quẩn quanh.

- Mà khi nói, mắt ông cứ lảm lét nhìn mấy người của sứ quán như có vẻ vị nể, ngại ngùng lắm. Vì vậy mấy tay trong nhóm khoa học nhân văn chê bai ông. Họ bảo ông ta thật sự đã bước vào tình trạng lảm cẩm vì bệnh tật tâm thần và tuổi già. Cái thời nổi tiếng sắc sảo tranh luận với Sartre xưa kia không còn nữa. Thật là đáng tiếc! Đi nghe ông nói chuyện mà thấy phí mất cả buổi chiều.

Sau khi chia tay mấy người bạn, Canh kéo tôi đi và nói:

- Họ cũng sẵn xe vì có chỗ đậu dành riêng cho người dạy ở trong trường. Tôi tính mời ông ấy lên xe đi ăn để có dịp nói chuyện riêng cho vui, nhưng người của sứ quán kèm ông ta sát quá.

Ra quán phở, tôi hỏi Canh:

- Tôi không ở bên trong để nghe, nên không dám bình bàn, chê bai như mấy ông bạn kia. Bộ bác ấy đã lảm cẩm thật rồi à?

Canh lắc đầu giải thích:

- Đây là mấy tay chuyên dạy về khoa học nhân văn, người dạy sử, kể dạy văn chương... Mấy bố ấy lúc nào cũng gồng mình lên ra vẻ trí thức hơn mọi người! Các ông khoa bảng ấy mắc cái bệnh cocorico của con gà trống gô- loa rất nặng. Ông nào cũng cho tiếng gáy của mình là nhất. Ít khi thấy họ khen nhau. Chưa gặp Trần Đức Thảo lần nào mà đã dám dè búa: hết chê triết của ông ấy cũ rích, rồi lại tố mấy cái bài đăng trong các tờ báo chuyên về triết ấy thì có ai đọc đâu, chỉ mấy tay dạy triết đọc, rồi ngồi bình bàn với nhau thôi! Các ông ấy bảo, ở bên này, đây tài liệu, đây ban nghiên cứu chuyên ngành, đây giáo sư chuyên môn để tham khảo; đây phương tiện thử nghiệm, mà còn chưa ai dám mổ xẻ những vấn đề cơ bản của triết học và nhân chủng học như thế. Vậy mà ở Hà Nội, thân cô, thế cô, không tài liệu, không có ban nghiên cứu chuyên ngành để tham khảo, mà ông đã dám viết khơi khơi theo trí nhớ mấy bài nghiên cứu, toàn là dựa theo những gì đã đọc ở Paris mười mấy năm về trước! Thật là chủ quan khinh thường thiên hạ quá!

Canh nhấn mạnh tiếp:

- Tôi biết, mấy tay trí thức này ít phục ai. Vì thế nên tôi không chú ý tới những lời chê bai của họ. Sự thật là tôi thấy bác Thảo trở lại Paris lần này với nhiều uẩn khúc rất khó hiểu. Lúc vắng người, tôi đã mời bác bữa nào rảnh rồi đi ăn cơm để nói chuyện nhiều. Bác đã vui vẻ nhận lời ngay. Nhưng khi tôi nhắc lại lời mời ấy trước mặt tay Hào ban nãy, thì bác ấy tỏ ra sợ hãi, vội vã làm ra vẻ dứt khoát từ chối, bảo rằng “không được đâu! Vì lúc này chưa rảnh rồi, vì còn nhiều chuyện đang phải làm gấp chưa xong!” Thế có khó hiểu không?
- Nhưng nghe bác Thảo nói chuyện hồi nãy thì sao? Có còn mình mẫn không?
- Thật ra thì bác ấy nói năng rất khôn ngoan, thận trọng. Bác rĩ tai cho tôi biết là buổi nói chuyện vừa rồi chỉ là cái cớ để bác tìm gặp lại mọi người. Các câu chất vấn gay go về tình hình chính trị “mở cửa” ở bên nhà đã được bác trả lời nhanh, gọn, nhưng không xác định một điều gì. Toàn là những dự đoán dự tính, những chuẩn bị phải cần thời gian để khai triển. Khi trả lời bằng tiếng Pháp thì rất tế nhị, hóm hỉnh. Tất cả chứng tỏ bác vẫn có một tâm trí thông minh, một thái độ dè dặt, một ngôn từ kín đáo không để lộ ra một sơ hở nào để có thể bị hiểu lầm. Nghĩa là bác ấy còn tinh anh lắm, chứ không lảm cẩm đâu. Như khi nhìn anh ban nãy, bác làm bộ bắt tay anh như đã quen thân, và cố ý chào anh là “đồng chí”, chính là để thử xem anh có phải là người của sứ quán cử ra để theo dõi hay không! Khôn thế đấy! Khi thấy “đồng chí” Hào chạy tới, bác đã vội vã rời xa tụi mình, để không ai kịp nói câu gì, sợ tay Hào nghe thấy. Rồi hấp tấp đi ngay, chứng tỏ là bác biết mình bị kiểm soát chặt chẽ chứ không được buông lỏng. Ta phải tìm cách mời riêng nhân vật này này đi ăn với nhau vài bữa, để tìm hiểu sự thật.

- Chừng nào có cơ hội gặp lại bác ấy thì nhớ tới tôi nhé.

Thế rồi cả nhiều tháng sau, khi tôi đã quên hẳn câu chuyện Trần Đức Thảo trở lại Paris, thì Canh điện thoại:

- Đến thứ bảy tới, tôi đã mời được Trần Đức Thảo đi ăn trưa riêng đấy, anh có rảnh không?
- Thật là một cơ hội hiếm có, bận mấy thì tôi cũng dẹp hết để mà đi chứ. Nhưng chỉ sợ có thêm tôi, thì bác ấy sẽ ngại ngùng khi nói chuyện.
- Không sao đâu, tôi đã nói trước với bác Thảo là sẽ có cả anh nữa. Tôi trấn an bác, bằng cách giới thiệu anh là một người ngưỡng mộ bác, nên bác vui vẻ nhận lời chứ không do dự, e ngại như hồi mới qua. Bác ấy

lúc này đã tỏ ra mạnh dạn như dân Paris rồi, dám một mình tự do đi ra ngoài, dám tiếp xúc riêng rồi vấn đề là ta nên bàn nhau sẽ đề cập tới những đề tài gì khi gặp bác ấy.

- Theo tôi thì trong những lần gặp đầu, ta chỉ nên hỏi về những vụ việc để trả lời thôi. Chừng nào đủ tin nhau thì mới hỏi về các vấn đề chính trị nhạy cảm.
- Cái đó thì dĩ nhiên rồi. Nhưng ta cũng nên chuẩn bị trước những câu hỏi để tùy cơ ứng biến, kéo ủng hộ phí mất cơ hội. Tôi đã chuẩn bị ghi sẵn một số câu hỏi để thử nghiệm đường sọ, để phanh phui những bí mật mà trước đây bác đã thoát thác không chịu nói rõ.

Đến ngày hẹn, Canh lái xe chở tôi tới ngã tư của hai phố Rennes và Le Verrier, quận năm, lúc gần trưa. Xe tới nơi đã thấy bác Thảo đứng chờ ngay ở đầu phố.

Tôi vội mở cửa xe, bác leo lên rất nhanh gọn, rồi nói:

- Tôi biết chỗ này đông xe, không ngưng lâu được nên phải ra đứng chờ trước kẻo làm khổ các anh phải lái xe chạy loanh quanh kiếm chỗ đậu.
- Vậy là bác vẫn là dân Paris chính hiệu, bác chưa quên đời sống vội vã, tấp nập ở đây.
- Thì tôi biết, Paris nay có khác gì xưa đâu. Mà có lẽ cả trăm năm sau nó sẽ vẫn là vậy. Vì cái thủ đô này đã có nét kiến trúc cổ kính và ngăn nắp, đẹp đẽ, hoàn chỉnh quá nên sẽ khó mà thay đổi, mở mang thêm để bớt cảnh chen lấn...!

Canh đề nghị:

- Bây giờ để bác Thảo chọn, nếu bác thích đi ăn phở thì có quán phở Sài Gòn ở quận 13, rất được bà con ta ở đây ưa chuộng...
- Ta gặp nhau cốt là để nói chuyện tâm tình cho đỡ buồn. Tới chỗ đông kiêu bào ta thì không tiện, tôi đề nghị đi ăn ở chỗ nào kín đáo, ít người tọc mạch, thì mới dễ nói chuyện thoải mái hơn, thuận lợi hơn..
- Thế thì ta đi ăn cơm tàu, ở nhà hàng “Chez Tang” mới mở, đầu bếp mới từ Hồng Kông qua, sạch sẽ và nhiều món mới lạ, ăn được lắm. Tôi thích nhất là những món cháo ở đá, cứ y như là ở một tiệm chuyên bán cháo ở Chợ Cũ của Sài Gòn thừa trước...
- Tôi cũng thích ăn cháo, món đó dễ tiêu.
- Vậy thì chúng ta tới tiệm “Chez Tang”.

Đậu xe ở một con đường xa phía sau, rồi đi bộ tới tiệm ăn. Canh bắt đầu mào chuyện và cũng là để thử tìm hiểu:

- Bác đi thế này có bị “ai” để ý không?
- Tôi dậy từ sáng sớm, uống café xong là ngồi viết, tay Hào là nhà trưởng có ghé hỏi hôm nay tôi có muốn đi đâu thì hẳn đưa đi. Tôi nói chẳng muốn đi đâu cả, đến trưa thì có lẽ chỉ ra phố mua khúc bánh mì jambon là đủ. Thế là hẳn đồng luôn. Vì hôm nay là thứ bảy, ai cũng nghỉ để sống với gia đình chứ. Nếu ngày thường thì hẳn cũng dòm ngó ra cái điều chăm chỉ làm nhiệm vụ ấy mà. Nhưng mà bây giờ thì tôi cũng chẳng cần giữ ý như lúc trước nữa. Tôi cũng có tự do của tôi chứ!

Thấy bác Thảo tỏ vẻ cời mở như vậy, tôi bắt đầu tạo thân mật:

- Bộ sống ở giữa Paris mà bác cũng còn ngại cảnh bị theo dõi canh chừng sao?
- Cũng vẫn có chứ! Nhưng tể nhị, kín đáo hơn một chút thôi, không tàn nhẫn trắng trợn như ở nhà. Cái bà giúp việc quét dọn trong căn nhà khách đờ đã ngầm báo cho tôi biết: tay nhà trưởng Hào này là tai mắt của sù quán. Hẳn cũng tò mò lắm. Lúc tôi đi ra phố là hẳn lén vào phòng tôi để đọc những gì tôi đang viết...
- Sao bác biết?
- Mỗi lần phải vắng mặt là tôi có làm dấu, nên về là tôi biết ngay đã có người lục vào các tư liệu, bài vở đang viết của tôi!
- Như vậy làm sao bác giấu được những bài vở riêng tư của bác?
- Những gì tôi đang viết là sẽ được công bố nay mai... nên chẳng có điều gì phải giấu cả. Mà những gì tôi đang viết, nó có đọc cũng chẳng hiểu được gì. Đến thủ trưởng của nó đọc chưa chắc đã hiểu.
- Bác viết để vận động dư luận ở bên này phải không?
- Không! Tôi đang soạn một số luận chứng nhằm giới thiệu nội dung một cuốn sách mà tôi đang gấp rút biên soạn để được xuất bản nay mai...
- Thế bác không lo làm công tác vận động sự ủng hộ cho chính sách của “đảng” và nhà nước à?
- Lúc mới qua thì buộc lòng phải nói thế thôi! Chứ có vận động khi gì đâu. Hôm ấy cứ bị chất vấn: vận động cái gì, vận động như thế nào, vận động những ai... làm tôi bối rối. Máy chục năm bị hạn chế tiếp xúc, giao thiệp với bên ngoài, bây giờ qua đây, bao nhiêu quan hệ xưa cũ chẳng còn mấy ai. Phần thì những bạn bè có uy tín trong xã hội mà tôi quen biết, nể phục nhau, thì đều đã qua đời, có còn chỗ nào thân thiết có thể nhờ cậy nữa đâu để mà vận động. Trong buổi tiếp xúc đầu tiên của tôi với trí thức Paris, tôi đã thất vọng vì chẳng

thấy còn một khuôn mặt nào quen có uy thế để có thể làm chỗ dựa cho tôi. Nói là mang sứ mạng đi vận động, thật ra đây chỉ là cái cớ của chuyến đi mà thôi. Chẳng lẽ lại nói tôi trở qua Paris là không có mục đích gì sao? Hoặc nói là qua đây để ngồi viết sách, để người ta cười cho à?

- Bác viết thứ sách gì mà không thể viết được ở quê nhà? Mà sách ấy viết cho ai đọc? Tôi hỏi vậy, vì những bài báo, những cuốn sách bác đã viết và xuất bản ở Pháp này thì tôi thấy nó quá xa vời thứ quần chúng vất vả như tôi...

- Không! Không! Lần này thì khác. Lần này là tôi viết cho mọi người. Sách này là một công trình phân tích, để những nút thắt, những trói buộc con người trong lịch sử đương đại, trong xã hội ta hiện nay, nghĩa là từ lúc nó được hình thành tới lúc nó phải chịu thảm họa của những diễn biến của cách mạng, sẽ được mở gỡ ra cho bằng hết. Lịch sử của xã hội ấy phát xuất từ cả một chuỗi biến hoá sinh thái, từ con người thượng cổ tới con người hiện đại, từ con người nguyên thuỷ man rợ tới con người có ý thức làm cách mạng, tới con người mất hết tự do khi rơi vào tình trạng ngu tín, sùng bái... Bởi có những thứ sùng bái tai hại khiến con người mất tinh thần tự chủ, mất hết sáng kiến. Sùng bái tới mức tự nô lệ hoá mình về mặt tư tưởng. Tôi viết để chỉ ra cái hại vô cùng đó... Ai cũng cần đọc sách này để thấy, để hiểu thảm họa đã đến với mỗi con người chúng ta như thế nào. Sách như thế thì làm sao có thể viết được ở quê nhà. Chúng nó thì đánh cho vỡ đầu ấy chứ! Ha! Ha! Ha...!

Sự cười mở vui vẻ và thẳng thắn ấy thật là táo bạo, thật là bất ngờ. Khủng khiếp nhất là cụm từ “chúng nó”. Canh và tôi nhìn nhau kinh ngạc. Tôi vội hỏi:

- Thế thì chuyến đi này của bác là đầy bí ẩn đấy. Và không rõ cuốn sách của bác sẽ làm sao giải toả hết những điều khó hiểu đây?

- Đúng là có nhiều điều khó hiểu. Nhưng rồi tới hồi kết cuộc thì rồi mọi người sẽ hiểu. Lúc ấy tất cả khúc mắc, các nút thắt gây thắc mắc sẽ được tháo gỡ tung ra... để tất cả sự thật được phơi bày ra ánh sáng.

- Chừng nào thì sẽ tới hồi kết cuộc ấy?

- Chừng nào cuốn sách của tôi được in ra thì tất cả những thắc mắc mà các bạn ở Paris này nêu ra từ trước tới nay sẽ được giải đáp cho bằng hết. Và tôi đang gấp rút biên soạn nó...

- Vậy là bác qua Paris lần này là để ngồi viết sách thật sao? Cuốn sách này sẽ là kết luận của các bài vờ mà bác đã cho đăng lại rai trên mấy tạp chí triết học ở Paris này trong mấy năm qua phải không?

- Ấy không phải vậy đâu! Mấy cái bài báo, mấy cái biên khảo ấy chỉ là thứ sinh hoạt nghiên cứu bên lề, chúng chỉ đáp ứng nhu cầu thị hiếu ở bên này thôi. Chứ ở bên nhà, trong cuộc sống sôi động từng ngày, đầy đau khổ, đầy máu và nước mắt, thì chẳng có ai chú ý tới những đề tài như vậy đâu. Trải qua hai cuộc chiến tranh, sống sót sau mấy đợt đầu tó trong cải cách ruộng đất, trong mấy đợt chỉnh huấn, chỉnh phong, chống xét lại, rồi tiếp theo là những đợt cải tạo xã hội để bước vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Biết bao bảo tố như thế, mà chỉ ngồi viết được mấy cái nghiên cứu đó để đăng báo ở bên này thì thật là điên khùng. Chẳng qua phải viết như thế ở bên nhà là để chứng tỏ cho lãnh, đạo và cho thế giới bên ngoài thấy là Trần Đức Thảo vẫn còn đó, cái đầu của nó vẫn còn hoạt động. Mà viết thế cũng, là để kiếm sống... Vì các bài viết ấy được trả nhuận bút cao. Vả lại cũng chính những tiếng vang của các biên khảo ấy, nó đã bảo vệ tôi khi phe cánh cuồng tín, giáo điều của cách mạng đã manh tâm tiêu diệt tôi. Sự thật, là tôi về nước đâu có phải là để viết ra mấy cái thứ nghiên cứu thuần sách vở như thế. Các anh tưởng tôi về tham gia kháng chiến, tham gia cách mạng là để ngồi viết mấy cái nghiên cứu “chỉ chỗ” ấy à? Các anh nghĩ sự nghiệp của Trần Đức Thảo là chỉ cỡ mấy cái biên soạn vớ vẩn ấy thôi sao? Bao nhiêu trải nghiệm đau đớn, gian khổ cùng dân tộc trong chiến tranh, trong cách mạng thì tôi đã vứt chúng vào đâu?

- - - - -

Chương 2

Tiếp cận thực tại đau đớn



Bác Thảo ngưng kể, bùi ngùi im lặng hồi lâu. Chúng tôi thì vô cùng xúc động và ngạc nhiên. Mấy câu hỏi ấy đã kéo chúng tôi ra khỏi cõi mơ hồ, như đã đánh thức chúng tôi dậy sau cơn u mê dài. Rồi bác lại tiếp:

- Những trải nghiệm đau đớn của thực tại cách mạng đầy máu và nước mắt, diễn ra hàng ngày trước mắt, đã thường xuyên chất vấn tôi... Chẳng lẽ chúng không để lại dấu vết gì trong đầu óc tôi sao? Nếu chỉ viết mấy cái bài nghiên cứu có tính nhân chủng học như vậy, thì chẳng thà hồi đó tôi cứ ngồi lại Paris này để đề ra những thứ ấy thì dễ dàng và thuận lợi hơn!

- Vậy những bài vở và công trình biên khảo mà bác đã cho xuất bản ở ngoài này không phải là những công trình chính mà bác đã dày công nghiên cứu ở trong nước sao? Ở trong nước, bác chỉ được dạy học trong một thời gian rất ngắn, khoảng gần hai niên học thôi. Vì bác đã bị đình chỉ công tác sau hai bài báo đụng tới vấn đề dân

chủ... Vậy suốt trong mấy chục năm còn lại, tức là từ năm 1956 cho tới nay, thì bác đã dùng thời gian dài ấy để làm gì?

- Anh thắc mắc như vậy là rất đúng. Tôi chỉ được dạy học trong một thời gian rất ngắn. Sau đó là bị sống quản chế với những canh chừng, rình rập gắt gao. Muốn công khai nói năng, viết gì thì cứ việc... nhưng quyền lực cấm tôi tuyệt đối không được đụng tới chính trị, không được đụng tới cách mạng! Thế nên tôi đã phải câm nín về chính trị, về cách mạng rờn rã trong hơn ba chục năm.

Trong thời gian sống như bị lưu đầy, bị ức chế câm nín ấy, cái đầu của tôi vẫn như một động cơ quay với tốc độ cao. Nó vẫn cứ nghiên cứu, có trải nghiệm... để nghiền ngẫm, để phác thảo ra một công trình có thể cô đọng trong một cuốn sách. Có thể nói là tôi sẵn sàng vứt bỏ hết những gì đã viết từ trước tới nay, để chỉ lưu giữ lại một cuốn sách này... Vì cái phần nghiên cứu, lý giải trong câm nín, trong im lặng này mới thật là một công trình súc tích, có trọng lượng, thật là dày công sức của trái tim và khối óc! Bởi những cái đó đã dần vặt, nghiền nát tôi hằng ngày. Giờ đây nó đang bùng nổ, đang được trải ra qua từng trang giấy...

- Bác đã nhấn mạnh công việc quan trọng của bác không phải là nghiên cứu những cái đã được công bố ở nước ngoài, vậy thì cụ thể là bác đã bỏ công nghiên cứu cái gì?

- Là nghiên cứu những cái của thực tại thô bạo, thực tại đau đớn, thực tại khổ cực của dân chúng, nó đã diễn ra trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, qua hai cuộc chiến tranh, qua công cuộc đổi mới đang diễn biến, quay cuồng cho tới nay... Thực tại đó nay vẫn rất tàn nhẫn. Cái nghiên cứu đó mới thật là quan trọng.

- Cụ thể những thực tại quan trọng đó là gì? Bác có thể nói thẳng ra vài thí dụ được không? Chúng tôi vì quý bác, thương bác mà thắc mắc như vậy. Bởi ai ở đây cũng đã nghe đồn đại về những nỗi khổ tâm, khổ trí của bác ở quê nhà, nên cứ nghĩ là sự chọn lựa trở về của bác hồi ấy là một sai lầm, thật sự là một thất bại. Vì nó đã phá tan sự nghiệp triết học lừng lẫy đã có của bác. Vậy xin thành thật hỏi bác, bác đã về để phải sống như thế để làm gì? Sao lúc đó bác không tìm đường bỏ đi, trốn đi?

- Thật sự là lúc này rất khó giải thích một cách ngắn gọn cho hai anh hiểu. Tôi đã về nước với mộng ước được tham gia cách mạng, để trải nghiệm tại hiện trường về những gì mà tôi đã đặt thành mục tiêu, thành nhiệm vụ nghiên cứu, ngay từ trước khi quyết định trở về tham gia kháng chiến và cách mạng. Trở về là để có dịp sống trong cách mạng, để so sánh với những gì đã xảy ra trong cuộc Cách mạng Tháng Mười ở Nga. Với những hiểu biết phê phán đã có về cuộc cách mạng ấy, tôi tâm nguyện về quê hương để nghiên cứu thực tại, với hoài bão đóng góp xây dựng ở nước ta một mô hình cách mạng trong sáng, mà chẳng những dân ta mà là cả nhân loại mong đợi. Trong thực tế, sách vở có thể mang lại tiếng tăm. Điều này không quan trọng. Điều quan trọng là sự trở về xứ sở đã giúp tôi trải nghiệm một thực tại tàn nhẫn khi chứng kiến sự đau khổ của con người bị kìm kẹp bởi ý thức hệ. Nhất là ngay khi đặt chân trở lại trên mảnh đất quê hương ở ATK (an toàn khu), thì người ta đã tìm đủ cách để cấm cản tôi làm công việc trải nghiệm quan trọng đó...

- Công việc trải nghiệm quan trọng đó là gì?

- Cái đó chưa thể nói rõ, nói hết là vào lúc này, vì chưa phải lúc. Hai anh nên kiên nhẫn chờ cuốn sách mà tôi đang biên soạn. Tôi cam kết với hai anh là việc hoàn thành cuốn sách này sẽ là một sự kiện quan trọng. Vì nó đáp ứng khát vọng lớn nhất của đời tôi. Vì lần này là tôi muốn nói lên hết những vấn đề then chốt của cuộc cách mạng do lý thuyết và lý luận Mác- Lê chỉ đường. Nay vì chưa hoàn tất, chưa xuất bản được cuốn sách, nên tôi rất bồn chồn, lo lắng, nóng lòng. Thôi ta thay đổi đề tài nói chuyện đi kéo nó dẫn tới những điều chưa thể nói vào lúc này. Các anh nên nhớ là tôi về nước là để tham gia cách mạng chứ không hề có ý làm việc gì

khác. Và cho tới nay, tôi vẫn chưa được nói và viết gì về công tác chính yếu này... trừ hai bài báo và một tập biên khảo nhỏ đã được xuất bản ở trong nước. Những cái đó cũng đã làm cho tôi khó sống...

- Vâng xin đồng ý đổi qua vấn đề khác. Nay điều mà anh em ở đây muốn biết là sức khỏe của bác bây giờ ra sao?
- Như mọi người đều biết, ở ngoài bưng, tôi bị bệnh đau gan mãn tính. Ở nhà một số anh em bác sĩ, vì thương tôi, nên vẫn theo dõi chăm sóc tôi miễn phí. Sang đây thì tôi không có bảo hiểm y tế như người dân ở đây. May mà có hai bác sĩ Việt kiều khám bệnh không lấy thù lao mà lại còn cho thuốc tôi uống. Nhưng việc chăm sóc, theo dõi là phải thường xuyên làm thử nghiệm, như làm échographie (soi âm) lá gan, và thử máu theo từng định kỳ, làm những cái đó ở đây rất tốn, mà tôi ra đi thì chỉ mang theo một ít tiền, nay thì chỉ dành để lo cho việc ăn uống thôi.
- Thế sứ quán không lo cho bác sao?
- Sứ quán đã miễn cưỡng cho tôi ở nhờ trong nhà khách số 2 Le Verrier ấy là quá tốt rồi, chứ tôi có quy chế cán bộ hoặc có ở trong biên chế ngoại giao, như họ đâu mà họ lo chu cấp cho tôi. Và lại khi tôi qua đây thì họ rất đề dặt, cứ tưởng rằng sau khoảng vài tuần hay vài tháng thôi, rồi tôi sẽ trở về hoặc sẽ dọn đi chỗ khác.
- Như vậy thì tương lai của bác...
- Về tương lai của tôi thì thật sự là lúc này đang đầy khó khăn mà tôi chưa có cách giải quyết! Đây đang là một cuộc khủng hoảng lớn của đời tôi! Nếu ở nhà, nhất là ở Sài Gòn, thì dễ giải quyết. Ở đây thân cô, thế cô, áp lực tứ bề, nên cuộc khủng hoảng này là một bế tắc vô cùng nan giải...
- Như vậy thì việc cần phải làm lúc này là tìm phương cách giải quyết việc ăn và ở, để bác còn an tâm mà viết sách chứ?
- Chính thế!
- Thành thật xin lỗi bác, hỏi câu này hơi thiếu tế nhị, liệu bác còn đủ lực tài chánh... tới bao lâu nữa?
- Tôi cũng thú thật với hai anh là hiện tôi đang lâm vào cảnh sống nay lo mai. Mấy tờ báo và nhà xuất bản Pháp đã hiểu rõ hoàn cảnh của tôi nên họ đã ứng trước như tiền đặt bài, mà tôi cũng chưa viết gì cho họ cả. Chỉ mới cho họ phỏng vấn mấy buổi thôi. Nhờ đó mà tôi chịu đựng được tới hôm nay. Bây giờ thì các món tiền ứng trước ấy cũng đã cạn kiệt. Vì vậy mà tôi phải cấp tốc soạn ra một số bài làm đề tài thuyết trình, tôi hi vọng sẽ bán vé tượng trưng cho các buổi diễn thuyết ấy, để tôi sống qua ngày, Tôi đã xin sứ quán cho mượn nơi để tổ chức nói chuyện, tức là để trình bày về nội dung cuốn sách của tôi... Và từ tuần tới, mỗi chiều thứ ba hoặc thứ năm thì tôi sẽ bắt đầu các buổi thuyết trình tại "Nhà Việt Nam" ở đường Cardinal Lemoine, quận 5, Paris. Và trước mỗi buổi nói chuyện thì tôi tính sẽ bán những tập tóm lược về đề tài nói chuyện ấy. Hi vọng là các anh em sẽ ủng hộ tôi trong lúc chờ một số bạn bè Pháp tìm cách giúp đỡ tôi đều đặn và lâu dài hơn... như họ đã hứa.

Bữa ăn trưa hôm ấy, tưởng là sẽ vui vẻ, nào ngờ sự cởi mở tâm tư u buồn về tình trạng vật chất của bác Thảo đã làm cho buổi gặp gỡ kết thúc một cách buồn thảm. Canh và tôi đều rất xúc động khi phải chứng kiến cảnh một vị giáo sư từng một thời vang danh ở Paris, mà nay phải hạ mình bán cách bán tiếng nói, bán chữ để kiếm sống qua ngày. Trước khi chia tay, tôi làm về tự nhiên và nói vài câu để bác Thảo lên tinh thần:

- Bác đừng lo, tôi tin là thể nào anh em ở đây cũng dư sức lo cho bác, riêng hôm nay thì xin có chút quà nhỏ này gửi biểu bác như là lòng thành. Thật không thể ngờ hậu vận của bác lại vất vả thế. Nhưng có như vậy, thì khi vượt qua được khó khăn, mới là vinh quang, phải không bác?

Canh cũng bỏ vào túi áo nhà triết học một chút tiền. Chúng tôi rất ngạc nhiên và cũng rất ái ngại khi nhìn thái độ ngượng ngùng của bác Thảo khi tiếp nhận sự trợ giúp ấy. Phải cố cầm nước mắt, để gượng cười với nhau. Những tâm sự buồn ấy đã làm chúng tôi im lặng khá lâu khi cùng nhau đi ra xe. Lúc ngồi trên xe đưa bác Thảo về tới nơi tạm trú, Canh hỏi:

- Bây giờ muốn hỏi bác tại sao bác quyết định trở về quê hương hơn bốn chục năm về trước, và cả sự chọn lựa trở lại Paris lần này. Bác có thấy ân hận gì không? Phải chi hỏi ấy bác cứ ở lại Paris, thì bây giờ bác đã có một địa vị lớn trên diễn đàn triết học thế giới rồi.
- Hồi ấy, tôi đã trở về xứ sở với một đầu óc hăng hái, đầy lạc quan tin tưởng của tuổi trẻ. Cứ nghĩ thể nào cụ Hồ cũng phải ngạc nhiên về những hiểu biết của tôi. Bởi tôi đã có những nghiên cứu sâu rộng về cuộc cách mạng tháng mười ở Nga, mặt khác, tới đã có một vốn hiểu biết vững chắc về tư tưởng của Karl Marx. Với lòng hiếu thắng bông bột, ngông cuồng đến mức cuồng tín, tôi tin rằng với những nghiên cứu và kiến thức mà tôi đã đạt được, tôi tự thấy mình như là hiện thân của ý thức hệ mác-xít, để có thể trở về làm nhiệm vụ như một trong những lý thuyết gia bên cạnh ông cụ. Để tôi góp sức xây dựng ở quê hương một mô hình cách mạng mà loài người mong đợi! Nhưng khốn khổ cho tôi là khi về tới quê hương, thì tôi đã va chạm vào một thực tại hoàn toàn đóng kín, nó đã làm tôi bị vỡ mặt và vỡ mộng. Thời gian ấy, tôi đã phải trải qua những giờ

phút chao đảo lập trường. Đây là giai đoạn tuyệt vọng nhất của đời tôi. Nhưng rồi tôi bình tĩnh phân tích hoàn cảnh và những nhược điểm của mình, dần dần nhận biết sự thật, để đặt ra những câu hỏi sát thực tế... Rồi từ chỗ tuyệt vọng đó, tôi đã lấy lại được thăng bằng, khi ghi nhận rằng nếu không trở về thì làm sao biết là mình đã có những cái nhìn thiên cận, đã sai lầm một cách đần độn, cuồng tín đến như thế. Rồi sau thì tôi phải nhìn nhận rằng sự trở về ấy là cần thiết, là một chọn lựa đúng. Không sống trong tội ác bé tấc của cách mạng, thì làm sao biết là đã có sai lầm. Bởi những gì đọc trong sách vở, những gì nghe truyền đạt qua guồng máy tuyên truyền, thì tất cả những điều ấy đều không phải là trăm phần trăm sự thật. Cả việc bị đẩy trở lại Paris lần này cũng vậy. Đó là những bước đường trải nghiệm, tuy thật là gian nan, nhưng đã giúp tôi thức tỉnh để rồi nhận thức được những sai lầm cơ bản của cách mạng và của chính tôi. Và từ đó, tôi đã đạt tới một số kết luận cốt lõi triết học cao và vững bền. Thật sự là cho tới nay, tôi không hề hối hận gì về việc hồi đó đã bỏ Paris để về quê hương, và cả bây giờ lại phải trở qua Paris. Tuy có lúc, ở Hà Nội, tôi đã sống những ngày tháng tuyệt vọng, mất phương hướng, như đang phiêu lưu, lạc lõng trong tình trạng rối loạn tâm lý, bế tắc trong tư tưởng. Nhưng rồi thực tại tàn nhẫn và những giao động mất lý tưởng của những người quanh tôi, tất cả đã hằng ngày như chất vẩn tôi, khiến tôi phải từng bước đặt lại vấn đề, hằng ngày tìm cách giải đáp cho những chất vẩn ấy. Những cái đó đã làm cho đầu óc dần dần sáng hơn, dần dần chuyển biến, dần dần thức tỉnh... Trạng thái đó đã giúp tôi đứng dậy được. Bởi trong thời gian chao đảo, khủng hoảng ấy, trong đầu tôi luôn luôn có một cuộc tranh cãi bùng lên dữ dội. Một cuộc tranh cãi giữa cái tôi triết học, cái tôi mác-xít, cái tôi cách mạng, về thực tại phũ phàng trước mắt. Trước những sự kiện, những hậu quả đen tối, những lý luận nguy hiểm, những hành động dối trá, độc ác không thể chấp nhận ấy, thì tôi cứ tự chất vấn tôi:

- Triết học là như vậy sao? Chủ nghĩa Mác là như vậy sao? Mục đích của cách mạng là như vậy sao? Rồi chính tôi đã tự trả lời:

- Không! Triết học không phải là như vậy. Nhưng có khi chủ nghĩa Mác khi triển khai như thế thì cách mạng phải là như vậy. Nghĩ như thế, xét cho cùng, tức là tôi đã bắt đầu có thái độ nghi ngờ mang tính khoa học. Nhưng tôi vẫn chưa lý giải được rành mạch là tại sao. Những thắc mắc tích tụ ngày càng nhiều thì chúng càng như tăng sức thúc đẩy tôi phải cố tìm hiểu tại sao. Khi chưa có lời giải đáp thì tôi lại tự hỏi: Phải chăng là vì ta chưa biết đặt đúng vấn đề? Bước đầu thức tỉnh như thế, đã làm tôi không còn thấy là mình bị lạc lõng nữa. Vì khi đã biết là chưa đặt đúng vấn đề, tức là chưa nhận ra hướng để tìm kiếm. Từ đó tôi biết mình sẽ phải dồn tâm trí để làm gì. Tuy công việc suy tư ấy không dễ dàng vì hàng rào canh chừng rất gắt ở chung quanh, nhưng tôi vững tin chắc chắn có ngày sự suy nghĩ tìm tòi của tôi sẽ ra hoa, sẽ kết quả...

- Thế thì từ khi trở về nước tới nay, bác đã biên soạn được gì cụ thể gọi là đáng kể chưa?

- Thành thật mà nói thì ở trong nước, tôi chưa viết ra được gì là đáng kể cả. Bởi như các anh đã biết, tôi đã bị gạt ra bên lề sinh hoạt chính trị ngay từ đầu. Chỉ mới viết hai bài báo đề cập khái quát tới dân chủ thôi, mà đã bị chúng nó xúm vào đầu tó tưởng đã mất mạng. Thế nên mọi suy tư, trải nghiệm là phải giấu kỹ trong đầu. Mà những gì tôi làm trong đầu, đều toàn là những nghiên cứu dựa trên thực tại thật là sống động, thật là độc lập về mặt triết học thực nghiệm, để hướng về tương lai. Đây là một công trình nghiên cứu rất cơ bản, rất thực tế. Nếu nói về ảnh hưởng thì có lẽ tôi cũng đã đóng góp được phần nào khi gián tiếp chỉ ra cho chung quanh thấy một số sai trái rất nghiêm trọng, cho họ hiểu là nếu, không chịu thay đổi hẳn tư duy, thay đổi toàn diện chính sách thì cả nước sẽ không thoát ra được tình trạng bế tắc tư tưởng, hỗn loạn xã hội, phải sống túng thiếu, đói khổ triền miên. Nhất là từ sau ngày 30 tháng tư 1975. Cái mốc thời gian ấy đã đánh dấu lúc toàn khối xã hội chủ nghĩa, vốn đã rệu rã, đã khánh kiệt, nay đang bắt đầu bước dần tới nguy cơ tan rã. Bởi sau cái ngày 30 tháng tư, 1975 đó, Liên Xô và cả khối Đông Âu xã hội chủ nghĩa không còn cái chiêu bài chính đáng để bắt dân chúng phải tiếp tục hi sinh, thất vọng buộc bụng nhằm chi viện cho các công cuộc cách mạng đánh đổ đế quốc Mỹ nữa. Dân chúng bắt đầu bạo dạn và cương quyết xuống đường đòi tự do và bánh mì! Tình trạng khủng hoảng tư tưởng trầm trọng này bắt đầu đưa tới hỗn loạn ở Đông Âu, Hồng quân đã phải trực tiếp nhảy vào can thiệp bằng vũ lực, dẫn tới lúc bức tường Bá Linh sụp đổ, đưa tới kết thúc các cuộc cách mạng theo tư tưởng Mácxít... Chính những sự hỗn loạn ấy đã làm cho khối Liên Xô suy sụp ngay từ bên trong. Không phải ngẫu nhiên mà Đặng Tiểu Bình đã dứt khoát ngã sang phía tư bản. Ngay cả ở nước ta, nếu không sớm có vận động, cố chấp nhận mọi điều kiện điều đình, để Mỹ nỡ bỏ cấm vận, thì ta cũng sẽ rơi vào hỗn loạn và cùng lắm thì cũng sẽ vẫn cố định trong tình trạng trì trệ, đói khổ, bế tắc xã hội như ở bắc Triều Tiên hay Cuba thôi. Tóm lại là nếu hồi đó tôi không tự ý về quê hương để hiểu rõ thực tại, không được nhìn thẳng vào sự thật, không sống trong sự thật của cuộc cách mạng đầy mâu thuẫn, đầy sai lầm ấy, thì làm sao nhận hiểu ra những sai lầm cơ bản của chính tôi. Và cả khi phải ra đi như lần này. Nếu không chấp nhận ra đi, thì tôi không thể đạt tới trình độ tu duy để đạt tới thành quả về mặt triết học như hiện nay. Những trải nghiệm xuyên qua kiểm nghiệm phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng cách mạng ở quê nhà đã tạo cơ hội cho tôi dần dần thấy rõ sai trái bắt đầu từ học thuyết, từ ý thức. Sự bế tắc của cách mạng và của chính tôi là do ý thức giải phóng con người bằng đấu tranh giai cấp để xóa bỏ giai cấp. Đây là

một mô hình cách mạng không tưởng, không nền tảng duy vật sử quan!... Không tưởng vì cả tin vào sự đam mê cuồng tín, cả tin vào khả năng giải phóng bằng bạo lực của hận thù. Cho tới khi bị coi như là một kẻ phản động, bị nghi là “kẻ do địch cài vào hàng ngũ cách mạng” thì từ đó tôi mới nhận ra sự bế tắc ấy là do ý thức, do thái độ cảnh giác, do chính sách thù hận mù quáng của quyền lực chuyên chính. Sự chuyên chính ấy đã đóng kín mọi chân trời, đã không ngừng đẩy những con người chân thật, không chấp nhận dối trá, sang phía thù địch. Và từ đó tôi nhận ra đây là những sai lầm tai hại, bế tắc của chính tôi. Nhờ được chứng kiến, được sống sát cánh với những con người đau khổ không có ai, không có gì bảo vệ, như đã thấy trong cuồng phong cải cách ruộng đất... Từ đó, tôi bắt đầu nhận thức rằng giá trị một ý thức hệ không thể so sánh với mạng sống của con người, nhất là đối với con người bị oan ức, con người bị trù dập, bị bóc lột, hoàn toàn bất lực, vô phương tự vệ. Một ý thức hệ, dù thể nào thì nó chỉ có giá trị của một dụng cụ. Một dụng cụ làm sao nó có thể so sánh với giá trị của một mạng sống? Nhất là một mạng sống trong oan ức, đau khổ? Vì vậy mà tôi thấy là không thể hi sinh con người cho bất cứ một thứ ý thức hệ nào. Trước nỗi đau của con người tuyệt vọng vì ý thức hệ, thì chính cái ý thức hệ ấy cũng cần phải được rà xét lại, để cải đổi hoặc để đào thải. Nhờ sự tỉnh thức như vậy, mà bây giờ tôi đã tìm thấy được con đường đưa tới gần chân lý. Chính những sai lầm cơ bản về tư duy đã đưa tới những hành động gây đau khổ cho con người, đã dẫn tới sự sụp đổ của ý thức hệ, rồi là của khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu... Nói rõ ra thì dài dòng lắm! Cảm ơn hai anh đã lo lắng cho hoàn cảnh của tôi. Tôi luôn luôn thấy mình, trong mọi cơn gian nan, hiểm nguy, thì đều đã gặp những người tốt. Tôi đã tìm ra chân lý, tôi đã và đang vượt qua mọi thử thách, nhờ có tình bạn. Vì vậy tôi luôn luôn có tâm thức lạc quan tin tưởng trước những gian nan mà tôi đã và đang gặp. Thôi chúng ta hẹn nhau sẽ gặp lại.

Nghe nhà triết học phân tích những sai lầm như một lời thủ tội, chúng tôi hết sức kinh ngạc. Bởi khi nhà triết học bị coi là già nua, lảm cẩm này phải nói ra điều đó thì nó chứng tỏ đây là một tâm trí còn rất minh mẫn, và đang cố trỗi dậy, vì nó đã hiểu thấu sự bi thảm của quê hương và của chính mình. Đây là một chuyển biến trầm trọng. Trong những lần tâm sự như thế, bác Thảo thường (nhắc tới cuốn sách mà bác “đang biên soạn” như một ám ảnh thường xuyên. Chỉ tiếc rằng rồi sau cuốn sách đó đã không may mắn được xuất hiện dưới ánh sáng mặt trời! Nhìn bác Thảo chậm chạp, lom khom cúi đầu bước vào toà nhà cổ kính ở số 2, đường Le Verrier, chúng tôi nhận ra đây là một con người dày dạn kinh nghiệm cách mạng, nên cảm thấy thật là thương bác vô hạn. Chính sự chân thành và can đảm của những lời tâm sự ấy đã cuốn hút chúng tôi.

Lúc đó Canh nói nhỏ với tôi:

- Tại sao bác Thảo lại nói rằng “buộc phải ra đi”? Việc bác trở lại Paris trong lúc chẳng có ai chờ đợi này là một sự ép buộc của quyền lực hay sao? Mà theo như những gì bác vừa nói, thì bác đang ở trong giai đoạn đau đớn trong nội tâm, khó khăn trong đời sống vật chất. Có lẽ vì vậy mà hôm nay bác đã tỏ ra hết sức cởi mở, để chúng ta hiểu rõ những nỗi đau lòng ấy mà tìm cách giúp đỡ bác. Chẳng lẽ cả một cộng đồng Việt kiều ở đây thản nhiên đứng nhìn bác bị đối khổ như vậy sao?

Tôi có cảm tưởng là bác Thảo đang cố nán lại Paris để mưu làm một việc rất quan trọng, có thể việc ấy là chính cuốn sách mà bác đang hoàn thành, để mang ra ánh sáng những gì không thể công bố ở trong nước, chứ viết sách như bình thường thì ở đâu mà chẳng làm được, ở đâu mà chẳng in ra được, cần gì phải vất vả qua đây.

Mấy ngày sau, tôi điện thoại cho mấy người bạn nổi tiếng hay hoạt động xã hội, thường sẵn sàng giúp đỡ đồng hương. Lúc đó tôi mới khám phá ra là chuyện Trần Đức Thảo đang gặp khó khăn và căng thẳng với sứ quán, thì nhiều người ở vùng Paris đã biết từ lâu rồi. Họ còn kể rõ rằng phía sứ quán đang muốn rũ trách nhiệm khi thấy bác Thảo đã cạn tiền. Sứ quán đang thu xếp để ép buộc bác phải trở về xứ, trong khi chính bác tiết lộ là chính quyền ở nhà đã muốn tống đui bác đi! Nhưng bác cho sứ quán biết là chưa về được vì chưa hoàn thành được mục tiêu là xuất bản một cuốn sách quan trọng khả dĩ giải mã cuộc cách mạng. Vì thế mà đang có căng thẳng giữa sứ quán và bác, và viên bí thư sứ quán tên là Hào, người quản lý nhà khách ấy đã nhiều lần to tiếng, gây gổ, muốn đui bác ra khỏi nhà.

Trong một quán café tĩnh lặng, ảm cúng, bác Thảo đã miệt mài kể lể, như có cơ hội được cởi mở tấm lòng, để xả ra những gì đang đè nặng trong đầu. Bác nói mà mắt cứ chăm chăm nhìn chúng tôi, như muốn phân trần, muốn tìm một sự thông cảm, muốn chia sẻ với chúng tôi nỗi niềm tâm tư, hoàn cảnh buồn thảm của mình! Nhìn nhà trí thức già nua, với nét mặt u buồn, trong thân phận khiêm tốn, đã làm chúng tôi vô cùng xúc động. Bác Thảo lúc ấy nổi bật như một biểu tượng, một hiện thân bi thảm của một đất nước, một dân tộc bất hạnh. Làm sao có thể làm ngơ trước những điều đau lòng đang được trải ra một cách tủ nhục như vậy. Một nhà tư tưởng, một thời danh tiếng, mà nay phải ngửa tay cầu cứu tới những kẻ bình dân như chúng tôi để mưu sinh!

Trước thảm cảnh đó, mấy anh em chúng tôi đã không do dự mà định kêu gọi âm thầm thành lập một tổ chức nhỏ, trong vòng thân mật, để cùng nhau giúp bác về vật chất và phương tiện để hoàn thành cuốn sách ấy. Anh em gọi tổ chức đó là “Nhóm thân hữu Trần Đức Thảo” (Amicale Trần Đức Thảo). Tất cả bạn bè khi hay biết câu chuyện đều háng hái đi hô hào đóng góp cho sự trợ giúp này. Chính nhờ sự xuất hiện của tổ chức ấy mà phía sứ quán bớt sách nhiễu, bớt gây gổ, chèn ép bác. Và tôi cũng được biết lúc đó anh Lê Tiến là một trong những Việt kiều tận tụy đứng ra trực tiếp lo cho bác Thảo.

Tôi đã vận động khá dễ dàng được vài người tham gia đóng góp. Mấy bạn tôi khi nghe tôi nói về hoàn cảnh khó khăn, của nhà triết học, thì chẳng những họ không do dự mà còn vui vẻ mở ví (bóp) ra ngay. Tôi đã trao cho anh Tiến khoản đóng góp thu được rất mau lẹ ấy. Nhưng đấy là lần trao tiền đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Vì sau đó thì vấn đề trợ giúp không còn cần đặt ra nữa!

Anh Tiến, một khuôn mặt quen biết của giới Việt kiều, rất ưu ái bác Thảo, nên đã tạo điều kiện để lui tới dễ dàng nhà khách số 2 Le Verrier. Tại đây anh đã nhờ được một bà giúp việc có trách nhiệm quét dọn trong căn nhà ấy để ngầm chăm sóc bác Thảo. Tôi cũng đã có dịp gặp gỡ bà này vài lần. Đấy là bà Bích Hồng, một thiếu phụ từng có một dĩ vãng vất vả của một “con hát” thời xa xưa..

Bà Bích Hồng hồi trẻ là một ca nương, có lẽ cũng có nhan sắc. Bà biết kéo nhị và biết hát các thứ ca dân gian của miền bắc, như quan họ, châu văn, hát chèo, hát xẩm... Có dịp họp văn nghệ thân mật ở Paris, bà Bích Hồng cũng thích trưng diện bộ áo diêm dúa, ngoạo mực đầy màu sắc của một ca nữ trên sân khấu, để kéo nhị tự đệm cho mình hát. Bà có tình tình vui vẻ, hay giúp đỡ mọi người, rất tốt bụng. Có lúc bà tâm sự: vì lấy chồng rồi theo chồng về Pháp. Nhưng ít lâu sau, thì ông chồng qua đời. May là bà được một người giới thiệu, nên bà tìm được việc làm quét dọn ở đây, để sống cho qua ngày. Công việc ấy bà làm để đổi lấy miếng cơm và chỗ ở cho yên thân thôi, chứ không có lương.

Từ khi tới ở trong nhà khách ấy, bác Thảo đã tìm thấy nơi bà Bích Hồng một nguồn tin tức về sinh hoạt và tính tình từng người đáng sống tại đây. Đó là một mảng xã hội Việt Nam đương đại, đã được tách ra với nguyên vẹn các sắc thái phức tạp, để mang sang đặt vào trong căn nhà này. Vì ở đã có đủ các thói xấu hạch sách, “cửa quyền” của cách mạng. Kể hơi có hơi hướng quyền hành, thì ý mình là “người của sứ quán”, kể thì quen thói chui luôn qua quy định, luật lệ, kể thì ganh ghét nhau, tố cáo nhau và ưa bàn, ưa nghe chuyện miệng tiếng thị phi. Ngoài mặt thì ai cũng nặng tình nghĩa đồng bào cùng máu mủ đang sống nơi quê người, nhưng hành xử thì tàn nhẫn, kinh chống nhau như kẻ chợ với người dung. Bà Bích Hồng khuyên bác Thảo: “Sống ở đây là bác phải cảnh giác: cái gì cũng có thể bị báo cáo lên sứ quán!” Khi nghe thấy lời khuyên ấy, bác đã phải buột miệng than: “Ở đây mà cũng có vấn đề sợ bị báo cáo sao?”

Chính bà Bích Hồng này, trong nhiều trường hợp khẩn cấp, đã trở thành người lên ra ngoài gọi điện thoại báo cho chúng tôi biết, khi bác Thảo bị đau ốm, cần sự giúp đỡ cấp bách của chúng tôi. Cho tới khi bị sứ quán gây áp lực tới mức không còn lối nào thoát, thì ngoài mặt bác Thảo đành tỏ vẻ chấp nhận bỏ dở dự tính công bố cuốn sách ở Paris, để được tạm yên... Đồng thời bác gấp rút đi tìm sự trợ giúp ở bên ngoài, nơi những bạn bè mới quen biết qua mấy buổi diễn thuyết tại Nhà Việt Nam, cố tìm ra một lối thoát. Do vậy mà bác đã có thái độ thành thật cởi mở với chúng tôi. Bác gây ngạc nhiên khi tiết lộ rằng vụ Nhân Văn - Giai Phẩm là do chính “lãnh đạo tối cao” đã ra lệnh phải nhắm mũi dùi vào bác mà “đánh”. Bởi đối tượng phải triết hạ chính là Trần Đức Thảo! Từ đó trở về sau, cuộc đời Trần Đức Thảo đã trở thành sự đối đầu âm thầm, bất đắc dĩ, vô cùng phức tạp với “lãnh tụ”, với “đảng”. Phức tạp vì thường xuyên phải sống như đi dây giữa hai thế lực: phe này muốn dứt khoát loại bỏ bác, phe kia là những tay ít cuồng tín, họ e ngại làm như thế thì sẽ có phản ứng ồn ào, gây tai tiếng trong dư luận quốc tế, chi bằng cứ ngầm quản thúc bác ở gần trung ương, cứ giam lỏng bác ở Hà Nội, nhưng sẽ không để cho có một hoạt động nào có ảnh hưởng về mặt chính trị. Vì vậy mà đã có nhiều lần, bác Thảo được mời tham dự những buổi tiếp tân có khách nước ngoài, được tham gia phái đoàn đi tham quan Trung Quốc, Liên Xô, Cộng Hoà Dân Chủ Đức... Trong những chuyến đi này, người ta đã tạo cơ hội để bỏ bác ở lại, sau khi phái đoàn về nước. Nhưng bác đã nhất định không chịu ở lại nước ngoài. Do vậy, bác Thảo trở thành một đối tượng bị chính quyền vừa canh chừng, vừa muốn đuổi đi, vừa bị sử dụng như một món đồ trang trí cho cách mạng và chế độ. Nhưng trong thực tế thì bác Thảo vẫn không ngừng tìm cơ hội để nêu lên những suy nghĩ của mình trước các hành động quá trớn của “đảng”, tức là của lãnh đạo.

Và bác nhấn mạnh:

- Thật sự là luôn luôn có mâu thuẫn, có xung đột ngầm, đôi lúc cũng khá gay go, giữa “lãnh đạo”, tức là giữa

“ông cụ” và tôi. Chỉ vài cán bộ cấp cao đặc trách cộng tác quản lý tôi là biết rõ có tình trạng đối đầu này. Họ cai quản tôi với hai mục tiêu do “bên trên” đề ra: phải canh chừng không cho tôi gây ảnh hưởng với những người chung quanh, đồng thời thường xuyên tìm hiểu, theo dõi chặt chẽ những chuyển biến trong đầu óc tôi về mọi vấn đề. Bởi tôi chăm chỉ dùng thời giờ để quan sát, suy nghĩ và ghi chép những trải nghiệm của tôi. Tuy nhiên tôi không dám đưa ra công khai tất cả việc tôi làm. Thực tế là lãnh đạo, tuy đúng xa, tuy là gián tiếp, nhưng vẫn luôn luôn chú ý tới từng bước chuyển biến tư tưởng của tôi. Có lúc tính mạng tôi bị đe dọa nặng nề do sự bướng bỉnh của tôi, nhưng lãnh đạo đã kịp thời phái cán bộ cấp trung ương tới cứu tôi. Thùng thủng tôi sẽ kể cho các anh nghe những va chạm của tôi với chính sách, với các hành động của cách mạng. Thực ra chỉ là với lãnh đạo. Mà các anh cũng nên biết rằng trong vấn đề đối xử với tôi, chính “ông cụ” cũng luôn luôn chịu sức ép của một thế lực lớn lao, nên “ông cụ” cũng rất e ngại tay chân tai mắt của thế lực ấy. Đây là cả một cỗ máy thống trị của ý thức hệ mà trọng tâm của nó nằm ở Bắc Kinh hay ở Mátxcova!

Những lời lẽ chân thành, giảng giải li kỳ như thế đã làm cho sự hiểu kỳ của chúng tôi lại càng tăng. Sau này thì tôi hiểu rằng bác Thảo rất cao tay về mặt tâm lý: bác đã biết cách gây ảnh hưởng nơi chúng tôi. Bác cố ý, nhưng cứ úp mở, để chúng tôi hiểu rằng đối thủ tư tưởng của bác trong bao nhiêu năm sống như bị quản thúc tại gia ở quê nhà, chẳng phải ai xa lạ mà chính là “ông cụ”! Mà ông cụ thì cũng chẳng tự do sung sướng gì, vì trên đầu “ông cụ” cũng luôn luôn có một bóng ma quái ác nó đè lên thân phận ông cụ.

Rồi bác Thảo nói dần từng tiếng để lưu ý chúng tôi:

- Chính vì vậy mà cái mạng Trần Đức Thảo này lúc nào cũng sống như vừa có một thiên thần hộ mạng, vừa có một thanh kiếm độc ác treo lơ lửng ở trên đầu!

Rồi bác Thảo lại giải thích tiếp:

- Tôi biết chỉ cần một sơ hở nhỏ, hé lộ ra một tư tưởng bị đánh giá là “phản động”, là sẽ mất mạng như chơi. Bởi chung quanh tôi toàn là những kẻ cuồng tín, sẵn sàng ra tay khi có lệnh của một thế lực nào đó ở “bên trên. Một góp ý xây dựng của tôi rất dễ bị xuyên tạc để bị hiểu khác đi như một lời công kích. Chỉ vì chính “ông cụ” đã đánh giá tôi một cách tiêu cực, và đã lưu ý các thuộc cấp, rằng tôi là một “kẻ có vấn đề”! Cách đánh giá mơ hồ mà độc địa ấy trong thực tế là một bản án vô phương kháng cáo. Tôi luôn luôn tự nhủ: phải cố làm sao cho những kẻ cuồng tín này hiểu ra được những hành động sai trái, ác độc, tai hại của họ đối với tôi. Vì chẳng những tai hại cho tôi, mà còn tai hại cho “đảng”, tai hại cho cả tương lai của dân tộc. Vấn đề trước mắt là phải phân tích, phải chứng minh sao cho sáng tỏ sự thật rằng một hành động, một chính sách, một phương pháp độc ác như thế không thể nào sinh ra được kết quả tốt. Muốn vậy thì phải xây dựng cho bằng được một lý luận có căn bản triết học thật trong sáng, thật vững về mặt tư duy, khả dĩ hoá giải được sự cuồng tín. Một hoài bão như thế đã tạo cho tôi một niềm tin. Niềm tin ấy trao cho tôi một nhiệm vụ. Phải nêu ra một lý luận có giá trị tư tưởng vững chắc để sớm muộn gì cũng sẽ đạt tới mục đích là chỉ ra những sai lầm... Tôi tin rằng nếu không đạt được mục tiêu ấy lúc còn sống, thì rồi cũng sẽ đạt được sau khi chết. Bởi sức mạnh của sự thật không bao giờ suy giảm, càng bị che giấu thì nó càng trởi dậy. Nghĩ như vậy, tin như vậy, nên tôi đã giữ được tinh thần chịu đựng mọi gian nan, khổ ải. Tôi vững tin sẽ có ngày tôi đi tới đích. Ít ra thì tư duy của tôi cũng sẽ dẫn đường cho người sau tôi đi tới đích, tới chân lý. Các anh cũng nên tin như vậy đi, tôi không lừa dối các anh đâu, Bởi lẽ sống của Trần Đức Thảo này không phải là để lường gạt một ai, mà chỉ là để tìm cho ra con đường đưa mọi người tới chân lý, để cùng nhau hiểu rõ mọi vấn đề, để cùng nhau thấy rõ thảm kịch của dân tộc ta, mà cũng là cả của nhân loại.

Quả thật là chúng tôi đã bị lôi cuốn bởi những lời tâm sự chân thật, đầy tự tin như thế. Nó đã gây chấn động mạnh nơi chúng tôi. Bởi đây là những phân tích đã hướng dẫn, đã soi sáng chúng tôi, đã tạo ra khát vọng tìm hiểu nguồn gốc của mọi vấn đề. Thế nên, càng nghe bác kể, đầu óc càng như được đánh thức dậy, càng học hỏi thêm được nhiều điều. Trước đó, qua mấy buổi diễn thuyết, chúng tôi thấy bác Thảo có cái vẻ một giáo sư triết học đã già nua hơi lắm cảm, đã lỗi thời. Hơn nữa, từ cái “lý thuyết của hiện tại sống động” do bác truyền đạt, tới cái “lô- gích hình thức và biện chứng”, nghe vậy thì biết vậy, nhưng vẫn thấy nó quá trừu tượng, quá triết học, quá sách vở, nghĩa là khá xa với cuộc sống vất vả của chúng tôi ở Paris, nơi mà “các vấn đề của tư tưởng”, đối với kẻ phàm phu, ngoại đạo như chúng tôi, chỉ là những món ăn khó tiêu ít ai ưa chuộng, ít ai muốn tìm hiểu: “tìm hiểu làm gì cho nó một óc vô ích”!

Có lúc tôi không dấu thái độ hoài nghi của tôi với vấn đề triết học của bác nên tôi hỏi:

- Bác có thể vấn tất giải thích cho chúng tôi hiểu tại sao lại phải cần tới phương pháp tư duy theo quy luật “phủ định của phủ định” như vậy không?

Bác Thảo trầm ngâm im lặng một lúc rồi đáp:

- Các anh không cần thấm nhuần các quy luật tư duy triết học ấy, nhưng ít ra thì các anh cũng nên hiểu rằng quy luật tư duy ấy là phương pháp gạn lọc những kinh nghiệm, những hành động trong sự vận động của cách mạng trong thời gian. Việc vừa làm xong, vừa thực hiện được thì không nên coi nó như đã vĩnh viễn hoàn hảo. Phải coi việc đó, cách làm đó là còn có thể cải thiện, bằng cách chỉ giữ lại những gì là tốt, và loại bỏ ngay những gì bị coi là xấu. Nhờ sự cải thiện thường xuyên ấy, tức là từng bước phủ định phần xấu mà ta vừa làm, để ta có một cái gì mới tốt hơn cái đã đạt được. Như vậy là ta luôn luôn phải phủ định một phần những gì đã làm để đạt tới những cái mới ngày càng tốt hơn, ngày càng sáng sủa, ít xấu hơn. Quy luật phủ định của phủ định đòi hỏi sự vận hành cách mạng không được ngưng lại ở một chính sách, hoặc ở một tổ chức, một cơ chế vĩnh viễn nào cả. Không có cái gì cứ đứng yên một chỗ, bất biến, cố định, là vĩnh viễn đúng, vĩnh viễn tốt. Tất cả phải diễn biến theo quy luật phủ định của phủ định trong thời gian. Điều này thật là quan trọng đối với từng cá nhân, nhưng nó càng quan trọng đối với một chính sách của “đảng”, của nhà nước... Tôi nói khái quát như vậy, không biết các anh có chấp nhận được không?

Những mẩu chuyện tâm tình cứ xen kẽ với những suy tư, lý giải như thế, đã dần dần tác động vào đầu óc lười suy nghĩ của chúng tôi. Vì nó gợi ý, nó gây cảm xúc, vì cái sức truyền đạt ưu tư rất mãnh liệt của một khối não đang trong thể sôi sục đến độ sắp nổ tung ra, làm cho người nghe phải từ bỏ thái độ vô cảm, thờ ơ, xa lạ, dửng dưng, để cảm nhận một sự thật nhức nhối, vừa khai sáng, vừa thúc giục, làm nảy sinh một ý chí liên đới với thời cuộc, thời sự... gây thành một ý thức trách nhiệm cao đòi hỏi phải có phản ứng trước thời cuộc, phải hành động... Những gian truân đã ném trải của bác Thảo như thế đã khuấy động tâm tư của những kẻ chán nản thời cuộc, đã muốn bỏ cuộc để mưu tìm cuộc sống tha hương yên ổn như chúng tôi.

Những nhận định thời cuộc, những tâm sự luôn luôn căng thẳng như thế, đã làm cho mối liên hệ giữa bác Thảo với chúng tôi trở thành gắn bó hơn, như những đứa con trong một gia đình đang hết sức lo âu trước một nguy cơ đang tới, vì mái nhà sắp sập đổ. Từ đó, chúng tôi thấy như có bốn phận phải chăm sóc con người trí thức giàu từng trải, đang trong cơn bão lốc suy tư này... Bởi bác Thảo đang tỏ ra là một tâm trí rất ân hận, u uất về cái dĩ vãng câm nín của mình: Bởi tuổi tác đã cao, thân xác tiêu tụy, hoàn cảnh bế tắc, túng quẫn, nên nay như vội vã, hấp tấp muốn xả ra tất cả những gì đã hung nấu, tích lũy trong cái thời câm nín ấy. Những lần gặp gỡ để tâm sự dần dần tăng, mức độ căng thẳng của câu chuyện cũng tăng: mới đầu mười ngày một lần, sau thành hai lần một tuần. Bởi càng gặp bác càng muốn nghe tiếp những những trải nghiệm nghiệt ngã của bác. Gặp bác Thảo là bị bác dẫn đi lùi vào dĩ vãng phức tạp, li kỳ khó hiểu, qua những con đường chằng chịt của suy tư triết học. Sa vào những ưu tư ấy y như bị cuốn hút vào một phim trình thám, mà nhân vật chính đang mắc kẹt trong một tình thế nguy hiểm, đang cố tìm lối vượt thoát... mà khán giả hồi hộp thấy rõ nguy nan, không chắc gì sẽ tìm được lối ra.

Chúng tôi thấy bác Thảo lúc ấy rất thảm thương, đang trong tình cảnh một cái xác tả tơi của một con tàu đã bị bầm đập bởi bao giông bão, nay bị sóng gió thời gian đánh trôi giạt vào đất liền và đang bị mắc cạn tại cái đất... Paris này, mà thuyền trưởng đang như bắt lực không còn có thể lái đưa con tàu trở ra khơi! Không còn dấu vết gì của cái thời đã từng tranh luận tay ngang với Jean Paul Sartre!

Sau bốn chục năm vắng mặt ở Paris, nay bác Thảo trở lại đây như một cái bóng mờ của một nhà triết học. Bởi khi gặp chúng tôi lần đầu, bác tỏ ra dè dặt nghi ngại, nói năng ý tứ, khá lúng túng, cứ như muốn giấu giếm mình, chứ không thành thơi, thoải mái, tự nhiên như mọi người. Nhất là việc bác đã nóng nảy gây căng thẳng bất ngờ qua mấy lần gặp gỡ đầu tiên với một số bạn bè cũ, và với một tờ tạp san chuyên về triết học, chuyên luận bàn về các vấn đề cách mạng... Đến nỗi dư luận đã có nhận xét rằng bác đang mang nặng một tâm thần hoang loạn của kẻ đang bị ám ảnh bởi một nguy cơ đe dọa tính mạng, đang bị truy lùng bởi một thế lực hung bạo...

Nhưng rồi qua những buổi tâm sự, bác dần dần bộc lộ cả một ý chí muốn vùng dậy để hành động, với một ký ức trải nghiệm với những lý luận, lý giải tới tận cùng của suy tư, nó tích tụ từ một thời câm nín kéo dài suốt mấy chục năm, sống như bị lưu đày ở chính quê hương mình. Toàn là những sự thật sôi động được khai ra, càng lúc càng kinh khủng! Chúng tôi không thể không chú ý tới những gì thuộc về cuộc đời và sự nghiệp của cụ già đau khổ này, nhất là vào lúc người hiệp sĩ đang trong tư thế vươn vai đứng dậy để quyết đánh một trận cuối cùng ở... trước mắt chúng tôi...

Ngay từ lúc đó, chúng tôi bị cuốn hút vào giòng thời sự, vào những sôi động của chế độ chính trị, của cung cách cai quản xã hội ở quê hương. Chúng tôi chú ý nhiều hơn tới thời sự, tới những tương quan chính trị thế

giới với vận mệnh của những dân tộc nhược tiểu, rồi là vào cả những vấn đề của triết học và... con người! Rồi những điều đó bắt buộc chúng tôi phải suy nghĩ nhiều hơn về thân phận của của chính chúng tôi. Trước những tiết lộ cay đắng của bác Thảo, tôi đã hỏi thẳng:

- Bị ngược đãi như thế thì bác có oán thù họ không?

Bác phản ứng rất mạnh, trợn mắt, lắc tay lia lịa:

- Ấy chết! Đừng bao giờ nghĩ rằng tôi sang đây là để tìm cách trả oán, trả thù, hoặc để reo rắc thêm chia rẽ. Xưa kia thì quả thật có lúc tôi đã mù quáng, vì bị hận thù chi phối, có lúc đã viết, đã dùng ngôn từ của thù hận, để xỉ vả kẻ này, đá kích bọn kia. Lúc ấy tôi chỉ là một người cộng sản có đầu óc đấu tranh cuồng nhiệt đến mức cuồng tín, do hận thù chủ động. Nhưng bây giờ khác rồi, giả rồi, đã có kinh nghiệm trong thực tại cách mạng, nên đã thức tỉnh. Tôi giờ đây là một người vừa bừng tỉnh sau cơn ác mộng dài trong xã hội chủ nghĩa, nghĩa là tôi đã giác ngộ. Bởi sau khi đã sống chìm đắm trong hận thù, thì rồi tôi mới nhận ra thù hận không phải là một thái độ tỉnh táo để tìm hiểu, để giải quyết vấn đề. Thù hận chỉ làm cho tình hình thêm phức tạp, làm cho chính mình lâm vào bế tắc. Vì hận thù không thể giải quyết bất cứ vấn đề gì. Nó đã chẳng giải phóng được ai. Nó chỉ gây đau khổ cho mọi người và chính mình.

- Tại sao bác không như những người cộng sản vẫn tin tưởng thù hận là động cơ cực mạnh để âm hành động cách mạng tới thành công?

- Tôi đã nghiệm ra rằng cuối cùng những hành động do thù hận không thể nào đưa tới thành công. Tại vì hận thù là tố chất tâm lý bệnh hoạn rất truyền nhiễm, rất độc hại. Nó đưa tới tình trạng mù quáng trong nhận định, nó dẹp bỏ lương tri, nó mở đường hành động cho mọi thủ đoạn gian xảo và tội ác, nó tạo ra nguyên tắc "cứu cánh biện minh cho phương tiện"... Nguồn gốc của thù hận trong xã hội ta ngày nay là do tình trạng đất nước ta đã một thời bị chìm đắm trong bầu không khí cuồng tín, vì lãnh thổ đã bị chia cắt thành hai chế độ với hai lá cờ, với lời thề quyết tiêu diệt nhau để thống nhất lại lãnh thổ...

Sự chia cắt tàn nhẫn này là một thứ tập tục áp đặt có tính quốc tế, đã có từ lâu trong lịch sử. Chỉ tính từ sau đệ nhị thế chiến, thì đã có sự chia cắt vô cùng tàn nhẫn các vùng lãnh thổ, như ở Cận Đông, nó đã gây ra thảm họa Israel- Palestine, như ở vùng Balkan, ở các vùng biên giới giữa Balan và Đức, giữa Balan và Nga, rồi là sự phân chia lãnh thổ của Đông và Tây Đức, sự phân chia đã cấu tạo rất gượng ép các phần lãnh thổ của nước Nam Tư, rồi sự cắt lãnh thổ thành hai ở Triều Tiên, rồi tới quyết định chia cắt lãnh thổ nước ta cũng vậy... Tất cả những chia cắt trắng trợn ấy, đều có hậu quả lâu dài, cả trăm năm sau nó vẫn còn tác hại, dù nói chỉ là tạm thời! Đây là những dàn xếp tàn nhẫn, do chủ mưu, mặc cả, chia chác quyền lợi, ảnh hưởng giữa các nước lớn với nhau, để áp đặt, bất chấp nguyện vọng của các dân tộc trong các vùng, tại các nước bị chia cắt. Các nước lớn đã chơi trò dựng lên những ý thức, những lý tưởng, những tâm lý phân biệt hệ chính trị, phân biệt biên giới địa lý, đi duy trì sự chia rẽ trong đầu thàng dân nhược tiểu một cách lâu dài, để phe này kiên trì cầm súng bắn giết phe kia, để nuôi dưỡng chiến tranh cục bộ. Bức tường tâm lý có ảnh hưởng sâu rộng và mạnh mẽ nhất chính là bức tường ý thức hệ. Bức tường này đã chia hai thế giới: một bên là ý thức hệ xã hội chủ nghĩa, lấy nguyên tắc mác- xít đấu tranh giai cấp làm động lực, bên kia là ý thức tư sản, tư bản, lấy lý tưởng tự do dân chủ làm động lực. Tất cả các lãnh thổ bị chia cắt, các dân tộc bị chia rẽ đều do các nước lớn vũ trang, bằng cả tinh thần lẫn vật chất, để trở thành những ngòi nổ của các cuộc chiến tranh cục bộ, thường là rất đẫm máu. Thế mà lãnh đạo mỗi phe, của mỗi phần lãnh thổ bị chia cắt ấy, cử khoe tài, khoe trí, cam kết sẽ "đưa dân tộc, đất nước tới chiến thắng!" Đau đớn và mỉa mai nhất là trong lúc các nước nhỏ diễn trò anh em bắn giết nhau, thì lãnh đạo các nước lớn vui vẻ thăm viếng nhau, mở yến tiệc khoản đãi nhau, để tìm cách thông cảm nhau, tránh trực tiếp đụng độ nhau! Đồng thời họ tiếp tục tuôn vũ khí vào các nước nhỏ để nuôi chiến tranh. Là một nhà triết học như tôi, thì phải tìm hiểu để biết nhìn sâu và xa hơn qua những cuộc chiến tranh cục bộ, huynh đệ như thế. Vì sau khi đã chiến thắng, thì còn lại biết bao đau thương mà người dân, ở cả hai bên chiến tuyến, phải gánh chịu. Do đó tôi phải bỏ công nghiên cứu, phân tích... để giải mã những độc hại của chính sách chia cắt, chia rẽ mà người ta đã chụp lên đầu dân tộc. Tôi muốn phổ biến sự hiểu thấu những độc hại vô cùng của thứ chiến tranh cục bộ. Tôi muốn chỉ ra tính nghiêm trọng của những quyết định đã đưa tới chiến tranh, hoặc là đã mở lại chiến tranh. Những quyết định ấy đã tạo ra hoàn cảnh bất người dân phải trở thành nạn nhân của chia cắt, chia rẽ, phải cầm súng bắn giết nhau... Chúng ta phải thương cảm những người đã phải cầm súng, ở cả hai phía, vì họ chỉ là những kẻ thừa hành.

Phải vì tinh thần dân tộc mà kính trọng họ, hiểu họ, dù ở bên này hay bên kia chiến tuyến, tất cả họ đều đã cầm súng chiến đấu với một lý tưởng, với một chính nghĩa ở trong đầu, để hăng hái xung phong "giết thù" mà kẻ thù ấy chính là anh em một nhà!

- Chính vì trong thực tế đất nước bị chia cắt lãnh thổ, dù chỉ là tạm thời, nhưng nó đã tạo thành hai chính quyền, hai chủ quyền, hai lý tưởng, hai lá cờ... Để rồi chung ta hăng say cầm súng giết nhau như giết "kẻ thù"! Chúng ta đã làm điều phi lý ấy với lời "thề phanh thây, uống máu quân thù"! Bên này kết tội bên kia là tay sai

của đế quốc. Chúng ta đã quên hẳn yếu tố tự nhiên của lịch sử là cùng một gốc tổ tiên, dân tộc, cùng một tiếng nói, cùng một truyền thống văn hoá... Trong khi trước mắt ta, là những kẻ khác ngôn ngữ, khác lãnh thổ, khác quyền lợi dân tộc đối với ta, thì họ đã tạo ra sự chia cắt lãnh thổ ta, chia rẽ dân tộc ta, lợi dụng cơ hội để can thiệp vào nội bộ chủ quyền ta, có khi là để gặm nhấm lãnh thổ của ta mà ta không nhận ra đấy mới thật là kẻ... thù!

Bác Thảo lúc đầu nhấn mạnh, như cổ phân trần:

- Nay chúng ta phải sáng suốt mà phân tích, mà suy nghĩ về hoàn cảnh và các yếu tố chia cắt; chia rẽ này, để thấy rõ chúng ta chỉ là những nạn nhân, đau đớn của những kẻ có trách nhiệm làm lịch sử. Có thể nói họ đã làm hỏng lịch sử. Họ đây chính là lãnh đạo. Xét riêng về cái ý thức hệ xã hội chủ nghĩa, do Lenin tùy tiện khai triển tư tưởng Marx, chẳng qua đó cũng chỉ là phương cách để duy trì, để tham lam nắm lại toàn bộ di sản đế quốc do thời Sa hoàng để lại, để lại giam hãm các dân tộc chư hầu của thời Sa hoàng vào trong một gông cùm kiêu mới, với cái tên đẹp hơn: “khối các nước xã hội chủ nghĩa anh em”. Bây giờ thì mọi người đều thấy cái khối Liên Xô ấy, thực chất là một đế quốc đồ, nó kim kẹp các dân tộc nhược tiểu quanh nó. Chính Liên Xô cũng đã từng đụng độ với một đế quốc đồ khác là Trung Quốc, chỉ vì quyền lợi quốc gia hẹp hòi, để bành trướng đế quốc! Và Bắc Kinh cũng đối xử với Tây Tạng, với Triều Tiên, với cả ta, theo tâm thức bành trướng đế quốc như thế, cũng dưới chiêu bài “khối các nước xã hội chủ nghĩa anh em”, giữa hai “láng giềng hữu hảo, môi hở răng lạnh”! Thực tế là đã hơn một lần, Liên Xô và Trung Quốc đụng độ nhau bằng quân sự ở các vùng biên giới của họ. Gần đây thôi, Trung Quốc cũng đã từng nhiều đợt đánh chiếm, gặm nhấm lãnh thổ Việt Nam ta. Cái đó nó chứng minh “khối các nước xã hội chủ nghĩa anh em” chỉ là thứ liên minh ma quái, quỷ quyệt, giả dối, một thứ bình phong che giấu rất vụng về những tham vọng bành trướng của đế quốc đồ. Tôi còn nhớ rõ hồi đầu thập niên 60, nhân dịp được tham gia phái đoàn sang thăm Bắc Kinh, nên đã được nghe Mao chủ tịch cam kết “năm trăm triệu dân Hoa Nam sẽ là hậu phương lớn để giúp các đồng chí tới khi chiến thắng”. Mọi người mừng rỡ vỗ tay! Riêng tôi khi nghe lời cam kết ấy mà cảm thấy rợn tóc gáy! Bởi tôi không bao giờ quên chỉ vài tháng sau khi chiếm được quyền hành ở Bắc Kinh, Mao đã vội vã xua quân qua chiếm Tây Tạng! Chọn Mao làm đồng chí, làm đồng minh thì tôi lo lắm. Không biết rồi sau này, đồng chí, đồng minh này sẽ đưa nước ta đi về đâu... Mao đã thúc ta phải căm thù bọn đế quốc tư bản Âu- Mỹ, và giúp đỡ rộng rãi vũ khí để ta “đuổi Pháp, đánh Mỹ ra khỏi lục địa châu Á” để tiến tới mục tiêu của khối xã hội chủ nghĩa là phải đánh gục khối tư bản theo đúng chiến lược lấy nước nghèo bao vây nước tư bản, lấy nông thôn bao vây thành thị...

- Chưa thấy ai nghĩ tới vấn đề nguy hiểm này. Tại sao họ phung phí vũ khí, công sức như thế mà không lo tới việc nâng dậy đời sống đói khổ của nhân dân ở trong nước họ, hoặc ở các nước nghèo? Họ nói cung cấp vũ khí như thế là làm nghĩa vụ quốc tế đối với các nước nghèo anh em. Thực chất đấy chỉ là sự tranh giành, mở rộng ảnh hưởng và quyền lợi của những đế quốc! Chẳng làm gì có tình, có nghĩa “anh em”, giữa nước lớn với nước nhỏ. Ta phải nhớ như vậy để suy nghĩ kỹ về thân phận nhược tiểu của dân tộc ta và đất nước ta, để tìm cách giải quyết sự thù hận giữa anh em chúng ta do mấy nước lớn tạo ra. Lãnh đạo thì muốn chặn dất nhân dân như một đàn cừu đã đi tới chiến thắng. Đế quốc nói coi ta là một “đồng minh”, nhưng thực chất là muốn biến ta thành một chư hầu ngoan ngoãn. Có bao giờ một đàn cừu, một chư hầu mà được nể trọng và thương mến đâu. Không bao giờ! Chẳng nên cả tin vào những điều không hề có. Chỉ có những những tay chính trị ngây thơ mới tin vào những điều không hề có ấy...

Câu nói ấy thật là bất ngờ. Vì lúc mới gặp, chúng tôi chỉ quen nghe bác ca ngợi tinh đồng chí của khối xã hội chủ nghĩa anh em, ca ngợi chủ nghĩa mác- xít của giai cấp vô sản, ca ngợi nghĩa vụ giải phóng các dân tộc của hai anh cả đồ Liên Xô và Trung Quốc! Từ lúc này, trước mặt chúng tôi, nổi bật một Trần Đức Thảo với những luận chứng vững chắc, soi sáng, với ngôn từ sáng sủa, mới mẻ. Mà đấy lại là những tiết lộ thẳng thắn, động trời, không còn úp mở, khác hẳn với những thái độ lo sợ của một Trần Đức Thảo rụt rè khiêm tốn, nói năng mệt mỏi... mà chúng tôi đã thấy mấy lúc gặp mặt lâu đầu, lúc bác vừa mới trở lại Paris. Do vậy mà chúng tôi rất hiếu kỳ muốn biết rồi bác Thảo sẽ nói thêm những gì trong các buổi thuyết trình sau đó. Khi bác nói để chuẩn bị giới thiệu nội dung của một cuốn sách rất đặc biệt, thì chúng tôi lại càng nóng lòng chờ đợi sự ra mắt của cuốn sách ấy. Vì tác giả của nó đang chứng tỏ một tâm trạng phẫn nộ, vùng dậy, y như người đang bồn chồn mưu đồ một điều gì không phải là bình thường, như đang chuẩn bị cho một biến động lớn... Và lúc ấy, bác Thảo bỗng mất hẳn cái vẻ tầm thường, cái nếp thụ động của những trí thức chỉ biết có “bác và đảng”, lúc nào cũng tụng câu kinh “nhớ ơn bác và đảng”, y như mấy cán bộ đảng viên “giáo điều”, được cử đi ra hải ngoại để đề cao chiến thắng, để tuyên truyền vận động dư luận bên ngoài ủng hộ “đảng” và chế độ! Nhưng nay thì con người ấy đang phải đi tìm chỗ nương thân, đang thành thật giải bày tâm tình để cuốn hút người nghe, để gọi lòng thương cảm!

Theo như tự sự thì lúc còn rất trẻ, bác rất tự tin vì đã có chút danh vọng trên diễn đàn triết học ở Paris. Và không ngờ rằng, vì cái trình độ tri thức xuất sắc đã lãnh hội ở Pháp, vì tính tình ngay thẳng bộc trực của mình, mà ngay sau khi về nước, bác đã mặc nhiên bị lãnh đạo coi như là một đối thủ tiềm năng nguy hiểm. Và hai con người đó đã coi nhau là kẻ có đầu óc xuất chúng, cùng mang nặng một tham vọng đam mê thực hiện lý tưởng cách mạng của mình, nhưng là theo hai phương cách khác nhau.

Nghe kể tới đó, tôi gắng hỏi:

- Trước khi về nước, bác có dự tính việc làm gì cụ thể cho quê hương không?

Bác đáp ngay:

- Là một nhà triết học, khi quyết định về nước, tôi mang tham vọng ngông cuồng là được tận dụng trí tuệ của mình để tranh thủ được tin dùng như là một trong những lý thuyết gia của cách mạng, để hoàn thành sứ mệnh cao cả của cách mạng, là giải phóng con người. Vì tôi nghĩ "ông cụ" cũng là một nhà lãnh đạo chính trị, nhưng có cao vọng tận dụng quyền lực tột đỉnh, bằng mọi phương tiện, bằng mọi giá, để thực hiện cho bằng được giấc mơ đánh đuổi đế quốc ra khỏi quê hương, để đánh gục tư bản chủ nghĩa, để cuối cùng là giải phóng người, nhất là giải phóng nhân dân lao động để cho họ được ưu tiên hưởng ấm no, tự do, hạnh phúc. Nhưng không ngờ, với thời gian, tôi dần dần nhận ra là lãnh đạo và mình, cả hai đều lao mình vào cùng một cuộc cách mạng, nhưng với hai quan niệm khác nhau, với hai tâm thức khác nhau, đến độ đối nghịch nhau, xung đột nhau... Vì cái nhìn của lãnh đạo chính trị đã ngưng lại, đã cố định trong giai đoạn cầm quyền. Còn cách nhìn của tôi là đi phải xa hơn, linh động hơn, nghĩa là phải từng bước tiến tới giai đoạn tối hậu của cách mạng là giải phóng con người.

- Nhưng cho tới nay, với chính sách đổi mới và mở cửa của "đảng", thì bác nghĩ sao về sự đóng góp của bác và của lãnh đạo?

- Thẳng thắn mà xét trong thực tế trước mắt, thì nhà tư tưởng là tôi đã chẳng đóng góp được gì mấy cho cách mạng. Còn lãnh đạo thì đã để lại một sự nghiệp bé tấc như dờ dang... Cuối cùng chỉ còn lại hư danh những chiến thắng phù phiếm, mà thực tế là một sự khánh kiệt và suy thoái về mọi mặt. Đến nỗi nay để cứu "đảng", cứu nước, đành phải mở rộng cửa rước đế quốc từ bản trở lại, để mời vốn tư bản tràn vào. Và thực sự là đất nước đang bị biến thành một thuộc địa kiểu mới của khối tư bản! Nghĩ mà đau, đã tốn biết bao nhiêu máu xương để dành độc lập, bảo vệ chủ quyền, mà này lại đi tới chỗ phải để cho tư bản nước ngoài tràn vào làm mưa, làm gió, để cho nó tự do tung hoành phát triển theo xu hướng bất chấp mọi hài hoà, bất chấp trật tự kỷ cương, bất chấp di sản văn hoá do tổ tiên để lại, để những bước quá trớn của nó phá tan môi trường sinh thái, biến đất nước thành một xã hội thịnh vượng giả tạo, một thiên nhiên què quặt, mất hẳn nền tảng hài hoà sinh thái. Càng phát triển theo cuồng vọng hiện đại giả tạo như thế này, thì sẽ càng ngày càng lún sâu vào bất công xã hội, vào tham nhũng thối nát, càng huỷ hoại môi trường. Vì lối phát triển này là chỉ chạy theo đồng đô-la Mỹ, không có luật pháp nghiêm minh, không còn một tinh thần đạo đức gì nữa. Càng nghĩ càng buồn! Đất nước ta đang bị cuốn vào cơn lốc phát triển điên cuồng, khắp khiêng không gì cản lại được nữa. Cứ như con người đã lún sâu vào con đường nghiện ngập ma tuý, thứ ma tuý của mãnh lực đồng đô-la, mỗi lúc, mỗi tác hại trầm trọng hơn! Các anh tin tôi đi, mười, mười lăm thế hệ nữa, chưa chắc đã xoả được cái nếp sống gian xảo, sống dối trá, sống cuồng, sống vội này. Bởi nó đã tự diễn biến thành một hình thức văn minh văn hoá mang nhãn hiệu "hiện đại" mất rồi. Khổ thế!

Bác Thảo lấy tay áo chặm nước mắt, khiến chúng tôi cũng xúc động, nghẹn ngào, vì tin đây là những lời tâm sự thành thật, đầy tâm huyết.

Riêng về buổi diễn thuyết đầu tiên của bác Thảo, sau khi trở lại Paris được hơn một năm, thì đã diễn ra khá đông vui tại Nhà Việt Nam, ở đường Cardinal Lemoine, quận 5 Paris. Đây là trung tâm văn hoá của Liên Hiệp Việt Kiều (Sau được gọi là Hội Người Việt Nam tại Pháp) do một nhóm trí thức trung thành với chế độ điều hành, nhưng do sứ quán tài trợ. Vì kinh phí thuê căn nhà ấy khá cao. Cơ sở sinh hoạt văn hoá này gồm một văn phòng ở bên ngoài, bên trong là một phòng kính lớn được trang trí như phòng hội, có thể chứa khoảng gần trăm chỗ ngồi. Nơi đó cũng có thể dùng làm phòng triển lãm hoặc trình diễn văn nghệ. Trên gác là một cửa hàng sách báo tiếng Việt xuất bản ở trong nước. Trên lý thuyết thì cơ sở văn hoá này do một giám đốc, là người của nhóm trí thức "Việt Kiều Yêu Nước" được sứ quán chọn để trông nom. Trong thực tế thì sứ quán, kẻ chi tiền thuê nhà, nên trực tiếp nắm quyền quản lý, Nhưng vì tình trạng lúc ấy, viên giám đốc lại là người chủ biên tờ Đoàn Kết, vừa mới sa vào tình trạng bất đắc dĩ, phải ly khai với sứ quán từ khi nảy sinh mâu thuẫn về lập trường biên tập tờ báo của hội.

Từ 1986, sau đại hội VI của đảng cộng sản cầm quyền ở Việt Nam, Hà Nội, theo chân Trung Quốc, đã bắt đầu dò dẫm chuyển mình sang chính sách “đổi mới” có vẻ cởi mở. Ở Paris, nhóm trí thức làm tờ Đoàn Kết cũng đã thức thòi theo đuổi một chủ trương biên tập mới, có tinh thần tranh đấu cho sự cởi mở tự do dân chủ ở trong nước, với thoả hiệp bắt thành vẫn là vẫn ủng hộ một “chế độ dân chủ độc đảng”. Họ muốn biến tờ báo thành một thứ diễn đàn đối lập dân chủ hợp pháp. Lập tức cảm tình và uy tín của tờ Đoàn Kết tăng lên. Trước đó thì số độc giả của tờ báo rất là lèo tèo, nay nó tăng vọt lên và tạo thành một luồng gió dân chủ trong dư luận của hội Việt kiều. Nó cùng với hai tờ báo tương tự của các nhóm Việt kiều tiến bộ khác, một ở Bỉ, một ở Canada, cũng đang nổi danh vì lập trường tranh đấu kêu gọi mở rộng dân chủ. Đó là thời mà bộ trưởng ngoại giao ở Hà Nội, là ông Nguyễn Cơ Thạch. Lúc đó có dữ luận rằng ông Thạch hứa sẽ đề bạt để cho ông giám đốc tờ Đoàn Kết ấy về giữ một giữ chức vụ quan trọng trong bộ ngoại giao. Nhưng rồi cái mùa xuân nở rộ ở Bắc Kinh ấy bỗng bị kết thúc đẫm máu, thật bi thảm ngay sau đó. Cuộc đàn áp ở Bắc Kinh đã khiến Hà Nội cũng lập tức có bước ngoặt “xiết lại”. Hậu quả là sứ quán ta ở Paris cũng phải trở mặt theo làn gió bắc thổi vào Hà Nội, không chấp nhận bất cứ đường lối “tranh đấu đòi dân chủ” nào, dù là “dân chủ độc đảng”. Vì vậy nhóm trí thức Việt Kiều làm tờ Đoàn Kết, bị ép buộc phải trả lại cái tên báo (manchette) Đoàn Kết cho Liên Hiệp Việt kiều, do sứ quán chỉ đạo, để li khai ra thành lập một tập san mới lấy tên là Diễn Đàn, Toàn bộ danh sách độc giả của tờ Đoàn Kết “bộ mới” ấy do ban biên tập nắm giữ, nay được chuyển qua cho tờ Diễn Đàn. Và từ đó ảnh hưởng tờ Diễn Đàn vươn lên tới đỉnh cao nhất của nó (cho tới tình trạng co cụm hiện nay chỉ còn là “tờ báo tài tử trên mạng”, vì tinh thần tranh đấu nay cũng phai nhạt dần). Lúc đó tờ báo càng thêm nổi tiếng khi ban biên tập công bố chủ trương dân chủ tiến bộ hợp thời đại, với phong trào vận động sưu tầm chữ ký vào một “bức tâm thư” kêu gọi mở rộng dân chủ thật sự ở Việt Nam, Với hi vọng một mùa xuân dân chủ sẽ nở rộ tại Hà Nội..

Hậu quả không gây ngạc nhiên là vì cả nhóm trí thức của tờ Diễn Đàn lúc ấy đã bị thất sủng, bị cấm về Việt Nam! Và rồi tờ Diễn Đàn còn bị đưa ra trưng bày trong nhà bảo tàng “tội ác Mỹ- Ngụy” ở trong nước. Phải hiểu rõ tình hình lòng cũng, cay đắng trong nội bộ của “Nhà Việt Nam” lúc này là như vậy, để thấy khó khăn và bế tắc mà bác Thảo đã gặp khi dùng nơi ấy làm diễn đàn cho các buổi diễn thuyết... để giới thiệu “một cuốn sách quan trọng” đang được biên soạn.

Buổi diễn thuyết đầu tiên đã thu hút khoảng gần một trăm khán thính giả, mà đề tài là “La Logique du Present Vivant”. Tiếp theo sau là mấy buổi thuyết trình về các đề tài: “Pour line Logique. Formelle et Dialectique”; “La pialectique Logique comme Dynamique Générale de la Temporalisation”; “La Théorie du Présent Vivant comme la Théorie de l'individualité”... (Tôi không dịch mấy đề tài này ra tiếng Việt, vì ngại bị mắc kẹt với thứ ngôn từ triết học còn rất lỏng lẻo của tôi! Đây là để lưu ý quý độc giả thông triết học).

Những buổi diễn thuyết nối tiếp nhau này, thường cách quãng vào những chiều thứ ba hoặc thứ năm. Nhưng số thính giả cứ giảm dần đi vì có lẽ đề tài quá khô khan, nặng tính triết học thuần túy. Đặc biệt là ở buổi thuyết trình áp chót, số khán thính giả chỉ còn trên hai chục người. Hình như ai cũng băn khoăn với những đề tài có vẻ quá lý thuyết như vậy thì nội dung và mục tiêu của cuốn sách sắp hoàn thành sẽ xa vời thực tại như những gì bác Thảo đã công bố trên diễn đàn triết học ở Paris những năm trước đây. Khán thính giả trung thành tỏ ra nóng ruột. Họ bắt đầu nêu thắc mắc về giá trị thực tiễn của mấy buổi thuyết trình, và cả của cuốn sách. Cái lý thuyết “hiện tại sống động” được mang ra phân tách tỉ mỉ như thế để làm gì? Thấy rõ đám khán thính giả trung thành ấy bắt đầu mệt mỏi, bởi họ chờ đợi một cái gì cụ thể, mới mẻ hợp với bầu không khí bắt đầu “đổi mới” đang sôi sục lên ở trong nước, vì thế, nay những thính giả tỏ ra đã mất dần kiên nhẫn..

Để giữ người nghe cho các buổi thuyết trình kế tiếp, trong những phút giải lao, diễn giả đã khéo léo tâm sự, để hé lộ điều mà mọi người chờ đợi, rằng mục tiêu của các buổi diễn thuyết này là sẽ đi tới “việc đánh giá lại một cách cơ bản triết học” hệ thống tư tưởng của vị tổ sư cách mạng là “ông Marx”! “Vi cho tới nay ở Việt Nam, chưa có ai dám đụng tới ông Marx, bởi họ không dám, hoặc không có trình độ để phê phán phương pháp phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa như tôi đã từng trải nghiệm ở Việt Nam!”

Tiết lộ này đã được khán thính giả vỗ tay vui mừng. Ai cũng hài lòng, y như vừa được chích cho một mũi thuốc bổ, chặn đứng căn bệnh mỗi mệ vì đã bị nghe hơi nhiều diễn giải chung quanh cái “lý thuyết hiện tại sống động”! Nhưng sự hé lộ sớm mục tiêu của các buổi diễn thuyết và nhất là của nội dung cuốn sách đang được gấp rút soạn thảo ấy đã làm cho vài thính giả bị bất ngờ đến kinh ngạc. Đó là mấy tai mắt “của sứ quán” và của đảng cộng sản Pháp.

Liền sau đó bác Thảo đã tâm sự với chúng tôi và cho biết bác đã “được” đại sứ Trịnh Ngọc Thái mời đến một cách khẩn cấp. Phía đảng cộng sản Pháp cũng có phản ứng tức thì: Tổng bí thư Georges Marchais, tuy đang bệnh nặng, cũng ra lệnh lập một tiểu ban điều tra và cho mời Trần Đức Thảo tới... để chất vấn!

Chương 3

Cảnh giác với “Hiện tại sống động”

Mấy hôm sau, bác Thảo gặp lại chúng tôi, và bộc bạch tiết lộ rằng hai cuộc gặp gỡ này đã diễn ra rất căng thẳng. Đây là hai cuộc tranh luận đã đưa tới một sự đổ vỡ sinh tử, một quyết định thảm khốc bất ngờ... đối với bác Thảo. Thế nên về sau, có thắc mắc là phải chăng sự tiết lộ quá sớm ấy, đã đưa nhà triết học tới chỗ... “lâm nguy tới tính mạng”? Mọi sự đảng lễ sẽ diễn ra xuôi xẻ tới lúc chót. Nhưng do bác Thảo tiết lộ sớm rằng phần kế tiếp sẽ đi tới sự đánh giá lại “biện chứng duy vật sử quan” của Marx, nhất là khi Marx đề ra những phương pháp xây dựng xã hội mới, con người mới... rồi thì sẽ là phần kết luận để giới thiệu một phương pháp tư duy mới do diễn giả đề xuất...

Nghe phong phanh về tiết lộ ấy, sứ quán tỏ ra rất cảnh giác và mời Thảo tới để thảo luận. Sau khi nghe trình bày cặn kẽ, đại sứ Trịnh Ngọc Thái nói một cách quyết liệt:

- Tôi không đồng ý với mục tiêu nghiên cứu và kết luận trái với đường lối của “đảng” như thế! Đồng chí tính sao thì tính.

Thảo cố thuyết phục:

- Xin cứ để tôi công bố lý thuyết ấy ra. Chắc chắn giới triết học, đặc biệt là phái mác-xít ở Paris này, sẽ xúm nhau vào phê phán nó. Lúc đó mới có thể thấy phần giá trị của nó là như thế nào. Dù sao thì đây cũng chỉ là một lý thuyết của tôi, nghĩa là nó chưa có một uy tín, uy lực nào cả. Hơn nữa nó không tính phá hoại hệ tư tưởng mác-xít. Vì kết luận của tôi sẽ là một sự tăng cường cho phép biện chứng, chứ không bác bỏ hay xoá bỏ hẳn nó. Công trình nghiên cứu của tôi hoàn toàn có tính xây dựng cho một quan niệm cách mạng mới, chứ không phải chỉ là đá kích hay phá hoại.

Cuối cùng, đại sứ Trịnh Ngọc Thái đứng dậy, bước ra khỏi văn phòng rồi nói vọng lại:

- Thôi! Việc đó là tùy ở đồng chí. Tôi không cấm cản đồng chí, nhưng tôi dứt khoát không đồng ý với việc đồng chí đang làm. Tôi không thể nhất trí với lập trường đi ngược lại với tư duy chính thống của đảng ta như vậy. Đồng chí tính sao thì tính.

Khi rời sứ quán, Thảo vô cùng bối rối và than rằng: “Ngay tại Paris này, tự do tư tưởng cũng khó thế sao?” Về vụ tranh luận thứ nhì thì đã diễn ra giữa mấy tay lý luận của đảng cộng sản Pháp và Thảo. Theo như chính bác Thảo kể lại một cách đầy do dự, vì bác không muốn nêu đích danh những người có mặt trong cuộc chất vấn ấy. Theo bác Thảo thì đây là một cuộc tranh luận quyết liệt, mang dáng dấp đe dọa, thanh trừng, đã làm bác buồn bực, thất vọng đến sợ hãi. Tôi cố hỏi:

- Ai đã tranh luận quyết liệt với bác? Có phải là tổng bí thư Georges Marchais của đảng cộng sản Pháp không?

- Không phải, vì tổng bí thư Marchais lúc đó đang đau ốm nên không dự. Trong buổi tranh luận với mấy người hôm ấy, có một tay đã tranh cãi rất gay go. Y lớn tiếng, tỏ ra rất quá khích. Y đã viện dẫn một lời phê bình đả kích mạnh mẽ lý luận của tôi, rồi y đã buông lời dọa nạt tới tính mạng tôi.

- Hẳn là ai?

- Hẳn không có uy tín gì trong đảng cộng sản Pháp, nhưng lời phê bình mà y nêu ra là của Balibar!

- Balibar là ai, làm chức vụ gì mà ghê gớm thế?

- Balibar là một giáo sư triết học cánh tả, còn tương đối trẻ, cũng nổi tiếng chuyên về tư tưởng Marx, y có lập trường mác-xít cực đoan còn hơn cả Marx nữa. Vì thế mà y đã bị trục xuất ra khỏi đảng. Nhưng ảnh hưởng của y trong đảng vẫn còn mạnh. Khi nghe phong phanh tin tôi muốn phê phán, đánh giá lại tư tưởng Marx, thì Balibar cho rằng tôi “có ý phản bội cách mạng khi nêu ra sai lầm cơ bản của Marx”!

- Trong tranh luận mà họ nói như vậy thì đâu có gì làm bác buồn bực đến thất vọng?

- Cuối cùng buổi chất vấn, có một tên lớn tiếng kết tội tôi là kẻ phản bội cách mạng, rồi y chỉ vào mặt tôi mà dọa nạt bằng câu: “Mày muốn làm thằng phản bội thì mày hãy coi chừng cái mạng mày đấy!”

- Mà tại sao bây giờ bác thấy cần phải làm cái công việc đánh giá lại tư tưởng của Marx? Marx đã mất hết ảnh hưởng trên thế giới từ lâu rồi mà...!

- Nhưng ở nước ta thì nó vẫn còn mạnh. Ta đã trồng cây tư tưởng của Marx, và cho tới nay thì cây đó vẫn cho toàn quả đắng. Phải tìm cho ra những tổ chất nhân quả của vị đắng ấy chứ. Tại sao lại cam chịu ăn quả đắng ấy mãi sao?

Rồi bác Thảo thú nhận là lời đọa nạt ấy đã làm cho mình mất tinh thần! Vì cách thanh trừng những kẻ phản bội trong các đảng cộng sản luôn luôn rất tàn nhẫn. Nghe tới đó, tôi hỏi bác:

- Như vậy thì ở Paris này, không có một người bạn Pháp nào bênh vực bác, ủng hộ việc bác muốn đánh giá lại tư tưởng Marx sao?

- Có chứ! Có nhiều chứ! Nhưng họ không phải là những nhân vật có vai vế trong đảng cộng sản hoặc trong giới triết học. Chính mấy người bạn Pháp, khi hiểu hoàn cảnh và ý hướng của tôi, đã hứa sẽ tìm cách giúp tôi phương tiện để hoàn thành cho bằng được cuốn sách này. Nhưng về mặt tinh thần và triết học thì chỉ có một người là đã tỏ ra rất nồng nhiệt, rất ủng hộ và động viên tinh thần tôi, đã thôi thúc và khuyến khích tôi. Ông ta bảo:

- Anh phải làm cho xong cuốn sách. Vì đó là một nhiệm vụ lớn cuối cùng của anh. Anh mà nản chí bỏ cuộc là anh có tội với triết học, với cách mạng, với cả quê hương và dân tộc anh.

- Ông bạn đó là ai?

- Đó là một người Pháp từng hết lòng ủng hộ cách mạng Việt Nam. Ông ta đã từng bỏ dạy học ở Sài Gòn ra bung sống và làm việc nhiều năm trong hàng ngũ cách mạng ta, rồi ra tới chiến khu ở miền Bắc ông là nhân chứng đã đưa ra ánh sáng dư luận Pháp vụ Nhân Văn - Giai Phẩm qua mấy cuốn sách rất được chú ý. Từ đó ông ta bị chính quyền cộng sản Việt Nam tẩy chay không cho về thăm lại Việt Nam. Tên ông ta là Boudarel. Ông ta cũng từng có hoàn cảnh như tôi. Vì ông ta đã từng bị dư luận Pháp coi là kẻ phản quốc, vì tội đã đi theo ủng hộ Việt Minh...

Sau đó, bác còn cho biết là cũng đã tìm gặp một vai vế trong giới triết học tiến bộ cánh tả là ông Paul Ricoeur, giáo sư triết ở Đại học, để than thở và phân trần với tất cả sự thất vọng và nỗi lo sợ của mình, và cũng là để cầu cứu... Sau này giáo sư Paul Ricoeur đã thuật lại cho nhiều người biết về tình trạng vô cùng hoảng loạn tâm thần của Thảo lúc gặp ông. Ông mô tả: "Thảo lúc ấy là kẻ đang bị ám ảnh bởi sự đe dọa tới tính mạng, nhưng chẳng ai coi sự than thở ấy là một điều cầu cứu cấp bách. Mấy người "bạn" Pháp ấy chỉ coi đó là tình trạng tiếp nối tự nhiên của một kẻ đã bị guồng máy cai trị độc đoán nghiền nát tư tưởng trong mấy chục năm bị kìm kẹp, bị đầy ải thân xác ở trong nước. Họ cho rằng giờ đây dù đã ra được nước ngoài rồi, nhưng Thảo vẫn sống trong sự sợ hãi. Đó chỉ là dấu hiệu căn bệnh tâm thần đã tới thời kỳ quá nặng, thần kinh bị suy yếu trầm trọng đến mức tâm thần hoảng loạn... với ý nghĩ có kẻ đang rình giết mình!

Nhờ sự chăm sóc ân cần và thái độ chân thành của chúng tôi, nên ngoài những buổi thuyết trình về những đề tài thuần túy triết học, bác Thảo như tìm lại được niềm vui khi gặp riêng chúng tôi, để giải bày tâm sự thường hơn, và bác cũng đã hiểu rằng chúng tôi không mấy quan tâm tới những đề tài nặng tính triết học. Bởi chúng tôi chỉ hỏi bác về những gì đã xảy ra cho bác, suốt mấy chục năm về sống ở quê nhà. Tại sao trong thời gian dài đặc kháng chiến và triển khai cách mạng như thế, mà bác chỉ viết được một số bài chẳng liên quan gì tới kháng chiến và cách mạng? Những lời giải thích đã làm chúng tôi thích thú. Bởi đấy là những tiết lộ độc đáo, những chuyện bên lề chính trị chưa thấy ai nêu ra. Thế nên sau mỗi buổi diễn thuyết, bác thường dành cho chúng tôi những giây phút cởi mở tâm sự đầy những tiết lộ li kỳ, liên quan tới những thực tại bác đã trải qua từ khi trở về quê hương.

Càng nghe kể, sự hiểu kỳ của chúng tôi càng tăng. Vì đấy là lúc đầu óc, trí nhớ của bác chứng tỏ một trí tuệ trong sáng, tế nhị; rất linh động đang phải đối phó với thực tại tàn nhẫn. Những lời kể bộc trực ấy đã xoá hết những định kiến đã có do bề ngoài khiêm tốn của một nhà triết học già nua, có vẻ đã lẩm cẩm.

Cứ như vậy, vào các ngày nghỉ cuối tuần, chúng tôi đều tìm cách mời bác Thảo đi ăn cơm trưa, hoặc ăn tối ở đâu đó, xong kéo nhau ra một quán café để ngồi nghe kể chuyện cho tới khuya.

Thoạt đầu chúng tôi tính hỏi thật khéo léo, tế nhị để bác Thảo chịu nói cho rõ điều mà bác vẫn muốn tránh né, tức là về những nội dung chính của cuốn sách sắp hoàn thành. Nhưng nhà triết học của chúng tôi tinh ranh hơn chúng tôi, nên đã đánh hơi ngay thấy hậu ý của chúng tôi, ông buồn rầu nói:

- Tôi biết các anh cũng như nhiều người bòn chòn muốn đốt giai đoạn để được biết ngay kết luận của cuốn sách. Nhưng xin đừng nóng vội. Tiết lộ sớm nội dung vẫn tất là một điều khó vì phải giải thích cặn kẽ mới có thể hiểu. Và lại đấy là một điều cực kỳ nguy hiểm cho tôi. Các anh có biết là tính mạng tôi đang bị đe dọa không? Các anh có thể nào ngờ rằng tôi đang sống trong căng thẳng nội tâm vì nguy cơ có thể sẽ bị cưỡng bách áp tải trở về nước hay không? Mà các anh có biết việc tôi trở lại nước Pháp kỳ này là vì người ta muốn vĩnh viễn tống đui tôi ra khỏi quê hương hay không?

- Sao lại có chuyện lạ đời như vậy? Tôi cứ tưởng chuyến đi này của bác là chuyến đi vinh quang, vui vẻ vì là

đi làm công tác ngoại giao, đi để vận động dư luận quốc tế ủng hộ chế độ cơ mà?

- Vui vẻ, vinh quang cái gì! Tôi đã bị tống đi biệt xứ, Với cái vé một lượt, chứ không phải vé khứ hồi! Có dịp tôi sẽ kể rõ cho các anh thấy tại sao tôi đã bị đuổi khỏi Sài Gòn, buộc phải đi Pháp mà không phải là để trở về Hà Nội! Thành ra bây giờ ta mới có cơ hội gặp nhau ở đây. Thủng thủng tôi sẽ kể rõ mọi chuyện ít ai biết, chứ các anh đừng quá chú ý tới cuốn sách. Tôi muốn kể để xả bớt ra những ức chế đang sôi sục trong tôi những ám ức đã tích lũy quá nhiều trong đầu... Đây là những những kinh nghiệm sống động để có thể hiểu rõ nguồn gốc của thâm kịch vẫn đang bao phủ lên thân phận dân tộc, lên đất nước ta. Nó đã đưa tới tình trạng suy đồi đạo lý trong xã hội ta ngày nay. Một xã hội đang bị ung thối bởi căn bệnh trầm kha bất trị, căn bệnh xảo trá, căn bệnh thủ đoạn của “đảng”. Rồi đây các anh sẽ khám phá ra những bất hạnh của dân tộc và quê hương chúng ta. Các anh cứ để tôi được tự do kể, nhớ tới đâu, kể tới đó được không?
- Dĩ nhiên là chúng tôi hoàn toàn đồng ý với bác.
- Vậy thì ta nên bắt đầu bằng điều gì bây giờ?

Để đánh tan cảm tưởng bị chúng tôi bị gò ép, tôi nêu ra với bác Thảo một câu hỏi thật là xa lãnh vực chính trị:

- Tôi thắc mắc là tại sao hồi ấy bác đã chọn môn triết? Sau này có lúc nào bác hối hận vì đã chọn con đường triết học nó đưa cuộc đời bác không tới biết bao nhiêu là gian nan, vất vả không?
- Anh hỏi câu ấy thật là hay. Vì ở trong nước nhiều anh em thân thiết, và cả những kẻ ganh ghét tôi, kinh chống tôi, họ đã hơn một lần mỉa mai, chửi rủa tôi rằng với cái tính lảm cẩm gàn bướng của tôi mà lại đeo thêm môn triết học nữa, nên đời tôi đã khổ mà còn gây khổ cho cả người chung quanh. Thật vậy, chỉ vì tại tôi mà không ít người đã bị vạ lây. Nhưng xin trở lại với thắc mắc của anh.

Bác Thảo ôn lại thời niên thiếu, rồi phân tích cho thấy mọi sự đã như được cấy vào trong tiềm thức từ lúc còn non trẻ. Lúc ấy, sau khi đã đậu tú tài phần một, học sinh phải chọn một trong ba ban để chuẩn bị thi tú tài phần hai tức là chọn một trong ba lớp học cuối của bậc trung học: hoặc ban toán, hoặc ban khoa học tự nhiên, hoặc ban triết. Thảo đã chọn lớp triết, tức là dự tính sau này sẽ theo học ban văn chương ở bậc Đại học. Bởi đã có chút thành tích về luận văn, Thảo có dự tính sau này sẽ học chuyên về những khoa nhân văn mà mình ưa thích.

Nhớ lại lúc thi môn viết của tam cá nguyệt cuối niên học, giáo sư Ner, trả lại bài luận triết vừa chấm. Bài của Thảo đứng đầu như thường lệ, nhưng với điểm cao không ngờ: 16 trên 20! Thông thường Thảo chỉ đứng đầu với điểm 13 hay 14 điểm là cùng. Lần ấy, Thảo còn nhớ rõ, đề thi là bình giải một câu của Léon Bourgeois: *“Danh dự cũng có thể là một nền tảng của đạo đức”*. Cả lớp, trừ Thảo, đều dài dòng tìm cách minh chứng câu đó với những bằng chứng, điển tích, nêu ra các hành động mưu tìm danh vọng qua các công trình vĩ đại, các chiến thắng vinh quang của những vĩ nhân thường thấy trong lịch sử thế giới. Tất cả như đã hành động vì danh dự để mang lại vinh quang cho xứ sở. Riêng chỉ có Thảo là đã bình bàn theo hướng khác hẳn.

Thảo chuẩn bị vào đề bằng cách định nghĩa, phân tích kỹ khái niệm danh dự về mặt tâm lý và xã hội để chỉ ra rằng danh dự là một thuộc tính được ban tặng cho con người, từ bên ngoài, nghĩa là một giá trị do người đời khen tặng, chứ bản thân không thể trực tiếp đi tìm... mà lấy được. Danh dự chỉ đến với những con người sống đức hạnh, có lương tri, biết hoàn thành trọn vẹn công việc của mình, dù đấy là một công việc khiêm tốn; Như thế thì mọi người đều có thể có danh dự, chứ danh dự không phải là riêng của những kẻ có chức, có quyền trong xã hội. Nhưng do ngộ nhận mà danh dự đã bị coi là một khả năng kích thích con người có hành động đẹp đẽ, vĩ đại, theo xu hướng khoa trương, phù phiếm bề ngoài, để tạo ra “danh dự”, hay vinh dự cho chính mình. Bởi khi đó danh dự đã bị đồng hoá với danh vọng, vinh dự mà người Pháp gọi là “les honneurs”. Thông thường, danh vọng có khả năng kích thích tâm lý, có thể làm cho con người u mê đến mức sa đoạ, y như là một thứ thuốc phiện! Người ta đam mê chạy theo danh vọng, tìm vinh dự, rồi tự biến mình thành kẻ khoe khoang, kiêu ngạo, hoang tưởng chạy theo những trò trang trí phù phiếm, hào nhoáng bề ngoài. Tranh đua nhau trên con đường danh vọng thường làm cho mình thành ích kỷ, thấp hèn: muốn đim mọi người chung quanh xuống, để đề cao mình lên. Danh vọng đã đẻ ra một cấp trên kiêu ngạo, một cấp dưới nịnh nọt... Tệ nạn nịnh nọt cấp trên thường là phải bóp méo, xuyên tạc sự thật. Nó có thể cải trang một người bình thường thành kẻ kiêu căng tự đắc, một nhà chính trị thành một lãnh tụ độc tài, đam mê quyền lực, điên cuồng khao khát danh vọng, quan liêu cửa quyền đến mức hành động, nói năng như cha mẹ của dân, rồi muốn được tôn vinh làm cha dân tộc!

Về mặt tâm lý và xã hội, danh dự phải được hiểu một cách hết sức sáng suốt, hết sức thận trọng để tránh xa những mục tiêu của danh vọng. Danh dự cũng như hạnh phúc, không thể tìm kiếm, không thể mua chuộc nó một cách trực tiếp, bằng quyền lực hay tiền bạc, như người ta vẫn đi tìm kiếm danh vọng. Danh dự chỉ tới,

một cách gián tiếp từ bên ngoài, với những ai không chủ tâm tìm kiếm nó, nhưng biết sống một cách xứng đáng, có lương tri, sống tử tế với mọi người, sống ngay thẳng, trong sạch ở mọi hoàn cảnh, biết làm tròn nhiệm vụ của mình, dù đó là của một công việc khiêm tốn nhất... sống như thế là sống thật sự có ích cho mọi người, là làm đẹp cho xã hội. Danh dự do đó quả thật là một nền tảng của đạo đức. Nhưng khổ nỗi, người đời vẫn thường nham lẫn danh dự với danh vọng. Do vậy nên danh dự, khi bị hiểu lầm, thì nó là cái bả khiến con người chạy theo nó, tìm kiếm nó, mua bán nó... để rồi nó biến xã hội thành một môi trường giả dối, háo danh, phù du, ưa phô trương cái mẽ bề ngoài, che giấu cái trống rỗng, kém cỏi, xấu xa bên trong... Không thiếu gì xã hội, trong đó con người ngông cuồng khao khát danh vọng, một xã hội chỉ trọng vọng bề ngoài, chỉ trưng khoe thành tích giả tạo một cách bệnh hoạn. Một thí dụ điển hình về mặt tiêu cực của danh vọng là thói háo danh với bằng cấp. Bằng cấp chỉ là một hình thức chứng thực khả năng. Nhưng nay bằng cấp đã bị coi như là thứ áo mão gấm hoa, lòe loẹt màu sắc, để phô trương. Nó đã tạo ra cái thói trưng diện bằng cấp trước cái tên của mình. Tự xưng mình là tiến sĩ này, thạc sĩ nọ, thủ trưởng cơ quan này, giám đốc công sở kia...! Danh dự của một người có học, có tri thức là biết sống không ồn ào, không khoa trương, biết chứng tỏ trình độ bằng kết quả của việc làm, khác hẳn với kẻ đã tự đồng hoá mình với danh dự bằng những hành động khoa trương chức tước, bằng cấp! Từ sự hiểu sai ý nghĩa của bằng cấp mà nó đã bêu xấu con người, làm hỏng nền giáo dục. Tình trạng đó có thể phá hoại xã hội. Khi danh dự bị nhầm lẫn với danh vọng, thì nó đã đưa tới sự gian lận trong thi cử, mua bán bằng cấp, chạy chọt chức tước cứ y như mua bán áo mão màu sắc lòe loẹt hào nhoáng để trưng diện. Bởi khi danh dự bị đồng hoá với danh vọng, thì nó là một cái bả tâm lý, làm hoen ố nhân phẩm, làm mất tự trọng, mất tinh táo nên không phân biệt được đâu là giá trị nội tại bền vững đích thực của luân thường đạo lý, đâu là hư danh xấu xa phù phiếm, đối trá khoe khoang bề ngoài.... Danh dự khi bị nhầm lẫn với danh vọng thì có thể đưa con người và xã hội đi rất xa về phía tiêu cực.

Sau khi nêu nhiều bằng chứng về thành tích được coi là danh dự của những người có cuộc sống khiêm tốn và đã bị đời coi thường, bỏ quên... Thảo nhắc lại rằng vì những thành tích vinh quang, đầy danh vọng của những kẻ có quyền lực, mà có người đã được hậu thế ca ngợi, có khi còn được tôn thờ như thánh nhân. Rồi Thảo đưa ra phản đề khá mạnh mẽ: những thành tích mưu cầu vinh quang danh vọng một cách đam mê, cố mưu tìm chiến thắng kiểu Pyrrhus, cố tạo ra những công trình vĩ đại như Kim Tự Tháp, như Vạn Lý Trường Thành... Và nhầm lẫn đây là những thành tích của danh dự. Thực ra là những công trình vĩ đại ấy không thể là biểu tượng cho danh dự với đạo đức, đạo lý! Vì chiến thắng như thế là phung phí xương máu quân lính, vĩ đại như thế phung phí mồ hôi, nước mắt của dân chúng. Chúng không mang tính đạo đức và nhân bản. Vì vậy mà nhiều nhà lãnh đạo quyền lực lớn trong lịch sử chẳng thể trở thành một nhà đạo đức, càng không thể là thánh nhân! Thảo nêu ra những trường hợp đời thường, trong đó không hiếm những lãnh tụ chỉ vì cao ngạo, khát khao được trọng vọng như những Tần Thủy Hoàng, Napoléon... là những kẻ đã sẵn sàng phung phí máu xương quân lính, coi rẻ tính mạng, công sức lao động của nhân dân. Những nhà lãnh đạo ấy đã kích thích, thúc ép dân phải trở thành anh hùng, phải trở thành vĩ đại để tạo ra những thành tích về vang, phi thường... cho họ. Vì thế mà hành động mưu tìm danh vọng thường là phản công lý, phản đạo lý. Rồi Thảo kết luận: người ta ưa ca ngợi, một cách nhầm lẫn, những thành tích vinh quang, vĩ đại... mà bỏ qua, hoặc bỏ quên khía cạnh vô nhân đạo, bất công của những hành động đã ép buộc nhân dân thấp cổ bé miệng phải gánh chịu biết bao hi sinh gian khổ để dựng lên những thành tích ấy. Vì vậy, dù thế nào, thì cũng chỉ là những hành động tàn bạo, háo danh, thiếu công lý, thiếu đạo lý. Những thành tích vĩ đại ấy, những kỳ công vinh quang ấy, vì không công lý, không nhân đạo nên nó không thể là trở thành mẫu mực cho đạo đức! Một danh nhân, một ông vua, trong lịch sử, do những thành tích chính trị hay quân sự phi thường, thường được đám nịnh thần tâng bốc, ca ngợi đến mức sùng bái như một vĩ nhân, một thánh nhân, nhưng thật sự đây chỉ là một lãnh chúa đầy tham vọng, đầy mưu trí nham hiểm, tàn nhẫn, độc ác! Người ta yêu thích danh vọng, tưởng như đó là danh dự. Sự đam mê danh vọng và quyền lực như thế là thiêu huỷ tính nhân bản trong những con người muốn có sự nghiệp vĩ đại. Con người bình thường không chỉ sống vì danh vọng! Trong thực tế, thời có nhiều thành tích, công trình vĩ đại thường là những giai đoạn bi thảm đen tối, đẫm máu trong lịch sử nhân loại! Vì một lẽ giản dị là nó thiếu tính nhân bản, thiếu tính đạo lý. Nhân loại bình thường không sống để đi tìm danh dự trong danh vọng. Nhân loại bình thường không phải toàn là thánh nhân và anh hùng! Bởi con đường của những thánh nhân, của những anh hùng, với ý nghĩa cao cả của nó, là con đường tuấn đạo, là con đường hi sinh có ý thức vì nghĩa vụ đối với con người. Khác với con đường của những kẻ u mê cuồng tín lao mình vào những hành động đầy máu và nước mắt, dù cho đây là con đường tạo ra vinh quang, vĩ đại, nhưng đây không phải là con đường của đạo đức! Trong lịch sử, cái thời đầy vinh quang, đầy anh hùng của một dân tộc, thường là thời đau đớn đầy hi sinh, gian khổ, đầy máu và nước mắt, đầy hận thù và tội ác... rất phản đạo đức, phản con người... vì thời ấy bắt đám dân phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt, bằng xương máu và tính mạng! Danh dự và đạo đức thực ra là những giá trị cộng sinh tự nhiên, chúng không phải là những ỉuộc tính chỉ dành cho những

vĩ nhân. Trong thực tế, danh dự là một giá trị kín đáo của con người nói chung, trong những hoàn cảnh sống bình thường, khiêm tốn trong xã hội, nên người ta không thấy, vì ít được ai để ý tới. Xưa nay, người đời chỉ nói tới, chỉ đề cao danh dự của những ông lớn có đầy danh vọng. Do vậy mà chúng ta dễ ngộ nhận, khi đọc tiểu sử của những vĩ nhân, mà không thấy được những tấm gương sáng về mặt đạo đức trong đám người thấp cổ bé miệng trong xã hội. Chính ở nơi những mẫu người khiêm tốn ấy, ta mới thấy rõ được rằng danh dự quả thật là nền tảng của đạo đức. Trong giá trị danh dự âm thầm, khiêm tốn đó, mới thấy người đời sống như thể đích thực là có đạo đức!

Khi chấm bài, bên lề phần kết luận, giáo sư Ner đã phê: “Có nhiều ý triết lý!” Bài của Thảo được đọc cho cả lớp nghe. Sự khen ngợi đó đã vĩnh viễn in sâu vào trí óc non nớt của Thảo. Người thầy dạy triết còn nhấn mạnh thêm: ai cũng có thể cố học để trở thành bác sĩ, kỹ sư. Nhưng không phải ai cũng có thể học để trở thành một triết nhân. Đạt đỉnh cao trong triết học đòi hỏi phải có bộ óc minh triết, mẫn tuệ hơn người. Trong nhân loại, suốt trong chiều dài lịch sử, triết nhân chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ở Pháp kể theo học ban triết ở Đại học đều được nể trọng vì có bộ óc minh triết hơn người. Thảo nghe vậy, khoái lắm, nớ mãi. Kể tới đó, Thảo thú nhận một cách khiêm tốn:

- Chính ông Ner, thầy dạy triết của tôi, đã can thiệp xin học bổng cho tôi sang Pháp học. Trước khi đi, ba tôi dặn: sang đó phải cố học. Và việc đầu tiên phải tránh là không được lấy vợ đầm, vì má không nói được tiếng Pháp, nên không ưa có con dâu đầm. Việc thứ nhì là lúc trở về ít ra cũng phải có cái bằng bác sĩ hay kỹ sư... Nhưng khi sang tới Paris, tôi nhất định chọn học triết, mà phải là ban triết của trường Cao đẳng Sư phạm phố Ulm, là ngôi trường danh tiếng bậc nhất của nước Pháp. Tôi đã phải theo học hai lớp dự bị rất vất vả mới thi được vào trường ấy. Sự chọn lựa học triết lúc đó chỉ là do tính kiêu ngạo, bông bột của tuổi trẻ, muốn được mọi người nể phục, muốn chứng tỏ mình là người có đủ sức mạnh trí óc để học triết. Sự thật giản dị và tầm thường của tính kiêu ngạo là đáng ghét như vậy. Nhưng rồi càng đi sâu vào môn triết, càng thấy giá trị của nó, thì tôi càng muốn mình trở thành một người biết đi tìm chân lý trong cuộc đời đầy những sai trái và tội ác này.

- Thực ra thì ngay từ nhỏ, tôi đã có thói quen ưa suy nghĩ qua nhiều khía cạnh khác nhau, để từ đó tìm hiểu và đánh giá mọi sự. Đên khi gia nhập môn triết học thì cái thói quen đó lại được mài sắc, được bồi dưỡng phương pháp, với óc hoài nghi mang tính khoa học, nên nó đã phát triển như một năng khiếu tự nhiên... Cái gì tôi đã thu thập hoặc đã viết ra, khi đọc lại, thì tôi cố sửa lại với xu hướng đánh giá lại xem lúc đó mình nghĩ như vậy, viết như vậy đã thật sự là chín chắn, là đầy đủ hay chưa (Cho tới nay, tuy đã già rồi mà khi đọc lại những gì đã viết, những gì đã in ra thành sách, thì tôi vẫn thấy cần phải sửa lại, cần phải bổ sung cho rõ hơn cho lý luận tương đối vững hơn. Đối với tôi không một điều gì do con người truyền đạt hoặc diễn đạt ở một thời điểm nào đó, mà nó có thể là cố định, là vĩnh viễn đúng, duy nhất đúng, bất chấp thời gian và thời đại.

- - - - -

Chương 4

Đãi ngộ hay bạc đãi?

Vì hoàn cảnh con người, vì xã hội loài người luôn luôn chuyển biến, luôn luôn đi tới, nên lý luận cũng phải luôn luôn diễn biến, luôn luôn phải đổi mới không ngừng. Sống trong sự vận động của thời gian, con người và sự nghiệp của nó, phải luôn luôn cần được đánh giá lại, với cách nhìn khách quan hơn, với cách đặt lại vấn đề sát thực tế hơn, để cho nó luôn luôn sống động tích cực trong hiện tại... Sống và tư duy như thế là biết trải nghiệm... Trải nghiệm là biết quan sát cái đang biến hoá, cái đang trở thành cái đã cũ, xuất phát từ những di sản mang tính cố hữu của dĩ vãng... Vì trong thực tế, vũ trụ, xã hội và con người là những thực thể luôn luôn chuyển biến: Cách mạng cũng vậy, nó không thể ngưng lại ở một trạng thái cố định, ở một thời điểm cố định, mà phải là một thực thể diễn tiến, chuyển biến thường xuyên, không ngừng cách tân sao cho phù hợp với những khát vọng không ngừng đổi mới của con người.

Nghe giảng giải triết lý như vậy, Canh lại hỏi để thay đổi đề tài:

- Cho đến bây giờ, như tôi được biết, từ khi về nước, bác chỉ dạy học trong một thời gian rất ngắn, sau đó, tức là sau 1956, cho tới nay bác đã chính thức được giữ những chức vụ gì? Bác đã được đãi ngộ như thế nào?

- Thật sự ra thì không thể nói tới đãi ngộ. Bởi chỉ toàn là bạc đãi. Bởi tôi chưa từng được bổ nhiệm vào một chức vụ nào thực sự có trách nhiệm, chưa từng được giữ một chức vụ có thực quyền để trí óc có thể tích cực tham gia vào một trách nhiệm chính trị nào cả! Nói rằng tôi đã được đãi ngộ hay đã có một địa vị gì thì đây là cả một sự ngộ nhận mĩa mai đầy cay đắng đối với tôi. Sự “đãi ngộ” hay những chức vụ mà người ta nêu ra, chỉ là một sự huyền hoặc, để che giấu sự thật, che giấu một đối xử nghiệt ngã và tồi tệ. Tôi mong sau này trong các bạn, sẽ có người trở lại những nơi tôi đã sống, để thăm hỏi, điều tra qua những nhân chứng trực tiếp, để thấy rõ ở những nơi ấy, tôi đã sống và làm việc gì, như thế nào, để thấy đó toàn là những cách “để cho sống” vất vưởng, không phải là một sự đãi ngộ với một người có tri thức như tôi. Toàn là gấn cho những danh xưng hão. Toàn là thứ kìm kẹp trá hình, toàn là cấm cản không cho tôi đụng tới chính trị, tới cách mạng, là những mục tiêu mà tôi đã chọn lựa khi quyết định trở về quê hương. Ngay cả khi người ta bảo tôi lãnh trách nhiệm phó giám đốc trường Đại học Văn khoa Sư phạm, sau khi kháng chiến về tiếp thu Hà Nội, thì tôi cũng chưa hề được tham dự bàn bạc gì vào công việc tổ chức hay điều khiển bất cứ một công tác gì của trường ấy, ngay cả đến tham khảo ý kiến giảng dạy cũng chưa hề có. Sự có mặt của tôi trong một số sinh hoạt của chế độ cũng chỉ là thứ “bù nhìn đứng giữa ruộng dưa”, cũng y như sự có mặt của mấy cựu quan lại hay của hai đảng Dân chủ và Xã hội do cụ Hồ bày đặt ra cho lấy có, để bên ngoài nhìn vào, tưởng là chế độ có nền tảng đoàn kết quốc gia và dân chủ rộng rãi! Cụ Hồ là một tay chính trị nhiều thủ đoạn lắm chứ không phải là một tay hiền từ đâu! Ngay đến cụ Huỳnh Thúc Kháng, tiếng là bộ trưởng bộ nội vụ trong một thời gian dài, nhưng cụ ấy có quyền hành gì đâu. Vì thế mà cụ Huỳnh đã phải ở ẩn khuất tại miền Trung, rất xa trung ương ở ATK! Cụ Hồ còn nêu gương sống thanh đạm, bắt làm nhà gỗ để cụ ở, nhưng chung quanh và những người thừa kế cụ, có ai theo gương sống thanh đạm như thế đâu. Bởi chung quanh đều biết tám gương ấy chỉ là thứ đạo đức hình thức, bề ngoài, nhưng trong thực tế thì lại khác, “ông cụ” vẫn sống rất là đầy đủ về mọi mặt, kể cả về vấn đề sinh lý. Những ảnh hưởng của tám gương ấy biểu lộ một chính sách nặng tính bí hiểm, ẩn mặt trong hoạt động, chỉ đậm nét khoa trương bề ngoài. Đạo đức chỉ có ở trong lời nói, ở bề ngoài như thế thì nó không thực sự có ảnh hưởng tới đời sống con người trong xã hội. Vì toàn là che giấu, dối trá. Cũng vì những hình thức “đãi ngộ” với tôi như thế, nên vài người hiểu rõ là tôi bị trù dập, bị đày ải, nên họ thấy cuộc sống của tôi thật là khốn khổ. Vì thế mà đã có vài anh em thấy hoàn cảnh tôi như vậy, nên đã giúp tôi bằng cách chia việc làm của họ cho tôi làm như phiên dịch, kể cả khi đưa tôi vào làm cán bộ cho nhà xuất bản Sự Thật, tất cả chỉ là để tránh cho tôi khỏi chết đói thôi, chứ không có một chút gì gọi là đãi ngộ. Làm sao chứng minh những công việc vẫn vợ ấy, những đồng lương chết đói ấy là một sự đãi ngộ?

- Thật là vô lý quá! Tại sao lại lạ thế?

- Tại vì ngay từ đầu, chúng nó đã không tin tôi!

Những sự bổ nhiệm vợ vẫn ấy chỉ là việc làm bắt đắc dĩ, để tô điểm cho cái Đại học nhân dân, bằng những bằng cấp của tôi, chứ không phải bằng tài năng trí tuệ của tôi... Thật sự là từ khi trở về nước, chúng nó đã không tin và không dùng tới tri thức của tôi... chúng lo sợ đầu óc tôi có dịp bung ra phê phán, cách mạng của... chúng! Chúng đã từng o ép tôi, bắt phải đi cải tạo tư tưởng ở nông trường, bắt sống theo lời dạy “phải gắng mà học tập nhân dân”, nghĩa là phải tập cúi đầu tuyệt đối vâng, nghe lời “đảng”!

Tâm sự đầy tính nhẫn nhục ấy đã làm hai chúng tôi quá đỗi kinh ngạc, và nhìn nhau! Vì đây là lần đầu tiên chúng tôi thấy bộc lộ sự phẫn nộ của bác Thảo, kể cho tới nay luôn luôn tỏ vẻ sợ sệt, kính nể mỗi khi nhắc tới “cách mạng”, tới “đảng”! Vậy mà nay bác lại dám hạ một câu thật là bất ngờ khi gọi cả chế độ bằng một cụm từ mang ý nghĩa xa cách, vừa ghét, vừa khinh: là “chúng nó”!

- Tại sao bác biết là họ không tin bác? Mà lại là không tin ngay từ đầu?
- Mới về tới chiến khu Việt bắc thì tôi đã cảm thấy mình bị cách ly bởi một vòng vây kín đáo. Sau tôi mới biết rõ là sự nghi kỵ đến bệnh hoạn ấy là có thực.

- Làm sao bác biết chắc chắn là sự nghi kỵ ấy là có thực?

- Thì chính người của “đảng”, đã cho tôi biết như vậy. Chuyện đó là như thế này: một cán bộ đang làm việc thông ngôn cho ban cố vấn ở Nam Ninh, vì nói giỏi cả tiếng Quảng Đông và Quan thoại nên đã được cử đi đón tôi khi tôi mới đặt chân lên đất Trung Quốc. Bởi tôi trở về bằng đường xe lửa xuyên Á của Liên Xô. Rồi chuyển qua một tuyến xe lửa khác tới ga An Huy ở Mãn Châu của Trung Quốc. Anh này tên là Trần Lâm. Trong thời gian đi đường từ ga An Huy ở bắc Mãn Châu về tới Nam Ninh, lúc thì đi xe ô tô chở khách, lúc thì dùng xe lửa. Dọc đường, chúng tôi đã nói chuyện rất nhiều với nhau, nên đã coi nhau thân thiết như anh em. Cuối cùng Trần Lâm ngừng hỏi tôi:

- Mong ước của anh về nước là để làm gì?

Tôi thành thực đáp:

- Ước mong của tôi là có dịp mang hết tâm trí và khả năng trí tuệ và sự hiểu biết ý thức hệ của tôi ra làm việc, để góp ý, góp sức tim óc với “đảng”, nhằm xây dựng ở nước ta một mô hình cách mạng hoàn chỉnh, trong sáng và nhân đạo mà cả loài người chờ đợi. Nhưng tôi cũng đã thận trọng nhấn mạnh rằng đấy chỉ là ước mơ thôi, còn trong thực tế thì tôi sẵn sàng phục vụ theo sự sắp xếp của cách mạng. Tôi không ngờ lời tâm sự đó đã hại tôi. Và hại cho cả Trần Lâm.

- Tại sao một mơ ước như thế mà lại là có hại?

- Khoảng mấy tuần sau khi tôi đã về tới chiến khu, mà ở đấy gọi tắt là ATK, tức là An Toàn Khu, ở đầu đó trong vùng núi rừng giữa Tuyên Quang và Phú Thọ, thì bỗng Trần Lâm xuất hiện, mặt mày mệt mỏi, rồi kể lể... Lúc đó Trần Lâm ngồi xuống sát cạnh, tôi, rồi thận trọng, sợ sệt nói nhỏ gần tai cho vừa đủ nghe:

- Sau khi anh được đưa tới khu quân sự ở gần Nam Ninh làm thủ tục để chờ đi nhờ xe quân sự về nước, thì em phải ngồi viết báo cáo về chuyển công tác đi đón anh. Thủ trưởng của em đọc báo cáo ấy, rồi yêu cầu em phải nêu ra thật chính xác những gì anh và em đã trao đổi với nhau lúc đi đường. Để không thiếu một chi tiết nào, em phải kể rõ từng giờ, từng ngày, kể từ khi đón anh tại ga An Huy ở Mãn Châu. Viết đi viết lại mấy ngày mới xong. Vì thủ trưởng bắt em phải đánh giá anh. Em thành thật nhận xét rằng anh là người có học thức, có trình độ suy nghĩ cao, rất có tinh thần yêu nước, có lý tưởng trong sáng, rất mong được phục vụ cách mạng. Những mẫu chuyện trao đổi đầy kinh nghiệm nghiên cứu về lịch sử các cuộc cách mạng của anh đều rất là có ích cho em. Cuối cùng em kết luận rằng anh là người có thành tâm và có khả năng, muốn về phục vụ cách mạng và tổ quốc. Anh ao ước được góp tim, óc để xây dựng một cuộc cách mạng huy hoàng ở quê hương, để có thể làm một mẫu mực cho các nước đang tranh đấu giành độc lập cho tổ quốc và dân tộc của các nước bị trị.

Em nghĩ bản báo cáo đó có thể làm cho cách mạng chú ý tới tài năng để trọng dụng anh. Thủ trưởng em cho biết là đã mang bản báo cáo ấy đọc cho cả đồng chí cố vấn Trung Quốc nghe. Và cán bộ cố vấn có ghi vào đó cảm nghĩ của đồng chí ấy. Nào ngờ tai họa từ đó mà ra! Và cả mấy tháng sau em mới hiểu ra hết nguyên do những vụ việc đã xảy ra cho anh và cho em! Chỉ vì em đã ca ngợi anh!

- Tại sao lại ghê gớm đến như vậy? Khi đi đường chúng ta chỉ nói chuyện văn cho vui thôi, có dính gì tới chính trị gì đâu!

- Vậy mà tất cả đã bị quy vào điều mà bên trên gọi là “ý đồ chính trị độc hại!”

- Sao kỳ lạ quá vậy?

- Bản báo cáo ấy đã được gửi hỏa tốc về Trung ương. Nghe nói chính lãnh đạo đã đổi ý, thay vì điều anh về trường Đại học Nhân dân ở khu tự, như dự tính lúc đầu, khi trường Đại học ấy mới được chính thức thành lập... Sau thì đổi ra lệnh đưa anh về ATK, để ở gần Trung ương... để Trung ương kiểm chế anh. Vì thế mà đã có lệnh khẩn vào phút chót phải hoãn ngày về của anh lại tới mấy tuần lễ... Còn em thì được gọi về đây để báo cáo trực tiếp với lãnh đạo về những gì em đã đánh giá anh. Rồi em bị kiểm điểm về tội “mất cảnh giác cách mạng, để bị “dịch” đầu độc bằng những tư tưởng phản cách mạng mà không biết”. Em bị khiển trách và lên án rất kịch liệt là ngu dốt, là cả tin vào một kẻ không phải là người của cách mạng, mà là do thực dân đào tạo, một kẻ chưa hề sống với cách mạng một ngày mà dám mưu tính về dạy người của cách mạng làm cách mạng! Rồi lại còn nêu nghi vấn là có thể anh là người do thực dân gián tiếp đưa về, là một thứ siêu gián điệp trí thức mà thực dân mưu toan cài vào hàng ngũ cách mạng... mà vì em thiếu cảnh giác nên đã cả tin anh, nên bị đầu độc tư tưởng.

- Ai đã buộc tội em? Ai đã nêu ra nghi vấn anh là gián điệp?
- Chính lãnh đạo đã vạch tội em rằng “chỉ mới được tự do đi ra ngoài vài ngày mà đã sa vào bẫy địch, để bị địch đầu độc tư tưởng”. Chính lãnh đạo nói với em rằng rất có thể anh là một thử siêu gián điệp do thực dân cài vào hàng ngũ cách mạng mà chính bản thân anh cũng không biết.
- Lãnh đạo ấy là ai? Có phải là Hồ chủ tịch không?
- Không phải là Hồ chủ tịch, mà là đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh! Những chính đồng chí tổng bí thư nói với em là “Bác Hồ” đã ra lệnh cho đồng chí tổng bí thư thân chinh điều tra vụ này!

Bác Thảo kể tới đó thì lắc đầu, thờ dài, rồi tâm sự:

- Tiết lộ của Trần Lâm đã làm tôi như bị chết đứng. Vì như vậy là mộng ước của tôi đã hoàn toàn tan vỡ ngay từ đầu khi chưa đặt chân trở lại mảnh đất quê hương. Như vậy là sự nghi ngờ của lãnh đạo, khi đi xuống tới cấp thừa hành, thì nó đã trở thành một xác định.

Thời gian sống ở ATK, tôi bị sai khiến làm mấy việc vợ vẫn như ngồi dịch những tài liệu cũ kỹ, mà rồi sau chẳng dùng được vào việc gì! Hoặc là theo chân mấy phái đoàn Trung ương đi thanh tra này nọ với vai trò của một cây cảnh: đi tới đâu cũng được giới thiệu là trí thức ở bên Tây mới về tham gia cách mạng! Rồi được vỗ tay, hoan hô. Chứ chẳng làm được một việc gì hữu ích cả!

- Sống như thế thì tẻ nhạt quá, làm sao bác chịu nổi?
- Ấy trong quãng thời gian sống ở bên lề chính trị như thế không hẳn là tẻ nhạt đâu. Tinh thoảng cũng có những giây phút rất thú vị, rất vui. Bởi sống ở hậu phương thời kháng chiến, luôn luôn được chứng kiến những ngang trái xảy ra thật là bất ngờ, làm bật cười, cười đến chảy nước mắt. Trong cách mạng mà cũng có lúc ăn chơi lén lút, đáng ghi nhớ về cái “thời bao cấp” ấy. Những thú vui chui lén như vậy cũng làm cho mình phải suy nghĩ, tìm hiểu hiện tượng cách mạng và những khát vọng của con người...
- Thú vui lén lút đáng nhớ ấy là gì?



Bác Thảo kể có một lần, “không thể nào quên được”. Đó là lần được nhà văn Nguyễn Tuân mời đi ăn một bữa cơm Tây, tại một xóm dân Hà Nội tân cư về sống gần ATK. Khi vào tới xóm ấy, là phải chui qua mấy hàng giây thép, trên phơi đầy quần áo màu mè sặc sỡ khác hẳn với quần áo nâu sồng của nông thôn, được giặt để cất đi, ở sâu bên trong một căn nhà cổ, để tới cái quán ăn chui lậu hiếm hoi ở hậu phương. Chủ nhân tự khoe mình từng là đầu bếp của cựu thống sứ Bắc kỳ Graffeuil! Bữa ăn hôm ấy có cả món thịt bò. Chateaubriand, có cả rượu vang Bordeaux. Thịt tươi là do cánh công an vừa săn được mặt con nai! Còn rượu cũng là do cánh công an mang từ Hà Nội ra! Ăn xong, Tuân chửi vui: “Sự bố chúng nó! Tàn dư phong kiến, thực dân mà sướng thế đấy!”. Thảo ngỡ ngác không biết Tuân chửi ai? Ăn uống ngon lành thế sao lại chửi?

Sau bữa ăn, Tuân còn cao hứng dẫn Thảo đi hát “cô đầu”! Dĩ nhiên cũng là hát chui, hát lậu. Địa điểm là một căn nhà chòi có cốt che kín mít, dùng để chứa nông cụ thúng, mẹt, cày bừa... ở ngay giữa một cánh đồng lớn mới gặt xong. Thảo được đưa tới chờ ở đó, nên rất lầy làm lạ. Ngồi một mình ngắm trăng mười sáu sáng ngời, chung quanh là một cánh ruộng bàng bạc màu vàng khô khốc của những gốc rạ mới gặt xong, xa xa là những luỹ tre xanh vì vu gió thổi. Cảnh thật đẹp và buồn.

Mãi sau, Tuân trở lại lố nhố với năm, sáu người lạ mặt, trong đó có một phụ nữ khoảng ngoài ba mươi tuổi, mỗi người ôm một cái túi khá lớn.

Họ vào trong căn chòi rồi cài cài mấy tấm cốt cho kín đáo. Một ngọn đèn dầu hoả được thắp lên cho vừa đủ sáng để thấy tỏ mặt nhau. Họ mở túi lấy ra, người thì một cái trống cơm nhỏ, người thì một cây đàn đáy. Chị phụ nữ cũng lấy ra hai que gỗ và một cái phách. Tuân nói thật trịnh trọng:

- Hôm nay tôi lén tổ chức chầu hát này là để đãi ông bạn trí thức ở tận bên tây mới về. Yêu cầu em Đức hát cho thật đạt chỉ tiêu đấy nhé!

Cô ca nương nhìn Thảo rồi đáp:

- Anh Tuấn ơi! Anh ép, thì vì nể anh em cũng cố mà ra đây hát thôi. Bởi em đã giải nghệ từ mấy năm nay rồi. Nếu công an mà biết thì em sẽ bị đi tù mất. Hát ả đào bây giờ bị coi là thứ nhạc sa đọa của thời phong kiến, nó đã bị khai tử từ lâu rồi!
- Không sao đâu, anh đã lo lót hết rồi. Tuấn này bảo đảm mà!
- Cứ hát đi, đã có ông chủ tịch xã kiêm trưởng công an ngồi nghe đây thì còn sợ gì!
- Thôi đừng khách sáo nữa! Ta bắt đầu đi, kéo đã quá canh khuya rồi. Đàn lên! Xin mời quan viên giữ trống ra tay! Bắt đầu “Hồng, Hồng, Tuyết Tuyết” đi em!

Vài tiếng đàn chậm rãi vang lên, trầm bổng, thánh thót day dứt trong đêm khuya thanh vắng. Rồi một giọng ca trong vắt, ngân nga, luyến láy vang lên giữa cánh đồng vắng ánh trăng.

Rồi tiếng trống vào nhịp:

- Tom! Chát! Chát! Tom!
- Hồng, hồng, tuyết, tuyết ừ ừ mới ừ ừ ngày nào chữa... ừ biết cái chi chi...
- Tom, tom, chát...

Tiếng hát, tiếng đàn nhịp trống bỗng đưa mọi người nhập vào một thứ nghi lễ tôn giáo linh thiêng... gọi cảm, trừ tình của nghệ thuật!

Bác Thảo vui vẻ, thích thú kể lại thật chi tiết về một châu hát ca trù lên lút vô cùng cảm xúc, trong đêm khuya ấy, giữa một cánh đồng khô, trong lúc tình hình chiến tranh sôi động, mọi người lo âu, bồn chồn không biết ngày mai sẽ ra sao! Bởi đây là lần đầu tiên trong đời bác Thảo được nghe tiếng hát “trong như pha-lê, luyến láy ngân nga, thấm nhập tâm can, làm rung động toàn thân xác...”. Bác say sưa khen:

- Ôi! Lúc ấy, tiếng đàn, tiếng hát, sao có thể thuần khiết, âm vang sâu thẳm đến thế! Tiếng trống bắt nhịp thật lịch duyệt, như thúc dục, như khuyến khích ca nương!

Bài ca vừa chấm dứt, Thảo không nhịn được phản ứng ngạc nhiên, nên hỏi:

- Sao thứ ca dân gian này có thể nghệ thuật đến thế! Hay như vậy sao lại cấm? Trong đời tôi, tuy đã từng biết thưởng thức những tiếng đàn, lời ca cổ điển vô cùng nghệ thuật của lối hát đại nhạc (opéra) phương Tây, nhưng đây là lần đầu tiên tôi khám phá ra một lối ca nghệ thuật tuyệt kỹ, vừa trữ tình, vừa huyền bí, thiêng liêng như của một tôn giáo, nghe mà rợn cả người, cứ y như bỗng mình được lạc vào cõi thiên thai. Một thứ nghệ thuật truyền thống quý như vậy, sao lại bắt nó phải chết?

- Tại vì xưa kia nó phục vụ giới quan lại, phú hộ thời phong kiến! - Tuấn giải thích - Thôi bây giờ thì ca tiếp đi chứ!

Người nghệ sĩ chơi đàn, người “quan viên” giữ nhịp trống điều khiển, rồi ca nương, tất cả đều đắm say diễn tả, như hoà tâm hồn vào mấy bài hát nói danh tiếng của mấy nhà thơ trữ danh thời trước. Tay đàn, tay trống và ca nương, tất cả đều biểu diễn, với tất cả sở trường, y như đang làm sống dậy giây phút thanh bình của đất Hà thành thanh lịch xa xưa!

Thảo giải thích thêm với chúng tôi:

- Tiếng hát ả đào đúng là hợp với tâm tư, hoàn cảnh của từng người lúc ấy. Ai ai cũng đang mang nặng một tâm tư u buồn, nên mới hát được như thế, mời nghe thấu được nỗi niềm của giọng hát, lời ca. Tôi đã từng biết lối hát đại nhạc (opéra) của phương Tây. Lối hát ấy là dùng sức bùng phổi đẩy làn hơi qua thanh quản để đưa nốt nhạc vọt lên chói vọt như thi tài với tiếng đàn. Nhưng lối hát ả đào thì tế nhị hơn, vì ca nương phải kiềm chế làn hơi, rồi từ từ vừa đẩy, vừa níu lại làn hơi qua họng, để uốn nắn âm thanh qua thanh quản, làm nó uyển chuyển, luyến láy, nghẹn ngào; như than van, nức nở, để bày tỏ nỗi niềm... Nghệ thuật hát ả đào, do đó tinh vi, truyền cảm tình tiết cao siêu, sâu sắc, huyền bí hơn hẳn đại nhạc phương Tây, Tôi không hiểu sao một nghệ thuật tuyệt vời như thế mà lại nở lòng mang vút bỏ nó đi! Một dân tộc có một nền văn minh cao độ mới có thể có một lối hát nghệ thuật đậm tính văn hoá dân tộc đến thế, sao lại chê bai, kết tội nó!

- Ôi dào! Bây giờ thì cái gì của thời cũ đều bị phá đi, vứt bỏ hết! Bây giờ người ta tính áp dụng lối tiêu thổ kháng chiến ở Liên Xô, phá sập, dẹp hết, đốt hết, san thành bình địa ráo, để địch không thể xâm chiếm được. Nơi nào có tinh thần kháng chiến cao như vùng Vinh, Thanh Hoá, Nghệ An thì đã bắt đầu có lệnh thi hành chính sách “tiêu thổ”. Với hô hào “tất cả cho kháng chiến”. Tiếc gì cái lối đã truyền cảm, trữ tình, nay bị coi là truy lạc, là sa đọa này!

Châu hát ả đào dần tới hồi kết thúc. Quan viên cầm trống bỗng đứng dậy, bước tới trước mặt nhà văn Nguyễn Tuấn, nghiêm chỉnh cúi đầu nói:

- Xin kính mời quan bác! Quan bác là người đã nổi tiếng là tài danh cầm châu là tài tử lịch duyệt của ca trù, đệ xin trả lại ngôi quan viên cho quan bác, để quan bác giữ nhịp cho bài ca cuối cùng của châu hát chui này. Đệ chọn bài “Tỳ bà hành” để kết thúc, y như trong các buổi ca trù của các nhà hát trữ danh của Hà thành thanh lịch thừa xa xưa.

Nguyễn Tuân nghiêm nghị đón nhận chiếc trống nhỏ, sửa lại thế ngồi cho ngay ngắn, đặt trống xuống đúng tầm tay, đưa roi trống lên cao, rồi nhìn tay đàn và ca nương, đúng cách quan viên sành điệu, như vị nhạc trưởng của ban đại hợp tấu, chuẩn bị phát lệnh trên một chiếu hát. Mọi người chờ tiếng trống phát ra. Nhưng Nguyễn Tuân lại đặt nhẹ rồi trống xuống và nói với giọng trầm buồn:

- Này em Đức ơi! Anh biết em từng là ngôi sao ca nương sáng chói của lò hát bà Đốc Sao ở Hà Nội. Xưa kia thì phải là cỡ tuần phủ tri huyện trở lên tới tổng đốc mới được nghe tiếng em ca. Thế rồi cách mạng về thì nhà bà Đốc Sao biến đâu mất tích. Nay được tin em trôi dạt về đây, anh đã phải bịa chuyện xin đi công tác phương này, cốt là để tìm em, để được nghe em hát thêm một lần, cho dù mai sau có chết vì bom đạn thì anh cũng mãn nguyện là đã tận hưởng cuộc đời. Bởi hôm nay đây, cái cánh đồng khô giữa vùng đất núi rừng Tuyên Quang này bỗng trở thành một bến Tầm Dương! Và em Đức sẽ là người đưa tiễn anh với anh Thảo đây, đều là những tư mã của thời đại, đang bị thời thế lưu đày về cái đất Giang Châu của Tuyên Quang này... Em hãy ca thật hay lên, để tiễn đưa chúng anh ngày mai lại lên ừ... ừ đường! Chỉ tiếc ở đây không có rượu ngon để anh ngâm mấy câu thơ cổ:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi!*

(Thơ Vương Hàn, Lương Châu Từ, Trung Quốc)

Rồi Nguyễn Tuân cao hứng, đàng hăng, lấy giọng ngâm thật thống thiết tiếp:

*Rượu ngon thơm ngát chén ngà
Chén chưa kịp cạn, tỳ bà thúc đi
Sa trường say, cười mà chi
Xưa nay chinh chiến, mấy ai trở về!*
(Người dịch khuyết danh)

Cây roi giơ lên phát lệnh bắt đầu bài hát:

- Tom! Tom! Chát!

Nhưng tất cả ngạc nhiên vì ca nương không cất tiếng hát mà lại ôm mặt khóc nức nở! Thảo ngồi đấy cũng long lanh nước mắt. Vì trong lòng cũng cảm thấy một nỗi u buồn thấm thía khó tả, chẳng rõ vì sao. Nức nở, sụt sùi một hồi, ca nương lấy lại bình tĩnh nói:

- Em xin lỗi! Em xin lỗi! Vì nhìn mấy anh ăn mặc nâu sồng vất vả, mặt mày hốc hác, em thấy thương mấy anh quá! Mà em cũng khóc cả cho thân phận em! Thôi để em hát, để tiễn đưa các anh, và cũng là đưa em nữa, vì mai đây gia đình em sẽ tìm đường về xuôi, vì cái bến Tầm Dương của em là bên quê ngoại ở mãi vùng Thái Bình cơ!

- Thôi nín đi em! Hát đi em!

Nguyễn Tuân lại nổi trống giục:

- Tom! Tom! Tom! Chát!

Ca nương bắt đầu lên giọng ngân nga, luyến láy não lòng:

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Dời thuyền ghé lại thăm tình
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui
Nghe nảo nuốt mấy dây buồn bực
Dường than niềm tấc tức bấy lâu
Mày chau tay gảy khúc sầu
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn
Thuyền không, đậu bến mặc ai
Quanh thuyền trăng dãi, nước trôi, lạnh lùng
Nghe nảo ruột khác tay đàn trước
Khắp tiệc hoa suốt mướt lệ rơi
Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh...*

(Trích thơ Bạch Cư Dị, Phan Huy Vịnh dịch)

- Tom! Chát! Chát! Tom!

Tiếng trống vang lên như để khen “Thật tuyệt vời!”, tiếng đàn cùng tiếng hát ngưng bật. Cả cái chòi cót giữa cánh đồng không ấy bỗng im lặng hoàn toàn. Chỉ còn tiếng gió, xào xạc, qua một bụi tre, vọng lại từ xa. Trong chòi, mọi người, như chết lặng vì quá cảm xúc. Tất cả êm thấm đứng dậy, chậm rãi thu xếp trống, đàn, từ từ rút lui. Tất cả họ bùi ngùi, cảm nín, ra về trong sợ sệt, nhìn trước, ngó sau, lắng tai, phóng mắt ra khắp phía xa chung quanh, không ai nói với ai nửa lời. Mỗi người mỗi nặng một tâm tư luyến tiếc, lo âu, sợ hãi... Nguyên Tuân ghé tai Thảo:

- Này ông bạn trí thức của tôi ơi, nhớ cho kỹ là đừng cho ai biết là tôi đãi ông châu hát ca trù này đấy nhé! Phải “bem” (giữ bí mật) kéo lại bị ngồi viết kiểm điểm thì mệt lắm đấy!

- Thú thật là ngồi nghe, tuy không hiểu hết ca từ, nhưng tôi cảm thấy lòng mình chùng xuống y như mình cũng đang khóc cho nỗi niềm u uất của chính mình. Không thể ngờ là lối ca này nó thấm thía vào tim gan đến thế!

- Anh có biết tại sao ca trù nó thấm thía vào tâm hồn mọi người không? Tại vì đây là một lối ca trữ tình. Bởi lời ca toàn là những bài thơ, bài hát nói của một nền văn chương quý phái đã lâu đời. Cách diễn tả lại càng trữ tình hơn. Vì làn hơi bị ức chế trong lồng ngực để rồi được đẩy ra thành tiếng luyến láy nghẹn ngào, nức nở, để bày tỏ những tình cảm uất ức khó diễn tả, nên ca mà cứ như nấc nghẹn, muốn than van, nuối tiếc, khóc thương một thời hạnh phúc đã mất... Ai mà có nỗi niềm trong lòng thì mới thường thức hết được cảm xúc sâu thẳm của ca trù. Tôi biết anh cũng đang có nhiều nỗi niềm bị ức chế ở trong lòng nên tôi mới mời anh đi hát hôm nay. Có đúng như vậy không nào?

Thảo nhìn Tuân chăm chăm, rồi ngằn ngừ nói:

- Anh hỏi tôi câu ấy làm tôi chột dạ. Có phải anh là môn đệ của Freud đã nhìn thấy tâm can tôi không? Hay anh là cán bộ của “cục Hồ” đang gài bẫy để bắt quả tang lập trường chao đảo của tôi đây?

- Tôi chưa hề đọc Freud. Và anh cũng đã mắc cái bệnh cảnh giác nặng rồi đấy. Nhưng cứ yên tâm, vì thằng Nguyễn Tuân này dù thế nào thì cũng không thể hèn mạt đến nỗi bán rẻ tình bạn cho cách mạng đâu. Anh cứ bình tĩnh mà chịu đựng và chờ đợi, chờ thời... Tôi hỏi thật, anh có hiểu tại sao ca trù nó lại thấm thía tâm can chúng ta như vậy không?

- Tại sao vậy anh?

- Tại vì ca trù toàn chuyên chở âm điệu những nuối tiếc, những tình hận, những chí cả sinh bất phùng thời của những kẻ bất mãn, bất đắc chí như anh đấy!

- Sao anh thấy được tận đáy lòng tôi như thế? Xin cảm ơn anh! Nhưng cũng xin anh đừng làm tôi sợ vì đúng là anh đã bắt quả tang tôi đang chao đảo lập trường đối với cách mạng!

- Anh đừng lo. Tôi hiểu anh vì tôi hiểu tôi. Bởi chúng ta chỉ là bọn Giang Châu tư mã đang bị giồng bão thời cuộc đánh trôi dạt về cái bên Tầm Dương rừng rú này. Buồn lắm! Thảm lắm anh ơi! Với anh tôi mới dám thổ lộ tâm sự u buồn của tôi. Bởi tôi biết sợ cũng như anh biết sợ...

Rồi bác Thảo còn cho biết sau khi về tiếp thu Hà Nội, Nguyễn Tuân còn mời bác đi nghe hát ca trù chui lậu thêm hai lần nữa, nhưng những lần sau này thì không còn xúc động mạnh như lần đầu, trong cái chòi tranh thô kệch nghèo nàn ở giữa cái cánh ruộng khô, đêm trăng ấy nữa.

Thấy bác đặc biệt nhớ tới cái đêm hát chui ấy giữa lúc dân chúng đang lo chiến tranh lan rộng?

- Sao bác quá chú ý tới cái đêm hát chui ấy giữa lúc dân chúng đang lo chiến tranh lan rộng?

- Đây là thêm một hiện tượng làm tôi phải suy nghĩ. Sống trong giai đoạn cuồng nhiệt phát triển cách mạng, trong lúc chiến tranh đang chuyển động dữ dội, vậy mà tôi thấy có nhiều điều không thật sự cần thiết cho đời sống, như làm thơ lãng mạn, hát nhạc trữ tình, như ca trù v... mà dân chúng vẫn cứ nuôi dưỡng những thú vui ấy trong lòng. Vì vậy mà đã bị cách mạng cấm. Tại sao những thứ bị cấm ấy, chúng vẫn cứ sống âm ỉ trong lòng dân? Rồi tôi nghiệm ra là những sinh hoạt tình cảm và nghệ thuật ấy là những thú vui, đá thắm nhuần vào tâm can mỗi con người. Rồi nó trở thành nhu cầu, trở thành sức sống như ngọn lửa thiêng, dù cấm mấy, nhưng nó vẫn cứ âm ỉ cháy để đợi cơ hội bùng lên... Vì đây là những điều mà con người nói chung, con người bền vững thèm khát, ưa thích. Những thú vui ấy là biểu hiện của sự sống, cấm không được, dù có giết những con người, nhưng không thể giết được những sở thích, không thể dập tắt khát vọng đã thấm sâu vào tim gan não trạng con người. Vì đây chính là... sức tự do tư tưởng!

- - - - -

Chương 5

Thực tại tàn nhẫn chất vấn

Khi nghe bác Thảo phân tách tỉ mỉ sự khám phá và sức sống âm ỉ của lối ca ả đào, chúng tôi phải ghi nhận rằng bác là con người có triết học, nên nhạy cảm trước những hiện tượng biểu hiện sự tồn tại bản chất của con người nói chung. Càng nghe bác kể, càng nhận ra bác là một con người có tư duy lý luận sắc sảo, mạch lạc, khác hẳn với cái vẻ tiêu tụy, xuề xoà lơ ngơ khiếm tốn bề ngoài. Vì vậy mà nghe bác tâm sự, là dễ bị cuốn hút bởi sức thuyết phục..

Rồi bác tiếp tục câu chuyện:

- Còn một vụ việc này nữa tôi muốn kể, nó cũng dính líu tới dĩ vãng, tới truyền thống, nó cũng đã làm hại tôi
- không ít. Đó là lúc tôi không chịu lên án bố mẹ, ông bà nội ngoại của tôi khi lập hồ sơ lý lịch...
- Sao lại còn chuyện kỳ lạ ấy nữa?
- Câu chuyện là như thế này: lúc mới về tới Nam Ninh, tôi được một cán bộ quân sự tới hướng dẫn làm hồ sơ lý lịch... theo thể thức nhập trại, trước khi được phép đi cùng xe bộ đội, gọi là để “hành quân” về nước.

Rồi bác lại kể tiếp thật chi tiết.

Một buổi sáng trong nhà khách của quân trường hôm ấy, một cán bộ ăn mặc quân phục mới màu xanh lá cây đậm, trình trọng mang tới một tập giấy kiểu học trò một bút chì, một lọ mực và một bút viết có ngòi sắt. Khi vào tới cửa, thì chập chân, đứng nghiêm chào theo kiểu bộ đội và nói lớn tiếng:

- Chào đồng chí Thảo! Tôi là Hùng, của Ban hồ sơ, tới đây mời đồng chí làm bản trích ngang và bản tự khai để nhập trại, trước khi tham gia hành quân về nước.
- Chào đồng chí! Xin mời đồng chí vào và cảm ơn đồng chí tới để chỉ dẫn tôi làm các thủ tục cần thiết. Tôi mới về đến đây mà đã thấy mọi sự đều xa lạ, có gì cần làm, nên làm thì nhờ đồng chí chỉ bảo... Tôi là kẻ chưa biết gì về những điều cần làm trong đời sống như thế này.

Hai người đi tới một đầu bàn dài ở giữa phòng, hai bên có ghế cho hai chục người ngồi. Thảo giữ ý, tính ngồi đối diện nhau nhưng Hùng không chịu:

- Mời đồng chí ngồi ở đầu bàn, còn tôi ngồi bên phải này để tiện làm việc sát cạnh đồng chí.

Cả hai cùng ngồi xuống. Cán bộ hồ sơ mở tập giấy, sắp xếp ngay ngắn trước mặt Thảo cùng với lọ mực, một bút ngòi sắt, một bút chì và thước kẻ... rồi nói:

- Vì giấy chưa có kẻ hàng nên phải dùng bút chì kẻ hàng trước khi viết bằng bút mực. Và đây là mẫu bản trích ngang còn đây là mẫu bản tự khai.

Thảo cầm lấy hai bản mẫu, mở ra, đọc. Lúc đó mới biết thế nào là trích ngang và thế nào là bản tự khai. Bản trích ngang thì có vẻ dễ hơn. Bởi chỉ có một hàng ngang theo chiều mở rộng của tờ giấy kẹp trong tập vở học trò. Theo chiều ngang ấy là các cột ghi rõ: Họ và tên, các bí danh, ngày, tháng năm sinh, quê quán, trình độ học vấn, trú quán, tình trạng gia đình, họ tên vợ hay chồng, họ tên các con, đã thoát ly theo cách mạng ngày nào, đã vào đảng ngày nào, vào đảng do ai giới thiệu, hiện đang làm nhiệm vụ gì. còn phần ghi chú thì nêu rõ “ghi những gì bản thân muốn khai báo thêm với cách mạng”.

Bản trích ngang như vậy là có 15 cột để điền vào đó. Đọc xong, Thảo đặt tờ mẫu bản trích ngang xuống, hơi ngạc nhiên vì các điều khoản khai ấy quá kỹ. Trong tờ mẫu do ai đó đã khai đầy đủ chi tiết nên kín hết tờ giấy khổ đôi ấy.

Đến khi cầm mẫu bản tự khai lên đọc thì cảm giác không còn là ngạc nhiên mà phải nói là kinh hoàng đến nỗi sợ! Càng đọc, tim càng đập mạnh! Chẳng những phải khai thật chi tiết từ ba đời nội ngoại trở lại hiện tại, chẳng những phải khai cả về bên bố, bên mẹ... Rồi cũng, y như thế, phải khai cả về vợ và nội ngoại bên nhà vợ. Rồi tới các con cũng với tới đa chi tiết có thể, rồi cả các bên thông gia nữa! Bản tự khai mẫu này thực ra là một văn bản đánh giá, tố cáo tất cả mọi người thân thích từ mấy đời trong đại gia đình bao quanh mình, một hồ sơ mẫu đã viết kín cả một tập vở học trò đầy!

Hùng ngồi nghiêm trang chăm chú theo dõi từng cử chỉ, từng diễn biến trên mặt Thảo khi đọc những lời khai mẫu, và ghi chú vào cuốn sổ tay. Khi thấy Thảo ngưng đọc, hiếu kỳ ngoảnh lên nhìn Hùng ghi ghi, chép chép thì Hùng nói:

- Tôi cũng phải làm báo cáo tường trình rõ những gì xảy ra trong buổi làm việc hôm nay với đồng chí!
- Ai sẽ đọc báo cáo ấy? Cũng như sẽ đọc các bản tự khai của tôi?

- Có lẽ chẳng có ai đọc kỹ các bản tự khai của đồng chí đâu. Ở đây mỗi ngày, có khi hàng trăm tân binh, mới tới đều phải khai như vậy cả. Làm sao mà đọc hết được, Trừ ra trường hợp có vấn đề nảy sinh, đáng chú ý, thì lúc đó ban hồ sơ mới lục nó ra mà đọc, để tìm hiểu, để theo dõi, để đánh giá... Nhưng riêng với đồng chí thì có lẽ sẽ có nhiều người tò mò tìm đọc hơn. Vì đồng chí là một trí thức, lại mới ở bên Tây về... Thôi bây giờ thì ta cứ tuân thủ mà làm theo thôi!

- Bản tự khai nhiều chi tiết như thế này thì làm sao tôi nhớ hết mà khai ra ngay bây giờ?

- Không có ai có thể nhớ hết các chi tiết cần khai ngay lúc đầu. Nhưng rồi, qua các lượt phải làm các bản tự khai khác sau này, thì mỗi lần nó sẽ được bổ túc thêm, khi có thể và khi cần. Bây giờ đồng chí chỉ phải cố ghi ra cho đầy đủ nhất về những gì bản thân đã biết hay còn nhớ... Còn các thành phần gia đình, nội ngoại, con cái thì chỉ cố ghi nếu nhớ được tên họ, năm tháng sinh thôi. Còn lại các mục khác thì cứ đề "không nhớ rõ". Nhưng phải ghi rõ từng mục, không được bỏ trống mục nào, y như trong mẫu này. Làm như vậy giúp ta không quên những chi tiết mà ta đã biết, hoặc ta không nhớ lúc khai.

- Tôi thấy ở đây có ghi cả nhận xét, đánh giá công, tội đối với cách mạng của cả bố mẹ, anh em họ hàng như thế này, thì tôi cũng phải có sự đánh giá công, tội của ông bà nội ngoại, bố mẹ, anh em như thế sao? Có thật sự cần thiết phải xét công tội của họ như vậy không? Như vậy sẽ có gì nguy hại cho họ không?

- Ấy! Không nên suy nghĩ, lo ngại như vậy. Khai ra sự đánh giá công, tội như vậy chẳng có hại cho ai cả. Đây là cách chứng tỏ mức độ giác ngộ cách mạng của mình. Nó giúp cách mạng đánh giá bản thân người khai.

- Nhưng ở đây có ghi rõ có thể tố giác vụ việc xấu. Như vậy là có thể làm hại người mình ghét chứ?

- Rất có thể! Nhưng cách mạng bảo mình khai thế thì cứ thế mà làm. Còn chuyện lo ngại làm hại người khác, hay lo có thể khai gian dối v.v... thì để cách mạng xét. Ta đã theo cách mạng, theo "đảng", thì để "đảng" suy xét hộ ta.

- Nhưng lỡ có người e ngại, khai bố mẹ, ông bà, họ hàng đều là người tốt cả, không theo phong kiến, không theo thực dân thì sao?

- Vấn đề đó ít khi xảy ra. Vì ai cũng muốn tỏ lòng thành với cách mạng, nên có khi họ còn cố khai không lên là có bố mẹ, ông bà là thành phần phản động để có cơ hội lên án, để tỏ vẻ là mình đã khai rất thành khẩn! Thôi bây giờ đồng chí đừng thắc mắc nữa, mà nên bắt đầu làm bản trích ngang vào tờ giấy nháp này đã, rồi sau đó chép ra cho sạch sẽ sáng sủa vào bản chính. Nhưng trước hết là phải kê hàng bằng bút chì cho các trang giấy. Để khi chép vào cho ngay hàng, thẳng cột, cho thật là sáng sủa, vì hồ sơ này sẽ lưu trữ lâu dài ở Trung ương.

Thảo thấy việc khai lý lịch như vậy, đối với bản thân mình, thật là căng thẳng, ngọt ngạt. Cái lối khai này là dạy người khai phải nói dối cho hợp ý "đảng". Thảo bắt đầu viết trên tờ giấy nháp màu vàng úa vì là loại giấy tồi. Còn bản khai chính thức thì sẽ chép lại trên giấy trắng hơn, nhưng cũng là loại giấy thô sơ, gọi là giấy trắng, chứ không hẳn là trắng có lẽ ở vùng Nam Ninh này chỉ có loại giấy "trắng" đó thôi.

Trong khi Thảo ôm đầu vất vả cố nhớ ra tên và tuổi bố mẹ, ông bà nội ngoại... thì Hùng ngồi kê hàng ngang trên giấy giúp Thảo. Cả hai cặm cụi làm việc cho tới khi anh nuôi mang cơm tới. Hùng đứng dậy và hẹn:

- Đồng chí ngưng tay dùng cơm đã. Một giờ nữa tôi trở lại. Ta sẽ tranh thủ làm cho xong cái bản trích ngang này, nội trong đêm nay. Còn bản tự khai thì để ngày mai. Chúc đồng chí ăn ngon. Vì hôm nay làm hồ sơ, phải động não, nên được bồi dưỡng hơn ngày thường đấy.

Hùng và Thảo cùng đứng dậy, đi tới mâm cơm đặt ở đầu bàn bên kia. Hùng chỉ tay vào mâm cơm để giải thích mấy món đặc biệt.

Thảo nhìn kỹ trên chiếc đĩa nhỏ màu đậm như đất nung, trong đó có ba miếng thịt to bằng ngón tay cái, màu nâu đen đen. Nếu không được giới thiệu trước thì khó mà biết được đó là món gì. Món canh rau cũng vậy, nhìn không thể đoán ra là canh gì. Chỉ có thau nhôm nhỏ đựng cơm trắng là rõ thôi. Thảo mỉm cười nghĩ: "Cũng là cải thiện đây". Hùng đi rồi, Thảo lấy cơm vào bát nhỏ, ngồi ăn, mà vẫn suy nghĩ về những gì vừa đọc được trong tập mẫu bản tự khai.

Miệng nhai, nhưng cái đầu không để ý tới hương vị ngon hay không ngon của bữa cơm. Thật sự là khi biết phải lên án bố mẹ để chứng minh trình độ giác ngộ cách mạng, Thảo đã bị "sốc" mạnh. Trong đầu bản khoản: "Đây là bước đầu ta phải uốn mình để nhập vào hàng ngũ cách mạng! Mà cách mạng bắt phải lên án, kết tội cả cha mẹ, ông bà, anh em, họ hàng... Nếu họ là những người đã làm việc cho "phong kiến" hay là cho "thực dân Pháp". Sự lên án ấy là để tỏ lòng thành của mình với cách mạng. Thế nhưng tâm tư kê đánh giá ấy có thành thật hay không, ai mà biết được. Người muốn tỏ ra có mức độ thành khẩn và giác ngộ cách mạng cao,

dĩ nhiên là phải khai khống lên cho nó có vẻ “thành khẩn và giác ngộ cao”. Nhưng đối với ta, thì trong thâm tâm ta có thấy bố ta đáng bị lên án là kẻ làm “tay sai cho Pháp” hay không? Ta vẫn nghĩ bố ta không phải là tay sai của Pháp. Vì làm công chức ở sở bưu điện thì cũng chỉ là phục vụ nhân dân mà thôi. Khai và lên án bố, thực ra là đã nói dối. Mà là nói dối với chính ta! Dù đây là một sự nói dối bắt buộc. Nhưng vẫn là nói dối, dù cho cách mạng muốn vậy, bắt phải làm như vậy! Vấn đề ở đây là: ta cũng sẽ nói dối như mọi người, hay là ta sẽ không nói dối như mọi người? Đây là lúc để ta phải tự xác định lập trường của ta đối với cách mạng, tức là đối với “đảng”. Ta sẽ nói dối “đảng” như mọi người, hay sẽ nói thật với “đảng” ý nghĩ của ta khác mọi người? Đây là cơ hội để ta công khai đánh giá phương pháp tự khai này. Chắc chắn cái sự không chịu nói dối này sẽ gây ra sự chú ý tiêu cực rất có hại cho ta, nhưng cứ nói dối như mọi người thì có lợi cho ta không? Thì ta có còn là ta không?

Thảo nuốt miếng cơm mà mắc nghẹn vì những suy nghĩ căng thẳng trong đầu. Trên quan điểm triết học, việc phải khai ra sinh hoạt của ông bà, cha mẹ để rồi lên án họ, là một cách máy móc chối bỏ họ, tức là phái coi quá khứ nguồn gốc của mình là sai trái. Đây là một thái độ chối bỏ và lên án cả quá khứ của mình, và cả của tổ tiên... chỉ vì tổ tiên đã không có ý thức cách mạng! Như thế thì còn đâu là những lời dạy dỗ tốt lành của tổ tiên, ông bà cha mẹ! Cứ nhắm mắt khai sao cho hợp ý cách mạng như vậy là có đúng là thành khẩn không? Có nên nêu ra thắc mắc này với Hùng hay không? Dù sao thì cán bộ Hùng cũng không phải là kẻ có đủ trình độ để thấy sự nghiêm trọng của vấn đề phải lên án ông bà, cha mẹ... như thế.

Nghĩ miên man rồi Thảo quyết định sẽ không nghe theo sự chỉ dẫn và khuyến khích của cán bộ Hùng. Nhưng trong đầu vẫn cứ thắc mắc. Như vậy là ta đã làm một điều cực kỳ nguy hại cho ta! Như vậy là ta bắt đầu bước vào con đường gay go mà mọi người muốn tránh. Như vậy là cảnh giác cách mạng buộc ta phải chơi trò dối trả? Càng lục soát vào cõi riêng ta, thì càng gây ra phản ứng khiến người ta muốn che giấu nên phải giả dối, thói đời nay là thế! Khai khống như vậy là cách mạng dạy ta xảo trá! Nhưng ta trở về là với ý hướng làm tốt cho cách mạng, chứ không phải để chạy theo a dua, nịnh bợ để làm hồng cách mạng. Ta chỉ có ích cho cách mạng khi ta giữ vững lập trường của con người chân thật. Nếu ta cứ giả vờ chạy theo cách mạng, chạy theo “đảng” như mọi người thì ta không còn là ta, mà là ta đã phản bội chính ta. Vì mục tiêu của ta khi trở về là để thực hiện mơ ước liên kết hành động cách mạng với chân lý, lời nói với việc làm, lý thuyết với thực tại... Mà bây giờ ta lại bắt đầu bằng thái độ cúi đầu nói dối, khai man sao?

Đêm hôm ấy Hùng ngồi quan sát Thảo đang trong trạng thái do dự trong các lời khai, cho tới khi thấy Thảo bắt đầu cúi xuống cặm cụi viết thì mừng thầm là sẽ không phải chờ lâu. Bởi cả doanh trại đã tắt đèn, chỉ còn ngọn đèn bão ở nhà khách.

Hồi chiều khi ăn cơm xong, Hùng tội lỗi về thân thiện, mang theo một phích nước. Thảo nói:

- Đồng chí mang nước tới làm gì, tôi cũng đã có được phát một phích nước đây mà chưa uống hết đâu.
- Không phích nước này của tôi là đặc biệt lắm. Do tôi cải thiện. Vì đây là phích nước chè tươi.

Hùng muốn tỏ vẻ làm thân nên kể rằng mỗi chiều, để giữ thể lực, anh ta đều chạy bộ khoảng một tiếng đồng hồ chung quanh một đồi cây chè già cỡ cả chục năm bỏ hoang, bên ngoài doanh trại, cổ mót thì cũng được một nắm là non nhỏ li ti, đủ để nấu một nồi nước có hương vị lá chè tươi, thơm và có hậu vị ngọt, y như là chè tươi ở quê nhà Thảo uống thử. Bỗng thấy sóng dậy một hương vị thời trẻ. Hồi đó nhà Thảo cũng thường uống thứ lá chè xanh tươi như thế. Những năm tháng sống ở Pháp, Thảo đã quên hẳn hương vị chát chát mà có hậu vị ngọt ngọt ấy. Đây cũng là một nỗ lực “cải thiện” trong cuộc sống.

Hùng ngồi chờ cho Thảo làm xong bản khai trích ngang, có lúc nhắc nhở như dĩ dánh:

- Ngày mai, khi làm bản tự khai thì đồng chí nên tỏ ra là mình khai với lòng thành, với tinh thần giác ngộ cách mạng cao độ, bằng cách phải lên án mạnh mẽ cha mẹ họ hàng đã từng đi theo phong kiến, chạy theo thực dân!

Lời khuyên này làm Thảo cười thầm trong bụng: ta đã dứt khoát giữ vững lập trường của ta.

Hôm sau, Hùng lại tới, tay cầm một cuốn vở và một xấp giấy và nói:

- Tôi mang thêm vở và giấy, phòng khi đồng chí cần viết thêm, hay viết lại.

Thảo ngồi chăm chỉ viết rất nhanh. Hùng vui vẻ đi đi, lại lại ở phía ngoài để không làm Thảo bị bận tâm vì sự hiện diện của mình. Cho tới trưa thì Thảo đã viết gần xong bản tự khai! Đến mục khai trình độ, Thảo hỏi:

- Tôi khai ra đây tên Pháp của mấy trường mà tôi đã học như tiểu học là trường Félix Fauré, trung học thì là trường Lycée Albert Sarraut... ở Hà Nội, rồi học trường cao đẳng Ecole Normale Supérieure ở phố Ulm ở Paris... được không?

Hùng vội đáp:

- Ấy chết! Đừng viết tiếng Pháp như thế! Ở đây người ta ghét thực dân Pháp lắm. Thấy bất cứ cái gì là của Pháp thì quần chúng cách mạng, vì lòng căm thù “thực dân Pháp”, nên ghét cả những gì, những ai có liên hệ tới chúng! Mà viết tiếng Pháp thì ở đây chẳng ai đọc được đâu.

Thảo đành khai là “học tiểu học và trung học ở Hà Nội, học và rồi dạy học ở trường Cao đẳng Sư phạm ở Ba-lê...”

Hùng mừng rỡ vì không ngờ Thảo làm xong bản tự khai nhanh đến thế, nên tới cầm tập vở ghi “bản tự khai” của Thảo ra chỗ đầu bàn, gần cửa ra vào có nhiều ánh sáng, và ngồi xuống đọc. Nhưng sau ngay vài trang đầu, Hùng không dấu được sự ngạc nhiên; nên chốc chốc lại thốt lên những câu đầy kinh ngạc:

- Trời đất ơi! Sao lại khai như thế này!... Ủa! Không lên án mà còn khen à? Khai thế này thì không đạt tiêu chuẩn đâu! Không được! Không được! Phải viết lại thôi đồng chí Thảo ạ!

- Đây là tôi đã thành thực khai báo với cách mạng! Tôi đã đắn đo suy nghĩ kỹ cả đêm qua, nên hôm nay tôi đã viết ra với tất cả tấm lòng thành thật của tôi! Tôi đã khai đúng những gì tôi biết, tôi nghĩ, tôi tin. Tôi đã thành thật đánh giá ông bà cha mẹ tôi y như tôi nghĩ trong đầu. Tôi không thể nghĩ một đằng viết một nẻo... Tôi nghĩ sao là cứ viết y như vậy, tôi không thể viết lại theo tiêu chuẩn mà đồng chí đã đề ra. Vì viết như vậy là tôi đã lừa dối chính tôi và lừa dối cả “đảng”!

- Đồng chí khai như thế này là bên trên sẽ khiển trách tôi là không biết hướng dẫn đồng chí! Bên trên sẽ bảo là tôi không biết “giác ngộ” đồng chí! Mà thật vậy, đồng chí không lên án việc cộng tác với phong kiến, với thực dân là phản động, là có tội với nhân dân... thì điều đó chứng tỏ đồng chí chưa thật sự giác ngộ cách mạng! Viết thêm một câu, như mọi người vẫn làm, đề lên án tất cả mối liên hệ với thực dân, phong kiến thì có mất mát gì đâu, mà đồng chí không làm được? Đồng chí không muốn tỏ ra là mình đã giác ngộ cách mạng sao?

- Tôi có giác ngộ cách mạng thì tôi mới bỏ nước Pháp mà về đây! Nhưng không phải vì giác ngộ cách mạng mà phải xỉ vả ông bà, cha mẹ là những người đã dạy tôi nên người lương thiện, yêu nước, yêu đồng bào, yêu tổ quốc...

- Giác ngộ như vậy là chưa đúng! Giác ngộ cách mạng là phải nói và làm đúng theo yêu cầu của cách mạng. Tôi không thể chấp nhận bản tự khai này, đồng chí phải làm lại đi!

- Tại sao tôi phải làm lại khi tôi đã thành thật khai báo? Tôi sẽ không làm lại vì tôi không muốn lừa dối cách mạng. Đầu óc tôi nghĩ sao thì tôi cứ viết ra y như vậy. Tôi không thể tự lừa dối cả tôi.

- Đồng chí ngoan cố quá! Cách mạng đã lên án tất cả các kẻ cộng tác với phong kiến và thực dân, vậy mà đồng chí lại ca ngợi chúng! Thái độ, lập trường ấy là chống cách mạng chứ coi là giác ngộ cách mạng sao được! Đồng chí nghe tôi đi! Vì quyền lợi của đồng chí, đồng chí phải làm lại bản tự khai này!

- Tôi không thể làm một bản tự khai khác, vì làm khác đi là tôi nói dối, là tôi lừa đảo cách mạng.

- Đồng chí mà không chịu làm lại bản tự khai, thì tôi coi như đồng chí chưa làm. Chứ tôi không thể nạp bản tự khai không đúng cách thức này vào hồ sơ lý lịch của đồng chí! Như vậy là đồng chí chưa hoàn thành đúng thủ tục lập hồ sơ nhập trại để có thể hành, quân về nước! Đồng chí suy nghĩ lại đi!

Tôi cảm thấy trong đầu óc người cán bộ hồ sơ này có một cái khoá kiên cố, không có cái chìa khoá chấp nhận gian dối thì không mở nó ra được. Thế nên tranh cãi với cái khoá như thế là điều vô ích. Cuối cùng Thảo đưa ra một đề nghị như một lời an ủi:

- Thôi bây giờ tôi chấp nhận như chưa làm bản tự khai, nhưng với điều kiện là cho tôi viết một bản tự bạch để yêu cầu đồng chí chuyển lên trên, nếu sau khi bên trên đọc bản tự bạch của tôi rồi, mà vẫn có lệnh bắt tôi phải làm lại thì tôi sẽ làm lại y như ý hướng dẫn của đồng chí, nghĩa là tôi chấp nhận nói dối theo lệnh của bên trên. Đồng chí cứ chuyển bản tự bạch của tôi lên trên, rồi sẽ tính sau, như vậy có được không? Còn nếu không thì tôi sẽ làm lại bản tự khai với câu mở đầu “Sau đây là bản tự khai do cán bộ hồ sơ bắt buộc tôi phải làm chứ tôi không làm theo sự thành khẩn của tôi...” Đồng chí có bằng lòng như vậy không?

Cán bộ Hùng ngồi thờ người ra nhìn Thảo trong im lặng thật lâu. Cuối cùng người cán bộ hồ sơ, thờ ì ạch với vẻ mặt thiếu não, bực bội, thất vọng, đành chấp nhận một cách miễn cưỡng:

- Tôi đã giải thích hết hơi, hết lý lẽ rồi, bây giờ đồng chí viết bản tự bạch như đồng chí muốn đi, giấy đây! Rồi để trên tính sao thì tính, chứ tôi hết cách hướng dẫn đồng chí rồi.

Thảo cầm tập giấy, vội vã ngồi xuống viết một mạch kín bốn trang của tờ đơn vở học trời. Đây có thể coi là một bài luận văn giải thích sự thành thực của mình, nêu rõ quan điểm không thể nhắm mắt lên án cái thời quá khứ chỉ vì tội đã không biết làm theo ý hướng cách mạng, vì thời đó đã có ai biết cách mạng là cái gì đâu. Trái lại thời đó tổ tiên dân tộc đã biết tạo ra bao nhiêu thế hệ sống lương thiện, biết xây dựng những con người dũng cảm, đã biết tạo dựng và biết bảo vệ non sông gấm vóc, tổ quốc vinh quang... mà ngày nay không ai có thể chối bỏ dĩ vãng lịch sử, chối bỏ non sông gấm vóc và tổ quốc này. Bằng chứng là đã có bao thế hệ đã biết noi gương người xưa để xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Và riêng tôi thì không bao giờ quên những lời dạy dỗ của

ông bà, cha mẹ là phải chăm chỉ học hành, thành người hữu ích cho dân tộc và tổ quốc. Vì vậy mà tôi không thể nào lên án ông bà, bố mẹ và tổ tiên, gốc gác của tôi được.

Hùng tới cầm bài tự bạch ấy cùng với bản trích ngang, bản tự khai của Thảo một cách miễn cưỡng và nói:

- Ba ngày qua, đồng chí đã bỏ công sức làm những thứ này mà không rõ bên trên có chấp thuận hay không! Riêng tôi thì từ thừa cha mẹ sinh ra tới nay mới gặp một người ngoan cố cứng đầu như đồng chí! Bây giờ tôi về trình lên trên xem sao rồi ta sẽ tính sau. Tôi cũng mệt lắm rồi.

- Xin cảm ơn đồng chí, tôi tự biết là đã làm đồng chí bức mình, nhưng xin tha lỗi cho tôi. Tôi không thể làm khác được, vì tôi đã thề là sẽ không bao giờ dối trá trong những việc làm của tôi, đặc biệt là đối với cách mạng.

Sang ngày thứ tư, Hùng, tay không, vẻ mặt lạnh lùng, tới nhà khách và nói với Thảo:

- Nhiệm vụ của tôi phải “làm việc” với đồng chí đã chấm dứt, tuy chưa thực sự hoàn thành. Hồ sơ lý lịch chưa hoàn thành của đồng chí đã được gửi về Trung ương cứu xét, chứ ở đây không ai dám có ý kiến, mặc dù các thủ trưởng ở đây đã xúm nhau vào đọc và bàn luận, nhưng rồi không ai dám quyết định gì cả! Đảng gửi về Trung ương với lời ghi “Hồ sơ chưa hoàn tất vì lý do đặc biệt, đang chờ Trung ương cứu xét”. Như vậy là kể như đồng chí chưa làm xong bản tự khai để hoàn tất thủ tục nhập trại. Tôi chỉ có thể thông báo cho đồng chí biết như vậy thôi. Chúc đồng chí mạnh khỏe chờ được hành quân trở về quê hương!

Bác Thảo nhấn mạnh:

- Có thể nói là cái vụ làm hồ sơ lý lịch của tôi như thế là đã sinh ra mâu thuẫn đầu tiên, trên giấy tờ, về lập trường và hành động, giữa cách mạng và tôi!

Nghe kể tới đó, Canh và tôi đều chê:

- Tại bác ư suy nghĩ quá đầy thôi, chứ như mọi người, thì cứ khai khống lên là cả bố mẹ, họ hàng nội ngoại đều là thành phần phục vụ phong kiến, thực dân. Khai như vậy là để cho xong cái yêu cầu của cách mạng, chứ có ai biết đầu mà ngại. Tổ tiên mà có biết thì cũng chẳng sao, vì con cháu các cụ nó phải sống vào cái thời đại cũng phải làm như thế, phải khai như thế, các cụ tổ cũng phải hiểu cho mà tha thứ chứ!

Bác Thảo cãi:

- Ấy không thể thế được. Vì vấn đề lên án bố mẹ, ông bà tổ tiên không phải là vấn đề tôi sợ các cụ tổ giận đâu. Mà là tôi ngại rồi cứ theo cái đà ấy, mấy cái ông cán bộ i tờ, quen đà lần áp, cứ tưởng mình là trời, bắt dân làm gì cũng phải làm. Bất khai gian, làm dối cũng phải tuân lệnh, như thế là bất tôi phải làm triết gian, triết dối rồi, đâu còn gì là triết học, triết lý nữa. Cũng chính vì suy nghĩ và có lập trường như thế mà sau này tôi đã liều chết phản đối chính sách xét xử một cách bậy bạ, rồi xử bắn cả những người vô tội, khi lần đầu tiên, tôi tham gia và chứng kiến một đợt thi hành cải cách ruộng đất. Lần ấy suýt làm tôi mất mạng. Đợt cải cách khủng khiếp này đã xảy ra ở huyện Chiêm Hoá thuộc tỉnh Tuyên Quang...

- Vụ ấy đã diễn ra như thế nào?

Bác Thảo mau mắn kể lại kinh nghiệm lần đầu tiên, được tham gia một đoàn chuẩn bị đi trực tiếp phát động một đợt cải cách ruộng đất mới. Nhiệm vụ của đoàn là xây dựng những “tổ viên đội cải cách”.

Đội của bác Thảo trước khi đi thì được “học tập” công tác tiến hành phương pháp “bắt rết, xâu chuỗi” ngay khi tới địa phương. Nhưng đối với Thảo thì đây là lần đầu tiên nghe thấy những “công tác” lạ tai ấy.

“Bắt rết” là khi tới địa phương, đội viên phải tìm tới sống chung với một gia đình bản cổ nông có tên trong một danh sách thành phần xã hội nghèo túng, mà chính quyền địa phương đã lập từ trước. Danh sách đó ghi rõ họ tên từng chủ gia đình với cách sinh sống... như đi làm thuê, nguồn thu nhập ngày có, ngày không, tải sản riêng không có gì đáng kể, nơi cư ngụ thì là ở tạm bợ trong một túp lều tranh trên phần đất công điền, công thổ dễ bị đuổi đi bất cứ lúc nào... Các đội viên phát động cải cách có nhiệm vụ động viên, giáo dục bản cổ nông, tức là dạy cho họ biết các “quyền” và “lợi” của bản cổ nông trong và sau khi tham gia cải cách ruộng đất. Họ có quyền và nghĩa vụ hạch tội, trừng trị những kẻ “đã từ bao đời liên tiếp cưỡi lên đầu lên cổ bản cổ nông, đã bóc lột, hành hạ, đánh đập bản cổ nông, đời này qua đời khác”. Lợi là họ sẽ được chia “quả thực” trong số những ruộng đất, nhà cửa, tải sản tịch thu của những kẻ giàu có chuyên sống bằng cách đè đầu đè cổ, bóc lột bản cổ nông.

- “Xâu chuỗi” là sử dụng cách sống chung ấy để kết nạp, thúc đẩy và tổ chức cho bản cổ nông ấy trở thành một tổ viên thi hành cải cách, nghĩa là biết đấu tố, biết hạch tội, biết nhận một thứ nhiệm vụ công tố y như trong một toà án. Tổ viên này sẽ đứng ra buộc tội, lên án bọn địa chủ, phú nông, cường hào, ác bá, tức là bọn nắm quyền, nắm lợi trong xóm, trong làng, trong xã, trong huyện... từ trước tới nay..

Để kích động tinh thần các bản cổ nông đã được bắt rết và xâu chuỗi ấy, để họ hăng hái ra tay phát động cải cách ruộng đất, thì các đội viên phát động cải cách phải giải thích cho bản cổ nông rõ đây là một dịp trả mối

thù lâu đời của bản cổ nông. Phải làm cho họ có tinh thần căm thù cao độ, để biến hận thù thành hành động, để thẳng tay trừng trị, tiêu diệt, nghĩa là đòi xử tử những tên nặng tội nhất, ngoan cố nhất, có nợ máu nhiều nhất với giai cấp bản cổ nông. Càng vạch mặt chỉ tên và trừng trị được nhiều thành phần phản động thì càng tịch thu được nhiều của cải, ruộng đất, nhà cửa, thì càng thành công, cuối cùng thì bản cổ nông càng được chia nhiều “quả thực”... Và sự trừng trị càng mạnh thì tàn dư phong kiến, thực dân càng sợ hãi mà không dám ngóc đầu lên để bóc lột như trước nữa.

Sự thành công của công tác cải cách ruộng đất tùy thuộc vào tài tổ chức, động viên và huấn luyện bản cổ nông thành những nhân chứng luận tội của nhân dân, để nhân dân biết vùng lên tiêu diệt giai cấp đã bóc lột họ. Công tác nặng nề và khó khăn này là của các đội viên đi phát động cải cách. Thực tế là đa số bản cổ nông đều chưa biết ăn nói, thường rất rụt rè trước đám đông, nhiều khi còn e ngại những chủ cũ, sợ sệt những lý tưởng, những chức sắc cũ của làng xã! Chỉ thị nêu rõ là phải tận dụng phương pháp kích thích hận thù qua những bước như kể khổ, hạch tội, xỉ vả tới những quyết định trừng trị... làm cho bản cổ nông mạnh dạn tham gia cải cách.

Ngồi nghe giảng dạy nhiệm vụ của một đội viên phát động cải cách như thế, trong đầu Thảo tự nhiên nảy sinh nhiều thắc mắc về mặt đạo lý, công lý. Có một điều Thảo biết chắc chắn là những phương pháp cải cách này, chính Marx hay Engels cũng chưa hề đề cập tới một cách cụ thể như thế. Vì cả hai ông thầy của cách mạng vô sản này chưa bao giờ thật sự bắt tay vào thực tế thi hành lệnh xoá bỏ giai cấp mà cả hai ông hô hào! Những chính sách đấu tố như vậy là phương pháp mà Lenin và Mao đã tùy tiện khai triển và nó đã đi quá xa với những gợi ý đấu tranh giai cấp của Marx, xa tới độ trái với ý hướng nhân bản của Marx.

Suy nghĩ như vậy, Thảo đâm ra hoang mang đến chán nản, nhưng không thể nói ra. Vì đang mang mặc cảm bị nghi ngờ là kẻ phản cách mạng, phá cải cách, kẻ đang bị thanh gươm “cảnh giác” treo lơ lửng sẵn trên đầu! Khoá tập huấn chuẩn bị cho đoàn viên đi phát động cải cách đã hoàn tất được hai ngày. Đội của Thảo được phân công đi phát động cải cách ở một địa điểm cách Phú Thọ không xa, tức là ở huyện Chiêm Hoá thuộc tỉnh Tuyên Quang kế cận. Đó là một huyện trong vùng an toàn, xa sự đe dọa của các cuộc tàn sát của quân lính Pháp. Dân ở đây thưa thớt, đất ruộng ở đây thuộc loại xấu và rất phân tán vì phần lớn các gia đình nông dân chỉ có một vài mẫu cho tới vài sào, sản xuất một lượng thóc gạo đủ ăn cho chín hay mười tháng. Khi giáp hạt thì dân thường phải ăn độn. Thế nên gia đình nào có vài mẫu ruộng đủ ăn thì cũng bị xếp vào thành phần phú nông. Hơn nữa, vùng này có nhiều rừng rậm, giao thông thô sơ, ruộng lúa chen lẫn quanh núi rừng, rất khó làm, cây cấy rất vất vả.

Việc đầu tiên phải làm khi về tới địa phương là tìm một gia đình bản cổ nông để “bắt rết”. Ủy ban hành chính địa phương, đã lập sẵn danh sách các gia đình bản cổ nông, ít ruộng, không nghề nghiệp hay thu nhập gì rõ rệt. Các chủ gia đình nghèo ấy khi có người thuê mướn thì đi làm nửa buổi, khi thì làm cả ngày... làm bất cứ việc gì: từ dọn cỏ, cuốc đất cho tới quét nhà, dọn vườn, đào mương, mót cống... nghĩa là đủ thứ làm việc vặt trong nhà. Những ngày không ai thuê mướn, thì cả vợ chồng, con cái phải đi mò cua, bắt ốc, nhặt củi, hái những thứ rau cỏ hoang, bắt cào cào, châu chấu... miễn sao có thể nấu lên, nướng lên mà ăn để sống qua ngày. Vì thế khi được đoàn cải cách về ở chung, họ mừng lắm. Bởi đoàn cải cách có gạo và góp tiền nhờ họ nấu cơm để cùng ăn. Nhưng cái khó cho mỗi đoàn viên phát động cải cách là chỉ trong vòng vài ngày, phải huấn luyện người chủ gia đình bản cổ ấy thành một nhân chứng, một “đội viên cải cách”: biết ăn nói rành mạch, biết tố giác tung tích, kể khổ, rồi hạch tội các địa chủ, phú nông, các hào lý hách dịch chuyên cậy quyền thế, y vào “việc quan” để sai khiến, đánh đập, bóc lột người nghèo khổ.

Thảo được chỉ định tới ở chung trong một túp lều rơm của gia đình bản cổ nông Lê Tư, một vợ đang đau ốm với hai đứa con một đứa đã năm tuổi, một đứa mới một tuổi rưỡi. Thủ trưởng đoàn giới thiệu với bản cổ nông Lê Tư rằng Thảo là một cán bộ trí thức mới ở bên Tây về với cách mạng. “Ồ bên ấy trí thức Tây cũng phải kính phục đồng chí Thảo”, nghe vậy, bản cổ Lê Tư cũng nể phục lắm.

Sau khi đưa phiếu khẩu phần gạo và tiền cho gia chủ nhờ nấu cơm, công việc bắt rết khỏi sự bằng cách giảng giải nhiệm vụ của một “bản cổ nông nổi dậy”, đứng lên tố khổ bọn nhà giàu, quy tội chúng là thành phần bóc lột, là kẻ thù của giai cấp công nông... để đòi tịch thu tài sản của chúng, bắt chúng từ nay phải tự tay lao động, để mà sống... Cuối cùng Thảo hỏi Lê Tư:

- Lãnh trách nhiệm một bản cổ nông nổi dậy là như vậy, đồng chí có làm được không?
- Cháu là thằng vô học, ông bảo cháu làm gì thì cháu sẽ làm y như vậy. Ông dạy cháu nói sao thì cháu sẽ nói y như vậy...

- Ấy, ấy, không được! Không được! Ở đây không còn có ông, có cháu gì cả! Chỉ có chúng ta là đồng bào, đồng chí, bình đẳng với nhau thôi. Nước nhà được độc lập rồi, mọi người đều bình đẳng rồi, nên đã cấm không được gọi ông, xưng cháu với nhau nữa. Đồng chí phải xưng là “tôi” với mọi người, bởi đồng chí bây giờ là bình đẳng với mọi người rồi, đồng chí nhớ chưa?
- Dạ vâng!
- Cũng không được nói “dạ vâng” nữa. Từ nay cấm không được trả lời ”dạ vâng”! Đồng chí nghe rõ chưa?
- Dạ...
- Đã bảo là không được “dạ” nữa cơ mà!
- Thế thì phải nói làm sao?
- Khi trả lời bất cứ câu hỏi nào thì đồng chí phải bắt đầu bằng “tôi” để trả lời. Thí dụ như ai hỏi, “Đồng chí nhớ chưa?” thì phải trả lời là “Tôi nhớ!”. Nếu ai hỏi “Đồng chí! có nhất trí không?” thì phải trả lời là “Tôi nhất trí”. Bây giờ tôi hỏi và đồng chí trả lời nhé!... Đồng chí tên là gì?
- Dạ...
- Đã cấm không nói “dạ” nữa cơ mà!
- Trong đầu đã tính nói tôi, mà cái mồm nó lại bật ra tiếng “dạ”! Khổ thế!
- Không có khổ gì ở đây. Ta học tập làm người bình đẳng, sao lại là khổ được? Thế là sướng chứ! Bây giờ đồng chí mím môi lại, khi tôi hỏi xong thì đồng chí phải trả lời thật chậm. Bây giờ tôi hỏi lại này. Đồng chí tên là gì?
- T.. ôi... tên... là... Tư!
- Đúng rồi! Nhớ xưng là “tôi” nhé! Thế là tiến bộ rồi đấy! Vậy đồng chí là người tự do rồi đấy!
- Dạ!
- Sao đồng chí lại vẫn nói “Dạ”?
- Khổ quá...!
- Sao lại là khổ? Học làm người tự do bình đẳng là sướng chứ! Đồng chí không muốn được làm người tự do bình đẳng à?
- Dạ muốn!
- Lại vẫn dạ nữa!

Cả một buổi huấn luyện mà chỉ nội chỉ dẫn cái cách tự xưng là “Tôi”, bỏ thói “dạ, thưa” thôi mà vẫn chưa đạt kết quả! Phản xạ khiêm tốn tự nhiên nó đã in sâu vào óc, vào lưới của “đồng chí” Lê. Tư quá nửa già đời người. Bây giờ muốn xoá bỏ phản xạ đó thật là khó khăn. Mất ba ngày góp gạo cho gia đình đồng chí Tư rồi mà Thảo vẫn chưa đê cập được tới giai đoạn học tập tổ khổ, hạch tội...

Đêm đến, trần trọc khó ngủ, nghĩ lại mấy ngày cố dạy để biến Lê Tư thành “một bản cổ nông nổi dậy” mà chưa được, nên thấy tình thế thật vừa nguy nan, vừa khôi hài: một giáo sư tốt nghiệp thạc sĩ một trường sư phạm nổi danh thế giới, mà nay bất lực không dạy được một bản cổ nông trở thành người bình đẳng với mọi người! Bỗng Thảo bật cười, nhin không được! Cứ cười như nổi cơn điên. Cười mãi mới nín được, rồi lại tủi phận mình mà bật khóc, lấy khăn tay拭 mũi kêu khịt khịt. Làm cho Lê Tư nằm trong ổ rơm ở góc chòi thức giấc, vừa bực mình, vừa lo sợ nên hỏi:

- Đồng chí Thảo ơi! Sao mà hết cười, rồi lại khóc vậy? Ngủ đi chứ!

Thảo giật mình khí biết đã phá giấc ngủ của gia chủ nên vội lấy khăn tay bịt miệng, bịt mũi, cố giữ nín thở, im lặng một lúc, rồi đành phải mở khăn, thở trở lại, nhưng rồi vẫn không nhin được cười, cười đến tràn nước mắt...

Sáng ra, khi ra trụ sở xã để báo cáo công tác, Thảo đành thú nhận một cách buồn thảm với đoàn cải cách:

- Tôi thật là bất tài, không thể nào dạy đồng chí Lê Tư làm nhiệm vụ được. Xin cho tôi trở về cứ. Công tác này quả thật là tôi không làm được.
- Không sao, đồng chí cứ ở đây với đoàn. Tên Lê Tư nó không chịu làm đội viên cải cách thì có người khác, không thiếu đâu mà ngại. Xã này nghèo lắm, thiếu gì bản cổ nông muốn được vào đội cải cách.

Chủ tịch xã có mặt ở đó nói xen vào:

- Cái tên bản cổ nông Lê Tư này thì tôi biết nó ngoan cố lắm. Nó đóng kịch giả câm, giả điếc với đồng chí đấy. Tôi sẽ trừng trị nó, cho bớt cái thói lẩn tránh không chịu tham gia phong trào. Tôi chỉ dọa phạt nó một tháng lao động khổ sai là bảo gì nó cũng nhớ và làm ngay.

Chương 6

Đặt lại vấn đề từ học thuyết

Sau một tuần lễ chuẩn bị, một phiên toà cải cách ruộng đất đã được tổ chức trước sân gạch lớn của đình làng. Dọc hai bên sân đình có treo la liệt biểu ngữ lên án bọn trí, phú địa hào là tàn dư phong kiến, thực dân, là kẻ thù của giai cấp công nông, là kẻ phá hoại xã hội, là kẻ muốn nổi giáo cho giặc...

Khoảng hai giờ trưa hôm ấy, trời nắng chói chang. Từ cả tiếng đồng hồ trước, dân chúng đã được điều động tới ngồi xổm trên nền gạch trước sân đình. Ông già, bà già, người lớn trẻ con, bồng bế nhau đi coi xử tội địa chủ! Đám đông nói cười ồn ào, trẻ con khóc inh ỏi.

Nhưng rồi từ ngoài, một cán bộ dẫn tải một toán “thanh niên và nhi đồng cải cách”, sắp xếp cho toán ấy ngồi trước mặt quần chúng và bắt đầu công tác văn hoá tuyên truyền để tạo không khí cách mạng, gồm có hô khẩu hiệu và ca hát. Cứ hô vài khẩu hiệu đã đảo tàn dư phong kiến thực dân xong, lại vỗ tay làm nhịp hát một bài. Lời hát cũng đặc biệt vì thực ra đây là một bài về ngán đã thuộc lòng, rồi đọc lên cho có vần, có điệu theo nhịp vỗ tay, cứ y như cùng nhau niệm kinh theo nhịp mõ trong chùa. Hối ra mời biết đây là kiểu hát dân dã của sắc tộc miền núi bên Trung Quốc, gọi là “sơn ca”, nội dung bài hát cũng là theo phong cách “đấu tố ca” bên Trung Quốc. Thảo thấy hay nên cũng lắng tai nghe. Nghe mấy đợt rồi cũng thuộc lòng một bài, rồi cũng vỗ tay ba nhịp để hát từng câu.

Hát rằng:

*Nước chảy dưới dòng sông
Ai múc lên thì uống,
Cũng như là đất ruộng
Ai có công thì hưởng bốn mùa
Mấy câu ca trên đây
Của nông dân Trung Quốc
Anh em ơi, hãy học lấy cho thuộc!
Để vung tay phát động đấu tranh!
Nhưng nay vì quốc gia, vì “đảng”
Vì bước trường kỳ cách mạng
Nên ta còn cho chúng hưởng phần tở
Nếu chúng còn gian dối mưu mô
Thì quyết liệt
Anh em ơi! Đấu mãi!*

Đám đông hét xong, một cán bộ tuyên truyền hô lớn: “Đả đảo địa chủ, con đẻ phong kiến, thực dân!”

Quần chúng cách mạng cũng hưởng ứng hô tiếp:

- Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!
- Đả đảo cường hào, ác bá con đẻ phong kiến, thực dân!
- Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!

Rồi lại hát. Rồi lại hô khẩu hiệu. Cứ như vậy khoảng hơn nửa giờ thì ngưng đề bắt đầu “phiên toà án cải cách”.

Bàn chủ tọa đặt phía trong đình cũng đã bắt đầu đông đủ. Trên bãi sân trước bàn ngăn cách xa với đám đông bên ngoài là một cột cờ cao sáu thước, rồi tới hàng cọc tre. Ai cũng biết mấy cọc đó là dành cho những tên phán động sắp bị mạng ra đấu tố. Nhưng chính mấy cọc tre đó đã làm cho đám đông hồi hộp muốn chờ xem những tội nhân bị mang ra đấu tố là ai, sẽ trừng trị như thế nào. Càng hiếu kỳ hơn nữa là ngay cạnh bên trái đình, là một mô đất nâu sẫm vì mới được đắp, là một hàng cọc tre khác với một tấm bảng ghi rõ “trường bắn”! Chưa bao giờ có một cuộc mít tinh đông tới cả nghìn người mà lại bao trùm bởi một bầu không khí hồi hộp sợ hãi đến như vậy. Nhiều trẻ em đứng bám chặt vào bố mẹ và khóc la đòi về, vì chúng cảm thấy ghê sợ quá. Chúng đã nghe người lớn nói người ta sắp bắn người trước mặt chúng! Cái nắng gay gắt càng làm thêm ngột ngạt khó thở.

Bỗng trống cái trong đình nổi lên ba tiếng: Thùng! Thùng! Thùng!

Bên ngoài, có tiếng quát liên tiếp:

- Tránh ra! Tránh ra! Tránh ra!

Đám đông tụ tập ngồi trước đình bị sáu dân quân tụ vệ cầm súng trường có gắn lưỡi lê dẹt qua hai bên để mở một đường cho đoàn cán bộ, đội viên đội cải cách vào đình. Chỉ có năm đội viên cải cách được vào ngồi trước bàn nhìn xuống hàng cọc tre ở bên trái, và xa hơn là dân chúng. Số cán bộ đi phát động thì được mời ngồi ở hàng ghế phía sau. Một trong những cán bộ ngồi đầu bàn bên trái, có vẻ là người nắm công việc tổ chức, lớn tiếng ra lệnh cho một dân quân:

- Nổi trống lên để làm lễ khai mạc.

Ba hồi trống rền vang dậy báo hiệu phiên tòa án cải cách ruộng đất sắp bắt đầu. Cán bộ ngồi giữa đứng dậy quát lớn: "Tất cả im lặng!", nhưng bên dưới dân chúng vẫn ồn ào, chen lấn nhau, đám thiếu nhi mặc đồng phục nâu, đầu đội mũ chào mào đứng phía trước cười nói lao xao nên lại có tiếng quát lớn liên tiếp:

- Xin đồng bào giữ trật tự! Tất cả im lặng! Các cháu thiếu nhi thôi đừng nói chuyện nữa! Chuẩn bị làm lễ chào cờ! Xin đồng bào đứng dậy làm lễ chào cờ!

Sáu dân quân cầm súng ban nãy, giờ dàn ra thành hàng ngang và đứng nghiêm, hai tay giơ súng thẳng ra trước ngực để chào cờ.

Ba dân quân khác tiến ra: một người hai tay trình trọng mang lá cờ còn gấp vuông vức bước tới cột cờ, theo sau là người kéo cờ và chót hết là người bắt nhịp hát:

- Tất cả! Nghiêm! Lễ chào cờ bắt đầu!... Tất cả cùng hát: Đoàn quân Việt Nam đi... hai, ba...!

- Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc...

Quần chúng hát lớn tuy không đều, nhưng rất nhiệt tình, mỗi khi nhịp hát lên cao thì tất cả hát như thét lên, rất là có khí thế!

Bài quốc ca được hát vang dậy. Lá cờ được từ từ kéo lên tới đỉnh cột cờ lúc bài ca chấm dứt. Người dân quân lại hô:

- Tất cả! Nghi! Tất cả! Ngồi!

Đám đông lao xao ngồi trên guốc, dép, số còn lại thì ngồi xổm hoặc ngồi bệt xuống sân gạch. Cán bộ cải cách ngồi chính; giữa trước bàn đứng dậy tuyên bố khai mạc phiên xử sáu tên ác ôn phản động gồm năm tên đều là địa chủ, phú nông. Còn một tên là lý trưởng cũ.

Bỗng có tiếng khóc lóc. Rồi từ bên ngoài hai dân quân dẫn sáu người bị trói hai tay quặt ra sau lưng. Cả sáu bị buộc thành một chuỗi bằng những khúc dây thừng to vòng quanh cổ, người nọ tiếp nối người kia, cách nhau khoảng hai thước. Dân quân đi đầu đeo súng trên vai tay cầm đoạn dây thừng kéo chuỗi sáu người bị mang ra đầu tố, dân quân thứ nhì cầm súng đi bên cạnh. Tội nhân mặc quần áo xốc xếch, có vết bầm và vết máu, có kẻ vừa đi vừa khóc lóc. Trong số đó có một bà cụ tuổi ngoài sáu chục, khi đi ngang qua đám đông thì gào khóc thật to tiếng:

- Con ơi là con ơi! Con ở đâu thì về cứu mẹ với con ơi!

Dân quân đi cạnh bước tới dùng báng súng đánh ngang vào bụng bà già và quát:

- Con cụ già này có cảm mồm đi không? Cảm ngay đi!

Bà cụ bị báng súng phang mạnh vào bụng, ngã chúi xuống kéo hai người đi trước và sau cùng ngã ra, làm tất cả chuỗi người chùng lại suýt cùng ngã theo. Hai dân quân vội nắm cổ lỏi họ đứng dậy một cách vất vả. Đám nhi đồng thấy vậy cười khúc khích. Cán bộ chủ tọa đứng dậy quát lớn:

- Các cháu nhi đồng không được cười đùa!

Đám trẻ con sợ hãi, vội lấy tay bịt miệng lại cho tiếng cười khỏi bật ra. Khi chuỗi tội nhân bị đưa tới gần hàng cột tre, hai dân quân lần lượt tháo từng khúc giây thừng ra và bắt mỗi người quì xuống, mặt hướng về bàn chủ tọa, tay bị trói chéo ra sau dính vào một cột. Bà cụ già vẫn khóc lóc, nhưng không dám khóc to tiếng, vẫn là than van:

- Con ơi là con ơi! Người ta sắp giết mẹ rồi con ơi là... con ơi!

Cán bộ chủ tọa lại đứng dậy, nói thật to:

- Hôm nay tòa án cải cách ruộng đất huyện ta về đây để mang ra xét tên phản động ở các xã thôn ta, do đồng bào tố cáo. Chúng thuộc, giai cấp thống trị đã nổi tiếng là những tên địa chủ, phú nông, cường hào chuyên đè đầu dân, bóc lột bản cổ nông, đánh đập dân nghèo. Vậy tất cả đồng bào, ai đã bị chúng bóc lột, hành hạ thì nay đều có quyền đứng ra làm nhân chứng kể tội chúng, rồi sau đó tòa sẽ xét xử theo những bằng chứng và những lời buộc tội của đồng bào. Đồng bào có nhất trí xét xử sáu tên phản động này không?

Bị hỏi bất ngờ, đám đông đáp lao xao:

- Nhất trí!

Thấy đám đông có vẻ thụ động, cán bộ chủ toạ lại quát hỏi thật to tiếng hơn nữa:

- Đồng bào có nhất trí không?

Hiểu rõ câu hỏi đó là một mệnh lệnh, đám đông vung nắm tay phải lên đáp đồng thanh hơn:

- Nhất trí! Nhất trí! Nhất trí!

- Bây giờ toà bắt đầu xét xử tên phản động đầu tiên là Nguyễn Văn Minh, y đã làm lý trưởng từ mười hai năm nay, tên cường hào này là đày tớ của phong kiến và thực dân, đã nhiều lần ép buộc dân làng đi phu khổ sai, để đắp đường, đào kinh, lên rừng chặt cây nộm để làm đường xe lửa, chính tên lý trưởng này đã đốc thúc nhân dân phải nộp đủ các thứ thuế, từ thuế thân, thuế gạo, thuế muối... cũng chính tên này đã đánh đập những người cùng khổ vì không đủ sức lao động khổ sai, nghèo túng không nộp đủ thuế... Vậy nay ai đã từng bị tên lý trưởng Nguyễn Văn Minh này hành hạ, bóc lột thì cứ xung phong đứng ra làm chứng để hạch tội tên phản động này để toà căn cứ vào đó mà xét xử.

Từ nãy, có một toán thanh niên gồm mười hai người, tuổi độ trong khoảng từ trên hai mươi tới ba mươi, đứng ở hàng đầu của đám đông, bên trái, ngay cạnh đám nhi đồng, toán này luôn luôn hô hoán mạnh nhất. Khi được hỏi có ai muốn là nhân chứng hạch tội thì; cả toán đồng thanh, giơ tay đáp:

- Tôi!

- Tôi!

- Tôi!

Chủ toạ ra lệnh:

- Mời nhân chứng số một!

Một người trong toán ồn ào ấy bước tới trước bàn định nói, nhưng cán bộ chủ toạ đưa tay ra lệnh:

- Nhân chứng ra gần chỗ tên lý trưởng để hạch tội!

Khi tới đứng ngay trước người lý trưởng bị trói và quỳ ở cột đầu phía trái, nhân chứng vỗ vào ngực để trần và nói lớn:

- Mà có biết tao là ai không? Tao là Nguyễn Văn Đề, hai mươi bảy tuổi, chuyên làm mướn y như bố tao và ông nội tao. Vì vậy, tao là bản cổ nông từ ba đời nay. Thế nên tao biết rất rõ tung tích của mày, là tên lý trưởng Nguyễn Văn Minh. Vì bố mày trước cũng làm lý trưởng và cả ông nội mày cũng vậy. Cả bố mày, ông nội mày và mày đều đã được phong kiến ban thưởng hàm cửu phẩm, vì có công thay mặt thực dân, phong kiến, để đốc thúc dân đi phu, đốc thúc dân đóng các thứ thuế, và chính mày mới đây thôi, đã dùng roi mây đánh đập tao đến chảy máu lưng, mang thương tích còn đến bây giờ vì tội không thu mua đủ số lượng cây gai để mày giao nộp cho quân Nhật!

Sau khi vạch lưng ra để lộ mấy đám sẹo mờ mờ, nhưng rõ ràng không phải là vết của roi mây, Đề tiến tới vung tay đấm mạnh vào mồm lý trưởng, miệng nói:

- Mày đã đánh, đã chửi tao, đã hà hiếp bao nhiêu đồng bào khác, mày nhớ không?

Thấy nắm tay vung tới gần miệng, lý trưởng vội né đầu xuống tránh nhưng nắm đấm đánh trúng vào phía mắt phải, làm bật máu chảy ròng ròng ướt cả một bên mặt.

Cán bộ chủ toạ thấy vậy, giật mình, can:

- Nhân chứng không được gây thương tích cho bị cáo. Thôi hạch tội thế đủ rồi. Bây giờ đến lượt nhân chứng thứ nhì.

Một người khác, cũng trong nhóm nhân chứng, bước tới trước lý trưởng, kể các tội thật mơ hồ và lung tung:

- Mày có thói đánh người khi say rượu. Mày đã ép người ta phải bán mấy sào ruộng thuộc loại tốt cho mày, rồi ép phải bán cả con trâu khỏe nhất cho mày, rồi mày vu cáo người ta nấu rượu lậu, để mày phạt tịch thu tài sản, khiến bao người sạch nghiệp vì mày, rồi phải đi làm thuê, mò cua, mót lúa mà nuôi gia đình... Tội của mày kể ra không thể hết! Mày có nhận tội không?

Bi cáo cúi đầu im lặng.

Kể tội xong, nhân chứng tiến tới tát vào má bên trái lý trưởng, miệng nói:

- Chính mày đã dùng thủ đoạn, mưu kế để cướp đoạt hết tài sản của bao gia đình, mày có nhận tội hay không? Mày còn...

Bị hạch tội vu vơ, người lý trưởng không cảm nín giữ im lặng được nữa, nên hỏi lại:

- Người ta là ai? Bao gia đình là gia đình nào cơ?

Cán bộ chủ toạ thấy buộc tội như vậy là mơ hồ quá rồi, nên quyết định:

- Tội lỗi tên cường hào lý trưởng này như vậy là rõ rồi. Bây giờ xử lý tới tên địa chủ Hoàng Văn Quân. Nhân chứng đâu?

Một người gầy còm tiến tới trước tội nhân bị trói quỳ ở cột thứ nhì, nêu rõ tên họ mình rồi lớn tiếng bắt đầu kể tội:

- Mày có hơn hai mẫu ruộng, mà cả đời chân không lội bùn, tay không chạm tới hòn đất, toàn thuê mướn dân nghèo khổ phát canh cho mày thu tô. Làm xong việc thì mày chê bai để bớt tiền này công nợ. Trong nhà thì vợ mày để non, mà không nuôi, toàn nuôi vú sữa, mày bắt người vú phải gửi con về nhà ông bà để nuôi nó bằng cháo trắng...

Cứ mỗi lần kể xong một tội, nhân chứng lại tát vào mặt tội nhân và hỏi:

- Có phải mày đã làm như vậy hay tao nói sai?

Lần lượt các nhân chứng tới cạnh các tội nhân để hạch tội một cách mơ hồ, toàn là những lời đồn đại. Thành thạo lại tát vào mặt các tội nhân theo cùng một cách, vì đã được huấn luyện như thế. Cả năm tội nhân đều bị đánh, và phải cúi đầu im lặng. Chỉ có tội nhân nữ là bà cụ Vũ Thị Thanh là dám cãi lại.

Hai nhân chứng chót là phụ nữ, nói xoe xoe kể tội:

- Mày có nhà gạch lớn như dinh nhà quan với vườn rộng mênh, mông, nuôi tới ba con chó Tây để trông nhà, có đời sống xa hoa sang trọng mà không nghĩ tới bao gia đình cùng khổ sống ở chung quanh! Mày nuôi hai đày tớ với lương rẻ mạt... Người nghèo đói đến xin ăn thì mày xua chó đuổi đi, có khi chó xổng ra cắn người qua đường đến bị thương nặng, mày có nhận tội không?

Trái với năm tội nhân đàn ông, bà già này cãi lại chứ không nhận tội:

- Nhà tôi rộng vì con tôi ở Hà Nội gửi tiền về xây cho chứ tôi không bóc lột ai! Tôi sống ăn chay, tụng kinh niệm Phật chứ không sống xa hoa! Tôi nuôi chó giữ nhà vì đã bị kẻ trộm vào nhà nhiều lần. Ngày rằm, mừng mặt, tôi đi chùa vẫn bố thí cho người nghèo. Năm đói Ất Dậu, chính tôi lo nấu cháo cứu người trong làng. Mỗi khi làng có việc, tôi quyên góp, tôi là người xung phong ủng hộ nhiều nhất. Khi cách mạng về, tôi đã ủng hộ tiền mua súng cho đội dân quân của làng! Cả đời tôi không bóc lột ai, con tôi hiện đi bộ đội đang đánh Pháp ngoài chiến trường...

- Mày nói láo! Mày không bóc lột ai, nhưng con mày ở Hà Nội có cày sâu, cuốc bẫm đâu mà có của cải nhiều thế? Của cải ấy không do bóc lột thì nó trên trời rơi xuống à? Cầm mồm đi con đĩ già ngoan cố!

Nhân chứng vừa chửi vừa tiến lại vả mạnh vào mặt bà già! Bà cụ đau quá, càng gào khóc, gọi con cầu cứu:

- Con ơi là con ơi là con ơi! Nó đánh mẹ con ơi! Con về cứu mẹ với con ơi!

Người dân quân đứng đằng sau tiến tới lấy báng súng bổ vào lưng bà già quát:

- Cầm mồm ngay. Còn khóc lóc nữa là tao nhét giẻ vào mồm đấy!

Bà già sợ hãi; khỏe nhỏ hần đi nhưng miệng vẫn rên rĩ:

- Con ơi là con ơi...!

Lần đầu tiên trong đời, Thảo được chứng kiến một “phiên tòa” đánh đập thô bạo đến mức khủng khiếp như vậy. Đây là một trò hề công lý, chứ có luật lệ gì đâu!

Bằng chứng tội lỗi toàn là do bản cổ nông kể miệng như vu oan, chứ không do một văn bản điều tra nào.

Không một điều luật nào được nêu ra làm căn bản để buộc tội. Bởi có ai biết gì, hiểu gì về công việc xét xử của một tòa án bao giờ đâu! Thế nên đầu óc Thảo bị căng thẳng, tim đập mạnh, thân thể run lên vì xúc động, hỏi một cán bộ địa phương đứng cạnh:

- Tại sao bà cụ ấy cứ réo gọi con như vậy?

- Nghe nói mẹ già này có con đi bộ đội trong “Trung đoàn thủ đô”, từ hồi rời bỏ Hà Nội, ra bưng kháng chiến, nay hình như làm tới trung uỹ!

Biết vậy, Thảo bỗng cảm thấy lo âu: bố mẹ mình cũng là dân làm việc ở Hà Nội, cũng xây được nhà cửa lớn ở vùng quê thuộc tỉnh Bắc Ninh, chưa biết chừng bố mẹ mình giờ cũng đang bị đầu tố như thế này! Quan sát là chung quanh thì thấy đám đông dân chúng cũng có vẻ mặt đăm chiêu căng thẳng, chỉ có đám nhân chứng và nhi đồng đứng ở hàng đầu là luôn vỗ tay, luôn hò hét:

- Bắn bỏ mẹ chúng nó đi! Bọn phản động!

- Phải diệt hết lũ Việt gian phản động này!

- Con mẹ già ngoan cố! Phải tịch thu nhà cửa của nó!

- Tài sản do bóc lột nhân dân mà có thì nay phải trả lại nhân dân. Của nhân dân phải trả cho nhân dân!

Toán nhi đồng coi cảnh hạch tội như thế cũng thấy vui nên cười nói vỗ tay theo.

Cán bộ chủ tọa đứng dậy tuyên bố:

- Bây giờ đồng bào có quyền góp ý quyết định án phạt trừng trị các tội phạm.

Đám nhân chứng bên dưới đồng thanh hô to:

- Xử tử! Xử tử! Xử tử!

- Thế còn tài sản của chúng nó?

- Tịch thu! Tịch thu! Tịch thu!
- Đây là mồ hôi, nước mắt của nhân dân, phải trả lại nhân dân!

Bỗng từ ngoài, một cán bộ đứng tuổi có vẻ quan trọng, hông đeo sắc- cốt và súng lục chạy vào sát cán bộ chủ tọa, ghé tai nói điều gì. Rồi hai người thì thầm bàn luận với nhau có vẻ sôi nổi khá lâu. Cuối cùng cán bộ chủ tọa đứng dậy lớn tiếng nói:

- Nay toà long trọng tuyên án: tử hình đối với các tội nhân: Nguyễn Văn Minh, Trần Văn Lễ, Nguyễn Sắc, Trần Văn Bắc, Đỗ Đình Lang và Vũ Thị Thanh! Tịch thu tài sản của chúng để chia lại cho nhân dân trong xã. Đám nhân chứng và nhi đồng vui mừng vỗ tay và hét to:

- Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!

Có lẽ hai tiếng “tử hình” đã làm cho phần lớn đám đông sợ hãi nên họ im lặng. Rồi cán bộ chủ tọa tuyên bố tiếp:

- Tiếp theo lời buộc tội và đề nghị án trừng trị của nhân dân, và toà đã tuyên án. Nay vì vừa có lệnh mới, nên toà tuyên bố tạm hoãn thi hành án tử hình ngay tại chỗ! Vậy xin đồng bào tự động giải tán.

Một số đồng người đứng lại xem cảnh dân quân tới trói lại sáu tội nhân thành chuỗi giải về nơi giam giữ ở trong xã. Vài thân nhân chạy theo tính đưa nước cho tội nhân uống nhưng bị dân quân chĩa súng dọa bắn nên họ đành khóc lóc đi theo!

Dân chúng giải tán trong cảnh lộn xộn mỗi người mỗi ngã và bàn tán ồn ào.

Trở về nơi tạm trú là túp lều lợp cỏ tranh của gia đình bác nông Lê Tư, Thảo mong được nghỉ ngơi cho đầu óc bớt căng thẳng. Nhưng Lê Tư lại hỏi:

- Sao không bắn ngay đi cho xong chuyện. Bắt phải sống thêm đêm nay thì chỉ thêm đau khổ cho họ và cả cho gia đình họ.
- Tôi nghĩ tạm hoãn xử bắn là đúng. Vì mang sáu người ra bắn ngay trước mặt dân, cho mọi người cùng coi thì ghê gớm, khủng khiếp quá. Có thể là ngày mai mấy tội nhân ấy sẽ bị mang ra bắn vào sáng sớm để tránh cho dân chúng phải coi cảnh dữ tợn đầy máu me ấy. Mà sao đồng chí không xung phong đứng ra hạch tội bọn chúng?
- Tôi có biết gì về tội lỗi của bọn chúng đâu! Mà tôi cũng chẳng muốn phải làm việc ấy!
- Được dịp trả thù bọn đã đè đầu đè cổ dân nghèo mà đồng chí không muốn à?
- Tôi không muốn làm việc ác.
- Xử tử hình bọn ác ôn là một việc ác sao?
- Nói nhỏ đồng chí nghe: tôi không có học, nhưng tôi thờ tổ tiên, trời phật ở trong đầu. Thế nên tôi không dám làm cái ác giết hại người ta.
- Thế đồng chí cho việc xử án này là ác, là không đúng à?
- Tôi không có học như các đồng chí, nên tôi không biết thế nào là đúng, thế nào là sai. Các đồng chí bảo nó là đúng thì tôi cũng chấp nhận nó là đúng. Nhưng tôi ngại nhúng tay vào việc quá hung ác này, vì tôi muốn sống hiền lành để phúc cho con... Mấy người đứng tuổi như tôi cũng nghĩ như vậy nên họ không vỗ tay, chỉ có mấy cái thẳng như thẳng Phèo, mấy cái con như con Kiến Ghê là đã được chọn để đứng ra làm chứng, để hạch tội, tố khổ là phải vỗ tay hoan hô thôi. Vì mấy cán bộ cải cách bảo phải làm thế, không làm là cãi lệnh! Nhưng thật ra thì ai cũng sợ trời quả báo. Tôi tin là trời có mắt đấy ông ơi! Sống gian ác là trời không dung tha đâu. Đời này mình không phải trả thì đến đời con, đời cháu mình, chúng nó sẽ phải trả thôi. Tôi thấy tận mắt chung quanh tôi, đứa nào sống gian ác thì rồi con cháu chúng nó đều bị trời hành cả. Khi cán bộ bảo làm thì cũng cứ phải làm thôi, chẳng mấy ai dám cãi lệnh cán bộ... Nhưng làm việc gian ác là tôi sợ lắm!
- Thế cán bộ bảo làm bậy thì dân cũng cứ nhắm mắt mà làm à?
- Mấy ông cán bộ là của cách mạng, của nhà nước, mà có ai dám bảo là cách mạng hay nhà nước là làm sai, làm bậy bao giờ đâu!
- Đồng chí là nhân dân, mà nhân dân cũng có quyền phê phán, góp ý với cách mạng và nhà nước chứ!
- Quyền gì thì quyền, chứ quyền bảo cách mạng làm sai thì sẽ bị quy chụp lên đầu cái tội phản cách mạng ngay! Rồi sẽ bị thẳng tay trừng trị! Chẳng ai dám lãnh cái quyền ấy! Dân chỉ có quyền tuân lệnh cho yên thân thôi! Đồng chí có giỏi thì lãnh cái quyền dám phê phán làm thế là sai, là ác ấy đi!
- Thế đồng chí không thấy nhân dân xã này căm thù mấy tên ác ôn đó sao?
- Trong đám ấy, có lẽ chỉ có tên lý trưởng là ác ôn thôi, còn thì đều là oan cả. Tôi biết họ đều là dân hiền lành. Tội của họ là có chút của ăn, của để hơn lũ chúng tôi thôi. Mà họ sống và làm ăn cũng vất vả lắm!
- Nói vậy là đồng chí không căm thù bọn chúng à?
- Cả sáu người ấy thì tôi thỉnh thoảng cũng tới làm mướn cho họ, nên tôi biết họ không hề ở ác với tôi. Con tôi ốm đau, tôi vẫn tới họ để xin thuốc men, khi quá đói thì xin chút gạo hầm nuôi lợn của họ về nấu cháo mà

ăn, vì kiếm không ra thứ gì ăn được. Như vậy mà bắt tôi phải căm thù họ thì thật là khổ cho tôi. Ở cái xã này, trước đây vẫn sống yên vui giúp đỡ nhau. Ra đường gặp nhau vẫn chào, vẫn hỏi thăm nhau. Chỉ có từ ít lâu nay nổi lên phong trào học tập đấu tranh giai cấp, thì mới gây căng thẳng, gặp nhau thì tránh né, không còn ai



dám nhìn mặt nhau, không chào mà cũng không muốn nói chuyện với nhau nữa. Bây giờ thì mọi người nghi kị, nhìn nhau như kẻ thù giai cấp. Cái nhìn đã trở thành soi mói, gây hấn, nên khó sống với nhau. Bây giờ có lúc tôi muốn tìm việc làm, nhưng họ không còn dám thuê mướn tôi làm nữa. Vì sợ mang tiếng là bóc lột. Khổ thế đấy. Bây giờ họ khổ nhưng chúng tôi cũng khổ hơn chứ có sung sướng gì đâu! Nói chuyện với bản cố nông này, Thảo mới hiểu được tâm trạng của đám dân trong xã. Họ không có học, nhưng trong họ có một thứ lương tri tự nhiên, để cảm thấy điều lành điều dữ, điều thiện, điều ác... Họ không biết công lý là gì, nhưng họ sợ "trời quả báo"! Trước tình trạng như vậy, trí thức như Thảo mới thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong cái hiện tại tàn nhẫn này thật là rất nặng nề, rất là khổ tâm, khổ trí. Người biết suy nghĩ, làm sao ngoảnh mặt làm ngơ trước trò xét xử không có luật lệ, trước cái "toà án cải cách" không hề biết công lý, pháp lý là gì cả!

Tối đến, một dân quân tới gọi đi họp khẩn để làm kiểm điểm, rút kinh nghiệm về phiên toà lúc ban ngày, Thảo dự tính sẽ nêu cảm nghĩ của bản cố nông Lê Tư ra để chứng minh là dân cũng cảm nhận việc xử này là ác, nhưng họ không dám nói ra đó thôi.

Buổi họp kiểm điểm rút kinh nghiệm được triệu tập ở trong đình làng, dành cho đoàn viên Trung ương đi phát động cải cách và các đội viên cải cách ở địa phương, là thành phần chủ động của phiên toà lúc ban ngày. Tất cả đông khoảng gần năm chục người, ngồi quanh hai chiếc đèn dầu lớn, đủ sáng cho mọi người thấy tỏ mặt nhau. Đèn đặt chính giữa nền gạch của gian chính trong đình, chỉ còn bỏ trống một góc nhỏ gần đèn. Mọi người đều có vẻ mặt đăm chiêu vì đã biết các buổi họp kiểm điểm rút kinh nghiệm bao giờ cũng rất căng thẳng. Thảo hỏi một đồng chí trong đoàn trung ương ngồi cạnh:

- Còn chờ ai vậy?
- Chờ hai đồng chí cố vấn!
- Phiên toà lúc ban ngày cũng gay go sôi nổi đấy chứ!
- Gay go, sôi nổi cái gì! Chờ lát nữa, vênh tai lên mà nghe phê bình!
- Làm dữ thế mà còn bị phê bình sao?
- Không phải chỉ bị phê bình đâu! Lát nữa thì biết!

Hình như ai cũng biết trước điều gì nên đều tỏ ra lo ngại, im lặng chờ đợi một cách nặng nề!

Bỗng có ánh đèn pin và tiếng nói ở bên ngoài, tất cả vội đứng dậy: hai đồng chí cố vấn đi vào theo sau là cán bộ thông ngôn. Tất cả vỗ tay chào, cán bộ cố vấn cũng vỗ tay theo miệng nói lớn vài câu bằng tiếng Hoa, cán bộ thông ngôn nói lớn để dịch ra tiếng Việt:

- Chào tất cả các đồng chí! Cám ơn! Cám ơn! Thôi, chúng ta ngồi xuống, cùng làm việc với nhau cho đạt kết quả tốt.

Tất cả ngồi xuống và im lặng. Cán bộ chủ toạ phiên toà ngồi ngay cạnh một ngọn đèn, từ từ mở tệp da đeo sau lưng, lấy ra một xấp giấy, ghé vào ánh đèn để xem những gì đã ghi, rồi ngẩng mặt lên nói mỗi lúc một lớn hơn:

- Chúng ta họp ở đây để cùng nhau đánh giá phiên toà hồi trưa nay. Chúng ta phải thành khẩn nhìn nhận rằng đó là một phiên xét xử không đạt tiêu chuẩn về mọi mặt! (Giọng quát lớn): Có thể nói là chúng ta đã không thành công! Tôi nhấn mạnh là chúng ta đã không thành công! Vì sao? Vì đã không quản lý được trật tự, đã để cho đồng bào nói chuyện, cười giỡn, rồi thì ừ ừ con la khóc, thật là vô tổ chức....

Cả gian đình im lặng tuyệt đối, nên tiếng nói của cán bộ chủ toạ vang ra tới xa ở bên ngoài. Đồng chí chủ toạ kiểm điểm từng chi tiết để nhấn mạnh tính vô tổ chức:

- Dự phiên toà mà sao lại bé con nhỏ theo? Về thái độ từng thành phần tham dự: chỉ có các nhân chứng là theo dõi phiên toà, còn quần chúng thì thờ ơ, ồn ào nói chuyện riêng, bàn tán riêng, mấy cháu nhi đồng thì cười vui như đi dự liên hoan... Khi giải tán ra về thì y như tan hội diễn văn nghệ, ai cũng vui vẻ cười nói ầm ĩ... Tại sao lại để xảy ra những điều thiếu sót sai trái ấy? Đó là lỗi của chính mỗi cán bộ chỉ đạo, của mỗi đội viên cải cách chúng ta!

Sau cả tiếng đồng hồ kiểm điểm, cán bộ chủ toạ hướng về chỗ đồng chí cố vấn:

- Bây giờ kính mời đồng chí cố vấn giúp ý xây dựng cho công tác của chúng tôi!

Một cán bộ cố vấn đứng dậy, nhìn quanh đám người ngồi dưới ánh đèn, như thể cố nhận diện vị trí từng người, rồi nói lớn và cán bộ thông ngôn đứng sát sau lưng cũng dịch lại thật lớn tiếng:

- Rất tiếc là phiên toà đã không thành công! Đồng chí chủ toạ đã phân tích đúng những sai sót của mỗi người. Nhưng phải tìm hiểu tại sao tất cả đều có sai sót như vậy? Lờì giải thích nghiêm chính là tại cái đầu của mỗi người tới hiện trường không nghĩ rằng đây là phiên họp của toà án. Không ai hiểu rõ được mục tiêu của phiên toà. Chính bây giờ tôi hỏi từng đồng chí có mặt ở đây thì chưa chắc đã có được một lời đáp nhất trí! Mục đích của phiên toà cái cách ruộng đất có phải là để kết án tử hình mấy tên phản động, phản cách mạng ấy không? Không! Không phải thế đâu! Vì chúng ta có thể xử tử, xử bắn mấy tên ấy dễ dàng, bất cứ lúc nào, mà không cần triệu tập nhân dân đông đảo đến chứng kiến như vậy! Chúng ta họp phiên toà này chính là vì quần chúng nhân dân! Ta huy động họ tới tham dự, là để giáo dục, để dứt khoát biến quần chúng ấy thành quần chúng cách mạng! Vì thế nên chúng ta phải xử sao cho quyết liệt, sao cho gây chấn động, trong từng cái đầu! Ta phải xử sao cho có khí thế, để phát huy uy quyền của bạo lực cách mạng trong đầu mọi người. Ta phải chứng tỏ bạo lực cách mạng là dứt khoát, không gì lay chuyển nổi. Chính Hồ chủ tịch đã nêu gương sáng cho chúng ta về vấn đề ấy, các đồng chí của biết không? Tôi hỏi thật các đồng chí có mặt ở đây, có đồng chí nào biết rõ Hồ chủ tịch đã nêu gương sáng như thế nào không? Ai biết xin giơ tay!

Trong đám cán bộ họp nhau ở đây, không có một cán bộ nào giơ tay! Cán bộ cố vấn đứng dậy, rồi giơ tay thật cao và nói:

- Rõ ràng là chúng ta chưa xử đúng mức. Chi vì đa số các đồng chí chưa nắm vững bài học do Hồ chủ tịch đã dạy chúng ta! Một bài học quan trọng mà các đồng chí chưa biết rõ. Đây là bài học vô cùng quan trọng của chính Hồ chủ tịch!

Mọi người hồi hộp chờ cán bộ cố vấn kể tiếp.

- Hồ chủ tịch đã nêu gương quyết tâm thực thi nghiêm chỉnh chính sách cải cách ruộng đất bằng một thái độ, một hành động, một lập trường vô cùng sáng tỏ: đó là việc Hồ chủ tịch vừa mới đây, đã không can thiệp vào đợt xử đầu tiên trong chương trình cải cách ruộng đất, cũng tại ngay vùng Phú Thọ này, một tên địa chủ, một nhà giàu khét tiếng; Nhà giàu này là một đại địa chủ rất có thế lực. Y thị đã nêu ra bằng chứng là có quen biết rất thân với tất cả các lãnh đạo ta, kể cả với Hồ chủ tịch. Chúng đã chạy chọt tới chính Hồ chủ tịch để xin can thiệp, và ai cũng nghĩ là có sự can thiệp này. Chính Hồ chủ tịch cũng muốn can thiệp nhưng vì “ủy ban cải cách đã quyết định thì chính cụ Hồ cũng không dám can thiệp”. Và tên nhà giàu Nguyễn Thị Năm (1) này đã bị mang ra xử bắn để làm gương. Dù y thị đã kể công lao là đã cất giấu lãnh đạo cách mạng, nào là đã quyên tặng cách mạng hàng trăm lạng vàng. Nhưng chính Hồ chủ tịch đã tuyệt đối tôn trọng toà cải cách. Đây là một mệnh lệnh của Hồ chủ tịch! Với lập trường cương quyết như vậy thì chính sách cải cách ruộng đất sẽ thành công mỹ mãn. Hậu phương ta sẽ sạch bóng tàn dư phong kiến, thực dân, trước khi đất nước này được sạch bóng quân thù!

(1) Theo hồi ký của Trần Huy Liệu thì mấy năm sau, gia đình bà Nguyễn Thị Năm đã nhận được tám bằng liệt sĩ ghi rõ là bà đã hi sinh trong công tác ngoại giao (!)

Kể xong, cán bộ cố vấn ngồi xuống và nói tiếp:

- Vì vậy, nay chúng ta phải mang ra xử lại cho thật có khí thế để trừng trị mấy tên phản động ấy cho thật ròn rã, vang dội, để dập tắt mọi tư tưởng phản động trong đầu quần chúng. Phải làm cho tư tưởng phản động, phản cách mạng không bao giờ có thể bùng lên trong đầu mỗi con người nữa. Họp phiên toà để xử án là vì quần chúng! Xử tử bọn phản cách mạng là để giác ngộ tập thể. Cải cách ruộng đất trước hết và sau cùng là vì xã hội xã hội chủ nghĩa! Tới dự phiên toà mà cứ y như đi coi văn nghệ, ra về cười nói lung tung, thì dù có xử bắn bao nhiêu tội nhân cũng chẳng ảnh hưởng gì tới tập thể cả! Có đúng vậy không? Có... đúng... vậy... không?

- Đúng!

- Có thật đúng là như vậy không?

Tất cả như hiểu ý cố vấn nên đồng thanh:

- Đúng! Đúng! Đúng!

- Vì vậy mà tôi đề nghị ta sẽ phải họp lại phiên toà, cái gì ta làm hỏng, làm sai thì ta phải làm lại. Đồng chí chủ toạ phiên toà có nhất trí như vậy không?

Cán bộ chủ toạ vội đứng dậy vừa vỗ tay vừa đáp:

- Nhất trí! Nhất trí hoàn toàn! Và tôi tuyên bố toà sẽ phải họp để xét xử lại! Xin cảm ơn các đồng chí cố vấn. Chúng ta có thể giải tán để chuẩn bị thật kỹ việc triệu tập lại phiên toà này.

Tất cả đứng dậy vỗ tay, rồi giải tán.

Hàng trăm câu hỏi nổi lên trong đầu, Thảo im lặng đi theo một dân quân cầm ngọn đuốc nhỏ khét lẹt đưa về

lều tranh của Lê Tư. Mệt mỏi cả thân xác lẫn tinh thần, Thao với bình nhựa đựng nước, uống một bụng rồi leo lên võng nằm, lấy chiếc khăn mặt phủ lên đầu, lên mặt để chống muỗi. Bỗng có tiếng Lê Tư nói vọng ra từ góc bếp:

- Đồng chí đi họp về rồi hả? Cơm của đồng chí tôi để ở trong thúng ấy. Đồng chí có ăn ngay thì tôi khuấy ngọn đèn dầu lạc lên cho sáng mà ăn nhé?
- Thôi cơm để sáng mai ăn, mệt quá nên tôi ngủ đây.
- Đồng chí đi họp có gì lạ không?
- Trên quyết định toà phải xử lại mấy tên phản động ấy!
- Thế định xử án cho nhẹ hơn à?
- Không! Chắc cũng lại tuyên án tử hình thôi.
- Đã tuyên án xử tử rồi, còn họp thêm làm gì cho tốn công, mất thời giờ. Kể cũng khổ thật, ở cái xã này, mọi nhà đang sống yên ổn để lo kháng chiến thế mà lại bày ra cái vụ cải cách này, làm nông thôn xáo trộn, làng xã cũng hết việc làm, mai tôi lại phải đi kiếm củi, tìm hái rau hoang mà ăn thôi. Nếu còn sức lực thì tôi cũng xin đi bộ đội cho yên thân. Chứ sau cái vụ cải cách này, còn ai dám nhìn mặt nhau nữa. Từ đây chỉ có nước nhìn để tìm kẻ thù giai cấp thôi. Đồng chí có thấy nổi khổ của người dân chúng tôi không? Thảo cũng chẳng biết phải trả lời thế nào, bèn nói cho xong chuyện:
- Thôi ngủ đi để lấy sức đồng chí ạ. Chuyện gì thì cứ để mai ta tính!

Muỗi bay vo ve. Thảo kéo tay áo che kín hai bàn tay, chân thì đã đi bí tất (vớ), mặt thì đã có chiếc khăn mặt che phủ. Cố nhắm mắt tìm giấc ngủ, nhưng chỉ nghe thấy tiếng muỗi vo ve và nhịp thở của chính mình, rồi lát sau nghe tiếng ngáy vang của Lê Tư. Con người chất phác ấy, cứ đặt mình xuống là ngáy ngon lành. Tuy không được học hành, nhưng con người này vẫn có một bản năng hiền hoà, muốn tránh làm cái gian ác, “để phúc cho con. Ôi quê hương ta sao mà khổ thế này!

Còn ta kẻ “có học” mà chỉ biết trăn trở và thắc mắc! Cho tới nay, ta đã chẳng làm được việc gì ích quốc, lợi dân cho ra hồn. Ta về nước đâu có phải là để chạy theo đuôi cách mạng, để làm cái tên trí thức a dua như thế này! Thấm thoát đã gần hai năm rồi. Chẳng biết sẽ còn nằm ở đây đếm thời gian đến bao lâu nữa! Nay là cứ sống cúi đầu, tuân lệnh dập theo một khuôn mẫu đã có sẵn, bất kể đúng sai, bất kể thiện ác, như thế thì còn gì là tư duy, còn gì là triết học! Như thế thì đến bao giờ mới xoá bỏ được giai cấp? Liệu bản hết phản động ở nông thôn thì có xây dựng được con người mới xã hội chủ nghĩa hay không? Mà tất cả những gì đang làm kia có thật là để cải tạo xã hội, giải phóng con người hay không? Rõ ràng những điều xảy ra trước mắt kia không thể nào đặt nền tảng cho một xã hội lý tưởng, một trật tự ổn định! Marx, Engels không hề hô hào làm những điều xằng bậy, dã man như vậy! Các ông ấy gợi ý đấu tranh giai cấp- các ông ấy dạy lý luận - nhưng không hề chỉ dẫn những phương pháp phản công lý và đạo lý như thế. Vì ở tuổi các ông ấy, ở thời các ông ấy, các ông ấy có thấy ai đã làm như thế đâu! Nay thì lý luận biện chứng rất mạch lạc, rất lý tưởng, mà hành động thì sai trái mang lại đầy kết quả tiêu cực đầy mâu thuẫn thô bạo, không ăn khớp với điều mà lãnh đạo đã hứa, mà mọi người mong ước! Vì sao? Người ta dẫn chứng vanh vách Marx đã nói... Lenin đã nói Stalin đã nói..., nhất là Mao chủ tịch đã nói... Nhưng dẫn chứng những lời nói như vụn văng ấy có thể nào bảo vệ cho những hành động quá trớn, cực đoan, tàn ác như thế!

Thảo nhận ra rằng tất cả những buổi học tập chính sách, chuẩn bị tư tưởng một cách máy móc, đã đẩy cán bộ và nhân dân lao vào con đường tuỷ tiện, đưa nhau tới một nông thôn đầy thủ đoạn, đầy hận thù và gian xảo. Một đời sống cảnh giác bệnh hoạn, đầy các biện pháp khủng bố, đe dọa tuỷ tiện, khiến không ai dám thành thật để lộ suy nghĩ của mình! Ai cũng phải đóng kịch: “nói và làm theo cách mạng!” Từ đó thái độ giả dối, che giấu trở thành một phương thức tự vệ. Phải hết sức nguy biện mới chứng minh được rằng thiên đường xã hội chủ nghĩa có thể xây dựng bằng phương pháp giả dối, bằng hành động quá trớn của bạo lực, hận thù, bằng máu và nước mắt của nhân dân như vậy!

Sự thật phũ phàng đang thử thách những ai có tư duy nhân bản như Thảo. Chung quanh đều cảm thấy lo sợ vì đang bị bao trùm bởi một không khí khủng bố tinh thần, bị bao vây bởi cái nhìn cảnh giác rất đe dọa, rất nghi kỵ của “quần chúng cách mạng”. Giờ đây phản ứng của Thảo là nhu cầu phải tìm cách vượt ra khỏi sự bế tắc của bầu không khí khủng bố ấy, bằng một phương hướng suy tư trong sáng, bằng phương pháp hành động chân thật khác! Bởi mộng ước, mục đích, và lý tưởng cao đẹp đã chọn, không cho phép Thảo cúi đầu chấp nhận cái thứ cách mạng thô thiển, cổ lỗ, tầm tối như ở thời sơ khai, man rợ. Nhưng giờ đây, trước sự tàn nhẫn của cảnh giác cách mạng, chỉ còn hai chọn lựa: một là bỏ nơi này ra đi, hai là phải bám vào đấy để tìm cách cải thiện nó, lái nó về phía nhân đạo, nhân bản tiến bộ. Rồi Thảo tự nhủ: ta đã vạch cho ta một sứ

mạng khi trở về. Dù thế nào thì ta cũng không thể bỏ cuộc khi gặp nghịch cảnh. Nhưng trước mắt thì ta chưa biết phải làm gì để cho cách mạng hiểu thiện chí của ta mà tin ta!

Nghĩ ngợi trăm trở, thắc mắc đủ điều. Cho tới nay, ta chỉ nói điều phải, tại sao họ lại sợ ta? Lại nghi ngờ ta? Sự thật là ta đã nói thật với Trần Lâm ước mơ đẹp và lý tưởng của đời ta... chứ đã có làm gì sai trái đâu!

Nhưng không sao, với lòng kiên trì, với tất cả thiện chí và lý tưởng cao cả của ta, thì ta có chính nghĩa, ta cứ vẫn là ta... chắc chắn sẽ có ngày bạo lực và sai trái phải hiểu thiện chí của ta mà lắng nghe ta! Nghĩ như vậy, Thảo thấy an tâm và dần đi vào giấc ngủ. Nhưng cũng chỉ hơn tiếng đồng hồ sau thì lại hốt hoảng giật mình tỉnh dậy, mồ hôi vã ra: vì bỗng thấy mình đang là một bị cáo, đang run sợ đứng trước một thứ toà án không luật lệ, không công lý, trước tiếng hò hét: “Xử tử! Xử tử!” của đám đông hung dữ.

Từ đó tâm thần Thảo ngày càng suy yếu, không đêm nào ngủ được một giấc dài tới sáng. Đêm nào cũng nhiều lần giật mình tỉnh dậy, hốt hoảng bởi mộng mị kinh hoàng.

Ba ngày sau, lệnh từ bên trên quyết định phải tổ chức một phiên toà khác để xử lại sáu tội nhân ở Chiêm Hoá. Địa điểm được chọn lần này là một bãi đất rộng bao la nằm ngay giữa khu rừng nguyên thủy nổi tiếng là có nhiều cây cổ thụ cao bao quanh. Trước đây địa phương thường dùng bãi này cho những trận đấu bóng đá lớn liên huyện, liên tỉnh hoặc họp mít- tinh vào những dịp có lễ lớn của toàn huyện.

Thời gian họp cũng đã thay đổi: toà án khai mạc vào lúc 8 giờ tối, mát mẻ hơn. Cách huy động dân chúng tới chứng kiến phiên toà cũng rất đặc biệt: mỗi phường khóm giờ đây phải tập trung dân lại thành đội ngũ chỉnh tề, có người đi đầu cầm cờ, có nhi đồng đánh trống dẫn đầu, mỗi người phải mang theo, một bó đuốc làm bằng thứ nhựa cây có thể cháy lâu. Lúc đi đường, mỗi đoàn cho đốt một bó đuốc đủ để soi đường, số đuốc còn lại dành cho lúc xử án, tuyên án... Trong đêm lờ mờ ánh trăng, những đoàn người vừa đi vừa hô khẩu hiệu đả đảo phong kiến, đả đảo thực dân, đả đảo địa chủ, đả đảo cường hào, đả đảo bọn phản động... vang dậy núi rừng. Các đoàn người có ánh lửa của những ngọn đuốc dẫn đầu, tới từ khắp nơi, luôn lách qua những đám rừng âm u, rồi từ từ tập trung vào một khúc đường lớn sáng trưng, nhờ những đống củi đang cháy ở hai bên đường. Cả một vùng núi, đồi như đang thức dậy giữa đêm khuya! Trên khúc đường vào bãi trống ấy, ở trên những cành cây cao ngang tầm mắt, có treo đầy những băng- rôn vải trắng, chữ đen, hoặc vải đen, chữ trắng.. Tất cả băng- rôn ấy đều cũ kỹ, có cái đã rách. Toàn là khẩu hiệu đả đảo mà đoàn người đã hô vang lúc di chuyển. Tất cả sự chuẩn bị đã được sắp đặt kỹ lưỡng từng chi tiết, tạo thành một cuộc biểu dương lực lượng rầm rộ thật là uy hiếp tinh thần, đúng theo khẩu hiệu trên một băng- rôn lớn nền đỏ chữ vàng “Quyết tâm tiêu diệt tàn dư phong kiến, thực dân!” tại lối vào khu tập họp.

Phiên toà lần này diễn ra nghiêm trang và áp đảo hơn phiên trước: sáu tội nhân bị trói quỳ vào hàng cột tre trên một mô đất cao cho mọi người thấy rõ, dưới ánh lửa bập bùng của những đống củi lớn, lửa cháy rừng rực. Phía dân chúng cũng được kiểm soát và chọn lọc kỹ hơn: không còn có trẻ con quá nhỏ, không còn hát mà chỉ hô khẩu hiệu, không còn cảnh ồn ào nói chuyện lung tung. Một hàng sáu dân quân cầm súng trường đứng canh, mặt hướng về đám đông. Không một ai dám cười nói gây mất trật tự. Phần hạch tội cũng dữ dội hơn số nhân chứng đứng ra kể khổ, kể tội cũng đông hơn. Mỗi nhân chứng đều thuộc bài và tỏ ra hung hãn hơn: vừa kể vừa làm những cử chỉ xía xói: lấy ngón tay dí vào trán tội nhân, thỉnh thoảng lại tát mạnh vào mặt tội nhân để bày tỏ sự phẫn nộ. Nữ tội nhân già giờ đây chỉ còn thút thít khóc lóc, nhưng vẫn là tiếng kêu cứu rên rỉ nhỏ: “Con ơi là con ơi...!”

Trước lúc toà tuyên án, một dân quân cầm chiếc loa lớn bằng bìa để trước miệng ra lệnh:

- Tất cả đốt đuốc lên!... Tất cả tiến ra hai bên pháp trường!

Đám đông cầm đuốc, chia thành hai hàng người, tiến gần tới hai bên mô đất. Chỉ còn một số phụ nữ, ông già, bà già không cầm đuốc là còn đứng lại ở bên dưới.

Cả sáu tội nhân nổi bật trước ánh lửa bập bùng của mấy trăm ngọn đuốc làm cho bầu không khí thêm căng thẳng. Cán bộ chủ tọa phiên toà cầm tờ giấy tiến tới trước mô đất, giữa đám, dang hắng chuẩn bị lấy giọng để đọc bản án...

Cả một bãi đông nghẹt người dưới ánh lửa bập bùng của rừng đuốc bỗng im bật, chỉ còn tiếng lách tách của tre, nứa cháy nổ trong mấy đống củi lớn. Cán bộ chủ tọa bắt đầu tuyên đọc thật lớn, nhưng tiếng nói như cô đơn, lạc lõng tan loãng trong khoảng trống hoang vu của núi rừng bao la chung quanh:

- Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà, Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc, ngày mười bảy, tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi ba, Toà án Nhân Dân Huyện Chiêm Hoá thi hành chính sách của Ủy ban Cải Cách Ruộng Đất Trung ương, đã truy tố những tội phạm có tên sau đây:

- Lý trờng Nguyễn Văn Minh; địa chủ Trần Văn Lễ, phú nông Nguyễn Sắc, phú nông Trần Văn Bắc, địa chủ

Đỗ Đình Lang, nhà giàu Vũ Thị Thanh. Sau khi đã được xét xử, với sự tham dự hạch tội của nhân chứng nhân dân, những tội lỗi cụ thể đã được kể ra, nay toà quyết định với sự đồng ý của đông đảo đồng bào có mặt, toà ra phán quyết tịch thu tài sản của các tội nhân và tuyên án tù hình tất cả sáu tội nhân có tên nêu trên. Án này được thi hành ngay tại chỗ. Chánh án ký tên: Khuất Tiến Thắng.

Tiếng loa ra lệnh:

- Tất cả chú ý! Tất cả lùi xa khỏi pháp trường mười mét.... Tất cả! Nghiêm! Yêu cầu đội hành quyết tiến vào pháp trường!

Đám đông hồi hộp, im lặng, chỉ còn nghe tiếng đếm bước đều của đội hành quyết, súng trên vai, tiến vào...

“Một, hai! Một, hai!... Ngưng... bước! Súng ... xuống! Nghỉ! Tất cả ... nghiêm! Tay phải... quay! Tất cả vào vị trí...! Tất cả sẵn sàng chờ lệnh bắn!”.

Một dân quân tay cầm một xấp khăn vải đen tiến lên mô đất, lộn lượt buộc khăn vải đen quanh đầu để che mắt mỗi tội nhân. Cảm thấy giờ hành quyết đã tới, sáu tội nhân, đầu bị thắt khăn đen che kín mắt, bỗng tất cả lên tiếng cầu kinh.

- Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát, cứu khổ cứu nạn...
- Nam mô A Di Đà Phật...!
- Kính mừng Maria đây ơn phước... cầu cho chúng con trong giờ lâm tử...
- Con ơi là con ơi... thế là mẹ chết không được gặp lại con rồi... Con ơi...

Toán dân quân rời xa mô đất. Chỉ còn tiếng cầu kinh chen lẫn tiếng gào khóc! Trường đội hành quyết nhìn về phía cán bộ chủ tọa chờ lệnh! Thời gian như ngưng lại. Đám đông im bật vì hồi hộp. Bỗng cán bộ chủ tọa gật đầu! Trường đội hành quyết chậm rãi hô:

- Tất cả... Vào thế... Tất cả Bắn!

- Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Đoàn!...

Loạt súng nổ vang dội trong đêm như rung chuyển núi rừng. Đám đông, người thì vội nhắm mắt lại không dám coi tiếp cảnh khủng khiếp, người thì cổ trắn tĩnh, mở mắt thật to để thấy rõ các tội nhân bị trúng đạn, quần quai, vật vã một hồi, máu văng ra tung tóe, rồi mới gục xuống dưới chân cột. Riêng nữ tội nhân, dù đầu đã được bịt mắt bằng vải đen, nhưng vì đạn trúng đầu nên vỡ ra mắt một mảng, trông thật ghê rợn. Trường đội hành quyết bước lên mô đất, súng lục cầm tay, tới sát từng tử thi để quan sát với vẻ thiện nghệ và bồi vào mỗi đầu một phát “ân huệ” chát chúa, theo đúng thủ tục đã được huấn luyện từ trước!

Bỗng bên dưới đám đông, lao xao có tiếng ồn ào kêu cầu cứu liên tiếp của nhiều người:

- Báo cáo có một bà cụ bị ngất xỉu! Báo cáo có người bị ngất! Báo cáo...

Dù đã chuẩn bị sẵn đầu óc để bình tĩnh chờ đợi một cảnh xử bắn chắc chắn là rất hãi hùng, nhưng khi loạt súng nổ liên tiếp, dưới ánh lửa bập bùng của mấy đống củi lớn, cả sáu cơ thể quần quai, trong vũng máu... thì bỗng thân xác Thảo run lên lập cập vì xúc động, như một cơn sốt rét mãn tính bất ngờ ập tới, mồ hôi lạnh toát ra từ trán tới chân, nước mắt tuôn trào, hàm răng run lập cập. Một ý nghĩ hối hận bùng lóe trong đầu: “Chính ta đang là một đồng lõa của cái hành động tàn bạo, phản công lý này! Thảo ơi! có thể nào mà cũng câm lặng trước một chính, sách cực kỳ thô bạo đến thế? Im lặng đứng nhìn tội ác thế này thì mà có còn là mà nữa không hở Thảo ơi!”

Thật ra thì những tiếng súng chát chúa hạ sát mấy thân xác đồng bào “tội nhân” ấy đã như bắn vào chính thân xác Thảo, đã vĩnh viễn đập tan tành giấc mộng trở về góp công sức xây dựng một mô hình cách mạng mà nhân loại trông chờ! Từ giờ phút ấy, Thảo ý thức rất rõ rằng, lúc này, ở nơi đây, mình sẽ không có một cơ hội nào để góp một chút gì tốt đẹp cho cách mạng! Có thể nào cản ngăn được thứ bạo lực thô bạo này, khi nó đang trong đà phát động với tất cả hăng say, cuồng nộ, cuồng tín như thế? Vậy thì những ngày còn lại của đời ta sẽ có thể làm gì ở đây? Cứ im lặng chịu đựng để được sống ngày nào hay ngày ấy? Để cái ác cứ tiếp tục phát triển như nó vẫn được khai triển trong suốt chiều dài lịch sử? Thế thì cái triết học của ta còn ý nghĩa gì khi chấp nhận khoanh tay đứng nhìn cái ác hoành hành? “Chính nghĩa vô sản”, “Hạnh phúc công nông trong một thế giới đại đồng” là như thế này sao? Dù thế nào cũng phải làm một cái gì chứ? Nhưng làm gì bây giờ? Làm gì? Mà từ bao giờ, từ đâu, do đâu, những người lãnh đạo đã thế một lòng vì nước vì dân nay lại chọn lựa con đường hành động nặng tính cuồng tín, dã man, tàn bạo, phản nhân đạo như vậy? Có thể nào coi đây là hành động, là chính sách vì con người? Một ý thức hệ không bảo vệ được người vô tội thì có còn lý do để tồn tại hay không?

- - - - -

Chương 7

Lương tri trở dậy!

Bác Thảo thở dài và ghen ngào như cổ giải bày, phân bua với hai chúng tôi:

- Nổi kinh hoàng với những chất vấn gay gắt cứ quay cuồng, bùng cháy trong đầu tôi! Từ đó một thứ mặc cảm đồng loã với tội ác, cứ ám ảnh hành hạ tôi, không làm sao quên đi được. Thực tại tàn nhẫn đã đặt trong tôi muôn vàn câu hỏi. Từ đó, tôi bắt đầu thấy phải đặt lại toàn bộ vấn đề từ học thuyết...
- Thế sau đó thì bác làm gì?
- Từ sau kinh nghiệm đau đớn ấy, tôi như bị lương tri thường xuyên trở dậy chất vấn, đòi tôi phải tỏ thái độ, phải có lập trường rõ rệt; không thể im lặng a dua đồng loã một cách mù quáng mãi như vậy. Nhưng tôi biết, mối đe dọa của chính quyền đối với “kẻ có vấn đề”. Bởi chung quanh tôi là cả một đạo quân cuồng tín đang chờ lệnh! Một lời nói phản kháng công khai sẽ là một cơ hội để những kẻ ganh ghét buộc tội tôi, tiêu diệt tôi. Nhưng không phải vì thế mà tôi cứ phải giữ im lặng trước những sai lầm đã man ấy. Tôi vẫn tìm cách cố gắng tới tai lãnh đạo là tôi đau đớn không thể nhất trí với chính sách vô nhân đạo như thế. Vì vậy tôi thường xuyên ở trong tình trạng tính mạng bị đe dọa. Đã bao lần người ta nhắc nhở lời đe dọa công khai rằng cái mạng tôi không có nghĩa lý gì cả!

Nghe bác Thảo kể tới đó, tôi không khỏi nêu thắc mắc:

- Bị đe dọa như thế thì làm sao bác dám chứng tỏ là vẫn giữ vững lập trường tư tưởng độc lập của bác?
- Tôi cũng biết thân phận tôi chứ! Bởi thế tôi phải thường xuyên đề phòng. Lúc căng quá thì cũng phải biết làm ngơ, cầm nín trước cái ác để giữ mạng sống trước đã. Tuy nhiều lúc tôi đinh ninh là phen này sẽ khó thoát khỏi cái chết. Bởi những ông cán bộ “i tờ” quanh tôi rất hung hăng, rất cuồng tín, sẵn sàng quy chụp, tội lỗi, sẵn sàng chờ lệnh để tiêu diệt tôi, để “loại bỏ con giòi trong tay áo cách mạng”!
- Trong thế nguy nan như vậy, làm sao bác giữ được tính mạng?
- Tôi luôn luôn giải thích với chung quanh rằng những lo âu, bức bối, không phải là vì quyền lợi hay địa vị của tôi. Vì tôi có mưu tìm quyền lợi hay địa vị gì đâu. Tôi lo âu, tôi phẫn nộ là vì “đảng”, vì dân, vì nước. Bởi tôi vững tin rằng những lo âu, thắc mắc của tôi là chính đáng, không ai có thể bắt bẻ được.
- Tại sao bác còn có thể tin, có thể hi vọng vào những cán bộ đảng viên cuồng tín bao quanh bác?
- Sự thật là khi nhận thấy những hành động hay chính, sách “có vấn đề”, vì đã đi quá trớn, quá tàn bạo thì chính trong đám cán bộ ấy cũng như muốn che giấu những sai trái đã phạm, bằng cách cứ biện bạch một cách miễn cưỡng, ấu trĩ. Tôi biết đó là một thuận lợi cho tôi. Tôi nói thẳng với họ rằng họ không nên diệt tôi. Vì rằng tôi không tiếc hận gì cái mạng sống của tôi, vì tôi đã thề sẵn sàng hi sinh cho lý tưởng của tôi khi cần. Nhưng khi tôi chết đi thì sẽ không còn có ai dám đứng ra phân tích những hành động và chính sách sai lầm ấy một cách khách quan, nhất là về mặt lý luận triết học, nghĩa là về những hậu quả tai hại lâu dài để lại cho cả dân tộc trong lịch sử. Tôi nhấn mạnh rằng vì họ làm chính trị nhất thời nên chỉ thấy cái lợi trước mắt cho một giai đoạn lịch sử, vì tại nước ta đang thường xuyên tận dụng hận thù đầu tó, tận dụng chiến tranh để bành trướng chủ nghĩa. Còn tôi, với cái nhìn triết học, vì con người, nên chỉ thấy cái hại của những bước quá trớn trong chính sách đầu tó như thế là đã đưa cách mạng tới sai trái và tội ác. Lãnh đạo tuyên bố “sẵn sàng hi sinh đến người dân cuối cùng” để chiến thắng. Còn tôi thì tôi không muốn phung phí hi sinh, dù chỉ một mạng người, nên tôi phải lý giải để cho thời nay và thời sau cố tránh con đường dùng hận thù, dùng chiến tranh để xây dựng, phát huy chủ nghĩa... Bởi thế mà chính những cán bộ cấp cao có nhiệm vụ theo dõi, quản lý tôi, cũng thường tỏ mò tới dò hỏi ý tôi, khi chính quyền ban bố những quyết định mà họ thấy là quá trớn, quá tả... Khi ấy, tôi chỉ cần hỏi lại họ vài câu, thì họ biết là tôi đã hiểu họ, và họ đã hiểu là tôi nghĩ gì. Sau khi ký kết hiệp định Genève hay Paris, họ hỏi tôi nghĩ sao về việc ký kết ấy. Tôi hỏi lại họ: ký như vậy là có thật sự mong muốn hoà bình hay không? Hay chỉ là để câu thời giờ, để tổ chức chuẩn bị chiến tranh cho ác liệt hơn? Ký như vậy là đã đạt được mục tiêu cuối cùng của cách mạng hay chưa? Liên Xô hay Trung Quốc có thật sự muốn ta ký kết như vậy để chấm dứt chiến tranh cách mạng hay không, trong khi họ vẫn tuân vũ khí cho ta? Tôi còn lưu ý họ về một sự kiện rất độc ác, là Liên Xô và Mỹ đã thoả thuận đặt một đường giây điện thoại nóng để dễ liên lạc với nhau khi cần, để tránh xảy ra xung đột trực tiếp với nhau... Chúng tôi bọn họ muốn sống hoà bình lâu dài với nhau để cùng nhìn chúng ta tiêu diệt nhau. Cả hai nước lớn ấy cứ tiếp tục tuân giúp vu khí cho các nước đàn em, chực hầu của họ giết nhau trong giới hạn chiến tranh cục bộ. Tôi cũng thường xuyên nhắc nhở “đảng”, nhà nước không nên đối trá trong việc ký kết. Ký kết do đối trá, về lâu về dài dần sẽ hiểu ra rằng đối trá là chính sách cai trị của đảng và nhà nước, thì rồi sẽ sinh loạn trong xã hội. Từ đó sẽ sinh ra tâm ước muốn sống thì phải thường xuyên gian trá. Thế sẽ là loạn, loạn từ nếp suy nghĩ trong đầu, từ thói quen gian trá trong hành động ở mỗi người, rồi sẽ lan ra trong khắp xã hội. Những chính sách, những công

trình có cái góc đối trá như thế sẽ là mầm mống gieo hậu họa. Sự thật là khi “đảng” mở lại chiến tranh, là đã cơ bản chủ động xé hai hiệp định hoà bình đã ký. Tôi đã cảnh báo hậu quả tai hại khi “đảng” muốn tiếp tục chiến tranh trong những hoàn cảnh nước ta không đủ sức, nhưng không được lắng nghe. Tuyên truyền thì đổ mọi tội lỗi cho phe địch. Trong khi “đảng” dùng thủ đoạn gian lận mai phục, khai triển lực lượng ở lại miền Nam, để rồi sẽ xé bỏ hiệp định. Thế nên chính sách mà dùng thủ đoạn, dùng đối trá thì rồi sẽ thành nếp ăn sâu vào việc quản lý xã hội có một ngành quen dùng đối trá như một phương pháp hành động chính quy, đó là ngành công an. Với những cán bộ chìm, nổi dày đặc trong xã hội, miệng thì nói công an là bạn dân, là bảo vệ dân, nhưng thực tế là công an ngành đã quản thúc, quản chế dân bằng phương pháp khủng bố tinh thần, đe dọa tính mạng, đe dọa tài sản. Công an đáng lẽ là lực lượng giữ gìn, bảo vệ trật tự, kỷ cương cho xã hội, mà lại luôn luôn tận dụng đối trá, thủ đoạn để áp đảo, thống trị xã hội như thế thì làm sao duy trì được tính lương thiện trong dân, làm sao giữ được trật tự kỷ cương, được luân thường, đạo lý cho xã hội? Các cụ ta đã dạy “thượng bất chính, hạ tác loạn”, “gieo gió thì gặt bão”, ngày nay ngành công an dùng quá nhiều hành động bất chính, gieo toàn là thủ đoạn đối trá, hận thù... thì rồi chế độ này sẽ gặt được gì? Các dân tộc từng sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa đã có đủ kinh nghiệm để trả lời! Thực tế là guồng máy công an đã phá hoại lý tưởng, đã bôi đen, bôi bẩn đảng, đã làm ô danh chế độ, đã ung thối cách mạng nhiều nhất. Dư luận vẫn than sự lộng quyền của ngành công an là đã hằng ngày đào sâu mồ chôn chế độ.

- Bác thù oán công an lắm phải không?

- Ấy! Ở đây không có vấn đề thù oán! Công an với tôi không hề có ân oán gì cả. Nếp sống khổ hạnh, cách làm việc âm thầm, cam nín của tôi không hẳn là đối tượng của công an. Tuy mấy chú công an khu vực luôn bám sát theo dõi tôi. Nhưng họ đã chẳng bắt bẻ gì được tôi. Bởi tôi đã sống như một thẳng trí thức hồn đầu hàng rồi cơ mà! Nhưng tôi quan sát chung quanh tôi, thì sự thật là vì cảnh giác cách mạng, tức là căn bệnh nghi kỵ coi ai cũng là kẻ thù tiềm ẩn của cách mạng, nên cánh công an đã làm khổ con người, từ các đảng viên, cho tới giới trí thức, văn nghệ sĩ... khiến dân luôn luôn phải sống đối trá, không dám nói ra sự thật... Chính cái đó đã làm hỏng xã hội, đã gây ung thối chế độ. Những oán than, những lời tố cáo, vu khống, quy chụp tội phản cách mạng, tội chống chế độ đã gây bao oan ức trong chế độ này, phần lớn là do ngành công an, mật vụ gây ra. Phần còn lại là do tham nhũng thối nát trong hành chính và kinh tế. Vì vậy mà dân đã phải giả dối trong mọi sinh hoạt, để được sống yên thân, trong chế độ xã hội chủ nghĩa...

- Vậy phải làm sao mà cải thiện được tình trạng ấy?

- Tôi thấy cái cấp bách là cần phải can đảm bãi bỏ hẳn mọi phương pháp tổ chức, mọi chính sách hành động bất chính trong toàn thể guồng máy cai trị của đảng và nhà nước, cả về mặt tuyên truyền lẫn mặt hành chính. Đứng đầu là phải thay đổi hẳn cách huấn luyện, phải tổ chức lại ngành công an. Dùng công an để kiểm soát và đàn áp tư tưởng, là việc làm vô ích. Công an không thể bịt miệng dân, không thể kiểm soát những suy tư trong đầu người dân. Chính những người cộng sản lãnh đạo đã có kinh nghiệm đó hỏi bị thực dân, phong kiến đàn áp, cầm tù. Nhà tù, trại cải tạo luôn luôn là lò đào tạo ý chí phản kháng mạnh nhất. Vậy mà nay chính quyền lại hành động thống trị còn tệ hơn cả thời thực dân, phong kiến! Dân chúng cứ ngày càng bị đẩy về phía căm thù chế độ. Chế độ như vậy thì không thể nào sửa sai, sửa lại mà dùng được. Đây là nói riêng về chính quyền. Còn về mặt tư tưởng thì phải gột rửa tâm thức giáo điều, phải bỏ hẳn trò chơi dân chủ giả hiệu, phải trả lại quyền dân chủ cho dân, phải tổ chức bầu cử ngay thẳng, phải bãi bỏ sự sùng bái đảng, sùng bái ý thức hệ một cách quá lố lăng. Sùng bái đảng, sùng bái ý thức hệ cũng như sùng bái hai “anh cả đỏ” là Liên Xô và Trung Quốc là một sai lầm vô cùng tai hại. Những sự sùng bái này đã khiến chế độ phạm vào những sai lầm cơ bản, vào những tội ác tày trời! Sùng bái như thế là làm dân tộc mất tinh thần tự chủ. Gian dối đã trở thành thói quen, nên trong dân đã có ngạn ngữ: “làm thì láo, báo cáo thì hay!” Làm y tế mà gian dối là giết người. Làm khoa học mà gian dối là phản hoại khoa học. Làm giáo dục mà gian dối là làm hỏng con người. Làm chính trị mà gian dối là làm hỏng toàn thể chế độ và xã hội! Vì vậy tôi chống thủ đoạn gian dối về mọi mặt chứ không chỉ về mặt tuyên truyền hay công an... Tôi chống đây là chống cái gian, cái ác tức là chống một cách xây dựng. Không lắng nghe tôi là chế độ sẽ ngày càng bị lún sâu vào hư đốn, cho đến khi bị đào thải. Tôi biết những nhận xét ngay thẳng đó là những liều thuốc đắng, nhưng không chịu lắng nghe thì rồi chính lãnh đạo và nhân dân sẽ phải trả giá, có khi là rất đắt. Lãnh đạo cũng hiểu như vậy nên thường khi cũng có những lo âu thắc mắc như tôi. Tôi luôn luôn cố vận dụng sự trong sáng của lương tri trong những ý kiến đối kháng, phản biện... Có lẽ chẳng mấy ai có khả năng làm việc đó bằng tôi, thay tôi. Cũng chẳng ai có thể bắt bẻ được những việc tôi đã làm. Chính vì vậy mà họ không ưa tôi, họ tìm cách bịt miệng tôi, nhưng cho tới nay, họ không dám diệt tôi, nhưng họ có quyền đầy ải, ngấm ngấm trừ dập tôi. Tôi chịu đựng được nhờ chung quanh luôn luôn có người đồng ý với việc tôi làm, nên họ khuyến khích giúp đỡ tôi trong những lúc nguy kịch nhất. Lúc cùng cực, bị túng đói, vẫn thường có người lên đưa việc dịch thuật của họ cho tôi làm... Đôi khi họ còn lên dúi vào tay tôi gói gạo hay nắm... tiền! Vì họ hiểu rõ tình hình và hiểu tôi. Vì họ đặt hi vọng ở nơi tôi.

- Bác nói như thế là bác lên án tất cả chế độ độc tài, chỉ tồn tại nhờ công an thôi.

- Cái sự lên án đó là đúng. Vì độc tài chỉ tồn tại được trong một thời gian là nhờ ngành công an mật vụ. Nạn công an mật vụ lộng hành luôn luôn là sự gieo mầm cho sự sụp đổ của các chế độ độc tài đảng trị. Có lẽ cho tới nay chỉ có chế độ độc tài sáng suốt của Lý Quang Diệu ở nước Singapore nhỏ xíu là trường hợp ngoại lệ. Đây là nước nhỏ nhưng lại là một mô hình toàn trị chính trị trong sáng! Đảng Nhân Dân Hành Động của họ Lý chấp nhận: đối lập hợp pháp, nhưng vẫn nắm vị trí độc tôn, vì đã thật sự biết đặt quyền lợi của dân trên quyền lợi của đảng. Ở đây thật sự hầu như không có tham nhũng. Cách sống liêm khiết của lãnh đạo, của nhà nước và của người dân ở đây được cả thế giới khâm phục. So sánh với sự liêm khiết của họ, thì nước ta còn trong thế thua kém một trời, một vực.

Khi Canh, và tôi mời được bác Thảo đi ăn với chúng tôi một cách đều đặn, vào mỗi trưa thứ bảy hoặc mỗi chiều chủ nhật, trong mấy tuần lễ có các buổi diễn thuyết, bác đã tỏ ra chân thật khi tâm sự, khiến chúng tôi say sưa vì những liên tưởng thật sống động cái thời, ở cái nơi mà chúng tôi chưa hề biết, chưa hề nghe nói tới. Bởi cho tới nay, chưa có một nhân chứng, một nhà văn, nhà báo nào dám thành thật nêu ra thật chi tiết, thật tả thực, thật sáng tỏ những mâu thuẫn của thực tại cách mạng và hệ quả của nó trong cái thời kinh khủng, vì không còn có thể nhận ra đâu là thật, đâu là giả, đâu là chính nghĩa, đâu là phản chính nghĩa ấy. Rồi bác Thảo hỏi chúng tôi:

- Hai năm đầu, sau hiệp định. Genève, thì các anh đang ở đâu?

Canh đáp:

- Lúc đó tôi mới mười mấy tuổi và đang ở với ba má tôi ở Quy Nhơn!

- Còn tôi thì đang ở Sài Gòn, chưa biết chú ý về tình hình chính trị.

- Thế thì các anh không thể nào hiểu được cuộc sống tại Hà Nội trong hai năm đầu kể từ khi đoàn quân cách mạng về tiếp thu thủ đô nó đã diễn ra gay go, rối bời như thế nào. Nói chung thì đã có nhiều điều vô cùng bi thảm mà không sống trong cuộc thì không thể giải thích nổi. Có thể nói mọi người, kể cả chính tôi, trong hai năm mới có hoà bình ấy, tất cả đều chao đảo đến mất tin tưởng, mất thăng bằng. Bởi tiếng là Hà Nội đã được giải phóng, nhưng thực tế là nó đã bị cả một guồng máy công an quỷ quái bao vây, kim kẹp, áp chế, quản thúc. Hiện tại do vậy đã diễn ra vô cùng tăm tối. Mà tương lai thì cũng thật là mù mịt. Không thấy một viễn ảnh nào tốt đẹp cả. Toàn là hứa hẹn những điều quá xa với thực tại, nên cứ chờ mãi mà không bao giờ thấy tới... Những khó khăn, những đối trá vặt vãnh cứ tưởng chỉ là tạm bợ, nhưng rồi chúng đã trở thành lâu dài, vĩnh viễn!

- Tại sao lại bi thảm đến thế?

- Tại vì sau những bước chuẩn bị mở rộng chiến tranh nhân dân, vừa để tiến tới thống nhất đất nước, vừa để bành trướng chủ nghĩa, với quyết tâm một mất, một còn, sẵn sàng hi sinh tới giọt máu cuối cùng của người dân cuối cùng! Dù là đã có hoà bình trong tay, sau bao năm sống gian khổ, kiệt quệ vì chiến tranh và cách mạng.

Lúc ấy, tuy đã được nuôi dưỡng trong lý tưởng cách mạng cao cả với khẩu hiệu “mình vì mọi người”, nhưng từ khi có được hoà bình, thì từ những con người kháng chiến và cách mạng ấy, bỗng bùng ra bản chất chân thật thâm sâu của nó, qua những hành động cá nhân vị kỷ, cứ nghĩ đây là lúc đòi món nợ “mọi người phải vì mình”! Thực tại ấy đã diễn ra thật đau đớn, tòi tệ. Trong một xã hội túng thiếu, thì toàn là những hành động nặng tính bon chen, giành giật, cướp đoạt. Từ đó gây ra sự phân biệt đối xử, gây chia rẽ, thanh toán nhau, trong một cuộc thi thố thủ đoạn bức hại lẫn nhau để bòn mót, vơ vét tài sản của nhau và của xã hội... Đây là thời lạm dụng quyền lực chính trị, như để bù lại thời gian đã chịu hi sinh, đói khổ. Đây là thời của tâm lý trả thù lúc phải sống gian nan, vất vả đã qua. Thật sự là lúc đó, các cán bộ cách mạng, nghĩa là các đảng viên, từ cấp cao nhất cho tới cấp thấp nhất, đã tận dụng quá trớn bạo lực cách mạng, phát xuất từ ý thức triệt để đấu tranh giai cấp. Chính quyền vì không hề tin dân, nên đã có chính sách tổ chức đại quy mô các guồng máy canh chừng, thống trị nhân dân, Đặc biệt là mạng lưới công án, dưới nhiều hình thức công khai và mật vụ. Và ngành công an này đã thường xuyên, hành động quá trớn đối với dân, để làm tiền, do chính quyền không kiểm soát nổi. Dân thì không có quyền tự bảo vệ, không có quyền khiếu kiện những hành động qua trớn ấy. Thật sự là giữa dân và chính quyền cách mạng chỉ có sự cảnh giác, canh chừng nhau, đối trá, lo sợ lẫn nhau, chứ không có niềm tin cậy lẫn nhau.. Trong “đảng” và ngoài dân, không một ai dám nói thật điều mình suy nghĩ trong đầu.

Trong lúc mới có hoà bình ấy, người người, nhà nhà, đều bung xoay xở, chui luồn để cố thích nghi, vượt qua cảnh túng thiếu, vì thèm khát đủ thứ. Từ hình thể can trường gầy còm của một chiến sĩ cách mạng ngoài khu, nay trở về thành thị thì tha hồ được ăn ngủ thoải thuê, nên con người đã sớm biến thái thành một thân thể phì nộn, đặc biệt là lãnh đạo, ai cũng mặt mày dày lên vì mỡ màng, phản ánh rõ cái đà ham ăn, ham chơi, dâm ô vô độ. Con người bỗng trở thành con vật háo danh, háo quyền, ham ăn, ham sống. Xã hội bỗng lâm vào cảnh

bùng nổ sinh lý, sinh sản. Dân số cứ tăng vùn vọt, mặc cho tệ nạn phá thai tràn lan, không gì cản lại được! Cho tới nay, chưa thấy có cây viết nào dám thành thật nói hết, tả hết những nỗi đau đớn, thối tha; thắm đậm mồ hôi, nước mắt và xương máu của cả một dân tộc, trong cái thời nhiễu nhương, điên đảo, xáo trộn đạo lý trật tự kỷ cương ấy! Không ai có thể tưởng tượng ra đầy đủ sự thao túng của những thủ đoạn nham hiểm, độc ác, hùng hực bạo lực hận thù, mà cứ tro trên giả dối lên mặt lương tri, đạo đức, lý tưởng, nhân danh những giá trị cao cả của hai nền văn minh, văn hoá Đông Tây, mà lại toàn là ngấm ngấm bon chen, len lỏi trong những ngõ ngách tăm tối thấp hèn của một xã hội luôn luôn giao động vì gian trá, vì luôn luôn bị khủng bố tinh thần vì những thứ luật pháp mơ hồ, trong một xã hội thường xuyên thiếu thốn về vật chất, với một nếp sinh hoạt tranh tìm miếng ăn như muông thú, với một thứ luật lệ rùng rú! Mọi sinh hoạt trong xã hội mới này đều bị chi phối bởi sự đe dọa, đàn áp của ý thức “đấu tranh giai cấp”, đồng thời cũng bởi thứ mệnh lệnh khủng bố tinh thần đòi dân “phải nói và làm theo cách mạng”! Vì thế chính quyền và dân chúng cùng đối xử với nhau với tinh thần giả dối cao độ, trong một Đại Bi Kịch lịch sử mang tên “Nhất trí” và “Đồng chí”! Từ trong đảng tới ngoài dân, ai ai cóng trở thành kẻ biết làm xiếc chui luồn, đi giây với luật pháp, với đạo đức và công lý. Đây là cái thời mà đạo lý và chân lý đã bị thách thức tới tận cùng sức chịu đựng của lương tri. Đây chính là lúc cái tâm, cái tài, cái mệnh của con người đã kiên trì đối đầu với quyền lực độc đoán, trong một cuộc xung đột trường kỳ, phức tạp, tuy âm thầm, nhưng không khoan nhượng..

Diễn hình của Đại Bi Kịch đã diễn ra từ hồi ấy...

Chương 8

Vấn chưa được giải phóng

Hồi ấy, nghĩa là bắt đầu từ sau chiến thắng Điện Biên, lúc chính quyền cách mạng ồ ạt về tiếp thu Hà Nội, thì công cuộc tiếp quản thành phố đẹp đẽ này đã diễn ra vô cùng kiêu căng mà cũng vô cùng lúng túng, mò mẫm. Ngoài mặt thì nói cách mạng là nghiêm minh, là tiên tiến, nhưng trong thực tế thì chỉ toàn là kiêu ngạo, gian trá, hỗn độn, chia rẽ, bè phái. Lúc đó chính quyền mang danh nhân dân, khoe khoang mục đích giải phóng. Nhưng thực tại đã chứng tỏ một điều trái ngược không thể chối cãi: mọi hành động, mọi chính sách đều có tính tùy tiện, rị mọ, nhắm mắt sao chép từ phiên bản lờ mờ, rồi bời của cuộc cách mạng do Mao tùy hứng chỉ đạo. Chẳng hề có chuẩn bị quy củ, chẳng có gì là tổ chức khoa học, là hành động minh bạch. Chỉ mạnh về tuyên truyền giả dối, về hù dọa. Một chính quyền như thế đã không tạo ra được một chính sách an dân, không gây ra một sức bật cho sản xuất. Những tám gương tiên tiến trong sản xuất chỉ là do tuyên truyền giả tạo bày ra. Xã hội “tiên tiến” ấy cứ sống triền miên trong thiếu thốn, hạn chế, gian lận. Chế độ tem, phiếu của mậu dịch được khai triển như công tác làm phức, bổ thí. Đen tối, nhem nhuốc như thế mà tối ngày cứ tự khen “mậu dịch là bà nội trợ đảm đang của xã hội”, là công lao của “bác”, của “đảng”!

Rõ ràng những gì đang diễn ra trước mắt, tại cái thủ đô ngày càng tàn tạ này của xã hội chủ nghĩa, tất cả đều cho thấy rõ là nhà nước không có khả năng xây dựng được cuộc sống sạch sẽ, an toàn, trật tự, cho dân an tâm làm ăn, thế nên không có no đủ, không có hoà bình. Vì luật lệ tập thể nay bao trùm để kiểm soát, trói buộc cá nhân, nên cuộc sống riêng tư bị nghẹt thở, lao động sản xuất đều bị trói tay bởi những quy định “tập thể”! Biết là dân chúng bất mãn, guồng máy công an lúc nào cứ phải gồng mình theo dõi, hù dọa, đàn áp gắt gao. Thật sự là sau chiến thắng, cả con người và xã hội ở đây dài không hề được giải phóng!

Các cán bộ chính quyền, lúc mới về thành, miệng thì nói rất hay. Nào là chính sách cách mạng là “giải phóng” con người, là “giải phóng” xã hội... Nhưng tay cán bộ cách mạng thì cứ bòn mót, vơ vét, tịch thu mọi thứ, áp chế con người về mọi mặt. Những chính sách tiếp thu chính quyền, cải tạo xã hội, thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa như vậy đã để lộ ra tất cả nhược điểm của cách mạng trong công cuộc xây dựng cuộc sống trong hoà bình. Thật sự là ghé độ đã không tạo ra được bầu không khí lạc quan tin tưởng ngay từ đầu kỷ nguyên hoà bình. Những yếu kém về mặt nghiệp vụ, thiếu vắng tính lương thiện của chính sách, của cán bộ, những thiếu thốn và gian lận thường xuyên xảy ra trong phân phối hàng hoá, đã làm tiêu hao hào quang chiến thắng của cách mạng. Rõ ràng đó là cả một bằng chứng thua kém về mặt sản xuất, một thất bại ê chề trong nếp lưu thông và phân phối so với các chế độ cũ. Trước những thất bại ấy, rồi cho đến mãi sau này, guồng máy tuyên truyền chỉ còn cách cứ nhắc đi, nhắc lại cho đến xối mòn hình ảnh công lao, hi sinh, gian khổ, thẳng lợi vinh quang... Rồi cứ phải hù dọa khủng bố tinh thần, sẵn sàng chụp lên đầu những kẻ bất mãn đủ thứ tội mơ hồ. Những tội danh mơ hồ như âm mưu “phá hoại”, “phản cách mạng”, là vũ khí để duy trì uy quyền của guồng máy hành chính, cai quản.

Thời chiến, cả nước chỉ mong đợi, chỉ ước ao ngày hoà bình trở lại. Nay hiệp định đã ký, miền bắc đã có hoà bình, nhưng ai cũng trần trờ: bao hi sinh, chiến đấu gian nan, kiên cường để nay tiến tới một cuộc sống tăm tối, hỗn độn, thiếu thốn như thế này sao? Nhà nước nêu ra lý do là còn phải lo chi viện, giúp đỡ một phần nhân dân “ta” đang bị kìm kẹp và vô cùng đói khổ ở miền Nam.

Lúc ấy, chính quyền cách mạng o ép, hù dọa dân chúng phải chấp nhận được sinh hoạt trong kỷ luật, với tinh thần tự túc, tự cường, trước những đổi thay nhọc nhằn, mà chẳng một ai cảm thấy an tâm để làm ăn sinh sống. Vì sự kiểm soát cứ lan rộng, cứ len lỏi sâu vào mọi ngõ ngách của mọi sinh hoạt, kể cả về mặt tinh cảm, riêng tư thầm kín nhất của con người. Tai mắt khát khe của guồng máy cai quản của cách mạng đã bao trùm lên xã hội một cách rất thiển cận, kém cỏi. Sau tháng mười 1954, là thời hạn chót dân hai miền tự do đi lại vào nam hay ra bắc, theo hiệp định Genève. Nhưng chỉ thấy dân miền Bắc tiếp tục tìm đường lén lút, liều chết di cư vào Nam. Dân gọi vĩ tuyến 17 chia đôi đất nước là bức màn tre. Nghĩa là nó cùng một loại chia cách, chia cắt như bức màn sắt mà Liên Xô đã thiết lập bao quanh khu vực Đông Âu của khối xã hội chủ nghĩa. Đối với Thảo, đây là một khía cạnh thất bại về cả mặt tư tưởng và hành động của thứ cách mạng xối thì này: Giải phóng con người, sao lại làm nó phải bỏ chạy, sao để đến nỗi phải dùng bạo lực để vây kín nó, giam hãm nó? Đúng như lo lắng của Thảo, khi nghe Trưởng ban hành chính khu phố tới giải thích quyết định cả gia đình bố mẹ Thảo sẽ phải dọn vào ở lâu dài trong một cái phòng duy nhất, trong chính căn nhà cũ của mình, ông bố đã

nổi cơn điên lên gào thét, để cãi nhau với con. Đây là lần đầu tiên từ khi gặp lại con, “ông cụ” gọi Thảo bằng “mày” và xưng “tao”:

- Chẳng thà đui đờ ra sống ở vỉa hè còn hơn là bắt tao phải sống trong hoàn cảnh khốn nạn này.
- Bỏ cũng nên hiểu hoàn cảnh của nhiều gia đình làm việc ở ngoài khu của các cơ quan cách mạng, nay họ phải về làm việc ở Hà Nội này thì gia đình vợ con họ sống ở đâu bây giờ?
- Sống ở đâu thì kệ họ, nhưng không thể chịu cảnh bỗng nhiên họ vào xâm chiếm nhà của tao. Họ không chiếm, mà do luật lệ cấp phát nơi ở cho họ, thì họ dọn vào ở. Bỏ phải tuân theo luật lệ mới của cách mạng, không chống lại được đâu!
- Không chống lại được thì tao ra vỉa hè tao ở! Luật lệ của cách mạng là có quyền trắng trợn cướp của cải của người ta hay sao?
- Không hẳn là như vậy, nhưng cũng gần là như thế. Cách mạng có quyền lấy của người có để chia cho người không có! Bỏ mà phản đối thì tức là bỏ phạm tội phản cách mạng. Mà tội ấy có thể bị xử tử hình!
- Tao nuôi mày cho khôn lớn, cho có học hành để mày về làm cách mạng để mưu tính xử tử tao như thế này sao?
- Luật lệ đó không phải sẽ vĩnh viễn, mà nó sẽ thay đổi khi xã hội đã làm ra đầy đủ của cải cho mọi người. Nay vì chưa có đủ nên mới phải tạm thời làm ra những luật lệ trưng thu, tịch thu như thế. Chỉ vài năm nữa thì sẽ là mỗi nhà cho mỗi gia đình, không phải sống chung chạ nữa... khi ta tiến tới thế giới đại đồng!
- Mày nói như thế là mày bệnh vực cách mạng phải không? Mày bắt tao phải cúi đầu chịu cảnh bị cướp nhà phải không?
- Không ai bắt bố cúi đầu tuân theo luật lệ cách mạng. Nhưng phải thông cảm với hoàn cảnh của đất nước. Nhất là bây giờ họ là kẻ chiến thắng, họ có quyền áp đặt luật lệ của họ. Chính vì vậy mà lúc vào thành, con mong muốn chẳng thà bố mẹ cứ tạm thời di tản vào Nam theo phe quốc gia, để đợi ngoài này ổn định xã hội cho xong, thì rồi ba và con sẽ có cơ hội đoàn tụ sau... Như vậy mới tránh được những cảnh khổ tâm như thế này.
- Mày nói thế là mày là người cộng sản thật à?
- Vâng chính vì con là người có lý tưởng cộng sản nên con mới về với cách mạng! Nhưng có nhiều thứ cộng sản: thứ cộng sản của con là muốn thực hiện một cuộc cách mạng công bằng bằng luật pháp, bằng lý tưởng, không gây thù gây oán, một cuộc cách mạng nhân đạo, sạch sẽ, mà toàn thể nhân loại mơ ước! Các bạn trí thức tiến bộ của con ở Pháp đã thúc giục con phải trở về tìm cách góp ý, góp sức, để thực hiện ở Việt Nam ta một thứ cộng sản tiến bộ khác, tốt hơn, sạch hơn so với những gì đã thấy trong cách mạng ở Nga, ở Tàu. Cũng như con, họ muốn thấy xây dựng ở nước ta một mẫu mực cộng sản không tận dụng bạo lực và hận thù, mà bằng một sự kết hợp luật lệ nhân đạo tiến bộ, với một nền giáo dục theo đúng lý tưởng công bằng xã hội... chứ không phải lấy cái bất công mới thay thế cho cái bất công cũ, cái tàn bạo mới thay cho tàn bạo cũ...
- Mày bệnh vực cho thứ cách mạng của mày, nhưng cái thứ cách mạng đang diễn ra ở đây thì sao? Nó không phải là thứ cách mạng của mày mà mày về hợp tác với nó à?
- Con về hợp tác với thứ cách mạng này là với hoài bão sẽ có ngày thay đổi, cải thiện được nó, sẽ có ngày tìm ra cách uốn nắn lại được nó, để nó trở thành thứ cách mạng của con, tức là thứ cách mạng mà mọi người mong đợi!
- Máy giỏi thế cơ à? Một mình mày, mà sẽ có ngày thay đổi được cả một bộ máy, cả một hệ thống quốc tế cộng sản, cả một ý thức hệ cộng sản cơ à?
- Cái gì cũng có thể thay đổi, và nó sẽ phải thay đổi, vì nó chưa hoàn chính. Khi mà, với thời gian, nó đã tỏ ra có sai trái, bất lực, không tiến bộ, không thật sự giải phóng con người, và bị mọi người oán ghét, thì lúc đó không cần phải có một đoàn quân hùng mạnh để thay đổi nó. Chỉ cần một người lãnh đạo, một tư tưởng trong sáng, dũng cảm nói lên chân lý, y như mặt trời mọc lên... để mang ánh sáng tới dẹp tan bóng tối, để ánh sáng soi lối cho thấy con đường tốt đẹp mà đi... để tránh cái sai, cái ác, để sự sống sinh sôi, nảy nở, trong hoà bình, ấm no, tự do, hạnh phúc!
- Nghe mày nói tao thấy mày khùng, mày điên rồi! Rõ ràng là mày học nhiều quá nên trở đã thành kẻ không tưởng, kẻ sống trong mộng ảo! Mày tưởng một mình mày về đây là sẽ cải đổi, cải thiện được cái thứ cách mạng tàn nhẫn này, cái thứ cộng sản thô lỗ, trói buộc con người như thế này à? Tao nói thật cho mày biết sự thất vọng của tao khi tao nghe tin mày đã về với cách mạng, với cộng sản! Về như vậy là mày tự giết mày rồi! Mà cũng là giết cả mẹ mày và tao nữa! Thảo ơi! Phải chi mà mày học được cái nghề gì như thợ nề, thợ máy, thợ mộc gì... thì đỡ khổ cho tao biết mấy! Phải chi mà mày cứ ở bên Pháp làm việc, mỗi tháng gửi về cho tao vài chục đồng Francs thì cũng đủ cho tao vui sống cảnh già! Mày nói mấy cái thằng bạn tiến bộ của mày ở bên ấy hối thúc mày về trong khi đất nước này đang khổ sở vì chiến tranh, vì cộng sản, thì mấy cái thằng ấy cũng chỉ là một lũ điên thôi! Chúng nó đã xúi mày đi vào chỗ chết. Có là điên mới nghe theo chúng nó! Mày về đây là mày giết mày, mày giết cả tao đấy Thảo ơi là Thảo ơi!

- Thôi, bố đừng than van, khóc lóc nữa! Cả cái Hà Nội này sống được thì tại sao gia đình ta không sống được? Bố khóc làm gì! Không ai thương mình đâu mà khóc, mà than!
- Tao không cần ai thương tao cả! Tao khóc vì chính mày cũng không thương mày nữa thì thương gì tới mẹ mày và tao! Tao hi vọng trông cậy vào mày lúc về già, mà mày lại đại dột về đây như thế này! (Ông bố lấy tay áo chấm nước mắt) sống như thế này thì khác gì chết? Chết còn tránh được bị chứng kiến cảnh sống kìm kẹp, ức hiếp như thế này!

Thảo không chịu nổi tiếng rên rỉ, than van của ông bố nên vùng vằng đi ra. Bước thoát nhanh ra bên ngoài cho khuây khoả! Nhưng ở ngoài, nhìn đâu cũng thấy những cảnh đau lòng của một thủ đô đang bị lột xác một cách miễn cưỡng và nhọc nhằn... Phố xá nhà nào cũng đóng cửa vì sợ đủ thứ. Ở một góc ngã tư rẽ xuống Hồ Gươm, có vài người đang bu quanh một bà ngồi bán vài bó rau muống. Thảo nảy ra ý kiến mua một mớ rau về xào để ăn với cơm có lẽ cũng làm cho ông bố vui. Tới gần, quan sát, thì bà bán hàng mời:

- Chỉ còn đúng một mớ rau muống thôi ông cầm lấy đi, muốn trả bao nhiêu thì trả. Tôi đi về đây.
- Thảo cầm bó rau muống hơi dập nát lên tay trái, tay phải móc túi quần ra một nắm giấy "tiền cụ Hồ", chìa ra trước mặt bà bán hàng và nói:
- ~ Thì đây bà muốn lấy bao nhiêu thì lấy, trong túi tôi chỉ còn bấy nhiêu thôi!
- Bà bán hàng chọn lấy vài tờ giấy bạc còn khá mới rồi nói:
- Ai mà cũng mua như ông thì đòi tôi đỡ vất vả! Mấy bà ấy mặc cả, thêm, bớt từng cọng rau! Rồi còn chê rau già, rau héo nữa! Thời buổi này có còn ai muốn buôn bán nữa đâu!
 - Tại sao vậy? Bây giờ hoà bình rồi thì tha hồ mà buôn bán chứ?
 - Tha hồ gì đâu! Ông không vào chợ mà xem các sạp bị bỏ trống trơ ra đấy. Mấy ông cách mạng về ra lệnh kiểm kê, bắt các người buôn bán phải gia nhập hợp tác xã, để buôn bán tập thể. Từ nay không ai được buôn bán cá thể nữa. Việc buôn bán bây giờ là do các ông, các bà "mậu dịch" độc quyền. Tôi vì nghèo quá nên ra ao sau nhà hái ít rau muống mang ra bán liều chứ không vào hợp tác hay mậu dịch gì cả. Để lấy tiền về đóng gạo nuôi con. Gạo thì bây giờ phải mua chợ đen, giá không phải là gấp đôi mà là gấp bốn, gấp năm, mà cũng không kiếm ra người bán. Vì đã có lệnh bán gạo là độc quyền của "mậu dịch" nhà nước... Bây giờ cái gì cũng khan hiếm, cũng khó khăn lắm mới kiếm ra. Khó sống lắm ông ơi!

Thảo mang bó rau muống về. Vào nhà thấy cửa căn phòng vẫn đóng kín mít. Ông bố cũng nằm trùm chăn ngủ trên chiếc giường bên trái, còn bà mẹ thì nằm rên trên chiếc giường bên phải, ở góc trong cùng thì có kê cái chõng tre trên đó có để hành trang của Thảo. Bầu không khí trong "nhà" thật nặng nề.

Lặng lẽ lục lọi, Thảo tìm ra chiếc nồi đồng nhỏ, rồi lấy gạo, đi ra sân, vào nhà bếp có sẵn vài thanh củi, nhóm lửa nấu cơm, rồi xào rau. Bữa cơm dọn ra trên cái chõng tre, trong "nhà", trông thật thiếu não, thật là không bình thường, bởi Hà Nội đang sống trong không khí ngột ngạt không bình thường. Cái không bình thường của một thay đổi theo hướng mờ mịt khác khổ, quá đột ngột và trắng trợn. Thảo đứng nhìn bữa cơm chỉ có một đĩa rau muống duy nhất, bên cạnh nồi cơm nhỏ trơ trọi y như bơ vơ, như thiếu vắng, nhớ tiếc một cái gì vừa mất! Y như Hà Nội đang nhớ, tiếc một thời chưa xa, nhưng nay không còn nữa! Thảo lớn tiếng:

- Mời bố mẹ dậy xơi cơm!

Lời nói lễ phép, thật lạc lõng trong căn phòng chật trội. Ông bố vẫn nằm im không trả lời... Nằm im lặng thêm một lúc, không biết nghĩ sao, ông bố ngồi dậy, từ từ đi sang ngồi một góc chiếc chõng tre rồi nói:

- Mẹ ăn cháo chứ chưa ăn được cơm. Lát nữa bố sẽ nấu cháo cho mẹ.

Thảo cũng lặng lẽ ngồi xuống, mở nồi, múc cơm ra hai cái bát sứ men trắng tinh. Hai bố con lặng lẽ ăn cơm. Ông bố đứng dậy, lục lọi dưới gầm giường, lấy ra một cái đĩa nhỏ, rót ra một chút nước mắm từ một chiếc bình bằng sứ men trắng tinh: Thảo phân trần:

- Con quên là rau muống xào phải chấm với nước mắm.
- Thế ở chiến khu thì chấm với cái gì?
- Chấm với chút nước muối dầm với ớt cay xè!
- Nhờ vậy mà chiến thắng đấy! Nhờ chiến thắng ấy mà có cảnh này đây.
- Thôi bố đừng mĩa mai nữa! Mọi sự rồi cũng sẽ qua đi... Và với thời gian thì mọi sự sẽ được cải thiện.
- Thời gian qua đi, và mọi sự rồi sẽ mất hẳn, chứ cải thiện sao được những gì đang tốt đẹp, nay đã bị đập đổ tan tành.

Ông bố ngồi ăn cơm một cách khó khăn, như nuốt không trôi. Vừa ăn, vừa nhìn chung quanh. Thảo nhìn bố và hiểu trong đầu ông bố đang tiếc nhớ những thứ đang chìm mất vào dĩ vãng.

Mấy hôm sau, nghe tiếng lịch kịch, ồn ào ở phía nhà trên. "Người ta" đang dọn tới ở. Mãi sau mới biết là có hai gia đình đã dọn tới. Họ tránh không "quan hệ" với cái gia đình chủ cũ của nhà này. Không gian gia đình đã

bị co lại, bữa ăn phải ăn trong căn phòng ngủ. Đến nhà bếp, nhà xí nay cũng là của tập thể! Sự chung đụng căng thẳng không thể tránh được khi cùng chia nhau sử dụng cái sân, cái bể chứa nước mưa, cái nhà bếp. Rồi bắt đầu kẻ này trách người kia là không chịu “kỷ luật” quét dọn sau khi làm bếp xong! Không biết “kỷ luật” vệ sinh! sống chung như thế không tài nào phân chia nhau thời gian sử dụng tiện nghi nhà vệ sinh. Sáng tinh sương, mọi người ủa ra sân, ra đường để rửa mặt đánh răng. Gia đình được chia cho căn ở mặt đường thì mở cửa ra vỉa hè, đằng trước nhà mà làm mọi sinh hoạt buổi sáng. Dần dần hầu như khắp nơi, vỉa hè đằng trước các căn nhà, nay trở thành nơi sinh hoạt nội trợ, vì trong nhà chứa quá nhiều gia đình mới “vào”... Chỗ này đặt cái thau nước, chỗ kia đặt cái xô cho trẻ con ngồi ị, chỗ khác thì kê cái bếp than, bếp củi, nấu nướng khói um... các gốc cây nay đều khai um mùi nước tiểu... Vỉa hè nay là nơi sinh hoạt tương đối thoáng khí nhất của mọi gia đình!

Hoàn cảnh chung đụng, chật chội, đã gây ra đủ thứ cãi cọ. Nhiều lúc người Hà Nội cũ và người Hà Nội mới xô xiên, mia mai, nhau, bên này gọi bên kia là “bọn quen sống trong rừng rú”, và bên kia gọi lại bên này là “bọn đầy tớ phong kiến thực dân còn nhớ tiếc chủ cũ!”... Có lúc công an được mời tới vì những lời tố cáo, vu khống lẫn nhau: “nó chửi kháng chiến!”, “nó gọi tôi là Việt gian!”, “nó tích trữ nhiều hàng hoá dưới gầm giường!”, “nó buôn lậu thuốc Tây”, “nó là Quốc Dân đảng!”, nó “phản động”... nó thế này, nó thế nọ... Chính cụ Tiểu, bố Thảo cũng bị một cán bộ trung uý công an mới dọn tới, tố cáo và đe dọa: “Mày là cái thằng cả ngày hét chửi cách mạng, rồi là lên án kháng chiến... mày mà còn tiếp tục là tao sẽ đưa mày ra toà án nhân dân!”.

Bị đe dọa một cách tàn nhẫn, nên “ông cụ” phải im lặng, phải thay đổi cách sống, phải cầm nín. Rồi tinh thần và sức khỏe ngày càng sa sút. Chẳng những vì thiếu thốn, chung đụng, mà vì chính vì nỗi buồn bực tích tụ, vì chứng kiến sự thay đổi tồi tệ của cuộc đời mình và cả của cải thành phố thân yêu của mình. Nó ngày càng xuống cấp, ngày càng xấu xí. Từ sáng sớm, để thoát ra khỏi những va chạm ti tiện, cụ Tiểu chỉ còn một phương cách là đi rá ngoài tản bộ để ngắm cảnh phố phường... để thấy những đổi thay đang làm tàn tạ, từ đường phố tới con người, một cách thâm trầm và... quá nhanh!

Thảo cố sức giảng giải cho ông bố hiểu là mọi thứ xấu xa, tính tình chòm xóm tồi tệ, sự chen lấn khi đi đường, tệ nạn lén ném rác ra đường làm mất vệ sinh;.. Tất cả là do thiếu thốn, do chung đụng, chật chội... “Thủ phạm của tất cả những tệ nạn đó là do cái nghèo và cái thiếu trình độ tổ chức mà ra cả!”

Dần dần, dân Hà Nội cũ phải quen với cảnh chia chác, tranh giành với dân Hà Nội mới, từ cách sử dụng vỉa hè, lấn choán cả lòng đường, cứ y như ở trong nhà mình. Vì nhà nhà lấn ra vỉa hè lấy chỗ sinh hoạt, tạm thời đặt cái lu nước, tạm thời để cái bếp than, bếp củi ra vỉa hè ngoài trời cho nó thoáng. Cái gì cũng tưởng chỉ tạm thời, nhưng rồi nó đã thành nếp sống vĩnh viễn của thời mới, thời xã hội chủ nghĩa! Những cái lúc đầu khó coi, khó chấp nhận, nay được giải thích, để bào chữa rằng rồi đây sẽ tiến lên thế giới đại đồng của xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng tiến bộ Mác- Lê, thì những cái đó sẽ được dẹp đi. Nhưng cái thế giới đại đồng ấy chờ cả mấy chục năm sau vẫn chưa thấy tới! Mà cái “tạm bợ” khó coi kia đã dần dần được chấp nhận, để trở thành cái vĩnh viễn.

Rồi ai cũng cứ nghĩ như thế, những sinh hoạt mua bán, dịch vụ, dù công khai hay là chui luồn, thì cũng cứ bày cái bàn nhỏ với dăm ba cái ghế con ra vỉa hè thành một quán ăn, quán nước. Thậm chí lu nước, tủ kính nhỏ cũng nhẩy xuống chiếm lòng mặt đường. Chỗ đắc địa được mọi người ưa chuộng nhất là ở trên mặt nắp cống công cộng ở mỗi đầu vỉa hè, vì nó bằng xi- măng nhẵn và kiên cố! Vì chỗ ấy bằng phẳng! Vì chỗ ấy để thoát nước, rất tiện cho việc mổ gà, mổ vịt, kê cả mổ lợn!

Từ đấy, Hà Nội lột xác toàn diện. Hà Nội trở thành thủ đô của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tràn ngập cờ đỏ và cả rừng khẩu hiệu ca ngợi chiến thắng vinh quang, vì lý tưởng, vì hi sinh của những chiến sĩ anh hùng cách mạng! Nhưng sự thực là trong đầu mọi người, khái niệm xã hội chủ nghĩa hiện ra rất mơ hồ. Bởi việc thực thì xã hội chủ nghĩa đã diễn ra quá lúng túng. Một mặt chính quyền ép buộc mọi thứ kỷ luật bằng hủ đồạ. Mặt khác là dân tuân theo rất miễn cưỡng. Họ vỗ tay hoan hô và ca hát, nhưng trong lòng họ không thật sự chấp nhận vì nó không mang lại ấm no, hạnh phúc như họ mong đợi. Từ đấy cho tới mấy chục năm sau Hà Nội cứ như thế mà phát triển trong sự dung túng, tùy tiện, trong sự miễn cưỡng phải thoả hiệp với những sai trái về mọi mặt, từ vấn đề vệ sinh, từ cả về mặt ứng xử của con người... Cứ phải thoả hiệp với những sai trái, với những vi phạm luật pháp thô sơ, dung túng, nhất về mặt trật tự kỷ cương! Chính trong thời giàu sống và quan sát những ngày đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa tại Hà Nội, đã cho phép Thảo nhận ra rằng quá trình cách mạng như vậy là một sự áp đặt từ bên ngoài, bằng tuyên truyền gian xảo, bằng bạo lực. Trong khi lý luận và

sách vở thì nhấn mạnh tới tinh thần tự giác. Đây là một mâu thuẫn cơ bản mà lý luận chưa biết làm sao giải quyết.

Với sự phát triển xã hội mới rất lộn xộn, rất mò mẫm như thế, Hà Nội đã mau chóng biến thành một thành phố cổ lỗ: ngày càng chật chội, ồn ào, chen lấn, ngày càng nhem nhuốc, mốc meo, dơ bẩn... Và với thời gian không dài, Hà Nội êm đẹp tàn dư của “thời thực dân, phong kiến”, nay chỉ còn được nhắc tới, như là một kỷ niệm êm đềm; Hà Nội thanh lịch của thừa xã xưa ấy đã xuống cấp tiêu điều, kể như nó đã mất đã chết hẳn. Chi trừ ra vài con đường hiem hoi còn sạch sẽ, vì có nhiều trụ sở, dành cho các cơ quan, nhiều dinh thự của bác ông lớn cách mạng. Hà Nội, sau nhiều năm được giải phóng, đã để lại những đường phố đen tối, xô bồ, dơ bẩn vô tổ chức, không xứng đáng với một dân tộc có văn minh văn hoá.

Cùng với Hà Nội cũ không còn nữa, con người thanh lịch, đài các của Hà Nội xưa cũng dần dần biến mất một cách tẻ nhạt. Người lịch sự, đài các trở thành một mẫu loài quý hiếm, đi dần dần tới tuyệt chủng. Người tư xứ nay tiến về làm chủ Hà Nội có những khu- trước- đây là của công chức cao cấp chế độ thực dân, phong kiến cũ, nay dân ngụ cư lúc nhúc ở đó đều toàn là dân “Hà Nội mới”, nói giọng đặc sệt các địa phương xa xôi, không mang tính chính giọng và chính tả (từ cách viết tới cách phát âm). Đến nỗi ở đó đã hình thành lần đầu tiên hàng loạt các hội ái hữu của các nhóm dân gốc ở tận đâu đâu! Nay khi nói tới nét thanh lịch của người Hà Nội, thì người ta liên tưởng tới những đường phố có vỉa hè ngăn nắp, sạch sẽ, với những thiếu nữ, thiếu phụ mặc áo dài kiêu mới, kiêu “Lo- mua”, nói năng nhẹ nhàng, đi đứng thướt tha... Còn khi nói tới người Hà Nội mới thì làm người ta liên tưởng tới cái thời Hà Nội nhem nhuốc, với đường phố lúc nhúc, chen lấn, lộn xộn, nói năng ồm ồm, lỗ mãng y như trong giữa một phiên chợ, có khi là những lời lẽ cục cằn, tục tĩu... Tại sao lại xuống cấp như thế? Tại vì quy luật sinh vật luôn luôn mang ảnh hưởng, dấu ấn của môi trường.

Trong thực tại, con người mới xã hội chủ nghĩa, sản phẩm của chế độ mới, là con người mưu mẹo, khéo xoay xở, biết chui lách qua quy định và luật pháp, ngoài mặt thì có vẻ nể nang chế độ, nhưng trong đầu thì chẳng sợ cái gì, chẳng sợ ai, chỉ tin vào tài tháo vát, nghĩa là chẳng nể phục một ai. Đây có thể là con người bất mãn, mà không dám phản kháng, trăn trở mà không dám nói ra, cứ ầm ứ, dồn nén đến mức phải văng một câu tục cho nó hả! Phản ánh cái sự ầm ứ không nể phục ấy là những hành động bất tuân luật lệ vụn vặt, nói năng thô lỗ, chửi chớ, mắng mào, “ba que; xỏ lá”, đều có. Có những bà, những cô bán hàng vừa bán vừa như xua đuổi khách:

- Chỉ có vậy thôi, mua thì mua, không mua thì cút!
- Ông cút thì ông “đ. mua!
- Mà về mà đ. mẹ mày ấy!

Nhưng đa số là người cần, cứ phải nuốt nhục mà mua. Vì dù đi chỗ khác xa hơn, thì cũng vẫn là thứ hàng thiếu phẩm chất, bị cân thiếu, bị rút ruột, bị nhồi độn... gian dối như thế.

Trong Hà Nội mới xã hội chủ nghĩa này lần đầu tiên xuất hiện cảnh vừa bán, vừa mắng chửi; mà vẫn cứ có người mua! Hiện tượng ấy, Thảo cho đó là một biểu hiện thô bạo phản ánh sự bức bối của xã hội. Chứ nếu cuộc sống êm thấm, vui vẻ, bình thường thì đâu có ai lại chửi đổng bưng quơ như thế. Hà Nội mới nay là nơi không còn chú ý tới thanh lịch, nói chi tới đức hạnh. Lịch sự, lễ phép là điều xa xỉ, lạc, hậu. Một cử chỉ kính trên, nhường dưới bị coi là đã lỗi thời. Không còn ai dám nói tới nhân phẩm, đạo đức nữa. Cứ như thế, cả một nền “văn hoá đều giả” phát triển, với thời gian đã tạo ra một xã hội tàn nhẫn đến mức thô bạo. Vậy mà chưa một ngòi bút tả thực của nhà văn nào dám đụng tới. Họ biết đụng tới nó là đụng tới chế độ. Vì ai cũng dư biết trách nhiệm đối với tình trạng thô bạo ấy là của chế độ, nhưng đối với Thảo, chỉ cần có sự phân tích sáng suốt để đi sâu hơn, đi xa hơn. Vì chính chế độ cũng không hề muốn để xảy ra sự suy thoái đạo đức như thế vẫn đề là phải tìm ở đâu cho ra thủ phạm đã gây ra tình trạng suy đồi nhân cách, suy đồi phong tục xã hội này?

Những món ngon của Hà Nội thừa nào, nay nó bị xuống cấp, bị dọn ra bày ra bán vô trật tự, ở những chỗ thô thiển, nhem nhuốc, ketch cớm, nên nó không còn ngon đúng với những hương vị thanh tao của nó như xưa. Món có thể ngon, nhưng nay chỗ ngồi không ngon, con người này cũng không ngon, không còn mấy ai sành sỏi về hương vị thổ ngơi của Hà Nội, câu chuyện nay thì đậm mùi “quê ta” ở những nơi xa lạ... nên cũng không phải là những chuyện ngon lành, dí dỏm, tế nhị của người Hà Nội chính gốc nữa!

Cũng cái Bờ Hồ ấy, cũng cái Tháp Rùa ấy, nhưng nay chung, quanh lúc nào cũng lúc nhúc, láo nháo như họp chợ! Mà thật sự là ở bất cứ đâu, kể cả ở “bờ Hồ”, nay cũng đã biến thành chợ. Không còn ai nhớ tới cảnh nên thơ của tháp cổ! Cửa hồ xưa! Cũng vẫn còn có những lúc chiều tà, khi hoàng hôn xuống, lòng người dễ trở thành lãng mạn, nhưng nay những chiếc áo dài đã bị thay thế bằng loại áo kaki lai áo cánh, lai sơ- mi cụt

cỡn, thô kệch, với màu nâu, màu xanh bộ đội là chính, trông thật ảm đạm! Thành thoàng cũng có mấy bà mấy cô thuộc gia đình cách mạng cao cấp, khi cao hứng, cũng diện áo dài ra lượn bờ hồ để chụp ảnh. Nhưng thứ áo dài gì mà tà áo loe ngang, viền gấu to đùng như viền quần áo lính. Đường cắt may thô thiển, tà không còn úp, không còn ôm cuốn theo thân mình, nên khi gặp gió nó bay lộng lên như cánh bướm đứt giây, trông thật nhức nhối con mắt, tạo thành đường nét hỗn tạp cho cái hồ từng một thời nổi tiếng có vẻ đẹp của ngàn năm văn vật, lãng mạn của thừa, xa xưa.

Người Hà Nội mới chê lối sống cũ là truy lạc, cổ hủ. Còn dân Hà Nội cũ chê dân mới là dân “cả quỳnh”, có nghĩa là vừa quê mùa, vừa rừng rú, có lần công an đã tới hỏi cả giấy giá thú khi thấy cặp tình nhân khoác vai nhau, ngồi ngắm trăng bên bờ hồ. Vì công an coi ngồi tình tứ với nhau như thế là “truy lạc”!
Trong tâm tư người Hà Nội cũ, nay chỉ còn một nỗi niềm cay đắng, tiếc nhớ âm thầm! Nhớ những tà áo dài thon thả bay lượn bên bờ hồ thanh vắng, trong gió chiều thơ mộng. Họ chỉ còn biết nhớ thương, nhớ tiếc cái Hà Nội lãng mạn xa xưa ấy, qua những âm điệu du dương thắm hát trong đầu của những nhạc điệu tiền chiến! “Tiền chiến” là dư âm, là vang bóng một thời của Hà Nội nên thơ, Hà Nội đẹp, Hà Nội thanh lịch nay đã mất, đã chết!

Người Hà Nội mới hôm nay lúc nào cũng gồng mình lên để tỏ ra cái vẻ kiêu binh, tiên tiến của những anh hùng chiến thắng... lúc nào cũng sẵn sàng để hoan hô. Hoan hô Hà Nội cách mạng! Hoan hô Hà Nội anh hùng! Dân Hà Nội cũ cũng phải hoan hô theo, nhưng trong lòng thì u buồn, lo lắng vô cùng. Lo lắng vì trật tự mới không, đúng như lời nói, lời hứa: lý luận cái gì cũng rất lý tưởng, nhưng trong việc làm thực tế cái gì cũng hỗn loạn, cũng tham lam, gian dối, tranh giành... ti tiện. Các khẩu hiệu vang dội từ loa, bằng những chữ to trên pa- nô chỉ là những trống rỗng không lồ. Trật tự mới kiểm soát đủ thứ, cấm cản đủ kiểu, nhưng cứ đút lót chút đỉnh thì cái gì cũng thoát, cũng qua. Luật lệ cách mạng rất nghiêm minh, rất khó sống, nhưng nhờ đồng tiền khôn, biết chui, biết luồn, nên luật lệ nghiêm minh ấy cũng rất dễ qua mặt.

Thảo đau lòng nhận ra tất cả đây chỉ là sự vận hành lệch lạc của một thứ tư tưởng cách mạng ấu trĩ, xỏ thì: những người chiến thắng, trong tư thế kiêu binh, nay thấy mình có quyền làm bất cứ điều gì gỡ gạc, để vơ vét những gì họ đã quá thèm khát, đã quá kiêu ngạo trong thời gian chiến tranh. Những dồn ép nay bùng ra, không gì cản lại được. Đặc biệt là bùng nổ về mặt sinh lý: chẳng những số đám cưới gia tăng mạnh, mà số vụ phá thai càng ngày càng tăng vọt. Dĩ nhiên là dân số cũng tăng lên đến mức báo động. Làn hồi, chính quyền bắt buộc phải hô hào phát động kế hoạch hoá gia đình, phải hạn chế sinh đẻ và tung ra phong trào đặt vòng xoắn một cách đại trà. Chính đại tướng Võ Nguyên Giáp, với uy thế chủ tịch uỷ ban khoa học nhà nước, là vị chủ trì phong trào hạn chế sinh đẻ này. Nhưng tỉ lệ sinh đẻ cứ tăng lên đều chứ không giảm. Nhà nước đã tỏ ra hoàn toàn bất lực về mặt trật tự xã hội, nhất là về mặt bùng phát, bùng nổ sinh lý, kéo theo bùng phát dân số! Dân số tăng vọt, hàng hoá, của cải thì ngày càng khan hiếm, càng kém phẩm chất... mà giá cả cứ tăng đều. Do vậy, sự nghèo túng, thiếu thốn cứ như vô phương cứu chữa. Cả xã hội phải trông nhờ vào các cửa hàng mậu dịch: cảnh mua bán ngày càng diễn ra như bố thí, với chế độ phân phối hạn chế theo tem, phiếu. Mà hàng thì xấu và hiếm, đến nỗi chế độ “xhcn” (xã hội chủ nghĩa) bị biếm giễu là chế độ “xếp hàng cả ngày”! Sự thật là trong cái thủ đô cách mạng “tiên tiến”, “anh hùng”, đang sôi sục một sự tranh giành, lấn chiếm, tranh thủ, tước đoạt một khoảng không gian sống, một vị trí cho riêng mình, cho gia đình mình. Hà Nội sôi sục một làn sóng vận động ngầm ngầm, rất tích cực, để giành một chức vụ trong guồng máy hành chính đang được phát triển ngày càng phình ra để kiểm soát toàn bộ xã hội và nhất là để có thể thoả mãn những gửi gắm của các đồng chí “bên trên”...

Ai cũng nghĩ trong đầu: hoà bình rồi, nay là thời cơ để tranh thủ một chút địa vị, một chút của cải cho riêng mình! Chẳng lẽ chiến đấu gian khổ trong bao nhiêu năm, mà nay chiến thắng trở về tay trắng lại hoàn trắng tay?

Tranh đấu là để có một cái gì chứ, chẳng lẽ tranh đấu để rồi không được một cái gì sao?

Một đồng chí mà Thảo biết từng là một cán bộ cách mạng xuất sắc ở ATK, nay cũng vui vẻ khoe vừa đưa gia đình về Hà Nội, và vừa được cấp một phòng lớn, trong một biệt thự sang trọng. Thảo hỏi:

- Đồng chí có thấy đáng lo ngại về tình hình thiếu thốn, tranh giành việc làm và nơi ở, đang diễn ra sôi nổi tại thủ đô xã hội chủ nghĩa như thế này không? Đồng chí có nghĩ là tinh thần cách mạng vô sản đang bị biến chất không?

Người cán bộ cách mạng ấy đáp rất tự nhiên:

- Chúng ta đã kháng chiến, đã đấu tranh trong hi sinh gian khổ, nay chúng ta cũng có quyền được hưởng

một chút thành quả của cách mạng chứ! Thật sự là không ai nghĩ tranh đấu để rồi trở thành cái anh vô sản. Đồng chí không thấy như vậy là công bằng sao? Bây giờ là hoà bình rồi mà! Bây giờ phải tới lượt chúng ta hưởng chứ!

Thảo im lặng không trả lời. Vì không biết trả lời sao cho đúng. Thật sự là nay, khi ngưng tiếng súng, ai cũng nghĩ tới cái riêng trước, sau mới tới cái chung. Nghĩ tới cá nhân, bản thân gia đình trước, rồi mới tới cái tập thể.

Rồi Thảo cũng phải thay đổi cách nhìn: họ không phải là thứ cán bộ cách mạng đang biến chất. Họ chỉ là những con người đang bộc bạch những nhu cầu tự nhiên, bộc lộ ra cái bản chất chân thật của mình: vì ai ai cũng mong tìm cái no, cái ấm mà thôi.

Tuy trong lời nói, nhất là trong các buổi học tập thì vẫn luôn luôn vang lên lý luận, biện chứng đề cao cái tập thể, cái chung! Trong học tập thì nói: Dân hưởng trước, cán bộ cách, mạng hưởng sau. Nhưng rồi cán bộ cách mạng cao cấp thì có chợ riêng, gia đình, con cái cách mạng nay thuộc “điện” ưu tiên. Còn nhân dân thì trở ra cái thân phận bị phân biệt đối xử... nên nhìn những đặc quyền, đặc lợi của “điện gia đình cách mạng”, nhất là ở cấp cao, mà tức, mà thêm!

Bác Thảo còn vui miệng kể khi Tô Hoài, một nhà văn cán bộ “đảng viên” cấp cao, không chịu nổi cảnh nhức nhối trước mắt, nay cũng đã viết để giễu chế độ: một bà mẹ xếp hàng để mua thực phẩm, nhưng tới lượt mới biết là thứ hàng này chỉ bán cho “*điện chính sách cán bộ đảng viên*”, nên bà mẹ tức bực đứng ra trước đám đông, vỗ cửa mình bồm bộp mà chửi “*Cha tiên sư mày! Không để ra cán bộ, mà để toàn một lũ nhân dân!*” Dân còn đặt về như loại:

Tôn Dân là chợ vua quan.

Vía hè là chợ nhân dân anh hùng!

Thảo quan sát những thực tại bức bối này, và bình tĩnh lý giải rằng những khát vọng thầm kín của cá nhân, của cái riêng tư là một bản chất, một bản năng tự nhiên, không thể mang những lý luận biện chứng từ sách vở ra mà bác bỏ hay lên án nó. Triết học không thể phủ bác những hiện tượng tự nhiên, những khát vọng tự nhiên và chính đáng. Đó là một nhận thức mới mẻ mà Thảo đã khám phá ra sau rất nhiều suy tư, đắn vặt khi theo dõi những sinh hoạt của các “đồng chí cách mạng” từ khi họ rời chiến khu về tiếp thu Hà Nội.

Nhìn những người “đồng chí”, một thời rất can trường trong lý luận triết để đấu tranh cách mạng, nay họ hớn hờ khoe một gian nhà vừa mới được cấp, một chiếc xe đạp Phượng Hoàng mới tinh, một chức vụ có uy quyền... và có lúc, quên cả bà vợ cũ, để khoe hạnh phúc mới với một cô vợ trẻ và một em bé sơ sinh. Thảo tự nhủ:

- Ta không thể dùng lý luận xơ cứng mà lên án họ là một chiến sĩ vô sản đã bị biến chất. Chính ta, khi thấy họ khoe ra những thứ ấy, cũng cảm thấy, đối với họ, đó là một niềm hạnh phúc chân thật, rất sống thật, rất có thật, rất là xứng đáng cho tất cả mọi người, nhất là sau một thời gian dài chiến đấu và hi sinh. Cái sự thật này, ta không thể vin vào giáo điều để lên án hay bác bỏ. Cũng không thể tìm thấy lời giải đáp từ trong sách vở, trong lý thuyết, như khi ngồi đọc Marx, suy nghĩ về Marx ở Paris! Cách mạng ở đây, hiện thực ở đây, rõ ràng là nó đã vượt rất xa khỏi khả năng suy diễn, mô phỏng về cái thế giới đại đồng nêu ra trong sách vở...

Nhờ thái độ cảm thông với những khát vọng nhỏ và lương thiện của mọi người, Thảo không tỏ ra bức bối, oán trách, không gây gổ với ai, trong lòng lúc nào cũng thanh thản và độ lượng: xã hội đang trên đà thay đổi một cách tột tệt như thế, ai cũng như bị đẩy vào hoàn cảnh sống khó khăn như thế, nên thật sự là phải tội nghiệp họ chứ không thể oán trách, ghét bỏ họ. Sự thật là họ cũng như ta, đều không phải là thủ phạm gây ra cảnh sống luộm thuộm, khắc khổ, thiếu thốn, cục cằn, thô lỗ, kho hạnh này! Lỗi là ở trên cấp cao kia.

Chung quanh không ai hiểu, được lý do của thái độ thanh thản, thông cảm ấy, nên họ thấy Thảo lúc nào cũng cứ thản nhiên, lúc nào cũng mỉm cười như khùng khùng, điên điên, cứ ngơ ngơ, ngác ngác trước cuộc đời gian nan vất vả với hai mặt mâu thuẫn nhau: mặt phải cao cả của lý luận, mặt trái, mặt thật phũ phàng của thực tại! Kỳ thực là trong hoàn cảnh rất tàn nhẫn, rất hiện thực ấy, Thảo đang vận động trí tuệ, đáng rất tinh táo để phân tích, để nhận định về sự vận hành, diễn biến của cách mạng trước mắt. Nó càng phức tạp thì lại càng như tăng sức bật cho Thảo trong công cuộc trải nghiệm, để tìm ra giải đáp cơ bản cho câu hỏi: tại sao những điều dự báo tốt đẹp của Marx về một thế giới đại đồng kia đã không diễn ra như mong đợi? Tại sao lý thuyết quá hay mà kết quả này lại tồi tệ như thế? Tại sao? Có cái gì đó mà Marx đã không thấy, không hiểu chăng?

Gặp giáo sư Đặng Thai Mai trong buổi họp đầu tiên tại trụ sở nguy nga của “Viện Đại học Đông Dương” cũ do thực dân Pháp xây dựng từ thời xa xưa... Thảo hỏi:

- Tại sao anh không phải là khoa trưởng “doyen” hay viện trưởng “recteur” của viện Đại học, mà chỉ là “phó giám đốc” của trường Đại học Văn khoa?
- Ôi cái đó thì là do ông đồng chí Hồng Cư, trường ban tổ chức của bộ giáo dục, ông ấy tự ý quyết định tất tật cả. Ông ấy hỏi tôi: anh nắm trường Văn khoa được không? Tôi đáp: Được! Thế là ông ấy phán: vậy thì anh sẽ làm giám đốc trường đấy nhé! Và thế là tôi thành giám đốc! Tôi cũng chẳng biết tại sao tôi được gọi là giám đốc mà không phải là khoa trưởng hay viện trưởng. Tôi cũng chẳng thấy ai đứng ra lập sơ đồ tổ chức các phân khoa Đại học cho rành mạch, chỉ có gốc gác nền tảng Đại học quốc tế. Có lẽ ông ấy coi việc tổ chức Đại học y như bên hành chính, một phân khoa Đại học y như một sở, nên đứng đầu sở dĩ nhiên là một giám đốc! Chứ ông ấy có biết gì về cách tổ chức một trường Đại học theo khuôn mẫu kinh điển quốc tế đâu! Ông ấy không để ý tới nghĩa gốc của danh từ Đại học là Université hay University! Tưởng chỉ cần thêm hai chữ Đại học vào các phân khoa. Thành ra sau này có sự trùng lặp ý nghĩa trong danh xưng “Đại học Tổng hợp”, đã là Đại học là đa khoa rồi, còn tổng hợp làm cái gì nữa. Còn hiểu Đại học là một trường lớn chuyên về một khoa, cao hơn bậc Trung học thì đã có trường Cao đẳng... mấy cái đó rắc rối, ông ấy cho qua luôn, không cần biết. Người ta giễu cách mạng là vì ông ấy! Nhưng anh có biết tại sao anh cũng như anh Nguyễn Mạnh Tường chỉ được cử làm phó giám đốc thôi không?
- Cái đó thì chúng tôi cũng mù tịt.
- Tại vì trong tổ chức “đảng”, chức vị đứng đầu như thủ trường, như trường ban, cũng như giám đốc thì luôn luôn phải là “đảng viên”. Vì hai anh chưa phải là “đảng viên” chỉ có thể làm phó giám đốc thôi!
- À thì ra thế!
- Nhưng anh có được tham khảo ý kiến về cách tổ chức và chương trình giảng dạy của khoa anh không? Anh có biết là anh sẽ được giảng dạy môn gì, tiết gì không?
- Từ khi về nước tới nay, ở ngoài khu cũng như bây giờ ở Hà Nội này, tôi không hề được tham khảo ý kiến về công việc tổ chức bất cứ một ban, một ngành nào bao giờ cả! Đôi khi tôi có ý góp ý kiến, nhưng họ bỏ ngoài tai. Họ bảo tôi không có đủ trách nhiệm để góp ý! Họ chỉ thông báo cho tôi biết là tôi sẽ phụ trách làm cái này, thì tôi làm cái ấy. Bảo đi thanh tra cái kia thì tôi đi! Nay họ bảo phải dạy cái này, thì tôi tuân thủ dạy cái ấy. Họ bảo tôi sẽ dạy lịch sử triết học Tây phương, nhưng chỉ tới Marx thôi. Còn từ Marx thì do người khác dạy, mà môn ấy được giảng dạy ở tất cả các lớp, các trường. Thế nên tôi tìm tư liệu để soạn giáo án đại khái để dạy như một môn phụ thôi.
- Như vậy là anh chỉ phụ trách một tiết thôi! Và anh có biết tại sao anh lại không được dạy môn chính là môn “chủ nghĩa mác- xít” không?
- Cái đó thì có lẽ tôi chỉ được biết một nửa lý do thôi! Tại vì họ không tin nhiệm tôi, họ nghi ngờ trình độ hiểu biết về Marx của tôi!
- Đúng là anh chỉ biết được một nửa lý do thôi. Bởi người ta coi anh như là chỉ biết có tư tưởng của Marx, chứ chưa biết tư tưởng của Lenin, của Stalin. Vì thiếu hai ông tổ sư thực hành lý thuyết ấy, thì tư tưởng của Marx cũng chỉ là ý niệm suông trong sách vở thôi. Chính nhờ có hai lý thuyết gia tổ sư ấy khai triển; nên môn chủ nghĩa mác- xít mới thành hiện thực, môn ấy chỉ dựa trên khái niệm tư tưởng của Marx, chứ không hoàn toàn chỉ là của Marx.
- Nghe anh nói như vậy tôi mới biết tại sao tôi không phải là một người mác- xít! Chỉ vì tôi không coi trọng phần nghiên cứu về Lenin, về Stalin là chính!
- Đúng vậy! Vấn đề gian nan của anh ở đây là như thế!
- Cảm ơn anh!
- Không có gì để mà cảm ơn! Tôi nói rõ ra điều ấy là vì tôi nghe đồn anh đã gặp nhiều gian nan căng thẳng ngay từ sau khi về nước. Tất cả là vì anh đã coi nhẹ phần công lao của Lenin và Stalin!
- Công lao hay tội lỗi?
- Cái khổ của anh là ở trong câu hỏi ấy đấy!
- Nhưng nhìn chung thì anh thấy nền giáo dục cách mạng hiện nay là thế nào? Nó có hoàn chỉnh thông?
- Tôi không hiểu quan niệm giáo dục của anh là thế nào, nhưng riêng sự quan sát của tôi, qua mấy lần đi thanh tra mấy trường học, thì tôi thấy vì thiếu hiểu biết, thiếu tri thức nên các cán bộ “đảng” và nhà nước đang thực hiện một nền giáo dục què quặt, để biến mỗi con người thành một chiến sĩ cách mạng của “đảng”, để phục vụ công cuộc tranh đấu do “đảng” lãnh đạo, theo tinh thần đấu tranh nói là của Marx... Đây thực ra là một nền giáo dục có tính dụng cụ hoá con người, chứ không phải là một sự phát triển có tính mở rộng tầm suy nghĩ và tầm nhìn xa, nhìn rộng của con người. Vì vậy nền giáo dục này không phải là khai phóng. Tôi đọc thấy đó đây những nội quy, những quy định, những nhắc nhở các thành viên của xã hội đều phải là của “nhân dân”, nghĩa là của Bác Hồ, của “đảng”... Con người trong cuộc cách mạng này không được phép suy nghĩ ra

bên ngoài những gì đã được giảng dạy, không được nhìn ra bên ngoài những gì được phép nhìn, để có thể so sánh những gì mình đang có, đang biết, đang làm, với những gì mình chưa có, chưa biết, chưa làm...



Nhưng Thảo vẫn tin rằng trong tư tưởng Marx, còn có một khía cạnh nhân bản mà cách mạng ở đây không chú ý tới! Vì không chú ý tới vấn đề nhân bản, nên rất nguy hại cho sự xây dựng con người. Guồng máy tuyên truyền nêu ra những tấm gương để giáo dục tuổi trẻ. Đây thật sự là đã có nhảm lẫn giữa mưu trí với trí tuệ. Những tấm gương mưu mẹo, lừa gạt, trí trá để phá địch, diệt địch là quỷ kế, là thủ đoạn chứ không phải là trí tuệ. Một hành động của trí tuệ là một việc làm có tính chính nghĩa, chính đạo, trong sáng. Mưu trí tin tưởng vào con đường thủ đoạn, tiêu diệt của chiến tranh. Thế nên nó đề cao những thành tích ám sát, đặt mìn, gài bom... Đó là mưu mẹo, là thủ đoạn quỷ quyệt gian ác chứ nó không phải là trí tuệ.

Trí tuệ là biết cách thay ác bằng thiện, biến thù thành bạn, không làm những điều dối trá, độc ác, phù phiếm, mà cố gắng làm những điều trong sạch, hài hoà, bền vững.

Trí tuệ tin tưởng vào con đường tiến lên của nhân cách, của đạo lý nên nó tin vào các giải pháp hoà bình.

Nhằm lẫn về mặt này, nên giáo dục cách mạng đã vô ý thức thiên về xu hướng tạo dựng một mẫu người thủ đoạn, láu cá, lưu manh chỉ đặc dụng trong chiến tranh, chứ không phải một mẫu người ngay thẳng, chân thật của trí tuệ để xây dựng những giá trị bền vững. Trong một xã hội đầy những con người mưu trí, thủ đoạn thì xã hội ấy không còn lương tri, không còn biết luân thường, đạo đức và lý tưởng là gì nữa.

Thảo rất lo âu về nhược điểm này của nền giáo dục cách mạng. Thế nên khi được mời đi thanh tra mấy trường học; Thảo ngậm ngùi và tâm can bị dày vò khi thấy trường học nêu ra những tấm gương có tính mưu trí, lừa dối địch, nêu ra để kích động hận thù, để biến hận thù thành hành động... Một nền giáo dục như vậy là dạy cách mài còn dao cho sắc chứ không phải dạy cách dùng con dao. Nó không khai phóng mà là nó công cụ hoá, nó nô lệ hoá con người!

- Sự quan sát và nhận định của anh là rất đúng đấy, nhưng, nó không hợp thời, hợp thế đâu! Anh nên coi chừng! Anh mà cứ nói ra sự thật ấy ở đây thì sẽ bị lên án là phản bác chính sách, phản bác chế độ, nguy hiểm lắm đấy.

- Vậy thì cái sự hiểu biết sự thật ở anh, ở tôi dùng để làm gì?

- Cái đó là chỉ dùng cho riêng mình mà thôi, chứ không nên nói ra "vì" người khác. Tôi biết anh muốn chia sẻ và phổ biến cái sự thật của anh với mọi người, nhưng đây không phải là lúc để làm việc đó, anh hiểu chứ?

- Điều đó thì tôi hiểu từ khi mới trở về nước! Nhưng tôi không muốn giữ sự thật ấy cho riêng tôi! Không biết anh có thông cảm cái tâm tư bị giằng xé của tôi không? Ta không bắt đầu bằng cái tốt, cái tử tế thì chừng nào ta có được cái tốt, cái tử tế, có cần phải học nhiều, học cao để hiểu ra nhu cầu ấy đâu. Các cụ ta xưa đã chẳng dạy "tiên học lễ" đấy sao?

- Tôi rất thông cảm với anh, nhưng tôi không muốn chia sẻ cách sống, cách nghĩ của anh bây giờ và ở đây. Anh là con người của triết học, nên nó suy tư, nó duy lý, còn tôi chỉ là con người thường của thực tiễn, trong lúc này... Nhưng thôi, chúng ta nên chấm dứt sự chia sẻ tâm tình giữa chúng ta ở đây thì tốt hơn.

- Thế thì anh khôn quá!

- Khôn quá hay hèn quá? Anh nghĩ sao cũng được. Ha! Ha! Ha!

Tiếng cười hồn nhiên của vị giáo sư Đại học có uy thế làm Thảo khó chịu, vì bàn một vấn đề nghiêm túc như thế mà vui cười được sao? Thấy ông bạn thản nhiên cười như vậy mà Thảo muốn khóc!

Gặp vài cán bộ cấp cao của Trung ương, Thảo than thở về những trở ngại của mình, họ cũng chỉ mỉm cười!

Họ khuyên Thảo cứ lạc quan tin tưởng. Mọi điều tốt đẹp rồi sẽ tới. Hỡi chừng nào sẽ có những điều tốt đẹp mà ngay cả ở Liên Xô, Trung Quốc cũng chưa thấy có? Họ chỉ lắc đầu, chê Thảo là kẻ chỉ suy nghĩ đầu đầu! Cứ làm như mình là kẻ có trách nhiệm...

Viện Đại học Hà Nội lúc này tập nập sinh viên tới lui để ghi danh... tuy còn thiếu vắng phân khoa Luật. Hỏi tại sao không có trường luật? Được trả lời: "Vi không cần"!

Đây là thói không cần luật pháp. Xã hội đề cao kẻ "dám nghĩ, dám làm" thì cần gì luật! Họ còn khoe: chỉ cần trình độ biết làm bốn phép toán, là có thể điều khiển guồng máy nhà nước xã hội chủ nghĩa!

Và phân khoa Sư phạm, nay được gọi là trường Đại học Văn khoa Sư phạm, là nơi thu hút đông đảo sinh viên nhất. Và các "trường Đại học" thường mang thêm danh xưng sư phạm là vì chỉ có mục đích đào tạo cán bộ giảng dạy các môn ấy. Không ai nghĩ học xong là có thể được hành nghề tự do, chứ không chỉ đi dạy học.

Vừa thoát ra khỏi những hoàn cảnh sống tạm bợ trong rừng, trong thời chiến, nay về lại Hà Nội, ai cũng nghĩ tới nhu cầu phải thay đổi cuộc sống để có nền nếp lý tưởng tốt đẹp, chân thành, tử tế, nêu cao tinh thần nhân bản, trong luân thường, đạo lý. Nhưng thực tại thì trộm, cướp, đĩ điếm cứ gia tăng! Chỉ vì vẫn còn tình trạng quá nghèo. Và nay ai cũng thấy chìa khoá của một sự thay đổi có tính cơ bản và lý tưởng phải là dựa trên hai mũi nhọn: là nâng cao đời sống vật chất no đủ tới thiểu cho dân và mở rộng, mở sâu nền giáo dục cho toàn dân. Chính quyền cũng nghĩ như vậy nên dành ưu tiên để dành cho việc phát triển trường Đại học Văn khoa Sư phạm, bằng cách tiếp thu đồng đảo sinh viên ghi danh. Nhưng giáo dục, mà chỉ là tuyên truyền suông, thì tự nó đâu có thể giải quyết vấn đề quá nghèo, quá khổ, quá thiếu thốn của dân!

Tuy nhiên chính quyền cách mạng vẫn lo tập trung những giáo sư có trình độ Đại học về trường Đại học Văn khoa Sư phạm. Nhưng nếu xét về trình độ của các giáo sư Đại học thì cũng rất khó, vì khá nhiều người nổi tiếng là có kiến thức Đại học đã vẫn từng được cách mạng sử dụng trong việc mở các lớp Đại học tại Khu Tự, nhưng họ lại không có bằng cấp rõ rệt. Lúc ấy, trong ban giảng dạy Đại học người ta chỉ thấy có hai người thật sự có bằng cấp Đại học thực thụ là Nguyễn Mạnh Tường và Trần Đức Thảo. Thế nên không thể loại trừ hai ông này. Nhưng trong thực tế, cả hai chỉ được đánh giá và tin dùng như những giảng viên phụ, để dạy những môn không quan trọng trong chương trình. Bằng cấp của hai ông chỉ để trang trí cho ngành Đại học xã hội chủ nghĩa. Còn về môn lịch sử chủ nghĩa mác-xít thì đó là một môn chính trong tất cả các khoa và ở trường nào học sinh cũng phải học và thi môn ấy. Môn học “chủ nghĩa mác-xít” là môn có điểm loại, môn này mà bị dưới trung bình thì bài thi các môn khác sẽ không được chấm.

Lúc được biết sẽ chỉ được trao cho dạy phần lịch sử triết học phương Tây trước Marx, thì Thảo có hơi ảm ức. Vì tự hỏi trong ban giảng dạy, ai đã đọc kỹ Marx? Nhưng sau được ông Mai giải thích thực tại, Thảo mới ngộ ra là tư tưởng Marx chỉ xuất hiện mờ mờ, ảo ảo trong chủ nghĩa mác-xít. Nhờ vậy mà Thảo bình tâm và vui vẻ giảng dạy cái phần lịch sử triết học Tây phương dành cho mình. Trong giảng dạy, Thảo thường nhấn mạnh ở ngoài lề môn dạy, trong khi đứng giảng, để nêu một điều: từ trước kia với Platon hay Sócrate, rồi từ Descartes cho tới Husserl hay Hegei ngày nay, mỗi nhà tư tưởng ấy chỉ có một thời nổi bật như là rất hiện đại, nhưng do tư tưởng con người biến hoá theo hoàn cảnh lịch sử và xã hội, nên xuất hiện những nhà tư tưởng khác sinh ra sau, tư tưởng của họ phản ánh sát thực tại hơn, nên hiện đại hơn... Ý của Thảo là tạo cho người nghe một nếp suy nghĩ tìm hiểu về các hệ thống tư tưởng kinh điển với một tinh thần phê phán, tức là phải có thái độ phóng khoáng, không dừng lại để sùng bái một tư tưởng nào như là vĩnh viễn, là duy nhất đúng. Tư tưởng cũng phải biến hoá theo thời gian để nhường chỗ cho những tư tưởng sinh sản ra sau nó, mới mẻ hơn, hiện đại hơn vì phù hợp với nguyện vọng của con người hơn... Thảo muốn gây dựng một tầng lớp người trẻ có tư duy bớt giáo điều cởi mở hơn, tôn trọng sự chuyển biến, chứ không chấp nhận dậm chân tại chỗ như cố định, như thế cứ vùi đầu trong một ý thức hệ, để trốn tránh những sự thật phũ phàng đang chuyển biến không ngừng trước mắt. Đôi lúc Thảo phần khởi trước những câu hỏi của sinh viên... vì họ muốn hiểu sâu và xa hơn những gì vừa được giảng dạy! Có khi Thảo gợi ý, để thúc đẩy: Các, anh, các chị nên có sinh hoạt báo chí như tại các Đại học văn minh hiện đại trên thế giới; Các anh, các chị phải có một tờ báo riêng của sinh viên Đại học để nói lên khát vọng của mình... Chính từ những gợi ý tự nhiên ấy, mà một số sinh viên đã vùng lên với tờ Đất Mới! Nhưng vùng lên sao được... vì nó đã bị trấn áp ngay.

Thảo có biết đâu lối giảng dạy mở rộng tầm nhìn, nâng cao tầm tư duy như vậy đã thu hút sự chú ý của hai loại người không phải là sinh viên! Họ là một số văn nghệ sĩ trí thức đang khao khát có được tự do nghệ thuật của thời bình, không còn quá nhiều cấm kỵ của thời chiến, để nâng cao dân trí. Họ nghĩ: nay về Hà Nội là trở lại thời bình thì phải được sống thật với chính mình, được hưởng về một tương lai đẹp đẽ, được hưởng thứ tự do sáng tác mà mình mong ước! Một số họ đã đứng dậy, sau khi tự thấy đã bị kìm kẹp, trong thời bình, một cách quá “lính tráng”: như trong “đội ngũ văn nghệ quân đội” thời chiến.

Loại người thứ nhì thì nguy hiểm hơn: đó là mấy cán bộ của các ban, các cục tuyên huấn, các cục bảo vệ văn hoá tư tưởng”. Mấy ông “quan công an văn hoá” này trong thực tế là những ông cảnh sát chỉ rõ con đường một chiều của tư tưởng chính thống của... “đảng”. Mấy ông cảnh sát tư tưởng ấy không chấp nhận quyền phê phán đối với tư tưởng một chiều chính thống và duy nhất. Và các ông ấy không bao giờ quên những báo cáo, những hồ sơ đen và mặt về đối tượng Trần Đức Thảo, một kẻ bị đánh giá mơ hồ là “có vấn đề về mặt tư tưởng”, dù kẻ ấy đã cố tỏ rõ có lòng thành muốn về với cách mạng, muốn sống trong cách mạng để học tập! (Ấy là Thảo nói thế, nhưng “đảng” vẫn không tin!).

Trước một Hà Nội đang nhọc nhằn lột xác, tuy luôn luôn bị dẫn dắt bởi những tin đồn gian xảo, vu khống,

Thảo cố giữ thái độ bình tĩnh, khách quan, vô tư, cố tỏ ra có thành tâm để bảo vệ và bênh vực cách mạng. Rằng tất cả những gì khó coi, gây khó chịu, đôi khi ai cũng thấy đó là sai lầm... thì tất cả đều là do hoàn cảnh bất đắc dĩ và thiếu kinh nghiệm của cán bộ, chứ chúng không hề mảy may xuất phát từ tư tưởng cách mạng: Marx đã có nói hay viết như thế bao giờ đâu! Đấy chỉ là cái thói “bảo hoàng hơn vua” của những con người “hợm hĩnh, tham lam, tùy tiện” muốn làm cách mạng ưỡn ẹo và ngay lập tức! Bởi các hình thức kim kẹp, đàn áp ấy không phải là của một thế giới đại đồng! Thảo biết chắc, nếu cứ duy trì đầu óc giáo điều, thói quen tùy tiện, cứ tưởng mình có dư khả năng làm được bất cứ điều gì, trong bất cứ hoàn cảnh nào... thì cái ngày mai tươi đẹp ấy nó sẽ vẫn như ngày hôm nay. Nghĩa là nó sẽ cứ mò mẫm, rị mọ, rồi bời... mà không thể có gì mới, nghĩa là nó sẽ vẫn mù mờ, tăm tối, nguy hiểm. Những đầu óc kiêu ngạo thường phải gồng mình lên mà nói dối, để chống đỡ mọi phản biện có lý và sát với hiện thực. Nghĩa là tình hình sẽ vẫn lũng củng, luộm thuộm như cũ! Nhưng Thảo luôn luôn đưa ra kết luận để cho mọi người có được sự lạc quan và tin tưởng vào cách mạng. Vì trong lịch sử loài người, có một quy luật bất di bất dịch là với thời gian luôn luôn có sự đảo thái! Còn nhanh, hay chậm là do dân trí. Tư tưởng cách mạng rị mọ của con người hôm nay, sẽ lần lượt bị đảo thái bởi những tư tưởng cách mạng mới mẻ theo cách khác của ngày mai. Phải hi vọng thế mà sống.

- Những gì mà người ta thấy nó là vô lý, không muốn nó tồn tại thì rồi sớm hay muộn, nó cũng sẽ bị đảo thái mà thôi. Chỉ có cái gì được mọi người thành tâm chấp nhận thì mới là bền vững lâu dài. Vì cái đó được quần chúng coi là có lý.

Tuy nhiên, là một nhà triết học, Thảo rất bực mình trước những cán bộ muốn tự che giấu sai lầm và dốt nát bằng cách mở miệng ra là cứ thuộc lòng câu: “Marx đã nói... Lenin đã nói... Stalin đã nói... Thảo khuyên mọi người nên “lấy kinh nghiệm thực tiễn mà sửa chữa sai lầm, chấn chỉnh tổ chức, cải tiến chính sách”.

Thảo còn có một bí quyết làm cho giới Đại học, cả ban giáo sư, cũng như các sinh viên, phải quý trọng, coi Thảo như một cánh cửa mở ra thế giới bên ngoài: bởi Thảo thỉnh thoảng trưng ra cho họ thấy vài tờ báo Pháp, có hình ảnh thời sự như tờ Le Nouvel Observateur, tờ L'Humanité, tờ Le Monde hoặc là tập san Les Pensées Modemes, mà bên toà đại diện Pháp thường ưu tiên cho Thảo mượn. Vì giới ngoại giao nói tiếng Pháp ở Hà Nội biết Thảo là một trí thức đã một thời danh tiếng, nên thường ưu tiên cho Thảo mượn nhiều sách báo tiếng Pháp. Chính nhờ những tờ báo nước ngoài ấy mà giới trí thức Hà Nội lúc ấy, cũng như cả về sau này, có cơ hội đọc được, thấy được cả hình ảnh và những lời bình bàn của thế giới, về cái chết của Stalin, mà người cộng sản ở châu Á luôn coi như một vị thánh tổ vĩ đại của cách mạng, ngang hàng với Lenin.

Rồi là cả về sự chuyển mình của Đông Âu, từ Balan, cho tới Hungari, từ Varsovie, tới Budapest... Tất cả những thông tin của phương Tây ấy đều đã gây ra những tiếng vang dội âm ỉ trong đầu óc của giới trí thức ở Hà Nội, và rồi nó trở thành một thứ “tội lỗi” của Thảo vì là nơi phát xuất những thứ thông tin bị cấm!

Đối với dân Hà Nội cũ, cũng như với ông bố của Thảo, là người có xu hướng thường xuyên chê bai, buộc tội cách mạng, buộc tội cộng sản, Thảo luôn luôn bảo vệ cách mạng, bênh vực cộng sản với lập luận rằng có những việc làm, có những chính sách không hay, không đẹp đang diễn ra trước mắt, những cái đó nó chẳng có liên quan gì tới tư tưởng cách mạng hay cộng sản chút nào cả! Những cái đó không có gì là cộng sản cả! Người không biết, hay chỉ biết vớ vẩn về cách mạng và cộng sản, thì thường tưởng rằng đã là cách mạng hay cộng sản thì cứ nghĩ mọi sự đều là của chung. Kể cả cái riêng tư thậm kín nhất. Đây là một sự hiểu lầm rất ấu trĩ, rất tai hại, mà mấy ông cán bộ “cộng sản” i tờ cũng thường mắc phải!

Khi đưa cả một guồng máy cách mạng ồ ạt về tiếp thu Hà Nội cùng một lúc, thì đương nhiên là đã tạo ra một nhu cầu lớn về nhà ở. Mà Hà Nội làm sao có đủ nhà để cấp cho mỗi gia đình cách mạng một căn! Thế nên phải có lệnh cưỡng bách, trưng thu! Sự thiếu hụt ấy không phải là do tư tưởng cách mạng hay cộng sản gây ra, mà là do những người điều khiển guồng máy nhà nước cộng sản gây ra. Họ không biết rằng nếu mang cả guồng máy cách mạng về Hà Nội ngay một lần, thì đương nhiên sẽ không đủ chỗ ở cho tất cả các cán bộ. Nên họ quyết định chỉ tuần tự đưa về Hà Nội một thành phần tối thiểu để tiếp thu đúng các cơ sở của chính quyền cũ bỏ lại, thì đâu cần tới sự ồ ạt trưng thu cướp đoạt nhà cửa của dân! Sai lầm to lớn gây tai tiếng cho cách mạng là ở chỗ đó. Bởi nếu cứ giữ đại đa số guồng máy cách mạng ở ngoài bưng, cứ tạm để các cơ quan ở nhà tranh, nhà lá... ngoài bưng, chờ cho tới khi cách mạng xây dựng xong các cơ ngơi, cơ sở cần thiết rồi mới mang cơ sở nhân sự về... thì tốt đẹp và hợp lý biết bao. Mà nhân dân mền phục biết bao! Mà còn là tránh tạo ra cơ hội cho cán bộ nổi lòng tham lam, tranh giành, vơ vét và dễ bị hủ hoá thành tham nhũng!

Thảo cho rằng trong lịch sử cuộc Cách mạng Tháng Mười ở Nga, tuyệt đại đa số những vấp vấp, sai lầm và tội ác đã xảy ra không phải là do tư tưởng của Marx mà là do sự vụng về, ngu dốt và tùy tiện về mặt tổ chức và hành động của các cấp cán bộ, từ Stalin lãnh đạo trở xuống, cho tới các cán bộ thừa hành. Bây giờ tại Hà Nội đang lột xác này, ahững sai lầm ấy lại đang tái diễn y như vậy, nên đã gây tai tiếng cho cách mạng! Phải

đi sát nhân dân, hiểu rõ nỗi khổ và suy nghĩ của dân thì mới thấy là lý luận, lý thuyết và ngay cả ý thức hệ đều “có vấn đề”, có quá nhiều mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm.

Nhưng phía lãnh đạo thì vẫn tin tưởng và hứa hẹn rằng từ những bước nhọc nhằn, đau khổ ấy sẽ đưa tới ngày mai tươi sáng, sẽ dẫn tới thế giới đại đồng! Tất cả chỉ vì những người lãnh đạo cách mạng xưa và nay rất giỏi về đánh và phá, nhưng lại tỏ ra tồi tệ, lúng túng về dựng và xây! Vì là đang dựng và xây theo một mô hình chỉ thấy trong mơ ước chứ chưa hề thấy tận mắt bao giờ! Đứng ra là chỉ thấy trong tưởng tượng một cách đại khái, qua những chỉ đạo áp đặt của ban cố vấn Trung Quốc! Chính “bác Hồ” cũng đã căn dặn: phải tuân thủ sự chỉ đạo của ban cố vấn. Nay thì dựng và xây đang đặt ra nhiều vấn đề thật là chi tiết và thực tế. Đây là hành động mò mẫm theo một lý luận thiếu thực tế, nên nó trái với ước mơ, trái với điều mà mọi người mong chờ.

Thảo cổ thuyết phục ông bố:

- Bây giờ là cách mạng chiến thắng! Ba nên có chịu đựng, để tránh phải đối đầu căng thẳng.
- Ba không chịu đựng thì cũng chả biết làm gì! Ba buồn không phải vì mất nhà cửa vì có những người còn mất nhiều hơn, mất những cơ ngơi, tài sản lớn hơn gấp bội. Nhưng ba buồn vì thấy tương lai tăm tối của con. Ba buồn vì biết thành phố Hà Nội một thời đẹp như một bài thơ này từ nay sẽ mất, sẽ chết, chết vĩnh viễn! Ngày tháng trôi qua, Hà Nội càng trở nên chật hẹp: đường phố càng ngổn ngang, chen chúc, luộm thuộm. Những biệt thự xưa kia thoáng mát với những vườn có xanh tươi bao quanh, nay được cắt ra chia cho nhiều gia đình. Mỗi gia đình sử dụng một cách: kẻ cuốc lên trồng chút rau; kẻ quây phen cót làm nơi nuôi gà, nuôi lợn; kẻ che mái lá làm nhà bếp riêng!

Có những gia đình ở chung một căn nhà mấy tầng, họ không có vườn để được chia. Nhưng mỗi cửa sổ là một không gian có thể khai thác: họ dùng ván để khơi ra một thứ ban- công chùng nứa thược để đặt lên đó một vài chậu cây cảnh, cây ớt, nhưng cũng có khi là chậu nước hay chai lọ của nhà bếp. Mỗi biệt thự, mỗi căn nhà chứa đựng nhiều gia đình, nay nó bị biến hình, biến dạng thành méo mó, theo từng góc, nhưng về mặt tập thể nó y như là nhà vô chủ: không ai thấy có bồn phạn bảo trì, sửa chữa hay sơn phết lại khi đã quá cũ kỹ, mốc meo!

Nói chung thì cuộc sống vất vả ở Hà Nội, về mặt phố phường, nhà cửa và sinh hoạt, thì từ ngày cách mạng về, nó ngày càng xuống cấp! Con người vì càng ngày càng phải chen chúc, tranh giành nên ngày càng mất đi tính tình nhã nhặn, lịch sự, lương thiện. Con người Hà Nội ngày càng thiếu đi sự vui vẻ, yêu đời, càng vắng tiếng cười hồn nhiên. Dần dà con người Hà Nội hôm nay trở nên cục cằn, thô lỗ đến mức lưu manh, thô bạo, ăn nói đều cáng, khác xa với những ứng xử lịch sự, chân thật, chất phác của người Hà Nội xưa nào. Kẻ thiếu suy nghĩ thì đổ hết lỗi cho cộng sản! Sự thật đó là lỗi, là tội của một thiểu số cán bộ cộng sản cầm quyền, vừa tham lam, vừa ô mồm, vừa kiêu ngạo mà không hề có kinh nghiệm: họ muốn “cách mạng hoá” ngay, muốn có ngay tất cả các thứ “tiên tiến” cùng một lúc! Nhưng kết quả chỉ là cả một mớ tơ vò rắc rối, xấu xí gở ra không nổi, mà giải quyết cũng không xong!

Tình hình chung bên ngoài Hà Nội cũng không khá hơn. Vì sau chiến thắng Điện Biên, guồng máy cải cách ruộng đất lại tiếp tục chuyển động, để bước vào “đợt năm”! Nhưng việc triển khai không “dễ” như trước khi chiến thắng. Bởi bây giờ ở một số nơi, con cái một số địa chủ từng có công trong chiến thắng, từng mang thương tật trên người, nay nghe tin bố mẹ ở nhà bị đấu tố, những người con chiến thắng ấy đã phẫn nộ xách súng trở về liều mạng can thiệp!

- Thằng nào, con nào đã tố khổ, đã hạch tội, đã hành hạ bố mẹ tao tới chết?

Vài trường hợp súng đã nổ! Những kẻ từng hùng hổ tố oan, tố điều, tự biết tội tà trời của mình nên đã phải bỏ làng bỏ xã mà chạy! Và bọn chúng không được luật pháp bảo vệ! Trước những bước “cải cách” quá trớn, sự phẫn nộ có tính tập thể thành hình. Dư luận thì thắc mắc: một khi thanh toán hết các cán bộ có vấn đề lý lịch “thực dân, phong kiến” thì xã hội sẽ ra sao? “Đảng”, nhà nước sẽ ra sao? Một khi cách mạng ta tuân thủ rập theo khuôn mẫu của cách mạng Trung Quốc, thì Việt Nam sẽ ra sao? Không ai dám công khai trả lời những thắc mắc đó. Nhưng trong đầu thì ai cũng đã có những lời giải đáp rất rõ rệt!

Chỉ có Thảo là dám nói thẳng. Thảo bảo tình hình này là cánh tay phải đang cố tình chặt đứt cánh tay trái! Đó là nguy cơ những cán bộ cách mạng chủ chốt có vấn đề lý lịch, nay lo sẽ bị loại bỏ! Là nguy cơ bao nhiêu công lao đóng góp của thành phần không cộng sản, tức là của tuyệt đại đa số nhân dân, nay đang bị chối bỏ! “Đảng” làm như vậy là cướp công của nhân dân, là sẽ dần trở thành đưa con đẻ kiêu căng của “đảng” cộng sản Trung Quốc! Những “ông quan cách mạng” của các cục “bảo vệ” văn hoá, tư tưởng của “đảng” cũng không dám công khai phản bác và kết tội Thảo! Họ chỉ nói Thảo là một kẻ ngông cuồng, một tên khùng!

Nhưng họ cũng như dư luận lại thăm nghĩ tên khủng này rất nguy hiểm, vì những gì nó nói ra đều có lý! Cũng đáng lo ngại những gì nó cảnh báo. Và ai cũng ngầm cảm phục “tên khủng” ấy! Nhưng không ai dám bênh nó, tới gần nó, làm thân với nó! Vì sợ bị vạ lây.

Nhưng rồi từ đấy một huyền thoại bắt đầu thành hình. Trí thức, văn nghệ sĩ thích thú ngầm tìm gặp Thảo để nói chuyện, để được nghe những lời tiên tri của tên khủng! Thảo cũng thích thú được thủ vai trò của một tên khủng được kính nể, một thằng khủng hay nói thẳng vì không biết sợ! Nói khơi khơi những gì người khác nhìn thấy mà không dám nói ra! Bởi thế mà “thằng khủng” lại được mọi người thông cảm, nên nó cảm thấy bớt cô đơn! Vì sự thật là trong xã hội xã hội chủ nghĩa, vẫn còn có những người không hèn, vẫn còn giữ được tư duy độc lập.

Hồi ở chiến khu, để tỏ lòng trung thành với chế độ, Thảo ý tứ không bao giờ thổ lộ điều gì phê phán về chính sách với người bên ngoài “đảng” hoặc với những “đảng viên” cấp thừa hành. Thảo chỉ trình bày một cách xây dựng, từ tốn những gì là sai trái, xấu xa với vài cán bộ cấp cao, thân cận giới lãnh đạo mà thôi. Nay khác: Thảo liều lĩnh nói thẳng ra những trần trở với những ai muốn nghe. Thảo bỗng vui mừng trong lòng khi nhận thấy mình đang trong lúc đi tìm ra con đường dẫn tới những sự thật tốt đẹp mà loài người mơ ước, tức là tới chân- thiện- mỹ, tuy là thật khó. Vì đã có ai thấy được chân- thiện- mỹ bao giờ đâu!

Trước mắt mọi người, xã hội đang sinh hoạt theo một đường hướng toàn là mò mẫm, nhưng chính quyền lại cứ khẳng khái đó là những chính sách đúng, vì xuất phát từ những tư tưởng duy nhất đúng. Cái đúng ấy thật là vất vả để chứng minh, để bảo lưu, bảo vệ. Vì nó đầy mâu thuẫn trong lý luận. Vì nó làm mọi người khó sống. Lúc ấy, Thảo nhận ra là chính quyền đang rất lúng túng, nhưng cứ phải hô to và hứa hẹn. Còn chính mình thì cũng đang bị chao đảo, không biết vịn vào đâu để tin tưởng, không biết phải làm gì để thoát ra khỏi tâm tư bế tắc, trong đầu vẫn bị ám ảnh bởi những sai trái, tội ác của chính sách, cải cách ruộng đất, mà mình đang là một thứ đồng loã, theo đuôi!

Kể tới đó bác Thảo lắc đầu than:

- Lúc đó mọi người đều chỉ còn tin vào một phương cách sống, là phải biết xoay sở, phải biết tùy tiện chui lòn mà sống. Những sự khôn khéo, những mưu mẹo gian manh đã bóp méo những quy định, những luật lệ, để sống sót trong thời buổi đầy khó khăn hạn chế, cấm cản: chợ đen, chợ đỏ phát triển ra trò... Khẩu hiệu thực tiễn là “cái khó nó bó cái khôn”, phải mưu trí, lanh lợi, phải tháo vát, nghĩa là phải biết dối trá để mà... sống!

Nghe kể tới đó, tôi bèn hỏi:

- Sống khó khăn như thế thì chính quyền lúc đó có chao đảo không?

- Trong đầu ai cũng chao đảo, nhưng bố ai dám nói ra. Thật sự là lúc đó họ chỉ biết nhắm mắt sao chép nguyên bản những gì đang được thi hành ở Trung Quốc! Lúc đó những gì đã được làm ở Trung Quốc là nhất. Mà thực ra là ở Trung Quốc lúc đó cũng là thời kỳ trì trệ về kinh tế và xã hội. Mao rất lúng túng trước những bế tắc về mọi mặt nên đang ra sức thử nghiệm những mô hình kinh tế phải nói là ấu trĩ thô thiển mà cứ được tăng bốc lên là tiên tiến. Cái đầu của Mao lúc đó đang biến đổi từ thực tiễn đấu tranh, sang giai đoạn phát triển cách mạng hoang tưởng “đại nhảy vọt”, “hiện đại hoá”, “gang thép hoá” cả nước! Mao một mặt tìm cách củng cố địa vị, nghi ngờ và cảnh giác đối với mọi người xung quanh, kể cả với người mà chính Mao đã chuẩn bị cho kế vị mình là Lâm Bưu, nên đã tìm cách loại trừ chính tay chân của mình. Một mặt chuẩn bị kế hoạch nhảy vọt về kinh tế, lập chương trình nắm vững tư tưởng quần chúng bằng một cuộc cách mạng văn hoá... “Bọn trí thức luôn luôn là bọn bất mãn, đây là đối tượng trừng trị của cách mạng”, Sự thật là lúc ấy ở Trung Quốc đang tạo thêm những bước khủng bố tinh thần dân chúng để bước dần tới thời kỳ Mao mạt.

- Nhìn sang Trung Quốc tôi thấy tình hình bế tắc như vậy, thế mà “đảng” và nhà nước ta thì cứ nhắm mắt sao chép theo, nên tôi thật sự thất vọng, hoàn toàn thất vọng, nhưng vẫn không dám có phản ứng mạnh. Sùng bái một mẫu mực như thế thì thật là không còn lối thoát ra khỏi vũng lầy hận thù và chiến tranh. Trong tâm tư thất vọng từ chiến khu về, rồi lại thấy thêm sự bất lực của chính quyền trước một xã hội mới không no đủ và không ổn định, rất dối trá về mặt tư tưởng. Bởi đảng và nhà nước không biết, không dốc toàn lực ra kiến thiết đất nước, mà vẫn duy trì nỗ lực mở lại chiến tranh, vẫn lưu ngũ quá nhiều binh lính... Thế nên, chẳng thấy ấm no ở đâu cả, ngoại trừ tầng lớp cán bộ cấp cao, chỉ thấy “đảng” và nhà nước cứ kiêu căng tự đắc, vì quá tin tưởng vào kinh nghiệm và sự trợ giúp của cách mạng Trung Quốc, mà tôi biết rõ là nó cũng đang rất bế tắc. Chính đang trong tâm tư lo buồn như thế, mà một số anh em văn nghệ sĩ trẻ của cách mạng đã tìm tới tôi và đề nghị tôi giúp họ, bằng cách viết cho họ vài bài báo! Tôi đã mừng rỡ tưởng rằng lớp trẻ này sẽ là những người tiên phong mở đường cho đất nước thoát ra khỏi những bước mò mẫm bế tắc này. Nào ngờ họ

đã lôi tôi vào một cuộc phiêu lưu lớn, để rồi kết thúc một cách nhục nhã! Đó là vụ Trần Đức Thảo bị gán cho cái tội làm đầu não của cái gọi là bọn “Nhân Văn - Giai Phẩm”!

Chương 9

Phản biện là hướng nghiên cứu mới

Tình trạng bế tắc của xã hội lúc ấy, cho tới nay, chưa thấy nhà văn, nhà báo nào dám ghi lại trung thực và đầy đủ toàn cảnh vô cùng bi thảm của xã hội, của người dân đầy hoang mang, lo âu của thời ấy. Ngoài vài bài báo, bài thơ trong mấy số báo Nhân Văn hay Giai Phẩm đã đề cập, rất nhẹ nhàng, tới những trần trụi ấy, duy nhất chỉ có một nhà luật học là đã dám công khai điếm ra thật chính xác toàn cảnh bi thảm và đã chỉ ra thủ phạm gây ra tình trạng như vậy. Đó là luật sư Nguyễn Mạnh Tường. Ông đã can đảm nói lên sự thật, mà mọi người đều thấy một phần, - nhưng chẳng ai dám nói thẳng ra, trong một bài tham luận nổi tiếng, do ông đọc trước cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc ngày 10 tháng 10 năm 1956. Bác Thảo đưa cho chúng tôi xem bản văn bài ấy, rồi giải thích, nhấn mạnh từng đoạn của bài tham luận có nội dung buộc tội này.

Vi thái độ can đảm nói thẳng ra sự thật, dám nghiêm nghị quy trách nhiệm cho “đảng”, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã phải trả giá bằng gần bốn chục năm bị gạt ra sống đói khổ bên lề xã hội.

Rồi bác Thảo thờ dài nói:

- Sự thật là lúc ấy, ai cũng nghĩ hiện tại như thế thì tương lai chỉ có thể xấu đi chứ không thể sáng sủa lên được. Trong khi đó, ở thế giới bên ngoài, kể cả các nước vừa dành lại được độc lập ở quanh ta, các dân tộc ấy đều đã đạt những bước tiến bộ dài trong công cuộc phát triển đất nước họ sau đệ nhị thế chiến. Vì vậy mà trong lòng tôi rất bức dứt, buồn bực.
- Mãi sau này, tôi mới hiểu rằng lúc đó chính quyền cách mạng cũng biết rằng đang bị dân chúng coi rẻ, khinh thường, nên đang chuẩn bị một kế hoạch đại quy mô để đánh một đòn khủng bố vào cân não dân chúng nhằm tái lập uy quyền. Chính vì thế mà lúc đó chính quyền cho chuẩn bị tung ra cả một phong trào đấu tố nhóm người viết trong “Nhân Văn - Giai Phẩm” với tội danh âm mưu chống “đảng”. Mục tiêu là đánh “bọn văn nghệ sĩ bất mãn” mới về thành, đang muốn được tự do sáng tác, muốn đòi trả quyền quản lý văn nghệ lại cho văn nghệ sĩ. Sau vụ đấu tố nhóm nhà văn, nhà báo ấy, chính quyền còn tạo ra một đòn khủng bố tâm lý mạnh hơn với “vụ án gián điệp” mà nạn nhân là nhóm Thụy An, bà này cũng từng viết cho “Nhân Văn - Giai Phẩm”. Sự thật là lúc đó có gián điệp, gián điệp gì đâu! Mà cũng chẳng hề có phong trào nào chống “đảng”! Các tay viết báo lúc ấy chỉ xin đảng cởi mở cho văn nghệ sĩ được sáng tác thoải mái... hơn hồi chiến tranh. Nhưng họ bị quy chụp ngay cái tội “chống đảng”, để làm cho to chuyện. Bậy bạ nhất là vu oan cho Trần Đức Thảo cái tội làm lý thuyết gia, làm kẻ lãnh đạo “bọn Nhân Văn - Giai Phẩm”! Lúc ấy chính Thảo này cũng đang bơ vơ, chao đảo, không lãnh đạo được cả chính mình thì làm sao lãnh đạo được ai! Lúc mới được “về thành”, cả ngày phải nghe rĩ rả kể về công lao “chiến thắng”, nên Thảo này còn run sợ như con cáy, cố cầm nín, có dám cựa quậy gì đâu. Nhưng khi thấy mấy anh em viết văn can đảm đứng ra đòi “trả văn nghệ lại cho văn nghệ sĩ”, thì mừng quá. Cứ tưởng đây là cơ hội mấy anh em văn nghệ trẻ vận dụng trí tuệ, đòi cởi mở tự do dân chủ tối thiểu, nêu ra vấn đề nhân bản... để cải thiện cách mạng, cải thiện chế độ, cải thiện đảng, nên tôi hưởng ứng ngay. Vì nó đáp ứng đúng mong ước của tôi từ khi trở về quê hương... Nào ngờ chỉ mới góp hai bài báo là bị chụp ngay lên đầu tội tày trời là “cầm đầu âm mưu chống đảng.” Lúc ấy tôi tưởng rằng sắp bị lôi ra hành quyết tới nơi. Ha! Ha! Ha! Thật là kinh hoàng!

Bác Thảo lắc đầu mỉm cười tê tái, mắt ngấn lệ. Chúng tôi nhìn bác thấy thảm thương quá, không cười theo được! Bác Thảo lại tâm sự kể tiếp:

- Đang trong tâm trạng chán nản thì bỗng một mẩu tin từ bên ngoài lọt vào Hà Nội. Và may mắn cho tôi là nhờ đó mà tôi đã tìm lại được niềm tin, lấy lại được sức bật để vùng dậy: do một biến cố mà tôi cho là một mốc quan trọng nhất về mặt tư tưởng và chính trị trong phong trào cộng sản quốc tế. Đó là bài báo cáo mà Khrutchev đọc trong một buổi họp kín của đại hội thứ XX của đảng cộng sản Liên Xô! Lần đầu tiên, tại cái nôi của sự sùng bái lãnh đạo, người ta dám công khai gọi tội ác là... tội ác. Mà lại là tội ác của lãnh đạo! Nhưng đáng tiếc là Khrutchev chỉ ngưng ở sự tố giác, kể ra tội lỗi của Stalin, chứ không đi xa hơn về mặt lý luận để phân tích nguyên do, gốc gác và những hậu quả của những sai lầm ấy. Phải tìm hiểu tại sao Stalin đã có thể phạm tội ác như thế trong mấy chục năm mà không có ai, không có một cơ chế quyền lực nào ngăn cản, trừng phạt được ông ta? Thế nên đối với tôi, vấn đề cần đặt ra lúc ấy là phải phân tích rõ, về mặt tư tưởng, xem nguồn gốc sai lầm và tội ác ấy đã xuất phát từ đâu, vào lúc nào và do ai. Mà ai cũng biết Stalin đã là thần tượng của nhiều “đảng” cộng sản, đặc biệt là tại Trung Quốc và Việt Nam. Như vậy, khi phê phán, đả kích Stalin thì đương nhiên là đụng tới tư duy chính thống đang thống trị ở Trung Quốc và cả ở Việt Nam.

Mà ở Việt Nam thì tình hình đang rối bời. Giới văn nghệ, và trí thức đang muốn thoát ra khỏi chế độ quản lý

văn nghệ theo kiểu trại lính. Bởi những mệnh lệnh nghiêm khắc chỉ đạo văn nghệ trong thời chiến vẫn còn được duy trì nguyên vẹn trong thời bình. Lối quản lý ấy đã đẩy văn nghệ sĩ ra xa khỏi phía chân- thiện- mỹ. Thế nên, dù đã kinh qua một cuộc kháng chiến bi hùng, không một văn nghệ sĩ nào thai nghén ra được một tác phẩm nào lớn, có tầm vóc nhân bản cho văn học nghệ thuật!

Ngay tại Hà Nội, những cái đối nghịch với chân-thiện-mỹ thì đang hiển hiện rất rõ ra trước mắt. Sau này, nhà văn Nguyễn Khải đã phải thú nhận: “của thật mà phải gọt đẽo mãi thành của giả”! Trong khi những điều đối trá, độc ác, xấu xa, những hành động sùng bái, nịnh bợ, thì vẫn hoành hành, không chối cãi được trong xã hội. Những cái đó cứ bộc lộ tràn lan trong cuộc sống phũ phàng của hiện tại vấn đề là phải tìm hiểu xem cái gốc của mọi sai lầm ấy là ở đâu, nó bắt đầu từ lúc nào? Để trả lời cho câu hỏi này là đi tìm nguồn gốc của cái ác, cái xấu ấy từ trong những chính sách. Tìm ra được nguồn gốc của những điều thiếu sót, xấu xa ấy là tìm ra được con đường dẫn tới mặt thật của vấn đề. Đi tìm sự thật từ những sai lầm tội lỗi chẳng khác nào đi vào đường hầm trong đêm đen để tìm ra ánh sáng, thứ ánh sáng ấy sẽ dẫn tới lối thoát!

Trong lúc, cùng với người, với đời, đáng bước vào giai đoạn vất vả về vật chất, khủng hoảng về tinh thần, thì Thảo lại như thấy vui, vì đây là dịp may rất sống động trong môi trường cách mạng để trải nghiệm, để thấy tận mắt hướng vận hành, cách vận hành của cách mạng. Như vậy là công cuộc nghiên cứu thực tại, ngay ở hiện trường, đã có có mục tiêu rõ rệt! Đối với một nhà triết học, biết đặt vấn đề như thế là đã tìm ra phương hướng, thoát khỏi tình trạng bế tắc về mặt tư duy. Sự vui mừng ấy cũng giống như của một nhà toán học, khi đã đặt xong được phương trình, đã xác định ra những ẩn số! Giải phương trình ấy sẽ đưa tới đáp số là Sự Thật! Chung quanh ai cũng cau có, bực bội vì cuộc sống túng thiếu, Thảo lại thấy như đang gặp may, vì biết từ nay mình đã bắt đầu một hành trình mới, có mục tiêu rõ rệt, có phương hướng và phương pháp tư duy để đi tới. Mà là đi tới với một niềm tin mãnh liệt.

Thái độ không chú ý tới những khía cạnh nhỏ nhen, ti tiện của cuộc sống hiện tại, đã làm cho thiên hạ giễu Thảo lúc nào cũng ngờ ngợ, ngác ngác như mỉm cười trước cuộc đời... như thằng khùng! Họ không thể hiểu được rằng sau bao nhiêu năm học và dạy học môn triết ở Paris, vì cảm thấy sống làm việc như vậy thật sự là một trống rỗng, một bế tắc. Bởi nghiên cứu về xã hội chủ nghĩa chỉ qua sách vở mà không có dịp trải nghiệm trong thực tế thì cũng như không. Do đó mà Thảo đã nhất định phải trở về quê hương, nơi mà chiến tranh và cách mạng đang cuồng nhiệt diễn ra hàng ngày. Phải tìm ở đó một hướng đi cho mình, mà cũng là tìm một lối thoát cho triết học: phải kết hợp suy nghĩ với hành động, cách mạng với sự thật, tức là đưa triết học vào cuộc sống, vào cách mạng, để thấy rõ triết học phục vụ cuộc sống, phục vụ con người, để góp phần giải phóng con người, sống và suy nghĩ và biết mình đang làm gì và đang đi về đâu mới thật là đáng sống. Đây có thể chỉ là sự khao khát, là ước muốn, nhưng sống không khao khát, không ước muốn thì làm sao vươn tới những đỉnh cao của tư tưởng?

Sau nghĩ lại lúc học tập với cách mạng ở chiến khu thì Thảo thấy thật ra chỉ là đi theo đuôi, ủng hộ thời giờ, chứ chẳng làm được một việc gì có ích cho dân, cho nước cả! Mấy năm ấy, vì kỷ luật chiến tranh, ai cũng phải cúi đầu tuân thủ theo tư duy một chiều, để cố chứng tỏ lòng thành của mình với cách mạng, với “đảng”, để rồi cảm thấy sự bất lực của mình.

Ở vị trí đứng ngoài quyền lực, nên Thảo lại càng nhận thấy rõ những chuyển biến nhức nhối trong đầu óc dân chúng trong xã hội. Nay được ở một Hà Nội đang bị phải lột xác theo sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, tức là có cơ hội để quan sát, để thử nghiệm. Và đây là lần đầu tiên trong đời, Thảo đứng trước tình hình sự kiện cho phép khám phá ra xu thế mà xã hội đang tiến tới, nhất là xu thế ấy đang dẫn tới một thực tại đầy mâu thuẫn, một tương lai đen tối. Rồi càng sống sát với người dân, càng hiểu rõ những khát vọng, những ước mong thầm kín của họ, Thảo càng nhận ra rằng phải sống vì dân hơn là vì chủ nghĩa. Bởi dân chúng không dám bộc lộ nguyện vọng, còn chủ nghĩa đang gây ra bế tắc cho dân, đang làm khổ dân, tức là làm khổ con người, trái ngược hẳn với những hứa hẹn giải phóng của ý thức hệ mác xít. Mà người dân thì vẫn cứ phải cắn răng, cúi đầu cam chịu.

Đầu óc người dân lúc ấy thường xuyên bị ám ảnh bởi nỗi sợ bị quy cho một tội rất mơ hồ là tội “phản cách mạng”. Đồng thời họ bị khuất phục bởi guồng máy tuyên truyền tối ngày đề cao lãnh tụ và đảng “không bao giờ sai”, để rồi bắt buộc phải sùng bái lãnh tụ, sùng bái chủ nghĩa, sùng bái đảng. Sùng bái ấy là vì sợ, là phải chấp nhận điều ác. Sùng bái như thế là đẩy con người xuống hàng muông thú, vì nó làm con người mất tự chủ, mất tự do. Sự sùng bái vì sự sợ hãi là nguồn gốc sâu xa... đã dẫn dắt con người tới chủ nghĩa ngu tín (obscurantisme) và cuồng tín (fanatisme)... Từ đó, người dân bị sống trong cái vòng lẩn quẩn: vì ngu tín, vì

cuồng tín, nên mất hẳn tự do, nên ngã theo xu hướng sùng bái! Sùng bái cúi đầu trước sự hãi và tội ác là tự hạ mình thành dụng cụ, thành kẻ nô lệ của những tín điều hoang tưởng... tức là đã đẩy mình ra rất xa khỏi chân- thiện- mỹ! Con người ngu tín, cuồng tín như thế là con người có mắt như mù, có đầu mà mất lý trí. Con người như thế là đã bị nô lệ hoá chứ không phải là đã được giải phóng!

Để chứng minh rõ nguồn gốc sâu xa của cái sai, cái khổ xuất hiện trong đời sống con người, Thảo bắt đầu thể hiện trong trí tưởng một sơ đồ phát triển từ sự hình thành của ý thức: từ cử chỉ... rồi tới tiếng nói... rồi tới khả năng truyền thông, lý luận, để rồi đẩy mạnh lý luận qua thực tại, để bước tới một giai đoạn tư duy lúc thì theo hình thức, lúc thì theo biện chứng lúc thì thật sát với thực tế, lúc thì chỉ là không tưởng! Đây là bắt đầu bước có sai lầm trong phương pháp tư duy, rồi từ đó bước tới sai lầm trong chính sách trong hành động... Đây là cả một quá trình tư duy chưa thật vững, nên đã dẫn tới một phương pháp hành động tùy tiện và một phương hướng phiêu lưu, không tưởng chỉ vì thiếu nền tảng hiện thực!

Do thiếu phương tiện ghi chép, lưu trữ, việc phác hoạ lộ trình quá độ hình thành sai lầm trong tư duy ấy phải vận dụng tới đa trí nhớ. Suy nghĩ kỹ cho thật nhuần nhuyễn, thật ăn khớp với thực tại! Rồi phải vấn tắt ghi ra, viết lại, rồi thì phải đọc lại, suy nghĩ thêm, rồi lại sửa, lại ghi, lại viết, lại sửa tiếp... Vì thế mà Thảo rất bận rộn và thấy thời gian luôn luôn thiếu. Đi đâu, đứng đâu, lúc ngồi ăn, lúc phải nói chuyện với người khác, lúc đạp xe ngoài đường... nghĩa là lúc nào trong đầu Thảo cũng hiện diện thật song động một sơ đồ toàn cảnh của sự vận động hình thành con người qua những hoàn cảnh biến đổi của vũ trụ và của xã hội. Và cố phác hoạ những ứng dụng ý thức hệ trong cái đồ án toàn cảnh ấy vào xã hội của hôm qua, của hôm nay, để xây dựng một ngày mai tươi sáng, cái ngày mai mong đợi của “thế giới đại đồng” ấy, nhưng than ôi, không ngờ là thực tại lại không phải là cái mà mọi người mong đợi! Chưa bao giờ Thảo phải tập trung tư tưởng đến như vậy, để cố tìm hiểu tại sao những lý luận biện chứng rất chặt chẽ, đúng đắn, mà rồi chúng lại đưa tới những kết quả cụ thể xấu xa không ngờ! Chưa bao giờ Thảo bận tâm ghi chép như thế.

Đối với người ngoài, trong thực tế, lúc này là lúc hình thành quanh Thảo một huyền thoại về một con người khủng hết cỡ: không còn chú ý gì tới đời sống vất vả, tầm thường của mọi người và của chính mình! Lúc nào cũng cứ nhìn ra phía trước, như chỉ thấy những cái đang diễn ra thật sống động trong đầu chứ không trông thấy gì trước mắt! Lúc nào cũng cứ như ngơ ngơ, ngác ngác trước cuộc đời tầm thường. Bởi lúc nào cũng như đang bay bổng trên thượng tầng tư tưởng. Như một nhà thiên văn đang say mê quan sát những quỹ đạo của tư tưởng đang chuyển động không ngừng trong vũ trụ bao la bên trong bộ não, bên ngoài trái đất! Thảo hăm hở vận dụng khả năng, quan sát với tâm thức một nhà nghiên cứu đang làm việc trong một phòng thử nghiệm lớn, đang ở trước một hiện tượng tâm lý và xã hội rất phong phú, đa dạng, để chăm chú theo dõi những chuyển biến trong con người, trong xã hội, từ thời phong kiến, tư sản lạc hậu cũ, nay đang trên bước quá độ của một cuộc cách mạng vô sản của xã hội xã hội chủ nghĩa Mác- Lê hôm nay. Marx đã dựa trên hiện thực trước mắt để phê phán rất chính xác sự vận hành của hiện thực đó. Đây là lúc có thể trải nghiệm những quy luật phủ định của phủ định, phủ định bậc ba, bậc tư với những hiện tượng đang diễn ra, chứ không phải là theo lý luận suông trong sách vở. Phê phán dựa trên những diễn biến cụ thể này là rất đúng, không thể phản bác, chối cãi. Nhưng khi bước qua phần lý luận biện chứng để xây dựng cái hiện thực tốt đẹp cho tương lai thì Marx không còn dựa trên căn bản của hiện thực nữa. Vì cái xã hội đại đồng ấy chỉ là một mô hình không tưởng của mong ước, chưa hề có, chưa hề thấy trong hiện thực! Nhưng cái hiện thực trước mắt Thảo, ở Hà Nội hôm nay, sao mà nó độc đoán, luộm thuộm, tàn nhẫn quá. Những hiện tượng phũ phàng trước mắt này đòi hỏi phải dùng thực tại ấy để điều chỉnh phương pháp tư duy và lý luận, như chính Marx đã khuyên bảo. Muốn thu thập những dữ kiện của hiện thực khách quan, đầu óc phải được sắp đặt như một thư viện, chứa đựng từng nhóm hiện tượng của một xã hội mới đang hình thành với những khía cạnh tiêu cực và tích cực. Thảo muốn lập một sơ đồ mạch lạc của xã hội mới này, của mặt được và mặt chưa được. Đây là một phác thảo lớp lang của một cuốn sách vĩ đại, nó đã và đang chiếm lĩnh và ám ảnh trong đầu Thảo từ đó, cho tới tận đời...

Thảo muốn nghiên cứu những vấn đề có tính cơ bản của sự hình thành con người xã hội chủ nghĩa: một khi đã phát triển đầy đủ mọi khả năng, một khi đã có ý thức rõ rệt về quyền lợi và nghĩa vụ trong xã hội, thì khát vọng của nó lúc đó là thuộc về bản năng tư sản, hay bản năng vô sản? Đặt vấn đề như thế cũng là để tìm hiểu về mối tương quan giữa hữu sản với vô sản trong vận hành của cái sẽ trở thành trong xã hội mới: đâu là bước khởi đầu, đâu là bước kết thúc. Ở điểm tư duy này, cần phải vận dụng tất cả những yếu tố từ nhân chủng học, tâm lý học, rồi xã hội học, thiên nhiên học, môi trường, sinh thái học... qua các giai đoạn phát triển con người và xã hội, cho tới nay, để xác định con người nói chung, con người bền vững, con người đã được giải

phóng... thì nó sẽ có kích thước tư sản hay vô sản? Từ đó tìm lời giải đáp câu hỏi: giữa con người hữu sản và con người vô sản, con người nào là một thực thể bền vững về bản chất trong lịch sử? Có cần bắt buộc phải xoá bỏ con người tư sản trong công cuộc xây dựng một xã hội tiên tiến hay không? Mà có thể nào xoá bỏ hẳn khát vọng tư sản trong con người hay không? Có một hiện tượng đáng chú ý là trong cuộc sống càng thiếu thốn, thì con người càng nghĩ tới quyền lợi cá nhân, tới tư sản nhiều hơn là tới vô sản và quyền lợi tập thể. Bởi quyền lợi tập thể đã hạn chế, ức chế quyền sống cá thể. Mà ngân sách nhà nước xã hội chủ nghĩa dành cho phúc lợi của mỗi cá thể của công dân thì rất là hạn chế, hầu như không đáng kể. Trừ ra và trái lại, thì đã có một ưu tiên về mặt phúc lợi dành cho diện đảng viên, nhất là cho cấp lãnh đạo! Đảng viên trở thành một thứ giai cấp mới có nhiều đặc quyền, đặc lợi hơn nhân dân. Đảng vẫn có thái độ, dù là tạm thời, ngoảnh mặt đi trước những nỗi khổ cực của nhân dân, cho rằng nhân dân phải biết hi sinh, phải chấp nhận gian khổ... Từ đó nảy sinh một vấn đề mới. Phải chăng trước mắt đang hình thành một giai cấp đầy đặc quyền, đặc lợi, được ưu tiên hưởng thụ thành quả cách mạng, và một giai cấp có nghĩa vụ gánh vác mọi hi sinh? Thắc mắc này bỗng lóe lên như một sự thật không thể chối cãi, mà cho tới nay chưa ai dám nêu ra công khai: một giai cấp thống trị mới đang hình thành! Giai cấp ấy đang giữ độc quyền chính trị, trong khi, người dân trở thành giai cấp bị trị, không được ai che chở, không có cơ chế nào bảo vệ!

Vì vậy mà vấn đề cần phải nêu ra, cần phải cứu xét trong một xã hội xã hội chủ nghĩa là: liệu có thể xoá bỏ giai cấp? Liệu có thể tồn tại một xã hội không có giai cấp như mong muốn? Công trình nghiên cứu này phải được thực hiện một cách thật tính toán, khoa học, khách quan, chứ không thể làm theo một mục đích duy lý, nặng tính siêu hình, thuần duy ý chí, theo một đam mê, để cố chứng minh, để bảo vệ một học thuyết hay một ý thức hệ do một lý luận chủ quan, không tưởng và định kiến đã dựng lên! Sự tìm tòi như vậy sẽ là nội dung của một cuốn sách phác hoạ quá trình hình thành con người và xã hội trong lịch sử, từ thời thượng cổ tới thời xã hội chủ nghĩa ngày nay. Hướng nghiên cứu ấy dĩ nhiên sẽ tốn nhiều thời gian. Thế nên thời gian lúc nào Thảo cũng thấy quá thiếu, mà lại luôn bị chưng quanh quấy rầy, rình rập và cấm cản: người này chất vấn: tại sao cái kết quả này tồi tệ quá, cái kia lại xa với mục tiêu đã đề ra đến thế? Người khác lại trách móc: người trí thức mà lại im lặng, làm ngơ trước những hoàn cảnh bất công, áp bức vẫn đang tồn tại ngay trước mắt? Người cầm quyền thì đe dọa: nghiên cứu như thế là mưu tính bác bỏ tư duy chính thống của “đảng” là dự tính gây bạo loạn, là “âm mưu lật đổ chế độ”!

Nhưng rồi là những thắc mắc cụ thể, nảy sinh từ những tin tức lọt từ bên ngoài vào: Stalin đã chết, tội ác của Stalin lần đầu tiên bị vạch ra công khai. Và Đông Âu đang sôi động! Ba Lan bắt đầu nổi dậy! Budapest đã chuyển mình! Hồng quân Liên Xô đã phải nhảy vào can thiệp, đàn áp bằng vũ lực! Bây giờ phải dùng vũ lực, dùng bạo lực để bênh vực, chống đỡ cho lý thuyết, cho lý luận! Phải chăng đây là một thú nhận rõ ràng sự sai trái, sự thất bại của lý thuyết và lý luận?

Rồi nay ngay tại Hà Nội này, còn là những tin tức về những chuyện đấu tranh đòi tự do sáng tác đang xảy ra. Cánh văn nghệ sĩ trẻ bên quân đội đã cả gan dám đòi trả lại việc quản lý nghệ thuật lại cho văn nghệ sĩ, trả tự do sáng tác cho văn nghệ sĩ! Thêm vào bối cảnh khủng hoảng tư tưởng ấy là những tin tức về những người đã từng hăng hái tham gia kháng chiến lúc đầu, nay vì có bất đồng ý kiến về mặt ý thức hệ, nên đã bỏ đi. Những văn sĩ, nhạc sĩ, hoạ sĩ của kháng chiến, đã lục tục “rinh tê” tức là bỏ “khu” vào thành, rồi sau là di tản vào Nam... tức là từ bỏ cách mạng! Những tin tức như thế đã làm cho con người cách mạng trong Thảo càng thêm thao thức, trăn trở! Còn ta giờ đây phải làm gì trong một Hà Nội đã được giải phóng, nhưng đang gặp bế tắc vì rõ ràng là sau chiến thắng, con người thì không được giải phóng! Buồn và hoang mang tràn ngập tâm hồn.

Thảo tự nhủ: xã hội đang gặp khủng hoảng tư tưởng như thế, thì ta phải dũng cảm, bình tĩnh nhìn thẳng vào thực tại mà tìm hiểu, mà trải nghiệm để vượt qua giông bão đang làm lập trường ta chao đảo, không còn niềm tin... Ta phải kiên trì trong việc phân tích thấu đáo để tìm cho ra một tư duy cách mạng mới mẻ, có khả năng ra hoa đẹp, kết trái ngọt, chứ không phải là thứ hoa hôi, trái đắng như thế này! Và những gì mới phát hiện trong đầu, làm Thảo vững thêm một niềm tin mới, một niềm tin là mình đang trên đà tìm ra thủ phạm của thảm kịch thời đại... Nghĩ như vậy nên Thảo đã sống thanh thản trong hoàn cảnh mà người bên ngoài không thể hiểu, cứ tưởng như Thảo, đang bị khủng hoảng tâm thần, không biết có phải vì những thiếu thốn, áp bức, khổ cực đang đè nặng lên cuộc sống nên phát khùng như thế. Vì nhiều lúc lại thấy Thảo tươi cười như thằng khùng. Chỉ có khùng mới vui trong khổ hạnh vì túng đói, vì thất nghiệp, chỉ có khùng mới lảng xãng làm việc, viết lách, ghi chú y như đang bận rộn lắm như thế. Không ai có thể hiểu nỗi sự vui vẻ, say mê suy nghĩ miên man đang thầm lặng, hứng khởi lao mình vào công cuộc nghiên cứu của một nhà triết học trong hoàn cảnh

khao khát kết quả, khao khát sự thật như vậy, mà quên hẳn đời sống túng quẫn!

Người kháng chiến nay vào tiếp thu Hà Nội, chỉ nghĩ tới thành quả của chiến thắng. Thảo vào Hà Nội với tâm thức muốn chuộc lại thời gian đã mất vì lãng phí ở chiến khu Việt Bắc. Với tâm tư suy nghĩ như thế, Thảo dần dần rũ bỏ được nỗi buồn, có lúc tưởng như đi gần đến tuyệt vọng, để hằng hái tìm ra một nguồn cảm hứng, để xác định cho mình một nhiệm vụ rõ rệt: phải sống, phải nghiên cứu, và phải viết... để làm sáng tỏ nguồn gốc, chiều hướng vận hành của tư duy cách mạng trong hiện thực! Với ý nghĩ sôi sục trong đầu: trước mắt, Hà Nội đang là một phòng thử nghiệm về công cuộc đấu tranh giai cấp. Bởi giờ đây, cách mạng đã giải phóng Hà Nội, đã đánh tan thành trì tư bản, đã đánh gục giai cấp tư sản ở đây. Rồi sau đó sẽ ra sao? Lời giải đáp đang hình thành ngay tại thủ đô Hà Nội này. Đây là một hoàn cảnh mà có lẽ Marx mơ ước để có thể thử nghiệm rõ hơn cái lý thuyết đấu tranh giai cấp của mình, để xây dựng một mô hình cho một thế giới đại đồng sát với thực tại, chứ không còn chỉ là lý luận suông trong sách vở và trí tưởng tượng nữa! Càng quan sát nỗi khổ của dân, càng nhận thấy lý thuyết, lý luận đang “có vấn đề”!

Thảo tin rằng mình đã sẵn có môi trường hiện thực để nghiên cứu, để nghiệm sinh. Chắc chắn kết quả sẽ vô cùng phong phú... Dù cho những ngày sắp tới sẽ rất là gian khổ về mặt vật chất, mà chính Thảo cũng như nhiều người khác vẫn chưa thấy có lối thoát. Nhưng rồi lại lo ngại rằng những biên soạn, tìm tòi sẽ không để gì được công bố, được in ra để phổ biến, để lưu lại cho hậu thế những thử nghiệm đã thu thập được từ một Hà Nội trong giai đoạn nhọc nhằn thay da đổi thịt, để có thể trở thành cái nôi của một cuộc cách mạng lý tưởng của Việt Nam và rất có thể là của toàn thế giới!

Người ta bàn luận về tình hình thế sự với Thảo, để rồi phải nghe những lời diễn giải, góp ý không sát thực tế vì nó phát xuất từ một cái nhìn xa hơn, cao hơn, rộng hơn, sâu hơn: tất cả đều đã phát sinh từ gốc, tức là từ sự hình thành con người, cho tới sự hình thành xã hội, từ những quá khứ xa xôi, cả về chiến tranh và hoà bình, cả về cách mạng, cả về “đảng” và nhà nước, cả về cộng sản và tư bản, cả về vô sản và hữu sản... hết thấy đều có gốc gác từ quá trình tạo thành tư duy, lý luận... từ sức phân đấu vươn lên, tới thái độ cúi đầu sùng bái lý thuyết, chấp nhận nỗi khổ của hiện tại, cả tin vào cái sai trong quá khứ, trong hiện tại, của con người, của xã hội ngày nay...

Phải nhìn nhận những gì xuất hiện trong hiện tại, đều có gốc rễ từ quá khứ, y như những lớp đất đá lần lượt qua thời gian, kết tụ lại từng địa tầng, lớp nọ đè lên lớp kia. Cây có mọc trên mặt đất ấy, nhưng chính gốc rễ của nó đã hấp thụ những yếu tố, từ các tầng lớp bên dưới để tạo ra tất cả những gì hiển hiện trên mặt đất này, ở trong hiện tại này... Tất cả đều do chất liệu của một quá trình kết tụ, tích lũy từ dĩ vãng: hiện tại là một di sản sống động, là gánh nặng đang tác động do quá khứ để lại. Cái gì hiện hữu hôm qua thì hôm nay nó vẫn còn tác động. Cái gì hiện hữu hôm nay, thì rồi nó vẫn tác động ở tương lai, gần hay xa. Không có cái gì đã tác động tốt hay tác hại hôm qua mà sẽ mất hẳn đi trong hôm nay, không có cái gì đang tác động tốt hay xấu hôm nay mà sẽ hoàn toàn mất đi trong tương lai. Cứ y như trong hoá học: không có gì đã có mà rồi sẽ mất đi hoàn toàn. Nó sẽ xuất hiện dưới một dạng khác, thể khác, chứ không biến đi mà không để lại dấu vết. Không có cái gì không hề có hôm nay mà lại sẽ có trong tương lai: cỗ xuýt đấu tranh bằng hận thù, bạo lực hôm nay, thì rồi nó sẽ để ra hận thù và bạo lực trong tương lai. Và chính quy luật này cho biết, muốn xây dựng những điều công bằng, chân thật tốt đẹp của thế giới đại đồng trong tương lai, thì phải bắt đầu thực hiện những bước công bằng, chân thật tốt đẹp ấy ngay từ hiện tại bây giờ. Phải xử lý, thanh toán cho hết những di sản thù hận của quá khứ đang hiện diện, trong thực tại, để nó không còn tác động trong tương lai. Khung cảnh lý luận như thế là căn cứ trên một hiện tại sống động nghĩa là nó phải thanh toán, nó phải gột rửa mọi xấu xa để rồi nó sẽ còn tiếp tục sống động trong tương lai, như là cái gốc tốt đẹp, từ tế của tương lai ấy. Không có thứ lý luận biện chứng nào có thể chứng minh rằng một xã hội đầy đen tối, đầy dối trá, độc ác, quý quýệt, đầy hận thù, tranh chấp, đầy chia rẽ và tham nhũng, của hôm nay sẽ để ra một thế giới đại đồng chân thật, đoàn kết, thương yêu, tốt đẹp trong tương lai!

Mà có thật là những con người vô sản đang phấn đấu để vẫn còn là người vô sản trong tương lai? Hay nó đang phấn đấu để trở lại thành con người hữu sản? Phấn đấu để có một cái gì cho mình, hay để rồi không có gì cả cho riêng mình? Có những nhận định khắt khe cho rằng một số không ít đảng viên, chỉ vì muốn lo toan, củng cố các điều kiện sinh hoạt cho gia đình mà bị quy chụp cho tội “cách mạng biến chất”, chỉ biết lo cho riêng tư. Đây là một lối nhìn sai lệch cần phải chấn chỉnh. Vì đây là một thứ lý luận theo lô- gích hình thức của phái siêu hình, không nhận ra sự thật ở trong những cái thực tế rất tự nhiên trong vận hành cách mạng của con người... Lối nhìn ấy thật sự không phải là lối nhìn biện chứng. Thực ra là họ vẫn luẩn quẩn trong một

số lý luận siêu hình mà không biết. Nhìn thấy khía cạnh lệch lạc trong lý luận này, Thảo vui mừng vì biết mình đã tiến thêm một bước tới gần tung tích của thủ phạm đã đưa cách mạng tới những sai lầm cơ bản. Tung tích ấy là sự thiếu vắng của thực tế hiện tại trong lý luận. Nhưng vẫn chưa thấy thật rõ được thủ phạm là gì, là ai! Và khi tôi thành thực và khiêm tốn tiết lộ, chia sẻ khám phá mới này với một số trí thức có trình độ thật sự mà tôi kính nể, thì họ đều gật đầu tiếp nhận như là một phương pháp tư duy mới mẻ, có căn bản lý luận vững, đáng được khai triển cho sâu rộng hơn. Điều đó đáng được công bố để một nhà tư tưởng góp ý và đánh giá. Nhưng làm sao công bố, làm sao có thể khách quan đánh giá một tư tưởng mới trong hoàn cảnh bị tư duy chính thống “duy nhất đúng” chi phối, có chăng là chỉ khi nào thoát được ra bên... ngoài! Mà lúc này đi ra nước ngoài đối với bác Thảo là một vấn đề vô kế khả thi, không dễ giải quyết về nhiều mặt...

- - - - -